

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Tòa Thánh Tây Ninh

DIỄN VĂN & THUYẾT ĐẠO
ĐỨC HỘ PHÁP

Mậu Thìn - Canh Thìn
(1928 - 1940)

Đạo lịch 77 - Nhâm Ngọ

MỤC LỤC

Những bài
DIỄN VĂN & THUYẾT ĐẠO

của **Đức Phạm Hộ Pháp**
từ năm Mậu Thìn (1928)
đến năm Canh Thìn (1940)



Đức Hộ Pháp
PHẠM CÔNG TẮC

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Tòa Thánh Tây Ninh

DIỄN VĂN & THUYẾT ĐẠO
ĐỨC HỘ PHÁP

Mậu Thìn - Canh Thìn
(1928 - 1940)

Đạo lịch 77 – Nhâm Ngọ

1. Ngày 14 - 2 - Mậu Thìn (dl 5 - 3 - 1928).

Diễn văn của **ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC** đọc tại Tòa Thánh Tây Ninh.

Thưa cùng chư Chức sắc Thiên phong Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài.

Nay nhơn dịp nhóm Đại Hội, em xin vô lễ bày giải sơ lược ra đây những đạo lý mà em đã thọ giáo nơi Đấng Chí Tôn cho mấy anh mấy chị tưởng lăm, tưởng cũng không phải là một điều không bổ ích vậy.

Nhiều huyền vi mầu nhiệm trong Đạo của Đấng Chí Tôn đã lập ra đều ẩn núp trong mấy bài thi của Thầy dạy dỗ, song vì nghĩa sâu xa bí mật, chúng ta không thấu đáo đặng, kỳ dư một đôi điều vì trùng nhằm trách nhậm của em, Thánh ý muốn em trọn phận sự nên giáng bút chỉ giáo.

Lẽ thì em phải giải rõ những điều em học hỏi ra sớm mới phải, ngặt nỗi Thánh ý chưa định nên khiến cho em đi hành đạo Kim Biên trên 7 tháng mà ra trễ nãi.

Bắt đầu hết, em xin giải nghĩa Hội Thánh là gì ?

Hội Thánh là gì ?

Trong bài phú của Thầy cho bà cụ di mẫu của chị Phối Sư Hương Thanh có câu :

“Thầy dùng lương sanh mà cứu vớt quần sanh”

Hội Thánh tức là đám lương sanh của Thầy tom

góp lại làm một. Cả lương sanh ấy, Thầy đã dùng quyền thiêng liêng dạy dỗ, trước un đúc nơi lòng một khiếu từ bi cho tâm địa có mảy mún tình ái vật ưu sanh theo Thánh đức háo sanh của Thầy, dùng làm lợi khí phạm tục để độ rồi người phạm tục.

Những lương sanh ấy phải thế nào hội hiệp lại nhau làm một, mà làm ra một xác thân phạm của Thầy thì Thầy mới có hình thể trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này, hầu tránh cho khỏi phải hạ trần như mấy kỳ trước vậy.

Thầy mới dùng huyền diệu cơ bút dạy dỗ mỗi người đặng tỏ ra rõ ràng có quả nhiên Thầy trước mắt, để đức tin vào lòng mỗi lương sanh ấy rằng Thầy thật là Chí Tôn, Chúa Tể càn khôn thế giới, cầm cân công bình thiêng liêng thưởng phạt, quyết đoán rằng chính mình Thầy đủ quyền bảo hộ con cái của Thầy, dầu đương sanh tiền hay buổi chung qui cũng có Thầy trước mắt, công thưởng tội trừng, tu thì thành, dữ thì đọa, chỉ rõ Niết Bàn Địa ngục đôi đàng, đặng dẫn bước đường đời không lầm lạc.

Hứa rằng : lập ngôi nơi Bạch Ngọc Kinh, khai đường vào Cực Lạc Thế Giới và đóng chặt cửa Phong Đô đặng độ tận chúng sanh, vớt 92 ức nguyên nhân trở về cực vị.

Các lời hứa ấy, nếu chẳng phải Thầy thì chưa một vị Phật nào dám gọi mình đủ quyền mà làm đặng.

Cả lương sanh Thầy lựa chọn so sánh quyền Chí Tôn của Thầy và cân lời hứa ấy mà nhìn quả thật là Thầy, để đức tin mạnh mẽ mà trông cậy nơi Thầy.

Cái đức tin ấy nó tràn khắp trong nhơn sanh mà gây ra một khối lớn, tủa khắp cả hoàn cầu, sửa đời cải dữ. Cải dữ đặng thì phải tu, tu thì phải thành, mà nếu cơ thành chánh quả chẳng để trước mắt người thì khó mà làm cho nhơn sanh mến yêu mùi Đạo, nên buộc Thầy phải lập chánh thể, xây nền Đạo tại đời cho cả chúng sanh đều nhìn nhận vì có hiển nhiên đặng giục lòng tu niệm.

Đạo là gì ?

Là cơ mầu nhiệm, mà cơ mầu nhiệm ấy phải làm ra thế nào có hình thể như một con đường dẫn người ra khỏi chốn trầm luân khổ hải, lại đặng phước siêu phàm nhập Thánh.

Muốn thoát khỏi luân hồi phải làm sao ?

Phải đoạt cho đặng cơ bí mật siêu phàm nhập Thánh. Cơ bí mật ấy, nếu không phải Thầy cho thì chưa ắt xin ai mà đặng.

Ấy vậy, Đạo là cơ bí mật làm cho kẻ phàm có thể đoạt đặng phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy đến qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi để cho chúng sanh hiểu cơ mầu nhiệm mà luyện tinh thần.

Thầy đã đến rồi, thoảng muốn lập riêng ra một tôn giáo khác lại chẳng đặng sao ? lại qui Tam Giáo và hiệp Ngũ Chi mà làm gì ?

Nếu như kẻ ngoại giáo nói mình bắt chước đoạt cả đạo của người ta mà làm của mình thì mới nói sao ? Ai ai cũng hiểu rằng : Nhơn đạo dạy tu luyện phần xác, Tiên đạo phần trí thức tinh thần, Phật đạo phần thiêng liêng hư vô tịch diệt.

Qui Tam Giáo là gì ?

Em xin giải quyết vì có nào mà qui Tam Giáo trước đã, lại luận đủ hình thể và tinh thần cho trọn vẹn.

* Về hình thể :

Ai sanh ra dưới thế này cũng phải giữ đủ tôn chỉ của ba đạo : Nhơn đạo, Tiên đạo và Phật đạo mới làm đặng hoàn toàn phận sự con người.

Tỉ như Nhơn đạo thì dạy mình vẹn giữ Tam cương Ngũ thường, mới biết bốn phận mình đối với xã hội nhơn quần thế nào cho nhơn loại cộng hưởng hòa bình, chẳng nghịch lẫn nhau, không tiêu diệt lẫn nhau mà phải trái hẳn với đức háo sanh của Thượng Đế.

Muốn cho nhơn loại đặng lòng hữu ái mà kính mến lẫn nhau thì Tiên đạo lại dạy ta phải lão luyện tinh thần cho đặng thông minh trí hóa, hầu kiếm phương giúp đỡ binh vực lẫn nhau. Nơi địa cầu 68 này là nơi luyện cảnh (monde expiatoire), chúng ta chẳng những bị ma hồn quỷ xác cám dỗ mà thôi, mà chúng ta lại còn bị thiên tai mộc ách, chúng ta chẳng những phải đối địch cùng sự hung bạo của đời mà thôi, mà ta lại còn phải đối địch cùng các nghiệt bịnh của trời hành xác nữa.

Ôi ! Vì vậy mà nhiều bậc văn tài trí sĩ bên Âu Tây cắm cúi cả đời tìm kiếm một phương hay mà sửa đời đặng binh vực nhơn sanh khỏi điều tận diệt. Trí não phải tháo luyện đến đổi nhiều vị đoạt đặng cơ bí mật của Trời mà làm ra một khoa học, có nhiều phương hay và quá trí khôn của người, nên ta coi các Đấng ấy như là *Địa Tiên* cũng phải.

Khi chúng ta đã dựng đủ khôn ngoan chiếm đoạt cơ bí mật của Trời mà lập ra các cơ khí, nếu không có Phật giáo dạy ta giữ dạ từ bi mà cứu độ nhơn sanh thì cái học thức khôn ngoan ấy nó trở lại hại nhơn sanh hơn nữa.

Cái lý hữu nhơn hữu quả, em xin để mấy anh mấy chị thẩm nghĩ. Em chỉ tưởng lòng bác ái từ tâm thì buộc người phải có, bằng chẳng vậy thì dầu cho toàn xã hội đều công chánh mà có một kẻ bất lương vụ ngã lộn vào thì cũng đủ làm cho xã hội trở nên rối loạn. Biểu sao chúng ta không thấy dưới mắt chúng ta đời chẳng khác nào một buổi chợ mơi : khôn ngoan thì dựng hơn, thiệt thà thì bị ép.

Người biết Đạo người thì là trọng mình, mà trọng mình thì phải giữ tinh thần cho tinh tấn. Tinh thần tinh tấn mới đủ tư cách dạy đời làm lành lánh dữ. Ấy là Tam Giáo qui nhưt.

Nếu trong một xã hội mà mỗi người dựng vậy thì xã hội dựng hưởng phước hạnh thái bình, còn ước như các xã hội trên mặt địa cầu này đều dựng vậy thì đời mới nào ? Cái hạnh phước của toàn nhơn loại trên địa cầu 68 này có ngày dựng vậy chẳng ?

Coi lại tôn chỉ của Đạo thì anh em ta có lòng dám tin chắc rằng sẽ dựng điều hạnh phước ấy không sai.

* Về thiêng liêng :

Trước không có chi trong càn khôn thế giới là vô vi. Thoạt nhiên, hai lần không khí chẳng biết gốc nơi đâu, kêu là *Hư Vô Chi Khí* đụng nhau mới có chơn linh của Thầy và ngôi của Thầy là *Thái Cực*.

Trái lửa Thái Cực là cơ của hữu hình, vâng lệnh Thầy mà phân ra **Lưỡng Nghi, Tứ Tượng**, và biến **Bát Quái**, nhứt nhứt có trật tự : Ấy là cơ Nhơn đạo. Rồi sanh ra vùn vùn muôn muôn **Địa cầu** cùng khắp trong càn khôn thế giới và 72 trái Địa cầu có nhơn loại ở : Ấy là phép biến hóa của Tiên đạo.

Khi chia mình ra mà lập càn khôn thế giới rồi thì khối lửa Thái Cực của Thầy đã tiêu mất trở lại vô vi, tức là cơ mầu nhiệm của Phật đạo đó vậy.

Bát Quái biến hóa vô cùng mà lập ra các Địa cầu trong càn khôn thế giới và vạn vật mà chúng ta thấy đặng dưới mắt rõ ràng đây.

Ấy là một cuộc hữu hình, mà trọn cuộc hữu hình này dường như vâng mạng lệnh của một quyền hành Thầy rất lớn, không xâm phạm lẫn nhau mà phải hại. Cơ mầu nhiệm Nhơn đạo rõ ràng đó vậy.

Mỗi trái Địa cầu có nhơn loại, tức là có chơn linh ở, hằng ngày tô điểm sửa sang làm cho nó đặng đẹp. Hễ Địa cầu đẹp thì tinh thần của các chơn linh phải tấn hóa thêm cao đến ngày cực điểm văn minh. Ấy là cơ mầu nhiệm của Tiên đạo.

Chừng Địa cầu đặng toàn hảo, các chơn linh đặng cực điểm văn minh rồi, dầu hưởng đặng lâu hay mau thì rồi phải bị tiêu diệt. Ấy là cơ mầu nhiệm của Phật đạo.

Người lúc chưa vào thai bào thì là hư vô, khí Âm Dương tương hiệp biến thai ra nhơn hình, tới lúc sanh ra cho đến khi trưởng thành là cơ mầu nhiệm của Nhơn đạo.

Khi đã trưởng thành lại học tập tu luyện tinh thần cho trí hóa trở nên khôn ngoan, là cơ mẫu nhiệm của Tiên đạo.

Khi già rồi chết, thi hài bị tiêu diệt là cơ mẫu nhiệm của Phật đạo.

Luận qua hiệp Ngũ Chi (theo hình thể) :

Ngũ Chi là : Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo.

Cả toàn địa cầu này, hễ làm người thì có *Nhơn đạo* nơi mình rồi, mà mình nong nả làm ra người hữu dụng cho đời, tức nhiên mình đã hơn người, ấy là *Thần đạo* đó vậy.

Hễ hữu dụng cho đời, tức là mình hơn đời, gọi là quán thế, tức nhiên mình làm *Thánh đạo* đó vậy.

Mình hơn đời là nhờ cái khiếu thông minh nó hứng sự thông suốt của đời dạy mình cho nhiều, rồi lại biến hóa ra thêm, trí hóa phù hợp với cơ huyền vi mẫu nhiệm của Trời Đất. Nếu đoạt dạng cơ mẫu nhiệm ấy mà làm của mình, rồi lại truyền bá cho cả nhơn loại học hiểu cái biết của mình mà thật hành ra sự hữu ích cho đời, tức là mình làm *Tiên đạo* đó vậy.

Biết đời rồi biết mình, rồi biết đến tinh thần mình là chủ thể của mình, mình biết dạng tinh thần mình rồi, hễ nhờ nó mà nhơn phẩm mình dạng cao bao nhiêu thì lại càng yêu thương lại nó bấy nhiêu, nên buộc phải lo cho nó dạng thanh tịnh nghỉ ngơi đôi lúc mà đợi ngày thoát xác, tức là làm *Phật đạo* đó vậy.

Với các Nguyên nhân thì Ngũ Chi tử như một cái thang 5 nấc, bắc cho mình leo lên một địa vị ngang bực cùng Thầy, tức là Phật đó vậy.

Chưa ai nhảy một nhảy mà lên cho tới một tầng lầu 5 thước bề cao, mà như ai đã để sẵn một cái thang 5 nấc, mình có thể lần hồi mà leo lên đặng.

Thầy hiệp Ngũ Chi đặng làm một trường học năm lớp cho mình tu luyện, chẳng khác một trường học phạm kia vậy, lần lần bước đến đặng đoạt thủ địa vị của mình. Hễ ngồi đặng phẩm nào thì địa vị mình nơi ấy, chẳng ai còn tranh giành ngược ngạo không nhìn nhận cho đặng.

Mình là người tức là có sẵn Nhơn phẩm, mình mới luyện Nhơn hồn theo gương của chư Thần mà chúng ta thờ phụng đó, thì tức nhiên cũng đoạt đặng đức tánh của chư Thần mà làm Thần vị của mình.

Đặng Thần vị rồi, lại xem gương của các Thánh mà tu luyện Thần hồn mình cho đặng Thánh đức, tức nhiên cũng đoạt đặng Thánh vị vậy.

Đặng Thánh vị rồi, cũng luyện Thánh hồn mình theo tánh đức của chư Tiên mà đoạt cho đặng Tiên vị.

Khi biết mình đã vững nơi Tiên vị rồi thì mình cũng cứ đào luyện Tiên hồn theo gương chư Phật mà gắm ghé vào Phật vị.

Thoảng như có kẻ hỏi : Thần, Thánh, Tiên, Phật xa cách với người như Trời với đất, khác nhau kể tục người thanh, thì thế nào người phạm mà mong mỗi leo lên phẩm vị ấy cho xứng đáng ?

Ta lại đáp như vậy : Dầu cho hạnh Hóa nhân đi nữa thì là :

- Những Vật chất hồn có một điểm Thảo mộc hồn như bông đá (Éponge) đó vậy.

- Thảo mộc có một điểm Thú hồn như cây mắc cở (Sensitive).

- Thú hồn có một điểm Nhơn hồn như loài cầm điểu thì là : kút, quạ, cưỡng, nhồng; như tẩu thú thì là : chó, ngựa, khỉ; như ngư thì là cá ông đó vậy.

- Nhơn hồn có Thần hồn, đã đành chẳng cần phải giải.

- Thần hồn có Thánh hồn, Thánh hồn có Tiên hồn, Tiên hồn có Phật hồn.

Ấy vậy, nơi mình chúng ta đã có sẵn một điểm Thần, Thánh, Tiên, Phật hồn. Nếu ta biết làm cho chơn hồn tăng tiến lên hoài cho tới phẩm vị Tiên Phật thì phải tập luyện tu hành và đặc kỳ truyền mới đặng.

Muốn tu ắt phải có Đạo, vì vậy nên Thầy mới lập Đạo.

Đạo thì hữu hình, nếu có kẻ hỏi : Đạo vốn vô vi mà lấy hữu hình lập thành thì thế nào đặc đạo vô vi cho đặng ?

Ta lại đáp rằng : Không hữu hình, vô vi cũng khó có; mà chẳng có vô vi thì hữu hình vốn không bền vững, tử như hồn với xác ta đây vậy. Không hồn thì xác phải tiêu diệt, mà có xác không hồn cũng không cơ khí mà lập thành nên đạo người vẹn vẻ. Hai đàng phải tương hiệp nhau mới đặng hoàn toàn.

Ấy vậy, có vô vi ắt có hữu hình.

Chánh pháp và Hội Thánh là hữu hình, mà hữu hình ấy nó phù hợp với luật lệ Thiên điều và đối chiếu với Cửu Thiên Khai Hóa. Luật đạo ấy là Thiên điều, còn Hội Thánh là chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế đó vậy.

Sao lại dám sánh Luật đạo của chúng ta hội nhau lập thành với Thiên điều ?

Thầy đã dạy rằng : Từ khi có Thầy, rồi dựng nên càn khôn thế giới, hóa sanh nhưn loại thì Thầy chưa hề biết hành phạt chúng ta bao giờ, vì lòng quá yêu nên Thầy không nỡ nào hành phạt.

Thầy lại nói : Dầu Thiên điều thì cũng do nơi chư Thần, Thánh, Tiên, Phật hội lập để định tội của nhau hầu gìn giữ lẫn nhau đó thôi, chớ Thầy chưa hề biết đến. Mà hễ lập rồi dâng cho Thầy thì chính mình Thầy cũng không quyền sửa cải.

Như Tân Luật ngày nọ thì Lý Giáo Tông hội cùng chư Thánh mà lập thành, chớ Thầy chưa hề biết đến, chỉ ngày nào đã dâng lên cho Thầy thì nó thành Thiên luật mà thôi.

Hễ Thiên luật thì phải vô tư, tử như Thiên điều, dầu cho chính mình Thầy là Chí Tôn cũng chẳng vị tình. Bởi có ấy mà *khi lập Pháp Chánh Truyền, Thầy không lập Hiệp Thiên Đài một lượt với Cửu Trùng Đài, e cho cả Chức sắc Hiệp Thiên Đài ra ngoài luật. Thầy lại để cho các Chức sắc ấy dự hội lập luật cùng chư Chức sắc Cửu Trùng Đài thì phạm thân của họ cũng phải dưới quyền luật lệ như mọi người vậy.*

Hội Thánh hiệp nhau lập Tân Luật cũng như cả Thập nhị Khai Thiên lập luật.

Thập nhị Khai Thiên lập luật giao lại cho Thầy, còn Hội Thánh lập Luật cũng giao lại cho Thầy.

Vậy thì Tân Luật với Thiên điều cũng đồng giá trị.

Dầu Hộ Pháp phạm luật cũng bị đòi đến Tòa Tam Giáo bên Cửu Trùng Đài thì Thiên phẩm mình dường như không có, kể như một người Đạo hữu kia vậy.

Còn Giáo Tông nếu phạm tội cũng phải bị đòi đến Tòa Hiệp Thiên Đài thì cũng chẳng khác một người tín đồ kia vậy.

Hội Thánh hiệp nhau lập Luật đạo thì cũng như chư Thần, Thánh, Tiên, Phật hội lập Thiên điều.

Vậy thì Hội Thánh và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng đồng một thể.

Luôn dịp, em cũng xin bày giải cách sắp đặt Hội Thánh của Thầy lập ra nơi thế này ra sao mà dám đối hàm cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật ?

Hội Thánh chia ra làm 3 phần, hiệp cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cùng Người, cho hiệp cơ mưu nhiệm chánh trị của càn khôn thế giới thì mới ra lẽ Đạo đặng.

① **Bát Quái Đài** là tòa ngự của cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật mà Thầy làm chủ.

② **Cửu Trùng Đài** là tòa ngự của chư Chức sắc Thiên phong, đối hàm với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế, mà Giáo Tông chưởng quản.

③ **Hiệp Thiên Đài** là nơi chuyên về Đạo pháp, bảo hộ luật Trời và luật Đạo, như Ngọc Hư Cung nắm Thiên điều, tức là Ngọc Hư Cung tại thế mà Hộ Pháp chưởng quản.

HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiệp Thiên Đài (HTĐ) là cửa Trời đó vậy. Hiệp là chung với, Thiên là Trời : Hiệp cùng Trời tức là cửa vào Trời, là cái thang bắc cho phàm đến cùng Trời.

Trong Hiệp Thiên Đài có : Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Thập nhị Thời Quân.

** Thập nhị Thời Quân là ai ?*

Thập nhị Thời Quân đối với *Thập nhị Thời Thân*. Các chơn linh, dầu đến bực nào cũng phải tại nơi ấy mà xuất hiện, như Thầy nắm trọn Thập nhị Thời Thân vào tay rồi mới khai Thiên lập Địa.

Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần.

Các chơn linh dầu nguyên nhân hay hóa nhân, hễ chịu hữu sanh thì đều nơi tay Thập nhị Thời Quân mà siêu đọa, cũng như Thần, Thánh, Tiên, Phật nhờ Thập nhị Thời Thân mà thăng giáng.

Thập nhị Thời Quân tức là Thập nhị Thời Thân tại thế đó vậy.

Thập nhị Thời Quân chia làm ba chi : Pháp, Đạo, Thế : 4 vị về Pháp, 4 vị về Đạo, 4 vị về Thế.

** Thượng Sanh là gì ?*

Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, cầm thú hữu sanh, nhưn loại hữu sanh tức là chúng sanh.

Trong chúng sanh có nguyên sanh và hóa sanh.

Nguyên sanh là gốc từ khai Thiên đã có.

Hóa sanh là khai Thiên rồi mới biến hóa ra.

Tỉ như Nguyên nhân là khi khai Thiên rồi thì đã có các chơn linh ấy. Còn Hóa nhân là chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị hơn loại.

Trong các kiếp hữu sanh, duy có phẩm người là cao hơn hết, nên gọi là Thượng Sanh.

Lập Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy đem các chơn linh, dầu nguyên sanh hay hóa sanh lên phẩm vị hơn loại mới trọn nghĩa câu phổ độ.

Chơn linh các Nguyên nhân bị đọa trần hay là của Hóa nhân thăng cấp đều nhờ Thượng Sanh độ rỗi. Ấy là Thế độ, nên Thượng Sanh làm chủ của Thế đạo, nắm Thế luật nơi tay mà dìu dắt cả chúng sanh vào đường Đạo. Ai làm cho cản bước đường tu của thế gian thì Thượng Sanh đặng quyền kiện cùng Tòa Thánh. Chư Chức sắc phạm luật làm cho chúng sanh phải xa lánh Đạo thì người có quyền xin trị tội tức thì. Ấy là chủ phòng Cáo Luật.

Dưới quyền người có bốn vị Thời Quân : Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế và Tiếp Thế.

*** Thượng Phẩm là gì ?**

Hễ bước chơn vào cửa Đạo thì là có Thiên phẩm, mà hễ có phẩm rồi thì Thầy lại đem lên cho tới Thượng Phẩm mới trọn câu phổ độ.

Các chơn linh nguyên nhân hay hóa nhân, nhờ Thượng Phẩm gìn giữ bình vực cho ngôi đặng an ổn địa vị của mình, giúp đỡ cho đức hạnh trở thêm cao, khỏi phạm nhằm luật lệ, xem sóc ngôi thứ chẳng cho

giành giật lẫn nhau, giữ cho Cửu Trùng Đài đặng hòa nhã êm đềm, khép cửa Thiên môn, cấm đường chẳng cho các chơn linh thối bước.

Phẩm trật nhờ người mà đặng thăng lên hay là bị người mà phải hạ. Người nắm luật Đạo nơi tay mà binh vực cả chư Chức sắc Thiên phong và các tín đồ chẳng cho ai phạm luật, vừa lo cho người đạo hạnh lên tột phẩm vị của mình. Thượng Phẩm làm chủ phòng Cãi Luật, làm trạng sư của tín đồ.

Dưới quyền người có bốn vị Thời Quân là : Bảo Đạo, Hiến Đạo, Khai Đạo và Tiếp Đạo.

*** Hộ Pháp là gì ?**

Huyền vi mầu nhiệm của Đạo có Bí pháp, cũng như Đời có luật pháp. Hộ Pháp là người nắm cơ mầu nhiệm của Đạo, nắm luật của Đời, xử đoán chư Chức sắc Thiên phong và cả tín đồ, cùng là xin ban thưởng, công thưởng tội trừng của Đạo nơi thế này.

Hễ có phạm tội mới khởi Thiên trị, phải chiếu luật Đạo cho toàn cả tín đồ khởi bị Thiên điều, giữ phẩm vị thiêng liêng mỗi Chức sắc, ắt phải gìn giữ đạo đức của mỗi người. Dùng hình phạm làm cho giảm tội thiêng liêng. Nắm cơ mầu nhiệm công bình mà đưa các chơn hồn vào Bát Quái Đài, hiệp cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Người nắm trọn cả luật Đạo và luật đời vào tay đặng xử đoán, làm chủ phòng Xử đoán. *(Khi nào Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài xử đoán rồi mà bị cáo còn uất ức thì mới kêu nài đến Hiệp Thiên Đài).*

Dưới quyền người có bốn vị Thời Quân là : Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp và Tiếp Pháp.

Hiệp Thiên Đài là hình trạng của Ngọc Hư Cung tại thế. Ấy là cửa mở cho các chơn linh vào đặng đi đến Tam thập lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh, là nơi chúng ta hội hiệp cùng Thầy, hay là chỗ ải địa đầu ngăn cản các chơn linh chẳng cho xông phạm đến đường Tiên nẻo Phật.

Lòng từ bi của Thầy để cho có kẻ rước là Thượng Sanh, người đưa là Thượng Phẩm và người dẫn nẻo mở đường cứu độ là Hộ Pháp, đặng đem cả con cái của Thầy về giao lại cho Thầy, kéo Thầy hằng ngày trông đợi.

Còn luận theo hình chất thì HTĐ là một cái tòa lựa chọn người lương sanh đem vào hiệp làm một với Cửu Trùng Đài, lập vị cho cả tín đồ, phân xác phù hạp với phần thiêng liêng, un đúc giữ gìn cho các lương sanh ấy nhờ cựa phẩm mình, hầu buổi chung qui, Hộ Pháp mở cửa Bát Quái Đài đem tên tuổi ấy vào thờ cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, cho xứng phận. Hễ Đạo còn ất tên tuổi cũng còn, cái cơ đặc đạo tại thế cũng do nơi đó vậy.

CỬU TRÙNG ĐÀI

Cửu Trùng Đài là hình trạng của Cửu Thiên Khai Hóa, lại hiệp với Cửu phẩm Thần Tiên. Để chơn vào Đạo tức là vào các địa vị ấy.

Cửu phẩm Thần Tiên cầm quyền trị thế thì Cửu Trùng Đài cũng cầm quyền chánh trị của Đạo nơi tay, cứu độ nhơn sanh, dìu dắt lấy nhau trở lại cùng Thầy.

Cái Tòa Tam Giáo Thầy lập nơi CTĐ là quyền

hành thưởng phạt Thầy ban cho Cửu phẩm Thần Tiên hành chánh, điều đình trọn cả càn khôn thế giới đó.

Lập Pháp Chánh Truyền đã tỏ đủ quyền hành của Chức sắc Thiên phong.

Em xin kể sơ qua cử vị của nó phù hợp với Cửu Thiên làm sao :

❶ **Thân vị :**

- Người không đạo mà mộ đạo, lại giữ dạng vẹn vẻ đạo người, hữu căn hữu kiếp, có thể đắc vị đối với *Địa Thân*.

- Kẻ tín đồ biết Đạo và giữ Đạo đối với *Nhơn Thân*.

- Lễ Sanh đối với *Thiên Thân*.

❷ **Thánh vị :**

- Giáo Hữu đối với *Địa Thánh*.

- Giáo Sư đối với *Nhơn Thánh*.

- Phối Sư đối với *Thiên Thánh*.

❸ **Tiên vị :**

- Đầu Sư đối với *Địa Tiên*.

- Chương Pháp đối với *Nhơn Tiên*.

- Giáo Tông đối với *Thiên Tiên*.

Em chỉ nói các Chức sắc đối hàm mà thôi, chớ còn chiếu y như Thánh ngôn thì Thầy nói Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ này thì Thầy lựa chọn : ***nhứt Phật, tam Tiên, tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền, tam thiên Đồ đệ***, là Thầy nói Thầy đến hiệp các Đấng mà Thầy đã sai đến trước lại làm một mà làm hình thể của Thầy hầu mở Tam Kỳ Phổ Độ. Ấy là Cửu Trùng Đài.

Còn ***nhứt Phật, nhị Tiên, thập nhị Thánh*** tại Hiệp Thiên Đài thì là các Đấng hầu hạ bên Thầy lúc trước, nay tuy xuống thế cũng cứ giữ phận hầu Thầy mà thôi.

Em đã chỉ rõ một đường các chơn linh đối hàm, một đường các chơn linh xuống thế, mà mở Đạo.

Biết bao nhiêu bậc Thánh Hiền ấy còn lẫn lộn theo hàng tín đồ, Thầy đương dạy dỗ un đúc đặng ngày kia ra gánh vác cho xứng đáng phận sự của mình.

Còn **Tam Trám Oai Nghiêm**, Thầy lập đặng thay mặt cho Thầy nơi Cửu Trùng Đài cầm quyền chánh trị, là Phật đó vậy.

Cửu Trùng Đài phù hạ với Cửu Trùng Thiên thì dầu cho cả chơn linh trong càn khôn thế giới cũng phải vào nơi đó đoạt cho đặng các *phẩm vị giả trạng* ấy, mới mong lập Thiên vị mình.

Chẳng vào cửa Đạo hiệp cùng Cửu Trùng Đài thì chẳng đi đường nào mà vào Cửu Trùng Thiên cho đặng.

BÁT QUÁI ĐÀI

Bát Quái Đài là nơi để thờ phượng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và chư tín đồ, chư Chức sắc Thiên phong qui vị, mới trọn phép Trời Người hiệp một.

Cái cơ mầu nhiệm của Thầy chỉ mở cửa Bát Quái Đài đặng đem các chơn linh đã leo lên tội phẩm Cửu Trùng Đài đem cho hiệp một cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Cái phẩm chót của Cửu Trùng Đài chỉ cách Bát Quái Đài có một cái cửa. *Vậy Niết Bàn cách phàm tục có một xác thân.* Cái cửa Niết Bàn ấy mở đặng thì cơ đắc đạo tại thế cũng khai ra đặng.

Em xin kết luận :

- Hiệp Thiên Đài là Thiên môn mở ra, có kẻ mời người đưa rước, kêu cả nguyên sanh trở lại cứu vị mình, đặng hiệp làm một cùng Thầy, hay là mời cả hóa sanh đến đối diện, tranh đoạt phẩm vị đến ngang bực cùng Thầy. Ấy là cái ngõ hiệp các chơn hồn toàn trong thế giới.

- Cửu Trùng Đài là ngôi vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, Thầy sấm sấn tại thế. Nó là cái không khí biểu (baromètre) để chỉ trước Thiên vị của mình.

- Bát Quái Đài là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Thảm thay, phần nhiều anh em chúng ta chẳng biết trọng phẩm vị của mình, lại còn làm ô uế nền Đạo thì mới đắc tội cùng Thiên đình thế nào ?

Cái màn bí mật của Đạo đã mở trọn rồi, Thầy dạy ráng mở mắt đặng xem mà mình cứ nhắm mắt không muốn ngó đến thì làm sao thoát cho đặng cửa luân hồi.

Đạo vốn là Đạo, mình thâm phục đặng chúng sanh chỉ nhờ Đạo. Mà có Đạo phải có Đức, có Đức phải có Hạnh, hoàn toàn Đức Hạnh mới phải mặt cầm mối Đạo của Thầy, nhưng xét kỹ lại thì anh em chúng ta thiếu kém đức hạnh rất nhiều.

Chúng ta hằng bị Đức Giáo Tông chê rằng, Thầy quá thương mà lựa chọn chớ chẳng xứng đáng một chút nào.

Mỗi phen em nhớ đến lời nói là mỗi lần em thẹn thường cho mảnh xác thịt này chẳng đủ trí lực mà làm phận sự. Ráng cho lắm bất quá cũng như lửa đôm đóm lúc ban đêm, chớ đâu đáng mặt đèn soi mà dẫn đường người đạo đức.

Bởi vậy em hằng nghĩ rằng : Hễ Thầy thương thì anh em chúng ta phải gắng trau giồi đạo đức đặng thêm nhiều, phẩm càng trọng thì hạnh kia gìn chặt chĩa. Bấy nhiêu đó, họa may đền đáp ơn thương tưởng của Thầy trong muôn một, chớ cái cơ thoát tục siêu phàm đâu mong vọng tưởng, chỉ nhờ lòng từ bi của Thầy định sao chịu vậy.

Chúng ta nên trông cậy nơi Thầy, thờ phụng Thầy cho hết lòng hết sức, hằng ngày tạ ơn Thầy.

Em đã thấy có một hình phạt sẵn dành cho anh em mình, vậy chúng ta nên đồng lòng ăn năn sám hối, họa may có thoát khỏi đặng chăng ?

* * * * *

2.

BÀI DIỄN VĂN của ĐỨC HỘ PHÁP*(In sau quyển Pháp Chánh Truyền Chú Giải)*

Chư hiền huynh và chư hiền tỷ,

Ai là người đã mang mảnh xác thịt ở trong vòng võ trụ này, cũng nhìn rằng đã thọ ân của hai Đấng Tạo Công :

- *Đấng thứ nhất là Trời*, ban cho ta một điểm linh tâm, chúng ta nhờ nương theo nó mà khôn ngoan hơn vạn vật, hầu thay thế cho Trời mà trau giồi cơ hữu hình của đời cho ra tận thiện tận mỹ; chung qui rồi thì cả sự hay khéo của cá nhân lại hiệp cộng vào khối trí thức tinh thần của toàn nhơn loại, đặng lưu lại làm chương trình học vấn cho hậu tấn, lập nên phương thế cho kẻ trước dắt người sau, người sau nương kẻ trước. Lẽ Trời định vậy.

Chúng ta nhờ tìm mà hay, nhờ học mà hiểu, đào luyện trí lực đặng nối chí của tiền nhân. Trước qua sau tới, nong nả cho trí lực tăng tiến thêm hoài tưởng khi đến ngày tận thế thì có lẽ nhơn loại sẽ đạt đặng biết bao sự bí mật huyền vi cơ tạo.

Ấy là cơ chỉ rõ và chứng chắc rằng, quả có Đấng Chí Linh đưa tay thúc giục cả vạn loại vào đường tấn hóa trí thức tinh thần.

- *Đấng thứ nhì là cha mẹ chúng ta*, ban cho ta mảnh hình hài này, nhờ nuôi mới sống, nhờ dạy mới khôn, chịu nơi vòng hữu định của trí lực và phận sự

làm người, nặng mang mối đạo “Quân, Sư, Phụ” nơi mình, Tam tạng Ngũ thường vai oằn oại. Cái khó khăn của phận làm người, ai không ghê sợ, ngật ghê sợ mà vong phước, lại chẳng trọn đạo làm người.

Hại nổi, cái khó của đời lại còn gây thêm lăm điều tâm khổ. Đời càng khó, phận càng gay; đời càng hay càng sanh nổi khó. Nếu chúng ta không khảo duyệt tận tâm cái vấn đề của cơ sanh hoạt chúng ta mà quyết định lấy một chương trình hầu nương theo mà điều độ các hành vi thân thể thì tránh sao cho khỏi hại bởi lạc lăm vì vụng trí.

Cái chương trình ấy là những cơ chỉ sanh ra bởi các tư tưởng của cả tôn giáo đã lập thành nền Đạo.

Chữ Đạo là đường đặt ra bởi đó, đặng dìu dắt nhơn sanh khỏi bước đời gây trở, cốt yếu là lập mục đích, định chuẩn thàng cho kẻ trước hiệp người sau, kẻ kim hòa người cổ, tóm cả trí lự của nhơn loại, đặng làm ngọn huệ quang soi rọi khắp nhơn gian, mượn cả sự tội tình sâu thẳm của thế mà tạo Bát Nhã thuyền, đặng vớt người nơi khổ hải.

Phật vì thương đời mà tìm cơ *giải khổ*,
 Tiên vì thương đời mà bày cơ *thoát khổ*,
 Thánh vì thương đời mà dạy cơ *thọ khổ*,
 Thần vì thương đời mà lập cơ *thắng khổ*,
 Hiền vì thương đời mà đặt cơ *tùng khổ*.

Chữ khổ là đề mục của khoa học trường đời, phẩm vị Hiền, Thần, Thánh, Tiên, Phật là ngôi vị của trang đặc cử.

Hễ có vay thì có trả, có thì ắt có chung, có gây

tự nhiên có lập (Toute cause a son effet).

Trong trường hỗn độn này, đã sanh biết bao oan nghiệt tội tình, làm cho các đấng linh hồn dầu cho còn giữ nguyên linh, biết tự trọng, tự bảo mình đi nữa, vì trước nhiệm, cũng khó mong thoát dạng dễ dàng khỏi cửa luân hồi chuyển kiếp.

Đã tấn ất có thối, đã dở phải tìm hay, đã tà thì tìm chánh, đã dữ ất tìm lành (La loi des réparations), mỗi cuộc tranh đua đã gây biết bao oan gia trái chủ, buộc các Đấng thiêng liêng dầu cho dạng cao thắng, biết dưỡng chí tu tâm đi nữa cũng bởi lân tuất thương sanh mà phải phế hủy kiếp duyên, chịu đọa đày nơi trần tục.

Cái cơ tấn hóa thiêng liêng vẫn thế, chẳng khác nào như có một quyền hành mạnh mẽ buộc các đấng linh hồn phải thuận tùng mà lập thành địa vị, đẳng cấp cho đến ngang bậc cùng Trời, dầu cho Cổ Phật cũng khó toan tránh khỏi.

Có hữu hình thì chắc có vô vi, công bình tạo đoan đã định tại thế này thế nào thì trên cõi Hư linh cũng vậy, chẳng khác nào đã có mặt luật nhiệm mầu giục cả nhơn sanh tự tỉnh, lấy trí thức mà lánh dữ tìm lành, theo gương chư Hiền, Thần, Thánh, Tiên, Phật, dầu cho Đức Chí Tôn cũng phải chiếu theo phép mà tạo thời cải thế.

Phép của Trời có một là thương khắp cả chúng sanh, nên định cho phẩm vị hữu hình và thiêng liêng có một, nghĩa là phải tương đắc cùng nhau dạng định quyết phép công bình lành thắng dữ đọa.

Máy tạo bởi chữ HÒA mà có thì thế giới càn khôn cũng phải *hòa* mới vĩnh cửu, Địa cầu này cũng phải *hòa* mới toàn bảo, Nhơn loại cũng phải *hòa* mới trường tồn, chẳng khác nào xác thịt phải *hòa* thuận cùng linh hồn mới mong đạt đạo.

Lấy lớn mà định nhỏ, xem nhỏ mà tìm lớn, thì hài này nhờ hòa khí mà thành hình thì linh hồn cũng phải tùng theo phép Âm Dương hòa hiệp mới qui hồi cự bản. Linh hồn bởi chữ hòa khí mới có đến thì tức nhiên phải nương theo hòa khí mới có về.

Tuy pháp bửu của các tôn giáo đã đoạt dạng vẫn nhiều chớ cơ mầu nhiệm chỉ có một chữ Hòa là đủ.

Thân thể cho mạnh mẽ tinh vi, đừng để sa đà vào lục dục thì là thuận cùng trí lự khôn ngoan.

Khí lực cho cường thịnh thanh bai, đừng để đến đổi mê muội bởi thất tình thì trí lự khôn ngoan thuận theo linh tâm mà nảy nở.

Linh tâm phải định tĩnh từ hòa, đừng để đến đổi mờ ám bởi tội tình thì thuận với lòng Trời, hiển linh tại thế, dạng đoạt phép huyền vi.

Thân là Tinh, Lực là Khí, Trí là Thần.

Nói rõ ra thì : Tinh là thân thể, Khí là điển lực, nghĩa là trí lự, Thần là linh hồn. Ba cái báu của mình, ngày nào tương đắc nghĩa là hòa hiệp cùng nhau thì người mới mong đắc đạo.

Cơ Đạo của Chí Tôn đến lập buổi Hạ nguơn Tam Kỳ Phổ Độ này duy lấy một chữ HÒA làm tôn chỉ.

Có Hòa mới có hiệp, có hiệp mới có thương, mà sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam thập lục Thiên,

Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh, y như lời Chí Tôn đã dạy, chỉ nghĩa là phải từ bi bác ái mới đắc đạo vô vi, phải hòa hiệp mới có cơ qui nhưt.

Chí Tôn đã định khai Đạo đặng thị chứng cho các tôn giáo biết nhìn nhau trong đường hành thiện, trừ tuyệt cái hại tranh đấu thù hiềm, làm cho thế giới đặng hòa bình, thoát cơ tận diệt.

Thế đạo của Chí Tôn cũng phải nương theo chữ Hòa mới toan thành lập. Chí Tôn định thành Hội Thánh, đặng thay thế hình thể của Người thì cũng tùng theo phép Tạo hóa cá nhân mà gây nên ảnh tượng :

- *Cửu Trùng Đài là thi hài, ấy là TINH.*
- *Hiệp Thiên Đài là chơn thân, ấy là KHÍ.*
- *Bát Quái Đài là linh hồn, ấy là THẦN.*

Nếu cả ba mà không tương hiệp thì khó mong thành đạo cho đặng.

Nếu có một quyền hành nào tại thế này mà làm cho thân thể Chí Tôn phải chia phui manh mún ra đặng thì là Đạo ta là giả Đạo, tất nó phải bị tiêu diệt trong một lúc ngắn ngủi chi đây.

Còn như quả là Chí Tôn vì thương yêu con cái của Người, chính mình Người đến lập Đạo đặng giải thoát cho chúng sanh thì những mưu chước của tà quyền ngăn cản bước Đạo của Thầy khó mong nghịch mạng với Đức Chí Tôn, ắt là không mong bền vững.

Hại thay cho những người vô phần toan phân pháỉ chia phe, làm cho xác Chí Tôn phải tan tành rời rã.

Khổ thay cho những kẻ không duyên, chối Thánh giáo, nghịch chơn truyền, làm cho chơn thân

của Chí Tôn phải ô uế đê hèn, muốn toan bỏ xác.

Dau đớn thay cho những người ấy ! Thê thảm thay cho những kẻ ấy ! Dám cả gan để tay vào mà tàn hại Chí Tôn. Cái tội tình ấy lớn lao bao nả !

Coi gương lại, Juda bán Đức Chúa Jésus Christ còn nhẹ, vì Juda ham 30 ngươn bạc đặng nuôi môn đệ của người mà bán người, còn những kẻ này đây, duy háo danh mà phản Đạo.

Chí Tôn đã đến thế, hạ mình đặng làm Thầy dạy dỗ chúng ta, hằng trông mong giờ nào chúng ta biết hòa hiệp nơi lòng bác ái từ tâm của Người là hiệp làm một cùng Người, mới có đủ quyền hành độ tận chúng sanh qui hồi cựu vị; mà đã 6 năm chầy rồi, thân thể hỡi còn rời rã ngắt ngợ, chơn thần hỡi còn dật dờ mê muội thì thế nào các Đấng thiêng liêng hiệp một cùng đời cho đặng, hầu mong sửa cải Thiên thơ, tụ hội các nguyên nhân đem vào cửa Đạo.

Vì Năm Đạo phân chia làm cho nhờn tâm bất nhứt, nhờn loại nghịch lẫn nhau. Chí Tôn đến đặng hiệp lại làm một nhà, ước cho con cái của Người biết thương yêu hòa thuận.

Bần đạo xin để cho những tay rối loạn gây thù nghị lại coi phải mình là người thương Thầy mến Đạo hay chẳng cho biết ?

Khi khai Thánh giáo bên Thái Tây, thì Chí Tôn đã nói trước rằng : “ *Còn nhiều chuông chiền, Người sẽ đến đem về làm một.* ”

Lời tuyên ngôn ấy nghĩa là còn nhiều Đạo đương nuôi nấng un đúc tinh thần của con cái Chí Tôn

đặng chờ ngày Người đến hiệp chung lại một. Lời ấy ngày nay đã quả.

Các chuồng chiên thiêng liêng của Chí Tôn là :

Phật Đạo : thì có Bà La Môn (Brahmanisme), Thích Ca Mâu Ni (Cakya Mouni), Pythagore giáo.

Tiên Đạo : thì là Lão Tử giáo, Dương Châu, Mặc Dịch, Vạn Pháp, Bàn môn, cho tới thầy pháp thầy phù, bóng chàng, đồng cốt vv. . .

Thánh Đạo : thì là Thiên Chúa giáo (Christianisme), Gia Tô (Catholicisme), Tin Lành (Protestantisme), Hồi giáo (Mahométisme).

Thần Đạo : thì là Trung hoa Phong Thần, Hy Lạp Phong Thần, và Ai Cập Phong Thần (Mythologie Chinoise, Grecque, et Égyptienne).

Nhơn Đạo : thì Socrate, Esope, Platon, vv. . . ở Hy Lạp, Khổng Phu Tử (Confucianisme), Mạnh Tử (Mencius), Nhị Trình, vv. . . chung cộng cùng cả Hồn phong, Đường thi, Tấn tục tại Trung hoa từ trước.

Trước khi đến khai Đạo đặng hội hiệp các tôn giáo lại làm một, thì Người đã sai các Đấng thiêng liêng cao trọng hạ trần mà bày ra các Hội giáo đạo đức đặng thức tỉnh trước nhơn sanh, như là :

- *Khảo cứu Thiên đạo giáo* (Société théosophique) [nay gọi là Hội Thông Thiên học]

- *Khảo cứu Triết lý Phật Đạo* (Société des recherches sur la philosophie Bouddhique).

- *Thần kinh và Tâm lý triết học* (Société Psychique).

- *Thần Linh Học* (Le Spiritisme) , vv. . .

Có nhiều Hội giáo đã lập thành có trót trăm năm trước khi mở Đạo, dựng dạy lần cho vạn quốc rõ thấu Chánh truyền.

Ngày nay Thầy mới đến lập một cái *Cao Đài*, nghĩa là *Đền thờ cao hay là Đức tin lớn* tại thế này (La haute église ou la plus grande foi du monde) làm nên nền Đạo, lại mượn một sắc dân hèn hạ nhỏ nhít của hướng Á Đông là An-Nam ta dựng cho trọn lời tiên tri “*Đạo xuất ư Đông*” và cho trúng Thánh ý chiêu lụy hạ mình của Thầy, lập thành Hội Thánh làm hình thể thiêng liêng của Thầy, hầu cầm cho dựng dùi trống Lôi Âm, giục giọng truy hồn, nắm cho chặt chày chuông Bạch Ngọc, dựng trở hơi định tánh, làm cho cả con cái của Thầy thức tỉnh, nhìn Thầy mà trở về quê cũ.

Tuy Thầy hạ mình chiêu lụy dựng để nêu gương cho Hội Thánh mặc dầu, song xét ra thì quả nhiên thấy rõ rằng Thầy tránh khỏi mang thi hài hèn hạ của kiếp làm người, mà lại còn đến thế với một thể thống vinh diệu thiêng liêng không hình mà làm cho chúng ta thấy, không nói mà làm cho chúng ta nghe, giữ trọn quyền hành Chí Tôn nơi tay mà điều đình mới Đạo.

Cái oai quyền ấy có ảnh hưởng cho nền Đạo biết là bao ! Thầy dùng : Phép là lương tâm, quyền là tình ái mà làm cho cả nhơn loại thấy rõ mặt Thầy, hầu nhìn lẫn nhau trong Thánh đức của Thầy mà cộng yêu hòa ái.

Cộng Hòa ! Cộng Hòa ! Ấy là hai lời châu ngọc của Thầy để vào lòng của mỗi người. Mình biết cộng hòa mới làm cho cả xã hội quốc dân đặng cộng hòa, rồi làm gương cho rục rờ quang minh mà truyền bá cả tư tưởng cao thượng ấy ra khắp hoàn cầu cho cả nhơn loại đặng cộng hòa đại đồng thế giới.

Ấy là phận sự tối cao tối trọng của Thầy phú thác cho chúng ta, mà chúng ta không xem trọng hệ, lại vì công danh quyền lợi mà thù nghịch lẫn nhau, nhục mạ lẫn nhau, từ Thầy phản bạn, thì chúng ta có đáng mặt làm con cái tôi tớ của Thầy chăng ?

Biết bao thế lực đã thành lập trong buổi này, chung công hiệp sức mà phá rối Đạo Thầy : ngoài thì kẻ nghịch đương trừ hoạch phương châm mà tàn hại, trong lại bị người phản phúc vu oan làm cho đến đổi nhớp nhơ danh Đạo, mòn mỏi điều tàn.

Hỏi nếu Đạo có bề nào, chúng sanh mới nương nơi đâu mà rồi ?

Thầy vì sợ phạm tâm tục tánh, lập luật rất nghiêm, đặng đủ quyền hành buộc cả Hội Thánh nghĩa là thân thể thiêng liêng hiệp hòa làm một.

Luật thì có Tân Luật, Pháp thì có Pháp Chánh Truyền, Quyền thì có Tòa Tam Giáo.

Ấy là cái còi, cây gậy, hàng rào thiêng liêng, đặng lừa cả các chuồng chiên của Thầy hiệp một, mà hại thay ! kẻ chần chảng biết lóng tiếng còi, đoàn chiên không kiêng ghê cây gậy, rào thưa rích thưa ran để đến đổi bấy sói lũ hùm bắt chiên của Thầy phân thây xé thịt. Cái hại ấy do nơi đâu ?

Tại Hội Thánh cũng chưa nên Hội Thánh, Chức sắc Thiên phong có cũng như không, có bóng không hình, làm cho thân thể Thầy không đủ quyền hành mà xây chuyển Thiên thơ (Plan divin) hầu đối địch quyết thắng tà mưu nhiều hại.

Cả Thánh Ngôn của Thầy dạy dỗ chúng ta từ buổi khai Đạo đến chừ đã hiện thành *Tân Pháp* (Nouvel Évangile) mà ngày nay chúng sanh còn chưa hiểu thấu, vì phần nhiều người lạm dụng vào bậc Thiên phong, lấy tà tâm bề bai biếm nhỏ chớ chẳng chịu truyền bá lời lành, làm cho kẻ đạo tâm xiêu đường lạc ngõ.

Nếu cơ Đạo dường này thì chúng ta mong chi tận độ chúng sanh và lập thành thể Đạo cho đặng.

Đạo có Thể Pháp làm ngoại dung và Bí Pháp làm nội dung, mà Thể Pháp tác thành mười điều chẳng đặng ba, còn Bí Pháp thì chưa ai hiểu thấu, làm cho Đạo mất giá trị trước mắt chúng sanh, đức tin càng ngày càng khuyết giảm, để thế lực cho các tôn giáo khác công kích Chánh truyền, mà hại cho người hết lòng vì Đạo phải ngại ngại lo lo về điều hư thiệt.

Bởi cơ nên biết bao Tiên, Phật đã giáng cùng khắp Thái Tây cho tiên tri về nền Chánh giáo, nói trước rằng : Những người bền vững căn tu mới mong giữ vẹn đức tin nhập vào cửa Đạo. Cơ khảo Đạo ngày nay xem quả vậy.

Thưa cùng chư hiền huynh và chư hiền tỷ,

Bần đạo tưởng chúng ta đã mang nặng trách nhiệm nơi mình, mà nếu chúng ta không có đởm tâm

liệu mình tự xử thì có mong chi mình đoán cùng ai ?

Em nên khai thệ rằng tại nơi lòng thành yếu ớt của chúng ta không dụng cả công tâm mà điều đình Chánh giáo, lại để nể nể vì vì, làm gương xấu cho kẻ chác tiếng bua danh, gây phe đảng, lập tư riêng làm nên thế lực. Ngày nay đã có tiếng độc lập tự quyền cũng do nơi đó.

Trong mình chúng ta có hai người : một là ta, hai là Chức sắc Thiên phong, nghĩa là tôi tớ của Thầy.

Với chúng ta, dầu cho tan xương nát thịt với một kiếp sống thừa này, không chi rằng hại, duy hại là hại cho phận sự thiêng liêng, nếu chúng ta không biết cao trọng mà giữ tròn trách nhiệm đặng bảo thủ cơ nghiệp chung của cả nhơn sanh là Đạo ngày nay đây thì cái tội tình trước mặt Thầy tính coi bao lớn !

Vậy thì chúng ta nên chung công hiệp sức cùng nhau, kể từ đây, nhứt định chẳng cho ai phạm quyền mình, vì quyền mình là quyền Thầy, *dầu cho còn một mặt tín đồ thì Hội Thánh cũng giữ quyền Hội Thánh.*

Xúm xít nhau mạnh yếu tùy phương, bảo thủ cây cờ Đạo của Thầy là Tòa Thánh, lại gắng tạo thành sừng sừng tại miền Cực Đông nơi Việt Nam này một cái Cao Đài, đặng làm ngọn đèn soi sáng đến cảnh cộng hòa của toàn thế giới.

3. Ngày 15 - 7 - Nhâm Thân (dl 16 - 8 - 1932).

DIỄN VĂN của ĐỨC HỘ PHÁP

đọc tại Tòa Thánh Tây Ninh
về **Chơn truyền ĐĐTKPĐ.**

Chư Đạo hữu lưỡng phái,

Từ một năm nay, nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chênh nghiêng làm cho nhục nhã đến tôn chỉ chơn chánh cao thượng của Chí Tôn giáng lập.

Tệ đệ lại chưa hề để một lời biện bạch, nên làm cho nhiều bực cao minh nghĩ rằng : Tệ đệ chắc hẳn có riêng tình tư vị mấy vị đương quyền, y theo những lời của những phái nghịch Đạo gieo truyền vu cáo. Tệ đệ chẳng cần minh tả ra đây mà làm gì và cũng chẳng cần phản đối cùng ai, để cho tòa lương tâm của chúng sanh xử đoán.

Tệ đệ duy nói chắc rằng, tệ đệ chưa buổi nào biết vị nể ai tất cả.

Phàm hễ ai đã để lòng vị nể ai, trong mọi việc gì thì tất nhiên phải có duyên cơ buộc ràng, hoặc là bởi chung hưởng quyền lộc, hoặc là chung chịu tội tình, hoặc bị mang tình thân ái, nhưng mà điều sau này vẫn ít có, vì sợ để hại kẻ đồng tình, mình bị liên can vào đấy.

Chí như làm Đạo thì chưa thấy chi mà nên gọi là quyền lộc công danh, bằng quả có đi nữa thì chẳng qua là phương pháp đê hèn của mấy người giả Đạo đối trá tạo thành đảng hưởng chung mượn lén vậy thôi.

Ngoài mặt đời, chưa ai dám cả gan đường đột xưng hô lên rằng : Tôi lập quyền tạo lộc cho tôi.

Nếu có kẻ điên nào dám nói như vậy thì chúng sanh đã xa lánh họ rồi.

Thế nào cũng phải mượn màu đạo đức dặng dụ dỗ kẻ tâm thành, tạo quyền lộc cho mình, giựt công danh của chúng. Muốn đoạt cho dặng mục đích ấy thì họ phải làm mặt chơn thành, lấy nhơn nghĩa dặng đề danh làm cờ hiệu.

Muốn khoe khoang mình thì phải chê bai người, có chê bai người mới có thể khoe khoang mình, khoe khoang mình dặng mưu đoạt công danh quyền lợi là thường tình thế sự. Hễ mình dưỡng nhơn chi ác thì tự nhiên mình muốn khoe mình, đôi khi lại khỏa lấp chỗ phải của người đi nữa.

Nhơn nghĩa ! Nhơn nghĩa ! Hai chữ ấy từ trước đã đủ quyền lực giúp đời, đồ vương định bá cũng đã nhiều.

Hạ Kiệt có vô đạo thì Thương Thang mới thâm cơ nghiệp với danh nhơn nghĩa.

Thương Trụ có vô đạo thì Châu Võ mới thâm cơ nghiệp với danh nhơn nghĩa.

Châu U có vô đạo thì chư Hầu mới có xưng vương lập bá với danh nhơn nghĩa.

Lục quốc có vô đạo thì Đinh Tần mới thống nhất nhờ danh nhơn nghĩa.

Đinh Tần có vô đạo thì Hớn Bái Công mới đoạt dặng thiên hạ cũng nhờ danh nhơn nghĩa.

Hớn Hiến Đế cô thế nên Ngụy Tào mới đoạt nghiệp với danh nhơn nghĩa, vv. . . và vv . . .

Cơ quan nhưn nghĩa nó mạnh mẽ biết chừng nào mà thế gian chẳng mời cầu sao đặng.

Nhưng mà bậc trí nhưn chưa để cho ai đối dụng phương pháp ấy cùng mình.

Gia Cát điều Châu Du, duy Phụng Sồ không đổ lụy. Vì có mà tộ đệ bụm miệng bịt tai, ngồi làm thỉnh coi hành vi quỷ quyết của người đặng cười, gọi là thú vị riêng của tộ đệ.

Tộ đệ chỉ lo ngại có một điều là mặt Chơn Đạo của Chí Tôn nó giúp thêm cho hai chữ Nhưn Nghĩa của Nho Tông mà làm thành một ngọn binh khí diệu huyền không ai thắng họ nổi.

May thay cái danh Đạo của kẻ gian quả nhiên giả tướng nên tộ đệ đem mặt Chơn Đạo ra đây đặng đấu bấu giữa tòa sanh chúng.

Vậy chư Đạo hữu cho tộ đệ luận thuyết chữ ĐẠO là gì trước đã.

ĐẠO là gì ?

Đạo là một tiếng mượn đặng chỉ sự vô hình hay là định danh (Entité). Tiên Nho nói rằng : Cường danh viết Đạo. Sự vô hình ấy là cơ mầu nhiệm của *nhứt linh hiệp vạn linh*, hay là *vạn linh hiệp nhứt linh* (Le mystère du rapport entre Dieu et ses Créatures ou les Créatures à Dieu).

Nói rõ thì là cơ mầu nhiệm Trời và Người hiệp một, theo cổ nhưn lấy mình mà tầm tánh Chí Linh nên đặt tên là Đạo.

Nho gia cho Trời và Người đồng trị làm cơ quan mặt luật hữu vi, Đạo Đồi tương đắc, lấy tánh lý chí

thiện dạng hiệp tánh Chí Linh nên cũng cho tên là Đạo.

Thần giáo thì lấy danh Chí Linh mà làm cho có ra lẽ vận hành huyền diệu, dạng làm chủ tánh chất của người đời. Lấy hai lẽ, hữu cảm thì hữu ứng mà kèm thúc đức tin, cũng do Đấng Chí Linh vi chủ nên cũng xưng tên là Đạo.

Thánh giáo lại lấy hai chữ lân tuất thương sanh cứu dân độ thế làm mục đích cho rằng hễ Chí Linh đã ở trong tánh chất của người thì người ấy là Trời, hễ thương người tức là thương Trời, mà thương Trời hết lòng hết dạ thì đoạt dạng tánh Chí Linh của người, nên cũng gọi là Đạo.

Lão Tử giáo gọi là Tiên giáo thì lấy cái êm tịnh của trí lực tinh thần làm cơ quan đoạt tánh Chí Linh của Tạo hóa, cho rằng để ngoại cảm của vật chất là đời xông đột thì trí lực phải xao động, trí lực xao động thì tinh thần phải mờ ám, nên cũng cho rằng muốn đoạt dạng tánh đức Chí Linh thì phải luyện tập cho dạng nhàn thân nhàn trí, xa lánh đường đời, nên cũng hô danh là Đạo.

Thích giáo hay là Phật giáo thì cho rằng hễ còn suy tính thì còn hay biết, hễ còn hay biết thì còn trong vòng hữu định của đời, nên dạy rằng, phải tự diệt cho hết hay biết thì mới nhập vào linh cảnh của mình, nhập dạng vào linh cảnh của mình rồi mới mong thấu đáo Chí Linh Tạo hóa, nên tự tôn là Đạo.

Trung Dung nói :

“ Thiên mạng chi vị tánh, suất tánh chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo.”

- *Thiên mạng chi vị tánh*, nghĩa là : mạng Trời ấy là tánh.

Cái tánh linh của ta do nơi Đấng Chí Linh cho ta, lại do đấy mà tạo mạng sanh của ta; vận thời kiếp số của mỗi người đều tùy điểm linh quang lớn nhỏ nghĩa tùy theo mạng của mỗi người.

Cả Nhơn loại và vật loại đều thọ nơi Đấng Chí Linh một điểm linh quang, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc lớn hoặc nhỏ, đặng định hàng phẩm đẳng cấp của chúng sanh, vì vậy cho nên cả cơ tạo hóa hữu hình đều chung gọi là vạn linh sanh chúng.

Người cũng là một vật trong vạn vật, nghĩa là nhứt linh trong vạn linh, nhưng mà linh tánh hơn vạn vật, biết đặng cái linh tánh ấy là mạng Trời nên đặt tên là Thiên mạng.

- *Suất tánh chi vị đạo*, nghĩa là : rèn đúc trau giồi cái tánh ấy là đạo.

Người cũng đã là vật thì tự nhiên phải triêm nhiễm vật tánh nơi mình, buộc hễ đói phải kiếm ăn, vì có ăn mới có sống, buộc trần lỗ phải kiếm mặc, vì có mặc mới ấm thân.

Nặng mang cái mảnh hình hài gọi rằng mạng sống, luật thiên nhiên bảo tồn (La loi de conservation) định vậy, phận thiêng liêng giúp thế nơi mình, nên cũng phải chung lộn thế tình ăn ăn mặc mặc.

Nào là vinh thân, nào là phì gia, tuồng đời nêu trước mắt như lượn sóng ba đào xao xuyên giữa dòng thế sự. Nào là yếu thua mạnh thắng, nào là ngu thiệt trí hơn, nhập vào trí não như gươm giáo đua tranh

giữa trận lợi danh hoàn võ.

Vì vậy mà đòi phen phải vùi lấp tánh linh, xu về hình thể.

Tuy vân thể tình vẫn vậy, mà cũng còn có lắm Đấng cao minh, chơn thân đặc kiếp, thường xem vạn vật mà suy đoán phận mình nên dặng am hiểu rằng cái linh tâm con người vẫn vô hạn giới. Ấy vậy, cái kho vô tận của Chí Linh cũng có phương đoạt dặng. Dò đơn từ bực trí lự của mỗi loài thì thấy cả vạn linh đều biệt phân đẳng cấp, dầu cho cả cá nhơn đối với trọn loài người cũng thế, rồi tìm cách thế mà luyện tập lấy mình, gọi là TU, làm cho linh tánh khỏi thi hài ràng buộc thì tự nhiên thấy nó dặng tăng tiến lên cao, cơ bí mật huyền vi của Chí Tôn hiểu thấu.

Câu “*suất tánh chi vị đạo*” nghĩa là : đem tánh linh ra khỏi vòng nhục thể (gọi là thoát xác) thì có thể hiệp tánh với Chí Linh nên cho là Đạo.

- *Tu đạo chi vị giáo*, nghĩa là : trau Đạo gọi là giáo.

Đào luyện cái tánh linh cho sáng suốt thêm hoài gọi là TU, song cách thế mình tu vẫn nhiều phương pháp, lập cho nên phương pháp dặng tự giáo lấy mình, hay là cầu giáo với kẻ cao minh giúp giùm phương pháp. Tự giáo, nghĩa là mình đủ trí lự dặng đặt ra phương pháp mà tu luyện lấy mình; cầu giáo là cầu kẻ cao minh dạy giùm phương pháp.

Tiếc thay bậc cầu giáo vốn nhiều người, còn bậc tự giáo xem ra phần ít. Bởi cố ấy mà làm cho mặt địa cầu này có nhiều tôn giáo.

Tệ đệ xin chư Đạo hữu thâm nghĩ coi, sau này chữ “tôn giáo” và chữ “đạo” tự nhiên đặc biệt.

Bậc tự giáo vẫn ít cũng chẳng có chi rằng lạ.

Ông Thiệu Khương Tiết nói rằng :

*“Thượng phẩm chi nhơn, bát giáo nhi thiện,
Trung phẩm chi nhơn, giáo nhi hậu thiện,
Hạ phẩm chi nhơn, giáo diệc bất thiện.”*

Lại thêm như vậy :

“Bát giáo nhi thiện, phi Thánh nhi hà ?

Giáo nhi hậu thiện, phi Hiền nhi hà ?

Giáo diệc bất thiện, phi ngu nhi hà ? “

Chiếu theo mấy câu này thì bậc Thánh đức hoàn toàn mới có phương tự giáo.

Chúng ta lại còn hiểu rằng ông Thiệu Khương Tiết lấy thiện giáo làm đạo bản thì là phép lập giáo hay biết bao nhiêu ! Ai dám gọi rằng cổ nhơn không viễn kiến.

TRỜI là ai ?

Trời là Đấng đủ quyền hành Chí Linh mà tạo thành càn khôn thế giới, Đấng tự hữu hằng hữu đã sanh thành vạn vật với loài người, Cha cả của chúng sanh, chúa của các đẳng linh hồn, chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, vv . . . theo ngôn ngữ của các sắc dân tôn tặng.

Kể hoài cũng không hay gì hết.

Cái không trung vô ngần (l'infini) không bờ bến kia đã huyền bí bao nhiêu thì Đấng Tạo hóa là chủ tể của nó cũng huyền bí bấy nhiêu. Thật là hể càn khôn vô tận thức thì tánh đức của Hóa công cũng vô tận thức.

Chỉ ư xem thử cơ quan hữu vi là vạn linh của tay người đào tạo, cũng thấy rõ ràng là cơ vô tận.

Càng trầm tư mặc tưởng mà tìm tòi tánh Trời thì càng thấy to tát nhiệm mầu mà phải kinh tâm tán đởm.

Dầu bên Âu Tây hay là nơi Á Đông đây cũng vậy, từ thử cũng sản xuất lắm mặt hiền tài, trí cao học rộng, chưa để ý vào một tôn giáo nào đủ sức gợi đức tin, để tự mình quan sát. Thường lấy cả cuộc hữu vi thế giới đặng làm máy hành tàng mà tìm cho ra mặt Đấng Chí Tôn vạn vật. Càng tìm kiếm càng lạc lầm, càng muốn hay càng thấy dốt, rốt lại chỉ than rằng : Thật là tối cao ! Thật là tối đại !

Thối chí ngã lòng muốn toan bỏ lảng, lại hại nỗi mình cũng là một vật của toàn vạn vật nơi vũ trụ này, nếu mình không biết nó thì mình lại chẳng biết mình, cơ tấn hóa càn khôn cứ trêu người mãi mãi, mà ngặt nỗi muốn biết nó thì phải biết tánh đức của tay Tạo hóa, mà Đấng Chí Tôn Tạo hóa lại khó tìm, chừng ấy cũng ép mình theo bậc thường nhưn, từng theo một tôn giáo nào đó đặng cho có phương thế thờ Trời, dầu pháp luật khó khăn, dầu cho lập giáo trái hẳn cùng chơn lý thế nào cũng chịu.

Ai nói Ông Trời thế nào cũng nghe theo vậy, dầu riêng hiểu rằng lý thuyết khó nỗi để tin, cũng không đành cãi, là tại đã để ý rằng, với tánh thật thà quê dốt mà có thể tìm trúng sự thật hơn trí thức cao minh vì đã thấy cái trí thức cao minh của mình đã biết lầm hơn với tánh thật thà quê dốt.

Sự quyết đoán chẳng đủ nơi mình thì dầu cho học rộng thấy xa, cao minh mãi đạt cho mấy đi nữa, cũng phải đòi phen chịu hạ mình dưới quyền cường từ áp chế.

Ông Galilée là nhà toán pháp (Mathématicien) cách vật (Physicien) và thiên văn (Astronome) của Ý Đại Lợi (Italy) sanh tại thành Pise, người đã khai sáng cách trí học tại Ý, khi vô châu lễ trong Đền thờ Pise, người ngó thấy cây đèn treo trong Đền thờ đồng đưa đúng theo trường canh nhịp nhàng quá đỗi nên mới bày ra cái quả lắc đồng hồ; người tạo đặt hàn thử biểu (Thermomètre) và cân thủy khí (Balance hydrostatique), kiểm đặt cái hấp lực của địa cầu đặt định cân mọi vật (Loi de la pesanteur), tuyên bố cơ thể lực cân (Dynamique). Qua năm 1609, người tạo đặt một ống thiên lý, nhờ đấy mà người xem đặt sự vận hành nguyệt tượng. Từ ấy người nhìn theo thuyết lý Copernic đã định quyết rằng Địa cầu này có hai phần luân chuyển : *tự chuyển* là xoay tròn một mình nó và *nhứt chuyển* là chạy chung quanh mặt trời, nên định cho rằng mặt trời là trung tim, nghĩa là rún của thế giới chớ không phải trái đất này là trung tim của thế giới, và trái đất cũng phải chịu hấp thụ ánh sáng quang minh của nó, cũng như các địa cầu khác mà làm ra ngày và đêm.

Lý thuyết ấy tuyên bố ra làm cho kinh động đảng Kinh học (Scolastiques) (Thần học Kinh viện của Thiên Chúa giáo La Mã] và triều đình thành Rome.

Tòa Thánh Gia Tô giáo muốn buộc người cho đăng bèn định rằng lý thuyết Copernic định thế giới cần khôn là Tà giáo và đòi người đến mà cấm tuyệt không cho truyền bá lý thuyết ấy ra nữa.

Người chịu hứa mọi điều, nhưng khi về đến thành Florence lại viết một bộ sách mà trực thuật cái lý thuyết chơn thật ấy ra nữa.

Bộ sách bị giải nạp ra Tòa đạo (Inquisition), năm ấy người đã 70 tuổi rồi mà cũng bị bắt giải ra Tòa đạo. Tòa buộc người phải quì mà thề và khai rằng lý thuyết của người là Tà giáo, đăng tránh cho khỏi án thiêu mình.

Khi người cầm viết ký tờ khai thì dậm cẳng xuống đất mà than rằng : “Nhưng mà ta quả nhiên nghe nó hẳn hoi vận động.”

Từ ấy người bị Tòa đạo gìn giữ một cách nhặt nhệm, dường như người bị tù lỏng kia vậy. Người bị mù và chết năm 1642, hưởng thọ đăng 78 tuổi.

Ôi ! Một vị hiền triết dường ấy mà còn bị đè nén vì tư tưởng thế nầy, là bởi cơ quan thế giới quá trí của người đời, nên không có không bằng, vô phương đối chứng.

Cái sự thật đã về ai ? Ông Galilée hay Tòa đạo? Chư Đạo hữu cũng thâm nghĩ bên chơn thật bị thảm khổ là dường nào mà xét suy giùm lẽ đạo.

Cái tai nạn của ĐĐTKPĐ ngày nay cũng như ông Galilée, khó trưng bằng có buổi nọ đó vậy.

Dấng vô hình quyền năng đã tạo thế nầy, từ tạo Thiên lập Địa chưa có một người nào đăng gặp.

Sự gặp đặng Người và chung ở cùng Người là một phần thưởng quý trọng không cùng, dầu cho các Đấng Chí Tiên Chí Phật đi nữa cũng hằng ngưỡng vọng.

Lý thuyết này cũng là một tánh lý thường tình, gần đặng một người trí thức hiền tài, dầu ai ai cũng ước, huống chi đặng thân mật cùng Đấng Chí Thiện, Chí Linh, ai không ngưỡng vọng ?

Bởi thế mà trí lự con người vốn chưa quyết đoán, hai lẽ có không vốn chưa bằng cứ.

Kẻ thì sợ Người, vì thấy lành có lành trả, ác có ác báo thì định rằng thế nào cũng quả nhiên có kẻ cầm quyền thiêng liêng vạn vật.

Kẻ thì thương Người, vì thấy mọi vật hóa sanh đều về công ích; mưa móc nắng nôi chứng phần nuôi chúng.

Kẻ thì mến tài Người, vì thấy bủa khắp bao la vận hành quảng đại mà không có tình riêng, vô tư vô vị, vắn vắn sanh chúng, chẳng bỏ một người, có sanh thì có nuôi, không để ai sót, báo ứng chẳng lầm, thưởng răn đủ phép.

Tuy vậy mà cũng có hạng người hờn giận Trời, oán ghét Trời, dám lộng ngôn phạm thượng. Hạng người này chúng ta hết phương để luận.

Trừ ra mấy vị Giáo chủ đầy đủ Thánh đức Đạo tâm (Instinct religieux) hoặc ở ngôi vị thiêng liêng đã thân cận cùng Người, hay là đặng nghe quả quyết danh Người, hoặc là đặng cao siêu tự nhiên đoạt tánh, dầu cho nặng mang thi phạm xác tục đi nữa thì thoát nghe đến thoát đủ tin, dường với kẻ thâm tình nặng

nghĩa. Tâm linh xui khiến dường như nghe đến danh Cha, dầu chưa thấy mặt Già, nhắc danh tánh châu sa lụy đổ. Cái cảm tính ấy không phương thế tỏ ra cho trọn dạng. Ai đã có Đạo tâm đều đã dạng thử mình mà tự hiểu.

Còn phần đông đều là những trang tâm chơn lý. (Tệ đê chẳng dám luận tánh đức của bậc người này, chỉ để cho chư Đạo hữu nghiên cứu mà hiểu thâm cũng dạng), đều cho rằng Chí Tôn là ông Thần Chơn lý của Nhơn loại, tưởng tượng mà đặt tên chớ kỳ trung không có ông Phật ông Trời chi tất cả.

Bậc người này có lẽ cũng từng theo một giáo lý nào đó, dạng để cậy oai quyền ông Thần Chơn lý của họ đặt tên, dạng lợi dụng nhiều phương kín nhiệm, chớ thật ra chưa có đức tin nơi Đấng Chí Tôn mấy may chi hết. Ấy cũng là một kiểu Đạo.

Lấy lương tâm mà làm căn bản cũng là một điều hay, còn chủ lương tâm dầu biết dầu không cũng cho là chẳng hại, nhưng mà chiếu theo Đạo pháp thì chưa ai định chủ phần hồn, chỉ tại nơi mình tự xử, mà mình tự xử lấy mình thì chưa hề có sự công bình chánh đáng dạng.

Ấy vậy, có một phần người cho rằng không có Trời có Đất chi hết.

Cơ sở của đời do tại lương tâm mà sản xuất, còn thi hài thì là còn hành động của trí lự, thi hài chết thì hết, cũng như cái vật bể nát hư hại thì chẳng còn hình, nên không nạp dụng đạo pháp nào cho là chánh lý, chỉ thờ hình thể cao thượng hữu vi, lấy sự

phước hạnh thi hài làm mục đích.

Ấy, tề đệ luận đến điều này, e khi chư Đạo hữu đau đớn thương tâm toan ứng thính hỏi rằng :

- *Vậy chớ ai sanh ra họ mà họ toan từ chối ?*

Rồi đây, chúng ta lại cứ cãi với nhau, cùng luận này ra luận kia, hết lý kia qua lý nọ, nói cho đến hết lời, chung trí cả toàn thiên hạ, cùng kim tận cổ, vạn quyển thiên kinh, cãi riết cho tới tận thế cũng còn cãi mà cũng không kết luận đặng chút nào.

Tại sao vậy ?

Tại mọi điều chi ta suy nghĩ, mọi việc chi ta kiến thức tại thế này đều sản xuất sau tánh đức Chí Linh và cơ Tạo hóa. Chí Tôn đã định cho trí lực của mình biết Người bấy nhiêu thì hay đặng bấy nhiêu. Người thì vô cùng vô tận, còn trí lực của mình lại đứng trong vòng hữu định, thì chúng ta có mong gì đủ thể thấu đáo cho hết tánh Người.

Tỷ như con vi trùng hay sên lãi ở trong bụng ta thì có phương nào ta vẽ hình ra cho trọn trúng.

Nếu cượng lý thì lại e cho mình phải chịu cái lầm của ếch đáy giếng vẽ Trời cao, Trời giống giếng, miệng tròn cùng miệng méo.

Vậy chư Đạo hữu cũng nên cho là một sự khó khăn quá trí khôn ngoan của người xét đoán, rồi cũng nên quảng đại bao dung để cho mỗi cá nhân tự do tư tưởng.

Chư Đạo hữu đã may duyên gần đặng hình bóng của Chí Tôn, cây bút Thánh cơ Thần giáo hóa. Ngọn cơ bút làm phương thân mật, lại cũng là một

máy nhiệm mầu, trí lực con người chẳng dễ chi cạn hiểu!

Ma ma, Phật Phật, quỷ quỷ, Trời Trời, lẽ chánh lý tà khó bề quyết định.

Nhiều kẻ gọi là ma, chúng ta gọi là Phật, chúng cho rằng quỷ, mình gọi là Trời. Hỏi cho đến tận nơi thì chưa có một người trưng đủ cơ.

Chí Tôn lại nhiều phen để lời căn dặn rằng : Chúng ta phải để tâm dè dặt, cẩn thận giữ đức tin, lấy trí lực tinh thần đặc biệt phân chơn giả. Thầy lại nói rõ rằng, phải có một phần của kẻ Phò loan, Thầy mới gây trọn phương mầu cơ bút.

Phải Chí Tôn hay là đồng ?

Phải Phật hay là đồng ?

Phải quỷ hay là đồng ?

Phải ma hay là đồng ?

Hư hư, thiệt thiệt, giả giả, chơn chơn, không phương phân biệt, vì phần nhiều chư Đạo hữu chưa hiểu thấu chơn truyền, cùng diệu pháp khó bề truyền dạy, thế nào thử dạng bút cơ, tránh sao khỏi những điều giả trá.

Rất đổi là ngày Khai Đạo, quỷ còn dám nhập đàn, hướng lựa là cơ bút liệng nghinh ngang mà không làm đường dẫn quỷ ?

Vì cơ mà Chúc sắc Hiệp Thiên Đài của tệt đệ là những vị mà Thầy đến cậy phò loan dạng cho Người lập Đạo, đã chịu lấm nhục nhã hàm oan cũng vì cơ bút.

Ấy vậy, cái đức tin của anh em ở nơi cơ bút cũng chưa đủ giá trị cùng đời, nên tệt đệ dặn một lời, xin gắng lấy cái quảng đại của Trời mà độ chúng.

Tệ đê cũng vị tình chư Đạo hữu mà luận tánh của Chí Tôn cùng chư Đạo hữu tin theo cơ bút.

Nếu do lý thuyết của tôn giáo khác thì Trời vốn là Trời vô hình vô ảnh, quyền năng vô tận, muốn làm chi thì dạng nấy, hễ phán định thì thành hình. Cái quyền hành ấy tả ra không nổi nên làm rối trí khó tin.

Vậy thì tệ đê trích lục nguyên văn của một Đấng thiêng liêng, trước vẫn đã tái kiếp bên Pháp triều làm nhà thi sĩ là ông Victor Hugo, là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tại Quảng Hàn Cung (Un grand esprit de la lune) giảng bút dạy tệ đê về nguyên do của Chí Tôn và quyền hành Người đào tạo càn khôn cùng vạn vật.

20 Avril 1930 (1 heure du matin).

Mes respects Hô Pháp,
 Ils sont en train de vous médire
 Pour pousser derechef nos frères dans le pire.
 Ils comptent à vous faire malheur,
 Ils agrandiront, au contraire, votre honneur.
 Oh ! qu'il est gênant d'être près des traîtres !
 Mais c'est juste pour eux qu'on est né Maître.
 Hô Pháp – Enfin passons,
 Poser moi vos questions.

HỘ PHÁP : - *Je veux être instruit sur l'origine de
 notre Maître et sur sa puissance.*

Il n'est pas aisé de connaître ce mystère,
 L'enquête éternelle sur ce point n'est plus claire
 Il peut bien avoir, d'après mon avis,
 D'autres Univers que le nôtre, dans l'infini.

Ils seraient plus ou moins énormes,
 Mais la vie et les êtres auraient les mêmes formes.
 L' un de ceux-ci serait donc plus avancé,
 Au point de vue d' Esprits et d' Humanité,
 A une étape, il ressemblerait bien au nôtre,
 Avec le progrès, il deviendrait apôtre.
 Dans tous ses Cieux, règnerait la Beauté.
 Ses êtres auraient une grande part de Divinité.
 La Paix et l' Harmonie dirigerait ses terres,
 Ses créatures ignoreraient le mot Guerre.
 Rien n' est relatif, tout est absolu;
 Des grandes âmes se rivaliseraient en vertu.
 Toute production serait Science et Sagesse.
 La force d' âmes maîtrise l' humaine faiblesse,
 Ses derniers mondes vivraient sans Loi,
 L' Union se ferait sous la Divine Foi.
 La Mort serait vaincue par la haute conscience.
 Morts et vivants n' auraient pas de différence.
 L' amour des êtres est partout proclamé,
 Âmes et hommes seraient tous en sainteté.
 Il y a chez nous, dans un certain monde,
 Où cette sorte de vie est féconde.
 Vous pourrez, un jour, apprécier sa grande valeur,
 Quand notre terre passera au degré supérieur.

HỘ PHÁP : - *Quand la terre aura-t-elle ce profit ?*
 Pour que vous ayez conscience en votre mérite,
 Je me servirai d' une expression spirite.
 Des purgatoires, elle débute au rang des bienheureux,
 Il faudra longtemps pour qu'elle soit le pays des dieux.

Si l'on veut connaître l'origine de notre Maître,
 Il faut qu' on soit avec lui ou on le pénètre.
 Aucun esprit n' a une très nette opinion,
 Bouddha lui-même ne fait que des suppositions.
 Ne prenez pas mes instructions en importance,
 Je ne répète que ce que les esprits y pensent.
 Supposons que notre Créateur, à ses débuts,
 Dans un de ces Univers, a vraiment vécu,
 Son esprit devait faire aussi un long stage;
 De la matière, il devenait homme et sage,
 Dans les classes d' Esprits, il passait les échelons;
 Il entre enfin dans le mystère de la Création.
 Par ses vies successives, il a une puissance,
 Qui le fait Maître de la Sagesse et de la Science.
 Il sait aussi s' entourer des meilleurs esprits,
 Qui forment sa Cour de serviteurs et d'amis.
 Une fois que son Ciel avait assez de force,
 Il parcourait l' infini avec son escorte.

HỘ PHÁP : - *Il avait donc un Ciel à lui ?*

Oui, chacun de nous a un domaine défini,
 Que nous fabriquions avec notre force d'esprit.
 Âmes et êtres provenant de notre état karmique,
 Forment ainsi notre ciel ou notre république.
 Ceux qui le peuplent ne nous sont guère fidèles,
 Beaucoup d' entre nous viennent de notre erreur
 originelle.

Tant qu' on néglige ses secrets de purification,
 Tant qu'on ouvre son ciel à ces terribles démons
 D' où vient alors notre Satan, le grand diable,

Si nous cherchions la Vérité et non les fables,
 Il provient sûrement du cortège divin,
 Que notre Créateur n'a pu le rendre vraiment saint.
 Il est donc de règle que nos proches nous trahissent
 Par jalousie, par envie ou par purs caprices.
 Vous avez, HỘ-Pháp, une crampe à la main,
 Renvoyons notre causerie pour demain.

21 Avril 1930

Savez-vous que les mêmes médisances se continuent,
 Maintenant notre Divin Maître est porté en vue
 Ne vous souciez pas des méchantes gens;
 Ils se reviendront quand ils auront du bon sens.
 Je continue mon point de vue sur la genèse,
 Tout en respectant ceux qui vous plaisent.
 Il arrive alors dans un endroit ténébreux.
 Stagnant, tranquille, paisible que rien ne meut,
 Dans un gaz qui n'est ni vapeur ni liquide,
 Dorment des germes à un sommeil léthargique;
 Enveloppé enfin dans un effroyable froid.
 Nulle créature ne vit, nulle matière ne croît.

HỘ PHÁP : - *Est-ce bien la forme de l'eau parlée dans
 la genèse chrétienne ?*

Oui, c'est cette sorte de gaz qu'on appelle hydrogène,
 Plus ou moins dense qui fait la partie la plus saine.
 Dire que l'Esprit de Dieu nage au-dessus des eaux.
 C'est à ce sens qu'il faut comprendre le mot.
 Avec son astral qui est de lumière,
 Il anime par sa chaleur ces inertes matières.
 Une couche d'oxygène produit, se met en action.

Le contact des deux gaz donne une détonation;
 Le feu divin est né et l'eau sacrée se forme,
 Sous l'effet des deux éléments tout se transforme :
 Des matières brûlées forment des gaz, des gaz brûlés,
 Produisent des fluides, des fluides purs sont vitalité.
 La dite vitalité a une puissance,
 Se donner aux esprits la mort et la naissance.
 Quelles merveilles qu'elle nous a fait constater,
 Quels mystères qu'elle ira encore nous conserver ?
 Tout ce qui vient de la main de notre Maître,
 Il nous est bien difficile d'en connaître.
 Ce feu divin alimenté, s'est agrandi,
 Jette ses nébuleuses jusqu'à l'infini.
 Dans tout l'Univers ce feu se sème;
 Il se répartit tant qu'il se décompose lui-même.
 Ses nébuleuses s'agrandissent sous forme de soleils,
 Créent des mondes et des mondes avec tous leurs détails
 Où la conscience de Dieu et sa lumière anime,
 Les êtres sont tous pénétrés, mêmes les plus infimes.
 L'esprit divin s'est répandu partout,
 Ceux qui ont vie proviennent de ce Tout.
 De ces fluides rayonnées de sa divine lumière,
 Les plus impurs se métamorphosent en pierres,
 En terres, en végétaux, en animaux ou en chair;
 Les plus denses en air et les purs en éther.
 L'intellect est donc donné à toutes créatures,
 Suivant leurs états, une dose plus ou moins pure.
 L'âme est ainsi créée, tandis que le corps,
 C'est la vitalité qui détermine leurs sorts.

Vous avez compris le reste,
C' est ici que je m' arrête.

HỘ PHÁP : - *Pardon, si tout vient de notre Maître,
tout doit être parfait. Pourquoi pouvons-
nous encore constater les imperfections
de la nature ?*

Quelles sont ces imperfections ?

Pourrai-je vous donner des explications ?

HỘ PHÁP : - *La méchanceté et l'inutilité des êtres.
Aussi bien les hommes que les animaux
ou les végétaux, leur morale ne peut être
raisonnablement appréciée.*

Rien n' est méchant ou inutile dans la nature,
Pour se conserver, il faut la nourriture.

Notre Bon Dieu aime ardemment ses enfants.

Dans son grand amour, il leur procure des moyens.

Pour leur progrès, il leur crée des souffrances;

Il leur faut également des moyens de défense.

Avez-vous vu en ce monde un homme vraiment pieux ?

S'ils sont méchants pour nous, ils sont utiles pour eux !

Comment peuvent devenir nos grands sages ?

Que contient l'histoire humaine dans ses pages?

Une lutte acharnée entre faibles et puissants,

Les plus forts sont souvent les plus grands.

L'opposition des deux donne la marche ascendante,

Des idées et des réalisations savantes.

Notre cher monde est purement relatif,

Méchants et inutiles ne sont que qualificatifs.

Sur ce globe, chacun de nous a une place;

Les mondes des autres cieux sont des classes.
 L' Univers est donc une école pour les esprits,
 Qui la fréquentent pour être encore plus érudits.
 Ceux qui font souvent l'école buissonnière,
 Doivent doubler leurs années et reprennent
 leurs matières.

Toutes les âmes espèrent lire ce livre éternel,
 Qui contient le secret à se faire immortel.
 Le but est d' achever notre rude carrière;
 Il faut de temps, des conditions et des manières.
 De l' immonde matière à la pure divinité,
 On fait son chemin en tenant l'éternité.
 Le résultat est d' apprendre à se connaître,
 Et connaître ensuite, par conscience, l' Homme
 qui doit être.

La différence des caractères a sa raison,
 Elle nous aide à faire la comparaison.
 Mettez une large tolérance dans vos études,
 Classez les esprits suivant leurs aptitudes.
 Séparez simplement ceux qui sont humains,
 De ceux qui sont déjà un peu divins.
 Donnez au sacerdoce des meilleurs modèles,
 Enseignez par tous vos moyens vos infidèles,
 Ne les détestez pas parce qu' ils sont infâmes.
 Et ne regardez que le salut de leurs âmes !
 Aimez toujours pour donner à L' Humanité,
 Ces deux Vérités : AMOUR et ÉTERNITÉ.

Tệ đệ xin lược dịch ra đây, nhờ mấy vị cao minh chỉnh lại giùm những điều sai sót :

Ngày 20 tháng 4 năm 1930 (1 giờ khuya).

Kính chào Hộ Pháp,

Người đương xúm nói hành quý vị,

Dục chư huynh quá lý từ đây.

Tưởng là mưu hại đặng Ngài,

Nào dè xúm đỡ danh Ngài thêm cao.

Gần kẻ phản biết bao khó chịu,

Gãm thật ra bởi đấng mình Thầy,

Thôi thì ta cũng bỏ khuây,

Hỏi chi xin khá tỏ bày cùng tôi.

HỘ PHÁP : - *Xin cho tôi hiểu nguyên thủy của Thầy chúng ta và quyền hành của người.*

Hiểu cho đặng huyền vi khó nổi,

Tra khuôn hồng tổ mối không minh.

Theo tôi nghĩ thế giới mình,

Ngoài ra còn có lắm hình càn khôn.

Nhiều thế khác biệt phân lớn nhỏ,

Sinh tồn loài vật rõ y nhau.

Một ngôi nào đó nên cao,

Về thần hồn với về loài nhơn sanh.

Cũng có lúc giống mình như hệt,

Tấn hóa nâng khí phách nên hiền.

Máy trời đẹp vẻ thiên nhiên,

Vật loài đều hưởng trọn quyền Chí Linh.

Các địa quả thái bình an tịnh,

Cả chúng sanh đốt tánh can qua.

Tương đối dứt, tuyệt đối ra,

Chơn hồn tranh đấu về khoa tánh lành.
 Sanh chi cũng ngoan minh cách trí,
 Quyền linh hồn chủ quỷ phạm tâm.
 Thế hèn luật cũng không cần,
 Tương thân chỉ cậy nhờ phần đức tin.
 Cái chết bị tâm linh đánh bại,
 Sống chết dường trái phải không phân.
 Thương sanh truyền phép xa gần,
 Hồn và người vốn Thánh Thần hiển nhiên.
 Nhiều thế giới càn khôn ta có,
 Sanh hoạt này quả cứ nên nhiều,
 Địa cầu chừng đặng cao siêu,
 Các Ngài rõ giá những điều phân phô.

HỘ PHÁP : - *Chừng nào trái địa cầu này đặng hưởng
 điều ấy ?*

Thần linh dụng tiếng làm Ngài hiểu,
 Cho tỏ tường phẩm hiệu dường bao.
 Qua luyện tội Thánh cảnh vào,
 Còn lâu nữa mới làm trào Phật Tiên.
 Muốn biết đặng căn nguyên Từ Phụ,
 Ở cùng người hoặc đủ hiểu Người.
 Chẳng hồn nào quyết định lời,
Thích Ca thì cũng để lời phỏng ngôn.
 Chớ coi trọng lời tôi bày tỏ,
 Tôi thuật lời tưởng ngỡ như linh.
 Tở như lúc trước Chí Linh,
 Có sanh ở một cảnh hình càn khôn.
 Người cũng đứng phẩm hồn hậu bổ,
 Vật nên người, người trở nên Hiền.

Lần hồi lên phẩm thiêng liêng,
 Khai Thiên người mới đoạt quyền Chí Linh.
 Đã chịu lắm sinh sinh tử tử,
 Đủ huyền linh làm chủ trí khôn.
 Lại hay thâm phực chơn hồn,
 Đặng làm Thần đệ vĩnh tồn triều nghi.
 Đài Thiên cảnh vừa khi đặng lớn,
 Dắt triều đình vào chốn không trung.

HỘ PHÁP : - *Vậy chớ khi ấy Người đã có Thiên cung
 riêng của Người rồi hay sao ?*

Phải mỗi đứa riêng trong cảnh giới,
 Cửa chúng ta tạo tại linh hồn.
 Hồn, người, do bởi giác hồn,
 Tạo nên cảnh giới cộng làm chánh chung.
 Trong các Đấng lòng trung vẫn ít,
 Phần đông do kẻ nghịch oan khiên.
 Tu chơn bỏ máy diệu huyền,
 Thì ta mở lối cảnh Thiên quỉ vào.
 Quỷ vương hỏi nơi nào mà đến,
 Cứ tầm chơn đừng đếm giả truyền,
 Chắc do trong đám triều Thiên,
 Chí Linh khó sửa cho tuyên Thánh tâm.
 Ta hằng bị tình thâm phản nghịch,
 Đố kỵ, cùng vui thích hại ta.
 Hộ Pháp, tay Ngài tê quá thay là,
 Đêm mai tôi tiếp nói qua việc này.
Ngày 21 tháng 4 năm 1930 (10 giờ tối).
 Lời ác cảm ngày nay còn tiếp,
 Bây giờ đây cậy pháp danh Thầy.

Đừng lo kẻ dữ làm chi,
 Biết khôn đó cũng có ngày ăn năn.
 Tôi tiếp chuyện khai Thiên tôi nhận,
 Cũng kính phương học vấn của Ngài.
 Chí Tôn tới chốn dạ đài,
 Bình an phẳng lặng không loài động sanh.
 Trong thứ khí không danh mây nước,
 Vật chất sanh ngũ ước vô chừng.
 Hào quang bao phủ mấy vầng,
 Vật không biến hóa, thú ngừng không sanh.

HỘ PHÁP : - *Thưa phải là hình ảnh của nước trong Sám truyền đạo Thánh đã có nói đó hay không ?*

Phải thứ khí kêu danh thủy khí,
 Đông đặc nhiều xem kỹ đứng đầu.
 Rằng Trời mặt nước ngự châu,
 Thì là phải hiểu cao sâu thế này.
 Chơn thân người đầy đầy ánh sáng,
 Lấy dương quang áp đẳng vô năng,
 Sanh lần hỏa khí bao giăng,
 Âm Dương tương khắc nổ lần Thiên thanh.
 Thái Cực nở với hình gương thủy,
 Hai quyền năng dục khí hóa cơ.
 Vật tiêu hóa khí, khí như,
 Tiêu thành gương khí bấy giờ sanh quang.
 Khí sanh quang ấy toàn linh cảm,
 Định linh hồn chết sống nơi tay.
 Dị thường sanh hóa rất hay,
 Sau này ta cũng thấy hoài huyền linh.
 Vật chi tại tài tình Sư Phụ,

Ta không phương hiểu thấu cho cùng.
 Lửa Thái Cực lớn vô chừng,
 Rải cùng thế giới muôn trùng hỏa tinh.
 Phân phát quá rồi hình phải tuyệt,
 Cùng càn khôn rải riết không ngần.
 Hỏa tinh lớn hóa nhựt quang,
 Nhựt tinh nguội lập cả hàng thế gian.
 Nơi nào ánh linh quang chiếu diệu,
 Vạn vật toàn đại tiểu đều thông.
 Chí Linh tánh đức bao trùm,
 Hữu sanh ai cũng do cùng Nhứt Linh.
 Các nguơn khí ánh linh chiếu thấu,
 Chi trực ngưng thứ xấu biến thạch hình.
 Thổ, mộc, thú, nhơn, vạn linh,
 Bán thanh sanh khí, thanh thành hạo nhiên.
 Khối linh cảm ban tuyền vạn loại,
 Tùy theo hàng phẩm thấy vừa chừng,
 Hồn linh sanh hưởng hồng ân,
 Còn bên thể phách về phần sanh quang.
 Ngài đủ rõ hành tàng sót lại,
 Tới đây tôi đành phải ngưng văn.

HỘ PHÁP : - *Kiểu lỗi Ngài, nhưng quả mọi việc đều do nơi Sư Phụ thì tức nhiên nó phải tận thiện tận mỹ mới phải, có sao chúng tôi lại còn thấy đặng nhiều điều sai sót của cơ Tạo hóa vậy ?*

Những điều chi sơ sót gọi rằng,
 Hoặc khi tôi có cơ bằng giải khuyên.

HỘ PHÁP : - *Sự hung ác và sự vô ích của cả loài người loài vật và thảo mộc. Cái tánh đức của vạn loại*

khó lấy trí khôn người mà định khen cho đặng.

Không vô ích dữ hiền mặt thế,
 Sống phải toan kiếm kế nuôi thân.
 Chí Tôn con cái đều cần,
 Lòng thương kia phải dành phần lợi sanh.
 Cho tấn hóa, người hành đau khổ,
 Người phải cho mô phạm bảo thân.
 Dưới đời mấy mặt hiền nhân,
 Với ta gọi dữ họ cần ích riêng.
 Sao đặng tiếng Thánh hiền các Đấng,
 Sử nơn gian nào chứng chép ghi.
 Đấu tranh mạnh yếu thường khi,
 Xem ra thấy mạnh cũng thì phần hơn.
 Lẽ mạnh yếu thiệt hơn chiến đấu,
 Nâng trí mưu cơ xảo nên hay.
 Cảnh phàm tương đối là đây,
 Dữ, vô dụng, ấy là lời bia danh.
 Nơi hoàn vũ cá nhân có chỗ,
 Các Trời kia lớp ngõ học đường.
 Càn khôn thế giới là trường,
 Chư hồn đến học cho thường mới hay.
 Kẻ nào nhặng bỏ bài trốn mãi,
 Không đặng lên, học lại bài xưa.
 Các hồn ai cũng mến ưa,
 Sách thiêng liêng đọc mấy tờ vĩnh sanh.
 Ai cũng ước công thành danh toại,
 Phải nhiều thời nhiều phép nhiều kinh.
 Vật hèn tới phẩm tối linh,
 Con đường đi biết mấy nghìn thời gian.

Chung cuộc hiểu hành tàng ta đã,
 Sau mới tường căn quả Chí Linh.
 Biệt phân đẳng cấp tánh linh,
 Là phương dành để cho mình sánh cân.
 Trong học thức Ngài cần quảng đại,
 Phân tánh người tùy cái tài ba.
 Dem người phạm tánh cho ra,
 Ngoài vòng Thánh chất, chánh tà phân minh.
 Lấy gương tốt để dành Hội Thánh,
 Năng dạy khuyên các nhánh bất trung.
 Dừng thềm ghét kẻ gian hùng,
 Coi phần hồn trọng độ giùm là hay.
 Cứ thương mãi đặng cho nhơn loại,
 Chơn lý kia cạn giải đôi lời :
 TỬ BI, BÁC ÁI và TRỜI.

Nếu chúng ta để trí mà suy hiểu bài văn này thì chưa một Đấng thiêng liêng nào đã thấu đáo ngơn thì của Chí Tôn cho trọn vẹn, dầu Đức Thích Ca cũng để lời phỏng tưởng mà thôi.

Vậy nếu chúng ta muốn hiểu biết hơn nữa mà để luận thì chúng ta chẳng khỏi bị tội tự kiêu, tặng mình thông minh cao kiến còn hơn Tiên Phật.

Chúng ta lại hiểu đặng lời bí mật của Chí Tôn dạy rằng : “ **Thầy là các con, các con là Thầy**, và lời thương yêu vô tận là : **Cho các con tấn hóa đến ngang bậc cùng Thầy**, hay là **Thầy lại hạ mình cho các con còn cao hơn nữa.**”

Ôi ! Cái từ tâm ấy kể sao cho xiết. Càng suy gẫm càng đem lòng thương yêu quá đỗi.

Tài bao nhiêu cũng muốn sang cho hơn loại, phép bao nhiêu cũng muốn sốt cho chúng sanh, lòng dạ Chí Linh nghĩ thôi quá đỗi, dầu gặp phải tay kẻ nghịch cùng mình cũng cam chịu lấy.

Hèn chi cái tánh chất làm Cha của con người cũng phải tùng theo khuôn linh đã định vậy.

Nhọc cũng không nài, khổ không biết kể, chỉ trông mong cho con khôn lớn, đủ trí khôn ngoan, dặng nắm giữ nghiệp nhà, nhiều phen chẳng kể phận già, miễn cho trẻ cao danh trọng vị.

Một ngày kia, tộ đệ hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn rằng :

- Phàm hễ là Cha thì làm Cha, còn làm Thầy thì làm Thầy, chớ sao Đại Từ Phụ lại xưng là Thầy rất nên khó hiểu ?

Ngài trả lời như vậy :

Il est même temps Père et Maître,
Parce que c' est de LUI vient tout notre être.

Il nourrit notre corps de ce qui est sain,
Et fabrique notre esprit de ce qui est divin.

En LUI tout est Science et Sagesse;

Le progrès de l' âme est son oeuvre sans cesse,
Les viles matières sont joyaux à ses yeux;
De vils esprits, IL en fait des dieux.

Sa Loi est Amourr, sa Puissance est Justice.

IL ne connaît que la vertu et non le vice,

PÈRE : IL donne à ses enfants sa VITALITÉ,

MAÎTRE : IL leur lègue sa propre DIVINITÉ.

Dịch nôm :

Người cũng vẫn Cha Thầy luôn một,
 Cả chơn linh hài cốt tay Người.
 Nuôi mình dùng vật thanh tươi,
 Tạo hồn lấy phép tốt vời Chí Linh.
 Nơi Người vốn quang minh cách trí,
 Tấn hóa hồn phép quý không ngưng.
 Vật hèn trước mắt thành trân,
 Hồn hèn Người lại dành phần Phật Tiên.
 Luật thương yêu, quyền là ngay chánh,
 Gần thiện căn xa lánh phạm tâm.
 Làm Cha nuôi sống âm thầm,
 Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Thiên.

* * *

Làm cha mẹ ở thế, khi con khôn lớn thì hằng lo giáo huấn làm đầu, vì có học mới có khôn, có hành mới có biết, mong sao cho con nó hay hơn mình, nên phải lo lắng kiếm trường, lựa chọn thầy dạy dỗ. Hễ thấy con hơn mình thì đủ cho là phước hạnh.

Cái trường cần khôn tạo hóa vốn của Đức Chí Tôn lập dạy các đẳng linh hồn thêm học thức, học đẳng biết mình trước đã, sau mới mong tìm tòi biết người, tấn hóa cùng cơ thể luân hồi, rộng học thức nhờ bởi chịu nhọc nhằn đau khổ.

Ngày nào đẳng linh thiêng tốt bậc thì hiểu cùng cận kề mỗi huyền vi. Cả tinh thần đúng bậc trí tri thì mới đoạt đẳng phương hằng sống.

Nếu chẳng phải là điều viễn vọng, nay Trời là chi, sau ta cũng là chi, tu cho nên bác ái từ bi, tạo thế khác có khi ta chủ tế.

Cái không trung vô ngần kia biết bao nhiêu cho cùng tận. Hễ Trời ngày nay đã làm đặng điều gì thì sau ta cũng có khi làm đặng vậy, gia nghiệp của mỗi con người nơi thiêng liêng có sẵn gọi là cảnh giới cá nhân, nếu mình biết lo sự nghiệp nhỏ là phương khai thế giới.

Mặt luật thiêng liêng vẫn vậy, coi tuồng đời nào có thấy sửa bao nhiêu, sanh tử, tử sanh, hư hư, hoại hoại, cái cơ tạo vẫn xây vẫn. Người nầy tạo rồi chết, qua kẻ khác hóa thêm rồi cũng chết, chỉ học nghề tạo hóa mà các đẳng linh hồn để biết bao căn kiếp tại thế nầy, tạo hữu hình đặng thông hóa phép vô vi, lấy gia nghiệp đặng tri cơ thế giới.

Hỏi ai đã tránh khỏi cái quyền năng vô tận của luật pháp ấy chẳng ? Không phải tạo cho mình dùng thì cũng hóa giùm cho kẻ khác. Theo mà học hoài lấy kiểu vở của Hóa Công, dầu cho đến tận thế phép không đời đời.

Đã biết hữu hình thì hữu hoại, mà con người cứ lầm lũi làm hoài, làm cho đến đổi liệt gối mòn tay mà làm hoài chẳng mỏi. Làm chưa hết của mình còn lo toan tính giựt giành của người khác, chất chứa đồ làm ấy cho nhiều, nào tiền bạc, nào cửa nhà, nào ruộng sâu, nào trâu cả ! làm cho đã thềm các vật, rồi lại toan tính làm người, lựa hầu thiếp tốt tươi đặng đúc con cho đẹp, làm cho đã thềm hết sức, đến liệt gân mòn cốt cũng còn làm, làm cho đến nát hồn mà cũng còn ham làm mãi.

Còn một hơi sống cũng làm cho lấy đặng, làm

một mình mà hơn sức lực của trăm người, chùng đến lúc dứt hơi, mà cũng còn trời để lời lo tạo hóa.

Tạo hóa, Tạo hóa, nầy cái phép bí mật huyền năng kia ta thử hỏi nó rằng : đã có ai biết phép làm chủ của người chẳng ? hay là cả vạn linh đều chịu sanh làm tớ người cả thấy hử ?

Nó liền trả lời rằng : Cái khối thảm khổ của đời phải mỗi người chia mỗi ít, đặng cho hậu tấn của linh hồn hưởng ơn giảm khổ ngày sau, nên phải buộc dầu cho làm rồi bỏ thì luật lệ định phải làm, còn như làm biếng ngồi mà ăn thì lại bị ăn xin ở tạm.

Cả tinh thần tự do hành động của mỗi người có phải bị quyền lực nầy giục cho sản xuất hay chẳng ?

Đấng yêu thương vô ngần kia, nếu đã định cho mình một phận sự làm cha của chúng sanh về phần hồn thì phận sự ấy khó khăn quá đỗi.

Sanh một mảnh anh nhi, vì tình máu mủ mình còn thương quá đỗi thương, đêm lo ngày tưởng nhiều khi lại phải quên mình, lo phương thế cho con nên, tưởng mưu hay cho trẻ nối, dầu làm điều tội lỗi đặng để của lại cho con, miễn cho trẻ sau khỏi ra cú vào lòn, bị tội tình chi cũng chịu.

Bỏ mình vì con, gương ấy thấy thường dưới mắt. Phận làm cha, duy có lo về phần xác thịt của vài đứa con mà phải nhọc nhằn dường ấy.

Nghĩ đến phận sự của Ông CHA vô hình của chúng sanh là bao nhiêu khổ cực.

Lo cho nó nên Phật, nó cứ muốn làm ma,
Lo cho nó thành Trời, nó cứ ham làm quỷ.

Mối buồn tình ấy tả sao cho nổi.

Chư Đạo hữu thử nghĩ, như con cái chư Đạo hữu, từ bé đến khôn ngoan, thì đêm nào mà vợ không nói với chồng, chồng không khoe với vợ mà toan tính hậu nhựt cho con. Chắc là ai cũng muốn cho chúng nó làm quan, làm làng đặng ăn trên ngồi trước thiên hạ, cùng đáo để cũng tính cho nó làm đặng chức dân khôn, có tiền có của với người.

Chừng chư Đạo hữu niên cao kỷ trưởng rồi, lại thấy nó ra bọm điếm đàng, nghèo hèn ngu dốt thì chư Đạo hữu phải chịu cái thảm ấy là dường bao ?

Đại Từ Phụ đã định cho loài người một cái tương lai quá trọng, dầu để sanh vào trường thảm khổ của đời, cho họ học khôn, đòi phen phải rơi châu đồ ngọc, riêng chịu thảm cùng loài người đi nữa, thì chỉ trông mong có một điều là cả chúng sanh đặng đắc cử thành Tiên Thánh trong cơn thi khóa, nào dè con cái của người bị hãm áp vào biển khổ sông mê, mặc kiếp lập thân chẳng nổi thì cái mối thương tâm đau đớn biết bao ngần.

Ngày nay, Đại Từ Phụ đến lập Đạo đây, chẳng khác nào ông cha nọ cho con du học tha phương, trông cho nó đặng công thành danh toại, hầu sau nó nổi hương hỏa phụng thờ, nào dè nó ham ở xứ người vui chơi cho thỏa chí, nào là thanh lâu tửu điếm, nào là hút xách bạc cờ, gia tài riêng bao nhiêu phá hết, lại đôi khi năn nỉ xin thêm. Cậy người đến thăm nó, thì nó biết ý làm màu mè siêng năng lo học hành quá đổi. Về nói lại thì già cũng trông cậy để lòng mừng,

duy có một điều lạ là học hành đã trên quá mười năm mà chẳng thấy gởi về một cái cấp bằng nào cho đáng giá. Thét quá tức mình kêu nó về, nó lại cũng chẳng về. Cậy năm bảy người đi, gởi mấy ngàn thơ nhẩn.

Biệt tin nhận cá, chẳng dạng chẳng hình, chẳng lẽ thấy nín thình, dứt tình đành bỏ lầy.

Ngặt nổi khi vào khi ra, thấy ngờ ngờ dấu tích buổi ban sơ, dầu cho mảnh áo vật chơi cũng còn để dấu. Lòng thương giục nhớ, phải bươn bả tầm con.

Nỗi đường trường diệp viễn nước non,
Ai biết mặt phòng toan kính trọng,
Lại sang cả danh nêu lọng lọng,
Xung thiệt danh người cũng không tin,
Nương gậy lê lũ thứ một mình,
Đòi phen chịu người khinh kẻ nhục.
Nào dè đâu !

Nghe tin trẻ trong vòng khổ cực,
Nỗi thê nhi ùm bọc đất dùi,
Nỗi gia đình chẳng đủ chi tiêu,
Làm thuê mướn mơi chiều thiếu bữa.
Mảng nghèo khó xứ người lặn độn,
Phải làm thân trâu ngựa người dùng.
Sự học hành xưa chẳng chí công,
Thả trôi chảy theo dòng khổ thủy.
Lại thêm nhiễm những lời ma mị,
Oán thân sinh chẳng nghĩ thâm tình,
Đói khó thân dầu phải ăn xin,
Cũng chí quyết không nhìn đến ổng.
Nơi đất khách đã đành gởi sống,

Nào kể chi cái đống xương tàn.
 Oán anh em, oán họ oán hàng,
 Oán xứ sở, oán làng oán tổng.
 Nghe quê cũ như dường nằm mộng,
 Nợ nần thân thân sống chẳng cho về,
 Thôi đã đành bỏ dứt từ quê,
 Còn chi kể lời chê tiếng nhục.
 Ởn sanh đục dầu còn biết Đạo,
 Muốn lo đèn hiếu thảo cũng vô phương,
 Ngày những đêm khổ não đoạn trường,
 Đã quên hẳn Tông đường sang cả.
 Lại đành chịu làm ma xứ lạ,
 Phú thân hồn đày đọa tại tay người.
 Áo Tô Tần một mảnh tả tơi,
 Chịu lao khổ sương mơi nắng tối.
 Già khi đã dò đon lặn lội,
 Nương gậy lê đến tới nhà con.
 Thấy hình hài con đã hao mòn,
 Thêm nỗi vợ nỗi con đói khát.
 Ăn thiếu bữa cơm không đầy bát,
 Uống nước cho đã khát chén không đầy.
 Thân không nhà rày đó mai đây,
 Ở chung chạ cùng bầy trộm cướp.
 Con dò dặc tèm lem tước lược,
 Học nói năng như nhớp thấy mà kinh.
 Nổi bất hòa chồng vợ không tình,
 Nổi bặt tác chê khinh đều lánh.
 Gần hung ác tập rèn quen tánh,
 Chấn lầy thân yếu mạnh so đời.

Không lương tâm nào biết ngó Trời,
 Theo thân thể trọn đời thờ qui.
 Thấy như thế, Già tuôn giọt lụy,
 Lại hiểu con chẳng nghĩ đến mình,
Gạt lụy rơi về tạm Khách Đình,
Chẳng cho trẻ biết hình biết dạng.
 Thấy con trẻ làm nhà buôn bán,
 Đem tiền ra lập hăng lập chành.
 Nghe con làm thợ đá có danh,
 Lập hăng lãnh cất dinh cất phủ.
 Nghe con có làm bồi nhà ngủ,
 Lập nên nhà khách ngụ nhà hàng,
 Nghe con hay làm mướn nhà quan,
 Cho con đặt vào hàng ấm tử.
 Lập gia nghiệp cho con vừa đủ,
 Dạy, khuyên, nuôi dưỡng lũ cháu thơ,
 Bèn làm cho đủ giấy đủ tờ,
 Cả của cải đều cho con hưởng.
 Thơ một bức dặn con thương tưởng,
 Phải giữ căn bền hưởng ân hồng.
 Nhớ cội nguồn đừng phế đừng vong,
 Nơi quê cũ Cha trông thấy trẻ.
 Nay đã đặt giàu sang đủ lẽ,
 Gắng giữ gìn danh thể Tổ tông.
 Gia tộc con cả giống dài dòng,
 Đều sang cả chớ không hèn hạ.
 Ở xứ lạ dầu nên nghiệp cả,
 Học hành thêm để dạ cần chuyên.
 Nhà cửa ta chẳng kể của tiền,

Duy trông trẻ nên Hiền nên Thánh.

E con thẹn nên Cha phải lánh,

E trẻ phiền Cha tránh mặt con.

Con khá nhìn lấy nước lấy non,

Còn non nước Cha con còn gặp. (1)

Chư Đạo hữu ráng để hết ý mà suy nghĩ và hiểu cho thấu bài diễn văn này.

Tệ đệ lấy cử chỉ của một ông cha phạm thật cao minh quảng đại thương con quá đổi mà lập phương thế cho con nên, đặng tử với Đại Từ Phụ đến trong lúc Hạ nguơn này đặng khai Tam Kỳ Phổ Độ, đặng độ nguyên nhân qui hồi cựu vị thì thấy y nhiên chẳng sai một mảy, lại còn hiểu đặng tôn chỉ của Từ Bi để lại cho chúng ta cũng là rõ rệt.

Nếu chúng ta đặng hữu duyên thấy nơi thế này có gương của một người nào đã biết làm phận sự cha với trí thức cao thượng như thế thì chúng ta ắt chẳng phải thương quá đổi thương, rơi châu đổ lụy cùng người mà chớ, rồi lại cũng thâm trách cái tệ của người con kia quá ư bất hiểu.

Ông Cha ấy là Đại Từ Phụ, còn người con ấy tử với chúng sanh, nghĩa là loài người ta đây cả thấy. Thấu đáo câu văn cho tận rồi xét mình tội lỗi cùng Từ Phụ là dường nào. Chính mình tệ đệ cầm viết mà tả ra đây cũng phải động lòng tuôn dầm giọt lệ.

Ôi, anh em chúng tôi, nghĩa là những Chức sắc đương quyền hành đạo từ buổi sơ khai đã nhờ ơn Đại

(1) là Thầy muốn độ mình hồi cựu vị.

Từ Phụ đem dỗ ngày khuyên trót mấy năm thân mật, chỉ còn thiếu thấy hình Người, chớ bằng có hiển nhiên trước mặt. Đêm khuya thanh vắng dạy dỗ lấy con, nào những lời châu ngọc đầy đầy yêu thương, nào trí ý cao sâu công bình chánh đáng.

Chỉ biết dỗ, chẳng biết hờn; chỉ biết than, không biết giận.

Anh em chúng tôi buổi trước vốn lẫn lộn lẫn lóc cùng đời, chẳng biết tu là chi, tất cả, dạy một đường làm một ngã, giải một nghĩa hiểu một điều. Ôi cái hư tộ biết sao kể xiết !

Sự thử Thánh tại chùa Gò Kén buổi nọ cũng do nơi cái dốt ấy, mà thương thay Từ Bi không để một lời quả phạt, chỉ có than thở mà thôi, vì đã chóng biết anh em chúng tôi vốn còn khờ, đi bước mới chưa quen, ngờ ngẩn trên đường đạo đức.

Từ ấy lại cố tâm giảng dạy hơn nữa, cho đến ngày giao quyền hành đạo cho Đức Lý mới thôi, nên chúng tôi mới hiểu thấu Đạo đôi điều, có đủ phương truyền giáo.

Chúng tôi vẫn chẳng phải cầu mà đặng, mà cũng không bắt chước mà làm, lệnh trên dạy phải cam, chớ sá chi mang quyền tước.

Ai ai cũng đều lo làm cho tròn phận sự đặng trọn Đạo cùng Thầy, ai chửi cũng trối thầy, ai rầy cũng trối kệ. Tội tình còn chẳng kể, lại vị nể đến ai, lời thị phi gác để ngoài tai, theo Từ Phụ cho vẹn ngay trọn thảo.

Tệ đệ vốn là người ít tin cơ bút hơn hết, cũng

tại Đại Từ Phụ để nghỉ, nên cứ tò mò theo thử mãi.

Thử rồi lại sợ mang tội cùng Thầy, vái cho bị một phen rầy thì họa may phải tởn. Mà Thầy cũng chưa hề rầy. Đôi phen cũng vì nhẹ đức tin mà cãi mạng lệnh của Thầy, chùng biết tội vái cho bị rầy mà chừa cải.

Thầy cũng không rầy. Nhiều khi nói lớn vái to lên ai cũng đều nghe hết mà Thầy chỉ cười rồi bỏ chớ cũng không chịu quả phạt giùm lấy một lần.

Để lòng nghi cho Đồng không huyền diệu, về nhà chấp bút một mình, kể tội từ buổi Tam Hoàng, bài oan kể từ đời Ngũ Đế. Đêm khuya leo lét một bóng một hình, đưa ngòi bút lên đó đặng đợi Thầy, Thầy vừa giáng đã lo khóc trước.

Thầy lâu đến quá thì nhớ, nhớ quá lại thương nhiều, hễ vừa thấy giáng đã mũi lòng, ráng cầm khóc mà nước mắt không nghe, cứ chảy tuôn xối xả.

Ồi nghi có xấu hổ chi mình khóc với Thầy mà phòng sợ. Lại bị những lời vàng khuyên bảo, tiếng ngọc dặn dò, trước kia chẳng để lòng lo, nay kết cuộc, Đạo phải chịu chênh nghiêng rồi rầm, thâm trách lấy phận mình không chịu nhớ lời Thầy dạy.

Cũng vì các bằng cơ ấy mà nó xoi lũng mạch sâu, nước mắt nhỏ không phương cầm lại nổi. Mảng chùi mảng quẹt, mảng hỉ mảng lau, một đôi khi làm Thầy phải đợi. Ráng làm tỉnh đặng cầm viết cho Thầy, té ra viết một câu lại khóc ô lên nữa. Đôi khi thấy khóc quá, Thầy lại chọc cười, rồi chuyện vãn một hồi, nào là dạy đức tánh của thiêng liêng, nào là phép

huyền vi cơ tạo. Nói thôi bao la thế giới, học thôi nát óc nát đầu, coi lại mấy điều khẩn cầu, không một lời nói đến.

Lúc ban sơ, tậ đệ hay thưa người này, kiện người kia, chê cụ ni, khen mục nớ, cũng bởi mê lời nói của Thầy, cho cầm cân công bình tại thế. Cây cân công bình Thầy nói đó ngày nay tậ đệ cũng chưa biết chỗ mà dùng, nhứt là khi Hiệp Thiên Đài với Cửu Trùng Đài phản khắc, Thập nhị Thời Quân chưa hiểu phận mình, tậ đệ dâng cả tên tuổi của những người không lo hành Đạo đầy tràn một tờ sớ.

Đó, Thầy mới giáng mà trả lời. Vừa giáng thì kêu tên tậ đệ mà nói rằng :

“ Mỗi đứa con đã sanh đứng làm người đều có trách nhiệm thiêng liêng. Thầy cân sức lượng tài của mỗi đứa đặng định giao phận sự. Đứa dở chẳng lẽ ép làm hay, đứa tài không lẽ làm việc dốt. Dở dốt cũng cần dùng. Cách thế Thầy dùng vốn vô hạn lệ. Thầy biết chúng nó đặng chớ con biết chúng nó sao đặng. Tỷ như gặp đứa sức yếu, con buộc gánh nhiều, rủi bị nặng nề vấp té đến lụy mình thì tội tình ấy về con gánh vác.”

Chư Đạo hữu nghĩ coi cây cân công bình của tậ đệ mới nhích bên nào cho đúng ?

Sau lại kẻ ngoại giáo kích bác chơn truyền, tìm phương diệt Đạo. Tậ đệ dâng một tờ sớ xin cho Thiên khiển quỷ xác ma hồn.

Thầy giáng hỏi rằng :

“ Tỷ như con có năm bảy đứa con, đứa lớn khôn nó biết hiếu hạnh kính nhường con, con thương yêu càng trọng. Rủi có một đôi đứa nhỏ dại chưa hiểu đạo nghĩa làm con, nên hỗn hào phản nghịch thì con mới định làm sao con ?

Tôi trả lời rằng : Sẽ dùng hình phạt mà khuyên răn trừng trị, bằng chẳng dặng thì đành lòng từ bỏ.

Thầy nói : - *Từ sao dặng con !* Cười rồi tiếp :

- *Nó nhỏ dại mà bỏ sao đành, tâm tánh của một ông cha lành chưa nỡ nào làm dặng.*

Ngưng bút , hỏi lại tộ đệ rằng :

- *Sao con không nói giết phứt nó đi cho rồi ?*

Chùng ấy nhớ lại tờ sớ, thôi bắt kinh hồn hoảng vía. Khi Thầy thấy hiểu mà sợ thì Thầy mới giải rằng :

- *Biết bao phen Thầy giảng thế lập Đạo, bị chúng sanh biếm nhẽ, chê bai, đến đôi bắt Thầy mà giết, nhưng mà khi Thầy qui Thiên, chúng nó cũng biết nhìn Thầy từng theo đạo giáo.*

Cổ kim vẫn thế, các con chó đẻ lòng hờn, dẫu chúng sanh chẳng rõ thiệt hơn, nói phạm thượng đến Thầy thì Thầy chịu.

Chư Đạo hữu nghĩ coi cái khối từ bi ấy đã đáng bao to mà rồi lại nghĩ giùm cây cân công bình của tộ đệ để đâu cho phải chỗ dặng chỉ cho tộ đệ một lần làm phước.

Một Đấng dường ấy đến cầm quyền lập Đạo mà lại có nảy sanh ra một Chi phái chửi đời cũng bởi danh Người, nghĩ âu quái dị.

Những lời này là lời Ông Trời thiết, hay là lời mắng nhiếc chúng sanh, tộ đệ để cho tâm linh của mỗi người thâm hiểu.

Ấy vậy thì Ông Trời theo đức tin của anh em chúng ta là một Chí Linh hiện tại. Có lẽ khi chư Đạo hữu lại còn trưng ra lăm bằng cứ khác nữa, nào là các sắc dân sanh, dầu kêu danh Người ra khác đi nữa cũng đều thờ phượng kính trọng và nhìn nhận rằng : Quả có Đấng Chí Linh làm chúa càn khôn vạn loại, chủ các đẳng linh hồn là vật chất, thảo mộc, thú cầm hồn, nhơn hồn, Thần, Thánh, Tiên, Phật hồn, chung gọi là vạn linh, vì cả thấy đều hấp thụ đặng một điểm linh của Đấng Chí Linh ban cho làm mạng.

Cả vạn linh mỗi mỗi đều tùy cơ tấn hóa y theo đẳng cấp thiêng liêng đã định mà đoạt cho đến địa vị Chí Linh, là tương lai cùng tận đặng đồng thể cùng Trời, vô sanh vô tử, bất tiêu bất diệt.

Nhưng mà đoạt cho đặng địa vị tối cao tối trọng ấy thì các đẳng linh hồn phải thoát qua đã nhiều vô cùng đẳng cấp khác nữa, chịu lăm phép huyền vi Thiên điều đã định, đặng nâng đỡ dìu dắt vạn linh đi cùng mục đích, nào là chịu luân hồi chuyển kiếp, nào là chịu khổ não thi hài, đi cho cùng cửa Địa ngục, vào cho đủ sắc lửa luyện tội, nghĩa là chịu thai bào vào mấy địa cầu khổ cực, rồi mới lần hồi vào cửa thiêng liêng mà đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Mỗi linh hồn đều tự chủ mà lập vị lấy mình, dầu nên dầu hư, cơ công bình tạo đoan chỉ để cho mình định liệu, cao cao, thấp thấp, duy hiểu đặng

buổi chung qui, nghĩa là buổi trở về cõi trời thì màn bí mật thiêng liêng mới trọn mở.

Chừng ấy thì biết nhìn Trời mà Trời chẳng ngó, mong nghe lời Phật mà Phật vẫn làm thính ! Giận quá tức mình đi đầu thai lại nữa, dặn lòng đến thế đặng sửa nét phàm, nào dè đến trần rồi thì mùi thế cũng còn ham, ham mùi thế ắt không ham mùi Đạo, khiến lập mình tự bạo tự kiêu, ai khai Đạo ta cũng đua chen khai Đạo.

Khai Đạo đặng làm chi ?

Đặng phá Đạo.

Phá Đạo đặng làm chi ?

Chơi ! Hay là

Nghĩ lại mà bắt buồn cười cho cơ Trời rất khéo.

Cái quên mình là gì ? mà mình đã làm gì trong kiếp trước ? là cái cửa của phép luân hồi. Nếu cơ bí mật quyền năng của Trời chẳng vậy thì cõi thế gian e đã hết người. Hết hết người thì ắt hết đời, nếu đời hết thì còn chi là Đạo.

Vì vậy mà chữ Đạo thật là huyền bí vô cùng vô tận, đồng quyền hành với nghĩa lý của càn khôn, đối thế lực cùng Chí Linh khai tạo hóa.

Luật tạo đốn, nghĩa là Đạo, xem dường như mạnh mẽ vô cùng, đến đối dám sanh sản ra một vị chí Phật như Đức Thích Ca đặng truyền cơ giải thoát hầu cho chúng sanh đủ thế lực diệt tàn phép luân hồi chuyển kiếp của thiêng liêng mà xem lại nơi mặt địa cầu này cũng vẫn còn người.

Hỏi chúng ta nên cho phép giải thoát của Thích Ca là vô hiệu hay là ta nên cho rằng cơ tấn hóa của vạn linh đã ra ngoài vòng pháp ?

Có lẽ cái bí pháp giải thoát cũng có giúp ích cho các đẳng linh hồn đã tấn hóa đến chơn Phật vị, chớ không phương giúp cả vạn linh. Vì cơ mà làm cho bực thường tình sanh chúng đã lầm tu từ thử có phải?

Theo chúng ta tưởng thì cơ tạo hóa - gọi là Đạo - của Đức Chí Tôn thì cũng như vậy :

Nhờ hơi ấm của Dương quang, nước phải thành mây, mây đông lại rồi hóa lại nước, nước ấy tràn khắp địa cầu, thấm vào trong lòng đất, gặp muối làm cho tiêu tan, đem nước muối ấy, hoặc nhiều hoặc ít, có khi mình chẳng biết đến mùi, ra tới mọi, nhiều mọi chảy thành ngọn thành nguồn, nhiều ngọn nguồn ra sông rạch, nhiều sông rạch thành biển cả, sắc nước mặn của biển ấy đi còn lại muối đọng nuôi sanh chúng.

Bóng Dương quang tử là Đức Chí Tôn,
Nước tử như sanh chúng,
Ngọn nguồn sông rạch tử như các tôn giáo roi
truyền,

Biển như khối Chí Linh,
Muối tử như cuộc đời,
Mây tử như chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Cả vạn linh tùy theo phận sự mà lập đời, hoặc công nhiều, hoặc công ít, hễ đã đến thế thì phải độ đời. Cao thì trách nhậm cao, còn thấp thì làm theo phận thấp, tạo thế giới cho đặng toàn thiện toàn mỹ mà làm nhà khách quán, hay là lớp học của các chơn

linh. Không phải cho các nguyên nhân mà thôi, lại còn làm giùm cho hồn tấn hóa cùng là các quỷ hồn luân hồi đền tội.

Oan oan nghiệt nghiệt vốn là máy Thiên cơ, cũng chẳng khác gì lúc trước các đế vương của nhà Nam hay cho tù tội đến chốn hoang vu dựng khai sáng đất quốc gia cho thành khoảnh, lập làng lập họ dựng vào bộ làm dân, còn như không đi làm đồn điền thì cam phận đành làm tù tội. Có tù có tội mới có công dân dựng khai lần đất nước.

Các chơn hồn bị luân hồi chuyển kiếp đến thế này cũng là nhiều hạng, nhưng mà hạng bị oan oan nghiệt nghiệt vẫn phần đông, nếu muốn cho mặt địa cầu mau tấn hóa thì phải nhờ công quả của loài người, không nghiệt oan buộc chuyển kiếp luân hồi, hồn tình nguyện nghĩ thôi rất ít.

Làm cho trái địa cầu này nên Thánh địa dựng giảm khổ cả chúng sanh thì công của các chơn linh rất trọng. Hồn thì lo đền tội, hồn thì đến siêu thăng, hồn thì đến lập công, đều xúm xít nhau mà lập danh phận cùng Trời là chúa cả.

Sự công bình tạo hóa là định phân đẳng cấp các chơn hồn hầu định phân xác thân tại thế. Cao cao thấp thấp, trí trí ngu ngu, trọng trọng khinh khinh, lành lành dữ dữ, mỗi tánh đức bởi linh hồn, dầu muốn toan sửa cải cho hơn, cũng khó tránh số phần Trời định.

Bởi vậy cho nên, từ trước, các hàng Chí Thánh cùng máy phẩm Phật, Tiên, chí thương sanh chẳng

chút giận phiền, lòng ái chúng không hề từ bỏ. Dầu chi chi cũng không riêng xử, chỉ đề tên là đám nhơn sanh. Hễ còn lo về mặt thế tình mà biết thế tâm linh phé Đạo. Không phân không xử, không định không lường, lo sanh chúng từng lương, hồn tấn hóa.

Bởi vậy cho nên, anh em chúng tôi hằng để nơi lòng một phận sự tối cao tối trọng của Đại Từ Phụ hay căn dặn thường thường rằng :

“ Chúng sanh chịu khổ cũng vì Thầy dùng cơ quan sâu nã dựng tạo cho nên đường tấn hóa trí thức tinh thần, các con nên thấy cái dở mà để lòng thương, xem cái hay mà mừng dạ, vì chung cuộc, dầu dở cũng có giúp Thầy tạo hình thể cơ đời cho mỹ mãn.

Không phạm tội mà làm phận sự giỏi mới là hay, không trái lương tâm mà làm đặng điều hay mới giỏi. Phải lấy trí thức tinh thần làm chủ mới hành động đặng như vậy.

Thầy trông cậy có một điều là ngày nào các con về Thầy mà toàn sanh chúng thấy thương yêu thì là Thầy đắc vọng.”

Lòng từ bi của Chí Tôn xin chúng ta rộng lòng tha thứ, quảng đại bao dung, đặng hiệp tánh cùng Người thù từ miễn khổ.

Ngoài cái pháp luật của Đạo thì phải để một tình riêng thương đến bực nhơn sanh còn thấp thỏi.

Mình có khoe mình chí Thánh mới là chê kẻ khác có phạm tâm. Nếu Đạo tâm gìn dạ không không, ai cũng thế mà ta đây cũng thế.

Mang xác tục là mang tình tệ, xác thịt ai như thể thân mình. Muốn cho hơn cả chúng sanh, phải làm mặt người lành đúng bực. Mảnh xác thịt trong vòng khổ cực, có cân lường tài sức chịu là bao, quá sức mình thiệt giả té màu, dầu ngu dại lâu mau cũng thấy.

Lời Người nói : Giả kia như giấy, tiếng để đời hay thiệt ấy là vàng, chưa ai từng lượm giấy bỏ vàng, mà không định ngu ngoan cho đúng lý.

Hằng xét hỏi tấm lòng cho kỹ, mình chê mình còn nghĩ thương ai, nếu tầm cho mình thật đúng hiện tài thì cấm hẳn mặt ngoài đối trá.

Đừng dối đừng gian, đừng chê đừng nhạo thì mới mong luyện thông minh trí lự, tu sáng lảng tinh thần. Đạo của chúng ta thì do nơi đức tin mà hành đạo.

Còn như các đảng phái khác thì họ thờ trí lự của họ với lương tâm. Ấy cũng là một cơ quan biến tướng của Đạo mà Đức Chí Tôn đã biết trước, nên để sẵn hình ảnh thần lương tâm của họ là Thiên Nhân của Thầy, sự thiệt giả cũng có biệt phân đôi chút.

Luận ra cho đúng lý thì họ cho rằng cả đức tin của chúng sanh xúm nhau nắn hình Ông Trời Ông Phật dựng trị lương tâm của mỗi người. Trời Phật tức là đức tin của chơn lý, như là Ông Trời thì thật hình ảnh của Thần Chơn lý họ đã đặt tên, có phần đặc biệt hơn hết. Họ cũng phải lấy đức tin mà dụ dỗ dựng cho bậc thường như phải tin tưởng cho đông dựng toan lợi dụng, còn họ thì ngoài vòng tín ngưỡng, duy lấy thế lực mà làm môi.

Họ lấy trí phàm mà tượng nắn ra Trời, nên Trời có bụng có râu có tóc. Vì vậy mà khi Trời giận thì phùng râu dựng tóc, khi Trời hờn, vỗ bụng mưa ra vân. Trời ghét ai cũng biết cần nhân, Trời oán vật kiện xằng kiện lếu. Trời cũng biết cải danh sửa hiệu, Trời cũng hay coi kiểu học đòi, Trời cũng thường ham đánh ham thoi, Trời cũng biết mắng voi chửi vịnh. Trời cũng biết làm hề làm nịnh, Trời cũng hay mượn lệnh nhà quan, Trời cũng hằng tụ đảng côn hoang, để mưu hại những trang đạo đức. Trời lại thích cách giành cách giựt, Trời cũng hay ăn cắp Đạo người.

Nếu quả nhiên có phải Ông Trời thì hỏi thử Trời ơi có thấu ! Trời này đấu với Trời tệ đệ tả trên kia thiệt là khác hẳn.

Vậy thì anh em mình nếu gặp đặng một Ông Trời y như hình ảnh tệ đệ mới tả ra khoảng trên đây thì chắc là không thế gì chúng ta tu đặng.

Mấy tay yếu nhưn phẩn Đạo, đã đào tạo chơn lý ra đây, cũng có cầm quyền hành đạo buổi trước, nhưng đã bất tài thói buổi, lại còn để nợ lại cho Hội Thánh vài ngàn đồng, tệ đệ đã thấy chán chường bằng cứ.

Họ đã thấy rõ rằng đồng tiền của chúng sanh thì ít, nhứt là của nhà Nam ta đây thật quả nghèo nàn, có đâu dư dả cho nhiều mà năng làm phước; còn như tiền của tín đồ các nơi thì họ đợi cho có cần dùng, Hội Thánh phải nài xin thì họ mới đem bố thí.

Lớp thì nuôi chúng sanh từ thử, hao tiền tốn của biết là bao, Đạo hữu và người ngoài ăn của Đạo

tính trên có triệu miệng, như là dân Cao Man nhiều hơn hết. Vậy thì chúng ta tính thử, kể hai cắt (O\$20) một miệng ăn thì đã có hai trăm ngàn đồng bạc từ thử (200.000 \$ 00).

Lớp thì lo phổ thông Đại Đạo khắp các nơi, bên Thái Tây cùng là ngoại quốc, mấy điều chi phí về phần này, chúng ta không dám đem ra mà cặn tỏ, vì có nhiều lẽ phải đề phòng : mấy tay yếu như lập “*Chon Lý*” đã thâm hiểu là điều yếu nghiệt, nên cứ việc cáo gian rằng Hội Thánh giựt tiền bá tánh. Họ sâu sắc đến nỗi biết chắc Hội Thánh chẳng dám trả lời mà phô trương điều ấy nên dễ thế cho họ vu oan. Tiền thì quả có vô, song đó họ dám nói chi phí về Đạo xuất dương ngoại quốc. Thôi rộng thế cho họ xúm nhau nhục nhã, chửi mắng các Chức sắc đương quyền, tư bố cáo đặng vu oan cùng các nơi cho chúng sanh hùn vô với họ mà tẩy chay Tòa Thánh.

Nay lập Tiểu Thánh Thất tại Pháp Triều kinh đô Paris cũng sắp hoàn tất, Chức sắc Thiên phong nơi ấy có hai vị : Giáo Hữu Bellan và Abadie hành đạo.

Tuy của thì Hội Thánh cũng còn giúp sức chớ thế lực nay đã mạnh rồi, không còn sợ tay ai phá hoại, nên tề đệ mới dám khai ra, còn nhiều nơi khác cũng chưa dám nói.

Cái gian ác của phe phản Đạo chỉ để cho tòa lương tâm chúng sanh xử định.

Đạo thì như con voi, còn đồng tiền bố thí của quốc dân An nam như chuối, thế nào phu phỉ mà không thiếu thốn nghèo nàn.

Tiền Tòa Thánh không đủ nuôi ăn, có đâu dư mà để cho ai giựt. Tạo cho nên gia nghiệp chung của cả chúng sanh tại Tòa Thánh đây thì là tiền của mấy anh lớn chung hiệp cùng nhau, có người phải bán nhà bán ruộng. Chi phí càng bữa thấy càng nhiều, Đạo đương gieo truyền chẳng phải nói nơi Thái Tây mà thôi, mà toàn khắp nơi khác nữa.

Chi chi cho khỏi họ còn mượn bóng mà vẽ hình dặng vu oan cho Hội Thánh thêm nữa mà chớ.

Xin chư Đạo hữu khá để lòng dè dặt mà ngăn ngừa mưu mô quỷ quyệt của tà gian, đừng tin quá nghe lầm mang tội.

Không có cái ác hành nào hơn cho bằng phương thế của họ gieo ác cảm dặng cho Tòa Thánh tuyệt lương mà rớt cuộc thì mưu sự tại nhơn, thành sự tại Thiên, Thiên lý dĩ nhiên dĩ nhiên, có sẵn lệnh Thầy định liệu nên không kết quả dặng chút nào. Đạo cũng còn Đạo mà Tòa Thánh cũng còn Tòa Thánh, chúng sanh cũng có đủ hai bữa dặng nuôi thân mà làm công quả. Đạo xuất dương cũng không ai cản nổi, tộ đệ xin nói vắn tắt như vậy :

Mưu ăn trọt của Quỷ vương xúi giục.

Tộ đệ lại xin trả lời cùng mấy tay phản Đạo, chia phe lập phái, rằng : cái ngòi viết của tộ đệ dầu khi chưa tu, còn ở ngoài thế, nó phải làm mượn mà kiếm cơm đi nữa, ngoài giờ làm việc, nó cũng biết tự chủ mà nâng đỡ thúc giục tinh thần của anh em nhà Nam ta tấn bộ, chớ nó chưa hề biết đê đầu con dân làm tội mọi, ăn hối lộ hay là phá chùa phá miếu như

các ngài viết khác kia vậy.

Họ đã cáo gian ai thì ngay gian chưa biết, còn đợi phép Tòa đời, chớ còn tệ đệ bị gieo ác cảm rằng giựt của chúng sanh nên nhà nên cửa đây rất nên chơn lý, buộc tệ đệ phải phân giải đôi lời.

Nào là lập Phạm Môn, nào là cất Phạm Từ, nào là làm Phạm Nghiệp, nhà cửa nghinh ngang, ruộng trâu rần rộ. May thay là cái danh thanh liêm của tệ đệ từ thử đã dấy dầy, chúng sanh đều rõ thấu về các việc của tệ đệ xuất của lấy tài, giúp dân tạo sáng, đều dành để cho nhơn sanh tất cả, dành để là dành để cho kẻ cô thế khó khăn chớ không phải tính làm giàu cho Hội Thánh. Tệ đệ đã để di chúc điều nầy nơi tay Hội Thánh.

Khi mới tạo Đạo, tiền của của Đạo vốn nhiều, nhiều là nhờ tệ đệ và Cao Thượng Phẩm làm Đạo đường nào mới dựng vậy, còn nay thế nào, chúng sanh cũng đã thấy, mà tệ đệ đứng giữa đại diện thề trước mặt Hội Thánh rằng, một đồng tiền của Đạo cũng không thêm biết đến.

Từ thử tệ đệ vốn giữ lời thề, chánh trị và tiền tài của thập phương đều nơi tay Cửu Trùng Đài xây dựng dựng phổ thông Đại Đạo của Chí Tôn, chớ tệ đệ chưa hề để mất.

Khi bỏ chức từ quan thì cũng đã biết thân để dành đôi chút, tưởng là để đồng tiền mà chi phí dựng an ổn thân tu, cả vợ chồng con cái về nơi Tòa Thánh dựng làm tô tở cho Chí Tôn. Nào dè đâu hạng vô lương tâm gởi thơ rơi nhiếc mắng rằng nhờ Đạo mà

vợ no con ấm, cốt yếu muốn đuổi tệ đệ ra khỏi Tòa Thánh như đã đuổi Cao Thượng Phẩm vậy, đừng không chỗ nương thân, phải ra rừng mà ở cho chết đói coi chơi. Họ thầm nghĩ, đã bỏ chức phận mình và đường sanh nhai rồi thì còn gì mà sống ?

Một phen chẳng nói chi, còn đặng liền 14 cái thơ mạ nhục đến điều, nếu tệ đệ còn ngoài đời, chắc là đã sanh thế khác hơn là lo lui cui đi mua đất cát nhà cho vợ con ra khỏi Tòa Thánh. Tiền của tệ đệ thì tệ đệ làm mà đặng bất lương cũng còn kiện tệ đệ nơi tòa án.

Ấy là Phạm Nghiệp lập ra với tư bản chút ít của tệ đệ và nợ của tệ đệ tạm cầu nơi bà con mà lập ra công nghệ để dạy nhơn sanh. Còn Phạm Từ thì là tiền bạc của anh em trong họ của tệ đệ và tệ đệ hùn lại mua một miếng đất tại Cẩm Giang lập nhà thờ Tổ phụ của họ Phạm.

Tuy vân vậy chớ cũng còn nhín mà cúng cho Hội Thánh một cái Tiểu Thánh Thất tại Cẩm Giang đặng làm bến cho ghe cộ của Đạo hữu ở các nơi lên Tòa Thánh có nhà có bến trú ngụ. Ấy là Phạm Từ và Tiểu Thánh Thất lập thành cũng là tiền vay bạc hỏi của tệ đệ xuất ra làm và của anh em bạn tệ đệ giúp sức cùng Đạo hữu tại Cẩm Giang để công và của lo lương.

Chí Tôn hàng dặn tệ đệ, những hạng người nên để mắt lo lắng bảo bọc giùm cho Thầy là : già cả, tật nguyên, cô độc, trẻ không cha không mẹ, cô cút đơn thân, người nghèo nàn đói khó, thất vận thất thời,

không phương nuôi con vợ, đờn bà mẹ góa con cô, thủ trình thủ tiết.

Nên tậ đệ tùy phương tiện mà lập một nhà Dưỡng Lão Đường gọi là Phạm Môn tại sở đất của Chánh Thái Phối Sư hiến 6 mẫu, còn mua thêm 8 mẫu gần đó dựng tạo gia nghiệp tư cho mỗi Chức sắc Hiệp Thiên Đài.

Ấy là Phạm Môn. Phạm Môn đây nghĩa là cửa Phạm 梵, gọi là cửa Phật, viết chữ nho ra thì là “Lâm trên Phàm dưới” chớ chẳng phải họ Phạm 范 của tậ đệ theo như lời của kẻ bất lương gieo ác cảm.

Tậ đệ đã lập một sở Cấp-cô-độc-viên dựng nuôi trẻ thơ cô cút, song khuẩn bách tiền tài nên sanh ra lăm nổi khó khăn làm chưa hoàn tất.

Tậ đệ lại lập một trường công nghệ gọi là “Quảng Nghệ” dựng cho mấy em nghèo nần khó nhọc có cơ sở nghề nghiệp làm ăn, tại sở đất 80 mẫu gọi là Thái Bình Thánh Địa, ấy là phương sanh nhai cho những người đã về ở gần Tòa Thánh dựng lo tu luyện.

Lại nài đất của Lễ Sanh Cẩn đương thời hành Đạo tại Hội Thánh Kim Biên dựng tạo một sở công nghệ cho phái nữ gọi là Nữ Công Nghệ dựng cho phái nữ có thể sanh nhai nuôi mình tu luyện.

Nhiều phen tậ đệ khẩn cầu cùng Hội Thánh Cửu Trùng Đài làm một sở Khách Đình (Bungalow) dựng cho hạng thượng lưu đến tầm Đạo có nơi trú ngụ hầu ở cho dựng lâu ngày quan sát tận cùng Đạo lý, chớ đừng để cho họ ngủ chung ngủ chạ cùng bực Chức sắc ít học thường tình mà họ để ý chê khinh danh

Đạo. Xin hoài mà cũng không thấy làm, tộ đệ mới làm tại mấy thửa đất dư thừa còn rừng liền theo rừng cấm. Ngặt bên kia đường của Đạo lại còn để giữ nuôi cây, nên tộ đệ sợ cho nhà nước thấy không làm cho thành khoảnh rồi lấy luôn miếng rừng bên kia lại nữa, nên mới khai phá cho thành mà cất một Khách Đình cho An Nam và một cái Khách Đình cho Thổ. Ấy là Khách Đình.

Tộ đệ đã nhiều phen nghe chư Đạo hữu lục tỉnh lên Tòa Thánh bằng ghe thường than rằng, ghe lên đậu tại bến làng Hiệp Ninh bị kẻ ngoại Đạo lấy sạch vật liệu cần dùng cho tới chèo cùng bánh lái. Nhiều phen nghe rất nên thảm thiết, nên tộ đệ xin Hội Thánh cất giùm một cái bến ghe. Lâu lâu nghe nói cất rồi, cũng an dạ.

Ngày kia tộ đệ đi kiểm đất dựng cất kho lúa và kho để đồ cho Phạm Môn, nên phải kiểm nơi đất nào gần bến. Thầy tư Xích có viết thư để lại nhà đất của người, tộ đệ ra coi cái bến của chùa nơi nào cho biết. Người ta chỉ một cái chòi tranh xơ xác vài miếng lá muốn xiêu muốn sập mà nói rằng : Đó là kho của Tòa Thánh.

Vì miếng đất ấy mắc giá nên tộ đệ mua không nổi, phải nài một miếng đất tại Bến Kéo, đương lo làm lẫm lúa và bến cho chư Đạo hữu các nơi trú ngụ.

Ấy là Giang Tân.

Tộ đệ làm sự chi đều là tiền của tộ đệ vay mượn của người, chớ Hội Thánh chỉ biết gieo ác cảm chớ không giúp cho tộ đệ điều chi tất cả.

Đó là các điều dối trá của tề đê đã làm và giựt của chúng sanh y theo lời của kẻ phản Đạo cáo gian. Tề đê cũng để cho tòa lương tâm của chúng sanh minh đoán.

“ *Chơn Lý* ” ! “ *Chơn Lý* ” ! Người cũng mộng寐 đường ấy hay sao ?

Ta lại hằng nghe dịch danh của người rằng Lê Thật.

Họ còn vu oan cho tề đê rằng trai trên gái dưới cho đến có con đem về làng nuôi dưỡng. Không biết có vậy hay không, chư Đạo hữu ráng kiếm cho ra lẽ thiệt giùm cho tề đê. Hỏi họ dám vu oan dưỡng ấy thì có chi hơn mà họ lại chối từ.

Nhưng mà xin chư Đạo hữu cũng đừng phiền, vì mỗi người tu mỗi điệu, mình cũng không nên kiếm hiểu mà làm gì, anh em chúng ta xúm nhau xin họ điều này, thôi thì đành nhìn nhận rằng Ông Trời của họ là khác, còn Ông Trời mình vốn khác.

Xúm nhau lạy lục đặng cầu nài, họ đã gọi rằng thờ “ *Thần Chơn Lý* ” thì bớt lời hô寐 mà cáo gian, vì sợ e người rõ hành tàng mà phải sửa tên là “*Giả Lý* “.

Chúng sanh trong thời kỳ tấn hóa này phải phẩn đấu đua tranh, giựt giựt giành giành, gây thù kết oán cùng nhau khi cũng đã nhiều. Trong trường danh lợi chỉ biết sát phạt nghịch thù chớ lòng ái vật yêu nhân đã mất biệt. Lương tâm của mỗi người, trừ ra lúc chiến đấu, thì họ vốn quên mình, chớ khi nằm nghỉ đặng đôi chút hoặc khi mỗi mệt mà tự tỉnh, hoặc khi suy gẫm canh khuya, hoặc là ngộ cảnh bi ai mà

ngĩ nghi, thì ai cũng biết rằng cái thời đại cạnh tranh này đã diệt tàn ái chủng.

Vì có mà ngày Đại Từ Phụ đến thâu anh em ta thì Người chỉ dùng có bốn chữ của toàn cả nhưn sanh ngưỡng vọng là “ Từ Bi – Bác Ái ” của Người đặng làm phép nhiệm mầu thâu tâm thiên hạ. Cái mạnh của Đại Từ Phụ là cái lòng thương vô tận của Người. Bởi vậy cho nên chẳng bao lâu mà chúng sanh theo Người hằng hà sa số.

Sao mà theo ?

Tại khao khát cái tình thân ái liên lạc cùng nhau mà theo Thầy. Hại thay ! Từ ngày “*Minh Chơn Lý*” thêm vô Hiệp Ngũ Chi ra mặt thì dùng phương phản loạn mà lập thế lực cho mình, nên làm cho chư Đạo hữu phản khắc lẫn nhau, đến đỗi đã bước chơn vào cửa Đạo mà hồi còn gây thù kết oán hại nhau.

Thật là họ đã phá tan cơ sở của Chí Tôn và đập nát công trình của Người mấy năm un đúc tâm lý con cái của Người. Cái tội tình ấy là thế nào, chư Đạo hữu để mắt xem tương lai sẽ thấy.

Có làm mới biết tay thợ, (à l’oeuvre on connaît l’artisan), xem trái mà định cây, (on connaît l’arbre par ses fruits), cái kết quả của họ sẽ hại cho nhưn sanh ra thế nào, chư Đạo hữu rồi đây thấy rõ.

Đã trót đôi năm, anh em chúng tôi vì thể lòng từ bi bác ái của Đức Chí Tôn nên ỉn nhĩn nhĩn nhục, miễn lo cho vẹn phận mình, lại còn để lòng quảng đại mà nghĩ rằng : chi chi họ cũng là truyền bá danh Đạo của Chí Tôn và làm cho sáng danh Người là đủ, còn

anh em chúng tôi dầu chịu hàm oan cũng cam đành dạ, chỉ cầu xin cho họ hằng ngày hằng giảm nợ cho an ổn thân tu. Nào dè càng ngày càng lộng, càng bữa càng lung, múa búa trước cửa Lỗ Ban, khoe danh lừng lẫy, vu oan cho kẻ này, chửi mắng người kia, kiện thưa ông nợ, dùng những mưu giả dối mà báo thù.

May thay ! Thầy đã để nơi lòng của cả chư Đạo hữu một điển huệ quang đã khá lớn đặng soi rọi linh tâm, nên kẻ lầm nghe những lời tà mị của họ vẫn là số ít, lại chánh phủ Pháp triều vốn là nhà dân chủ, luật pháp tạo bởi dân sanh nên hình ảnh của khối vạn linh cũng trọng, đã lấy công bình mà minh đoán.

Dầu cho đương buổi hai đảng Đồi Đạo hồi còn nghi kỵ lẫn nhau đi nữa, thì chánh phủ cũng để tâm ngay thẳng mà nghiên cứu, nên cũng đã thấy đặng sự chơn thành của Đạo mấy may chút ít.

Chúng ta nhờ nương nơi thuộc địa Đại Pháp nên chưa mang tù tội ngục hình, nếu như lúc cự trào, chúng ta phải chịu dưới đế quyền thì họ đã đặng thỏa dạ toại lòng, thấy đầu của anh em chúng tôi đã rơi xuống đất.

Này cả chúng sanh,

Phái phản Đạo lo phương diệt Đạo là vì ý gì ?

Họ đã lập phe đảng riêng mà chi ?

Họ cáo gian bỏ vạ cho Chức sắc không quyền mà làm gì ?

Họ mưu hại diệt tận Tòa Thánh đặng chi ?

Họ làm nhục nhã chơn truyền đặng lợi ích gì ?

Họ làm cho phân tâm cả thầy chú Đạo hữu đặng giúp ích cho ai ?

Những mấy án nầy không phương xử họ với pháp luật Đạo đặng, vì pháp luật ấy chính mình họ lập, mà họ lập cho chúng sanh, chớ còn họ thì ngoài vòng pháp, cho nên vừa ban hành thì họ liệu mưu từ chối đặng phá nát Đạo quyền.

Vậy anh em chúng tôi không phương xử họ, nên dâng lại cho tòa án lương tâm của chúng sanh, nếu ngày nay chưa xử họ đặng thì lại để dành cái án tiết ấy lại cho đoàn hậu tấn.

Vậy chú Đạo hữu ráng mà giữ lấy mình cho bền vững căn tu, lại khỏi thất lời thề cùng Từ Phụ.

(Tây Ninh, le 27 Juillet 1932)

[ký tên : PHẠM CÔNG TẮC]

4. Ngày 15 – 8 – Quý Dậu (dl 4 – 10 – 1933).

DIỄN VĂN của **Đức Phạm Hộ Pháp** đọc tại Tòa Thánh Tây Ninh.

Phàm vạn vật hữu hình tại thế đều sanh nơi nguyên do chí thiện của cơ Tạo đoan gây dựng và luật thiên nhiên buộc phải tăng tiến trong đường chí thiện ấy cho đến cuối cùng, đời càng tới càng hay, vật càng ngày càng đẹp, dầu cho phép bảo tồn mạnh mẽ buộc các loài động vật phải diệt lẫn lấy nhau đặng giữ gìn sanh hoạt đi nữa là khi đã đặng trưởng thành, đủ trí thức tinh thần tự bảo, nghĩa là lúc chen lấn cùng đời mà lập phẩm, mới tranh tranh đấu đấu cùng sự hung bạo của thế tình, vì sự xung đột mà nảy sanh ác tánh, chớ còn buổi sơ sanh vẫn giữ nguyên bản thiện.

Chẳng cần chi luận đến vật chất, thảo mộc, vì là loại vô năng, dầu cho cầm thú với loài người cũng chưa hề thấy, lúc sơ sanh, mà có đủ sẵn sàng nanh vuốt. Vì cơ Thánh nhưn có nói rằng :

Nhơn chi sơ, tánh bản thiện.

Bổn thiện nhưn sanh do đâu mà có ?

Do nơi tâm lý từ thiện của mỗi người, nghĩa là lương tâm mà ra.

Đã đứng làm người khôn hơn vạn vật, nhờ có điểm lương tâm dù dặt, hiểu đặng sống thác là gì, trí tuệ cứ tìm tòi biết rằng mình ở trong *không* mà ra *có*, sống là *có*, thác là *không*, *không không có có* do nơi tử tử sanh sanh; đương *có* rồi lại *không*, sống rồi

kế thác. Kiếp sống con người xem nên vấn vỏi, sống trăm năm ước đặng bấy nhiêu người, phước trọn kiếp độ chừng xem mấy kẻ !

Khổ thì nhiều, vui vốn ít, sống càng lâu khổ chất càng dày, khổ nội thân tứ khổ quả không sai, cầu bất tử là cầu dày thân cõi tội. Ta nghĩ đến đó mới hiểu rằng kiếp chết là kiếp giải khổ thì mới biết mặt cân công bình thiêng liêng nhắc không sai chạy.

Hai chữ sắc không do tại phù sanh chi kiếp. Còn mảnh thân bầy thước lo tẩn thối đặng nên người, dứt thở ba tác hơi, đã trơ trơ như con vạt.

Vì vậy mà tự nhiên ai cũng tử thân mình mà suy đoán đến thân người, gấm cuộc đời như buổi chợ mới, nhóm đó rồi tan, tan rồi lại nhóm, ngày qua tháng qua, năm qua kỷ qua, thế qua ngươn qua, cả thấy đều qua, còn buổi chợ vẫn y buổi chợ, còn cả loài người như đám con buôn, dầu dại dầu khôn, dầu khinh dầu trọng, lao xao lổ xổ, giựt giựt giành giành, lấn lấn chen chen, mua hơn bán thiệt, so đồ mà tiếc, sánh giá mà than, giởi lặn gian năm sẩy bảy sàng, tan buổi chợ góp hàng không hết chợ. Xem bao phen đổ rổ, tính mấy lúc buông hài, vì miếng ăn mà xé mặt quàu mày, nơi mảnh bận mà bẻ tay chặt cẳng.

Ôi ! Cuộc dinh hư tiêu trưởng bày ngờ ngờ những tẩn bi ai, nào tranh bá, nào đồ vương, nào giành công nào cướp lợi, những chung đỉnh tóm râu lúc sống, buổi chung qui đã thấy ích lợi gì ? các cơ tạo của xác phàm đến rốt cuộc phải tiêu tan theo kiếp chết.

Đâu là đài Tần, đâu là danh Hớn, công đắp xây gầy dựng đã đường bao, nào vàng Vương Khải, nào báu Thạch Sùng, sức tích trữ tóm thâu nay cũng vẫn.

Lượn sóng đời đưa đẩy, những công danh sự nghiệp của bậc hữu công, nêu tên tuổi lại trên mặt thế, chẳng khác nào như nước sông mê, cuốn bèo bọt theo dòng ra khổ hải. Ngày nay đã tiêu tan rời rã, chẳng còn roi lại đặng một vận xoáy hay một dấu tích gì, nên làm cho khách giang hồ của tay Tạo hóa, là bậc trí thức nhưn sanh soi thời luận thế, đã cùng lời định hay dở lợi hại đường bao, duy có nhúng tay ném thử nước, nơi này mặn, chỗ nọ ngọt, mà tìm phỏng nguồn sông trong lòng biển. Cả cơ sở của các Đấng ấy dầu vĩ đại là đường nào, duy lưu lại đặng danh phải quấy, nhưng chúng ta lại hằng thấy sự quấy vẫn phần nhiều, còn điều phải xem qua rất ít.

Phải quấy, hư nên của một đời người chỉ định đặng là khi quá vãng.

Còn quyền năng vật dục nó lại mạnh mẽ thế nào, đè nén điểm lương tâm, khó bảo toàn Thánh đức, làm cho Đấng xử phải cùng đời trở nên ít có, nhưng đến tận con đường sanh hoạt, dầu trí hay ngu, dầu hiền hay dữ, lúc tinh thần thôi cảm xúc cùng đời, cận kiếp chết rấp trút hồn, con người mới trụ được tánh linh đặng đoán xét phận mình khôn dại.

Chính buổi ấy gọi là buổi Chí Tôn đoán xét.

Hễ có khôn mới có phải, còn như dại thì quấy đã đành, chí lý từ cổ chí kim vẫn y như một, những bị tuồng thế biến đời, buộc phận con người tùy thời tùng

thế, dầu người để chí tính xử thế cho khôn, đòi phen tồn lại đại.

Bởi có cho nên, muốn bảo tồn “*Bốn thiện*” phải xa lánh sự đời, còn như để vật dục buộc ràng, xúi tâm ác gây nên nổi quấy.

Hai chữ thiện ác cũng do nơi đó mà ra.

Chúng ta hằng thấy ít ai làm chủ sự phải quấy của đời, chỉ các Đấng Thánh như (phần nhiều là mấy vị Giáo Chủ của tôn giáo) giữ vẹn Thánh đức thiêng liêng, nhờ đào luyện đặng điểm lương tâm đủ quyền hành năng lực, làm chủ oai nghiêm của mảnh thi hài, lánh cương tỏa thế tình, tự giác mê mà thoát tục, nên giáo lý của mấy Ngài dầu khác chớ kỳ trung cũng một sở hành là : ***Giác mê chúng sanh qui bốn thiện.***

Bần đạo nói thoát tục đây, chẳng phải nhủ chê đời mà ẩn dật, hay là luyện Bí pháp đặng lánh trần (sic), hoặc là lên đầu non đặng hú gió kêu mưa, xuống vực thẳm đặng hô phong hoán vũ (sic), hoặc là ngồi lim dim lần chuỗi, ngủ thiêm thiếp tưởng kinh, hoặc là đóng cửa tụng Huỳnh Đình, hớp gió khuya dòm rún (sic), các mộng pháp ấy đã lưu lại lắm trò cười, giả dối đóng thành tuồng thành sách, mê tín dầy dẩy vốn không cùng luận.

Bần đạo nói thoát tục đây là khuyên lấy lương tâm làm chủ, giữ *bốn thiện* cho bền, dầu xác phàm có tuổi cùng tên, nêu tên tuổi chớ quên lẽ phải.

Thắng nổi quyền vật dục,
Xứng đáng mặt khách trần,

Gánh đau thương tay đỡ tay nâng,
 Khôi thiện ác sửa cân Tào Hóa.
 Giữa khổ hải đưa thuyền Bát Nhã,
 Giúp tinh thần giải quả trừ căn,
 Sấn tay trau đẹp vẻ đạo hằng,
 Lượm giảm bớt nẻo trần gai gốc.
 Dem cười để vào nơi cảnh khóc,
 Lấy lòng lành trừ nọc đau thương,
 Chốn lằm than rải nước nhành dương,
 Dứt trái chủ trao gương thần huệ.
 Chịu khổ thế tìm phương giác thế,
 Lấy nhọc đời làm kế dùi đời,
 Biến lợi danh ra cuộc trò chơi,
 Làm phú quý thành môi hại thế.
 Sửa bác ái ra nên câu kệ,
 Chế từ bi như thể bài kinh.
 Noi vận hành quảng đại Chí Linh,
 Góp nơnh loại vào tình cốt nhục.
 Kẻ sâu thăm cho vui hạnh phúc,
 Người vô duyên hưởng chút ân hồng,
 Trọng mạng sanh gây phép đại đồng,
 Kính vật loại đặng mong cứu thế.

Trong cả toàn cầu, bất cứ là dân tộc nào, những mặt vĩ nhân lưu danh hậu thế đều nhờ tự giác nên thức bổn thiện là tu luyện trau dồi lấy điểm lương tâm trở nên minh mẫn sáng suốt, hầu nương theo mà thật hành, nhiều cơ sở phi phạm làm cho cả thiên hạ phải nhìn rằng, những Đấng ấy là hạng người khác tục.

Phi phàm là hành vi khác hẳn với thế tình, mắt đời ít hay thường thấy.

Tâm thiện của các Ngài dù dặt dạy khuyên đặng biết người biết mình, xem đời định thế, lòng lân tuất thương sanh đầy dẫy, hiểu đặng cái khổ của mình nên không hay ngời xem cái khổ của người, đã chán chịu đau đớn của mình nên không nỡ làm đau kẻ khác, nếm đủ mùi sâu thẳm nên hằng mong gỡ thẳm giải sâu, ở cùng đời đặng chia khổ với đời, lẫn theo thế mới chung thân cùng thế, lịch lãm những màu thế sự, vầy vãi thân cho đặng phận con người, cân oan gia nhắc đúng mực nể bao mươi thì mới biết thương đời lo cứu khổ.

Câu thành ngữ làm phép hằng tâm của các Đấng ấy cư xử cùng đời là : “ *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân* “ nghe ra rất nên mận mòi thâm thúy.

Căn nguyên “Bổn thiện” đều sẵn trong tánh đức của mỗi người, vì dữ hiền ngu trí cũng từng quyền của điểm lương tâm, bằng chẳng vậy thế không thành thế.

Pháp luật cả thế gian để trị loài người, dầu cao thấp hay dở thế nào cũng để thức điểm lương tâm qui “Bổn thiện”, nhỏ thì ở nơi cá nhân, trọng thì ở nơi xã hội, lớn thì khắp toàn cầu, phép chánh trị là ép nơn sanh từng Bổn thiện.

Hễ còn lương tâm mới biết phận sự của kiếp sống để làm gì, còn Bổn thiện mới hiểu yêu nhân kính vật, bằng chẳng vậy thì những phương pháp tự bảo kỳ thân đã trở nên độc thiện, ai cũng lo tự do tự lập, còn mưu chi vĩnh bảo xã hội loài người, đời tức

nhiên ra trường chiến đấu, cạnh cạnh tranh tranh, giựt giành loạn lạc, con người tàn hại lẫn nhau, vì sanh hoạt mà lại gây cơ tự diệt.

Hễ cơ đời càng khó,
 Quyền vật dục lại càng nhiều,
 Phận làm người đã khó biết bao nhiêu,
 Giữa võ trụ phải chịu theo thời thế.
 Nợ cơm áo sanh đời ra tẻ,
 Đạo nơn luân thêm thế dục hư,
 Mảnh thi phàm đã dễ chi từ,
 Trong cuộc thế thân như bèo bọt.
 Dở thì chịu ăn thừa uống mót,
 Phải toan lo sống sót cùng đời,
 Một mảnh tâm chia để mấy nơi,
 Đâu dư rảnh hỏi Trời căn sống.
 Luật Tạo Hóa rõ chi khinh trọng,
 Nhặng gởi thân theo bóng tang thương,
 Cùng khổ xem chết sống ra thường,
 Sống nhờ thế, chết nương tay thế.
 Giải ách cậy kim tiền làm kế,
 Thích tình xem Khanh tế là mưu,
 Bước công danh quen lẽ nghịch thù,
 Bả quyền lộc nhuộm màu cừu hận.
 Vòng cương tỏa vào ra lẫn bản,
 Lấy oan gia làm phấn dôi mình,
 Tên tuổi đầy nhục nhục vinh vinh,
 Nào còn nhớ tâm linh “bổn thiện”.

Tuy là tâm lý hằng bị quyền hành vật dục đè nén cho con người nhiều lúc quên mình, nhưng hột

giống thiên nhiên Bốn thiện đã giam vào trí thức tinh thần, dầu bị ngọn lửa lòng hãm áp nên sớm không nảy nở ra mầm, nếu hứng đặng giọt mưa lành hay là khổ thủy tưới lửa lòng tắt ngọn, ắt tự nhiên phát mộng nảy chồi, rồi thỉnh thoảng cứ lớn dần nên tàn cao cội cả, che phủ trọn chúng sanh mới gọi rằng đoạt đạo.

Đức **Sĩ Đạt Ta** (gọi là Cakya Mouni nghĩa là người hiền ở xứ Cakya) lấy lòng nhờn bao trùm thiên hạ, tâm thêm đặng chơn lý sanh khổ mà lập thành Phật giáo, nên dùng phép đoạn trái oan, trừ nghiệt chướng đặng làm phương giải thoát luân hồi.

Ấy là giữa chốn khổ não đau thương, Ngài lại đem tánh từ bi tự toại ra chuyên chế lòng phàm, cấu sanh chúng tương thân lân ái, thật chẳng khác nào đã khổ nơi ô trước nhớp nhơ mà Ngài đến rải mùi thơm ngào ngọt.

Ngài nhờ Lão, Bịnh, Tử Khổ giác minh Bốn thiện, mới đoạt phương cứu khổ loài người.

Đức **Lý Lão Đam** (Lão Tử hay là Thái Thượng Lão Quân) vì lòng nhờn phổ hóa thế gian nên tìm đặng chơn lý tinh thần vi chủ, trừ khử phương dĩ vật lụy hình, định tự chủ kỳ tâm là diệu pháp, lại lấy phước an nhân làm cơ thoát tục.

Ấy đời là cảnh sâu thẳm khó khăn mà Ngài đến bày phép chơi hay cho giải trí, chẳng khác nào Ngài thấy người đương ngậm đắng trầu cay, Ngài cho nếm mùi ngon vị ngọt.

Ngài nhờ quyền hành vật dục trong trường công danh phú quý của Lục quốc phân tranh tạo ác đã vô ngần, nó thức minh Bản thiện của Ngài nên hoài ái dân sanh, mới truyền phương thoát khổ.

Đức **Jésus de Nazareth** (gọi là Christ) bởi lòng nhơn cứu thế, lập nên Thánh giáo Gia-Tô, Ngài mượn bác ái nhơn sanh đặng thế mặt Chí Tôn khai hóa, xem phổ tế chúng sanh rằng trọng, nên chuyên lo giúp khó trợ nghèo, đỡ kẻ dữ, dạy người ngu, ngó chơn thật mạng sanh hành thiện đạo, diệt dị đoan, trừ mê tín, dụng chơn lý để răn đời, nhìn lương tâm là hình ảnh của Trời, lấy trí tuệ vẽ tươi Thiên cảnh.

Ngài hằng dạy rằng : Cái khổ của thế gian là sự nghiệp của con người, phải thọ khổ mới rõ cơ thoát tục.

Ấy đời đương giả dối mà Ngài đem chơn thật đặng khử trừ, chẳng khác nào vào chốn náo nhiệt dữ dằn mà Ngài đờn tiếng thanh tao hòa nhã.

Ngài nhờ :

❶ Đạo luật của Môisen (Moïse) : thế kỷ ấy quyền hành biến đổi nên sanh ra nhiều chi tả đạo bàng môn, lại thế lực của Cai-phe về bên mặt phân hồn rất nên mạnh mẽ, buộc dân Do Thái nhiều lẽ nên tà. Cả mê tín dị đoan của dân Giu-đê buổi ấy đã không cùng luận.

❷ Quyền luật đời, nước La Mã (Rome) của vua César nghiêm khắc hại sanh linh đồ thần.

Những nguyên ủy ấy khai minh Bản thiện của Ngài làm cho Ngài phải cam tâm gánh vác cả sự đau

đón của loài người, cũng bởi lân tuất thương sanh, chịu tử tội đặng truyền gương thọ khổ.

Ông **Khương Thái Công** gọi là Thái Công Vọng hay là Tử Nha, vâng lệnh đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn ở Côn Lôn sơn cầm Phong Thần bảng đến giúp nên nghiệp nhà Châu, cũng vì nhơn mà khai minh chơn lý của quyền hành thưởng phạt thiêng liêng, giúp thế trị đặng thêm mỹ mãn. Tôn sùng trình liệt, trừ khử nịnh tà, mượn tinh thần làm nhuệ khí đặng trừ tan ác nghiệt của xác thân.

Ấy là dụng quyền phép vô hình đặng điều khiển hành tàng mật thế. Ngài giúp cho thế gian kinh nghiệm đủ cơ hiển nhiên rằng vạn ác đã đào tạo của kiếp sống con người chẳng trốn tội khỏi nơi kiếp chết. Phép thưởng phạt thiêng liêng có đủ quyền năng cả xác cùng hồn, thế thì có trí tuệ của loài người, còn Đạo thì lại có Thần minh ám sát.

Triết lý Thần linh, nghĩa là quyền phép của lương tâm do đó mà lập thành căn bản và năng lực vận hành hiện tượng của tư tưởng cùng từng bỗn nguyên thần pháp đặng nảy sanh.

Ôi ! Cũng vì cơ quả nhiên thật sự Bí pháp này đây mà đời chất chứa nhiều điều mê tín.

Tuy vậy, chẳng phải chính mình Ngài làm chủ tạo phép huyền vi bí mật Phong Thần, song Ngài biết từng lệnh thật hành những tư tưởng cao thượng của Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn, thì công ấy đủ làm đầu Thần giáo.

Đời khi ấy dường như bị phát bối ung thư chịu

đau đớn sầu than chẳng xiết, mà Ngài lãnh đặng hoàn thuốc linh đơn thoa cho đặng lành lẽ tốt tươi mặt thể.

Ngài nhờ thấy bạo tàn Thương Trụ và thương đạo như nghĩa của nhà Châu, vua Văn Vương và Võ Vương, giục khai Bốn thiện, nên tuổi dậu cao, tác dẫu lớn, mà dám chịu nhọc nhằn khổ cực, giúp đạo đức khử bạo tàn, thâm cơ nghiệp Thành Thang, cứu dân đen trong nước lửa. Tuy đôi bên : Thương - Châu khác giá, mà đối với bậc trung cang trí đồng vị quốc vong xu, Ngài vẫn giữ dạ vô tư, trong Thần vị, chỉ ngó mặt công phong phẩm tước. Dầu điều dị đoan mê tín trong Truyện Phong Thần dầy dầy, nhưng ngó đến Bảng Phong Thần lẽ công chánh phải đành nhìn nhận thật.

Đức **Khổng Phu Tử**, tự là Trọng Ni, cũng vì như thấy đặng hung bạo của đời nên lo trừ hoạch phương châm giảm ác mới đoạt đặng triết lý chí thiện là cơ quan bảo thế. Ngài đặc thông nên tự nhiên biết rằng cơ Tạo, nghĩa là Trời Đất và vạn vật hữu hình phải tẩn hóa lần lần cho tận con đường chí thiện (nghĩa là : người thì tận thiện, vật thì tận mỹ) gọi là Đạo. Ngài chỉ chiếu theo sự tự nhiên hành động tâm lý của người đời đặng làm mục tiêu chuẩn thẳng đoán xét, ngoài phép tra tâm luyện tánh, Ngài không nhìn phương pháp nào tự giác đặng Bốn thiện và kèm chế lấy điểm lương tâm, nên không chịu tin theo lý thuyết mị thuật huyền vi mà trí khôn ngoan của người không thấu đáo. Ngài đã thấy phép trị thế, dầu cho dân sanh phần kháng thế nào, cũng từng một

chủ quyền chánh thể, hoặc là do nơi đông tay xúm nhau đào tạo hay là do ở một người đã dựng mạng Trời làm chúa người đời, cầm luật pháp trị an bá tánh. Sự quả quyết ấy đã nhìn thật toàn cùng mặt thể.

Ngài cho chánh trị hành tàng của xác thịt thể nào thì chánh trị tinh thần cũng vậy, nên nhìn nhận rằng trên các chủ quyền trị thể, có quyền vô vi của Đấng Chí Tôn, Ngài gọi là Nhứt Đại — 大 nên viết Thiên 天 nắm trọn phép thiêng liêng thưởng phạt. Đấng Chí Tôn ấy chẳng những có quyền năng về phần hồn mà thôi, lại cũng dựng oai linh phần xác, lý thuyết về Trời và Người đồng trị nảy sanh ra từ đó.

Cơ nghiệp Văn Vương qua đến Đông Châu là cùng vận, mà Ngài cố quyết duy trì, mong lòng hiệp quốc, đem luật pháp dựng trị bình, lấy nghĩa hơn ra khử bạo.

Ngài hiểu rõ rằng quyền hành chánh trị chia ra có hai phần :

1. Sanh hoạt của thi hài.
2. Biến hóa về tâm lý.

Nên Ngài cho luật pháp là cơ quan độc thiện để trị an thiên hạ, còn đạo hơn nghĩa đủ thể kèm thúc tánh đức của người đời, nên Ngài mới cầm nhiếp chánh nhà Châu để sở vọng chấn hưng Vương đạo.

Thương thay một Đấng chí Thánh như Ngài mà cũng phải chịu bề thất vọng, bởi gặp buổi đời đã quá bạo tàn, nên cây quạt và mảnh mên là đạo hơn nghĩa của Ngài không đủ thể quạt nồng đắp lạnh. Ngài phải thối bước về quê, cam phạt thiệt thòi, trọn

đời ngồi dạy học.

Bài tự thán “ Chi Lan “ của Ngài, ai đọc đến cũng phải rơi châu đổ ngọc.

May thay, qua đến đời **Khổng Cấp** (Tử Tư) là đích tôn của Ngài, dạy đặng một trang môn đệ là Mạnh Tử, rất nên đáng bậc triết hiền nối chí của Thánh nhân, cố mở mang Đại học.

Triết lý của Mạnh Tử là : tại Minh đức tại Tân dân, tại chí ư Chí thiện.

Người đi châu lưu nước này qua nước nọ, lấy nhơn nghĩa đặng khuyến khích nhơn tâm, cảm hóa khắp chư hầu, chinh đốn thế chuyên Vương đạo.

Thật ra các xã hội Á Đông này đã nhờ ảnh hưởng công nghiệp của người lăm lăm.

Đời Đông Châu đương sôi nổi giặc giã chiến tranh, cả ác hành sử không cùng chép, mà qua đến đời của người thì trở lại như xưa, tin dùng Bồn thiện, thật tài chuyển thế của Ngài rất nên siêu việt.

Nhơn đạo của Ngài cảm hóa từ đế vương cập đến thú cầm. Khi viếng Tề Tuyên Vương, luận đến đức thì vua nói khiêm rằng sợ e không đủ *nhơn* mà an giữ dân sanh. Mạnh Tử cho rằng vua đã có.

Xin trích lục nguyên văn ra đây cho chư Đạo hữu lưỡng phái xem tường tận :

“ Thân văn chi Hồ Ngột viết : Vương tọa ư đường thượng, hữu khiên ngư nhi quá đường hạ giả, vương kiến chi, viết : “ Ngư hà chi ? ”

Đối viết : “Tương dĩ hấn chung”.

Vương viết : Xả chi, ngô bất nhĩn kỳ học tốc, nhược vô tội nhi tự tử địa.

Đối viết : Nhiên, tắc phế hĩn chung dư ?

Viết : Hà khả phế dã ? Dĩ dương dịch chi. Bất thức hữu chư. Viết : Hữu chi.

Viết : Thị tâm túc dĩ vượng hỷ ! Bá tánh giai dĩ vương vi ái dã, thần cố tri vương chi bất nhĩn dã.

Vương viết : Nhiên. Thành hữu bá tánh giả. Tề quốc tuy biến tiểu, ngô hà ái nhất nguư ? Túc bất nhĩn kỳ học tốc nhược vô tội nhi tự tử địa, cố dĩ dương dịch chi dã.

Viết : Vương vô dị ư bá tánh chi dĩ vương vi ái dã. Dĩ tiểu dịch đại, bỉ ô tri chi ? Vương nhược ẩn kỳ vô tội nhi tự tử địa, tắc nguư dương hà trạch yên ?

Vương tiểu viết : Thị thành hà tâm tai ? Ngã phi ái kỳ tài, nhi dịch chi dĩ dương dã. Nghi hồ bá tánh chi vị ngã ái dã.

Viết : Vô thương dã ! Thị nãi nhân thuật dã ! Kiến nguư vị kiến dương dã. Quân tử chi ư cầm thú, kiến kỳ sanh bất nhĩn kiến kỳ tử, văn kỳ thanh bất nhĩn thực kỳ nhục. Thị dĩ quân tử viễn bào trừ dã.

Vương duyệt viết : Thi vân : Tha nhân hữu tâm, dư thốn đạc chi. Phu tử chi vị dã. Phù ngã nãi hành chi, phản nhi cầu chi, bất đắc ngô tâm. Phu tử ngôn chi, ư ngã tâm hữu thích thích yên. Thử tâm chi sở dĩ hợp ư vượng giả, hà dã ?

Dịch nôm :

Hạ thần nghe ông Hồ Ngột nói chuyện lại rằng:

Một ngày kia vua đương ngồi nơi thềm nhà, có kẻ dắt trâu đi ngang qua. Vua thấy liền hỏi rằng : Dắt trâu đi đâu ?

Kẻ kia thưa rằng : Dắt đi giết đặng bôi chuông.

Vua bảo rằng : Tha đi, ta không nỡ thấy nó sợ hãi vì vô tội mà đến chỗ chết.

Kẻ kia thưa lại rằng : Vậy phải bỏ phép bôi chuông chằng ?

Bệ hạ lại nói : Bỏ sao đặng, phải bắt dê mà thế cho nó.

Chuyện ấy chẳng biết có không ?

Tuyên Vương nói : Có.

Mạnh Tử lại rằng : Một tấm lòng ấy cũng đủ làm đạo vua rồi. Trăm họ đều cho Bệ hạ tiếc con trâu, nhưng hạ thần đây thì lại biết Bệ hạ vì thương không nỡ giết.

Tuyên Vương đáp rằng : Phải, trăm họ cho như vậy cũng thật, nhưng nước Tề này dầu bé nhỏ, Trẫm lại tiếc gì lấy một con trâu.

Mạnh Tử nói : Bệ hạ cũng chẳng nên lấy làm lạ rằng, bá tánh cho Bệ hạ tiếc của, vì đem dê nhỏ mà đổi trâu lớn thì biểu bá tánh hiểu sao ? Nếu vua thương là vô tội mà phải bị chết thì trâu với dê có khác gì nhau.

Vua Tuyên Vương cười rằng : Nào bụng Trẫm có gì khác nữa đâu, nhưng nếu không phải là tiếc của thì sao lại biểu đem dê mà đổi, trách sao bá tánh không cho Trẫm như vậy.

Thầy Mạnh Tử lại rằng : Không hại gì, vì đấy cũng là một điều hơn. Trông thấy trâu sợ mà chưa trông thấy dê nên mới vậy. Người quân tử đối với thú cầm, thấy sự sống mà không nỡ trông thấy chết, nghe tiếng kêu la rên siết nên không nỡ ăn thịt. Bởi có

nên người quân tử hằng lánh xa lò bếp.

Vua Tuyên Vương rằng : Ở trong Kinh Thi có câu : Người khác có lòng ta đo đặng đầy, ấy chính thầy như thế đó. Than ôi, việc ấy Trẫm làm đã đặng xong rồi, mà đến lúc hỏi lại, bụng Trẫm thì thật không biết tả tại làm sao. Nay khanh nói như vậy, lòng Trẫm thỏa thích vô cùng, nhưng không biết rằng, tấm lòng ấy sở dĩ đã hiệp với vương đạo nơi đâu ?

Tiếp sau thì Đức Mạnh Tử luận qua Vương đạo.

Nghĩ tình cảnh của Tề Tuyên Vương gẫm rất buồn cười : Lễ bôi chuông không dám bỏ, mà thấy đặng sự sợ sệt của trâu đến nơi chỗ chết lại biểu tha rồi nhủ bắt dê đem thế. Nếu thấy dê cũng tỏ dấu kinh hãi sợ sệt, chẳng hiểu Ngài sẽ biểu thế con gì, chắc là biểu đổi gà ! Trách sao bá tánh không cho Ngài là tiếc của, đem dê bé đặng thế trâu to. Thật chánh sách trị đời cũng âu mắc mỏ.

Bỏ luật pháp thì loạn lạc, muốn giữ nghiêm luật pháp cho bá tánh đặng thái bình thì phải trị, mà hề đụng chánh trị ắt có kẻ vừa lòng mà cũng có người méch dạ. Bởi cố nên các Đấng Thánh nhân ham giáo hóa hơn ưa chánh trị.

Đức Khổng Phu Tử cũng nhờ ác hành Đông Châu Liệt Quốc trong trường chiến đấu đua tranh, công danh quyền lợi nó giáo minh Bổn thiện của Ngài, mới đắc pháp cao thâm chí thiện.

Những triết lý Thánh hiền, dầu cổ dầu kim cũng thế, cốt để điều dắt nhơn sanh đi thong thả trên

con đường lành cho cùng tận, đặng phục nguyên Bản thiện của mình, các tôn giáo gọi tên là Đạo.

Ngày nào Bản thiện đã phát minh thì cảm hóa chúng sanh rộng thế : hèn thì làm cho một gia đình thiện hành gia pháp; trọng thì giúp quốc gia xã hội, thiện hành quốc chánh; còn tối đại thì làm cho toàn thiên hạ đặng thiện giáo hiệp chúng đại đồng.

Ấn Độ thuở trước tin thờ lý thuyết đa Thần (Polythéisme) vì tư tưởng cổ nhân thường hay ngó cả quyền năng Tạo hóa mà so sánh cùng mình, bởi thế mà cho các quyền lực vô hình cũng có đủ khôn ngoan cùng sự quyết định.

Sau, tư tưởng ấy lại trở xu hướng về Đấng Chí Tôn, dựng căn bản cho Đạo Bà La Môn (Brahmanisme) từ thử.

Tạo hóa cần khôn sanh ra do một chủ quyền của Trời. Trời lập nên đời vì ái, mà ái kia pha lẫn cùng tình, *Ngài tạo gọi là Brahma, Ngài diệt gọi là Siva, Ngài bảo tồn gọi là Vichnou*, ấy mới gọi Chí Tôn Tam Thế (La Trinité).

Vì thuyết phân tánh giáng sanh ấy nên cho các đẳng linh hồn đều phải luân hồi chuyển kiếp, luật thiên nhiên định cho mỗi linh hồn trong cần khôn thế giới phải từng theo hình trạng và bậc phẩm sanh hóa của mình, đặng đi mãi tận đường tấn hóa.

Đạo Bà La Môn dạy phải thiện niệm, phải hạ mình, phải nhỏ nhoi, phải kiên nhẫn, tha thứ tội người, thương yêu kẻ yếu, cung kính phụ nhrn, khoan dung vật loại.

Tiếc thay một nền tôn giáo cao siêu như vậy mà cũng đã làm cho chia phân đảng phái, gieo lăm lẽ bất bình trong nền phong hóa, rồi lại giúp những tay hành đạo độc chiếm quyền hành, nhưng cũng vì nhờ đó mới có Thích Ca ra chuyển Đạo.

Ấy là một tôn giáo đã đi đường và đã lập vị cho Phật.

Lý thuyết của ông **Zoroastre** nước Perse lại không nhận rằng chỉ có một quyền Chí Tôn tạo thế, mà đời lại do nơi cơ quan tương đối mà sanh ra, cũng như cả càn khôn thế giới. Đời ở nơi ánh sáng và bóng tối (Dương quang và Âm quang), sự thiệt cùng sự giả, sự lành và sự dữ pha lẫn với nhau mà biến hình.

Ormuzd là hình trạng của lành lấy tư tưởng Tạo hóa nên đời, vì lời phân định, cho ngôn ngữ là quyền năng cảm xúc của sự thật và trí lực khôn ngoan.

Ahriman là hình trạng sự dữ và sự tối tăm gọi là vật sự. Sự lành phải càng ngày càng tấn bộ đặng tiêu trừ sự dữ, cho nên **Ormuzd** thế nào cũng đặng đắc thắng mà thôi.

Giáo lý **Zoroastre** từng y tư tưởng ấy nên cho rằng thiện tâm là sự thật. Hành tàng sự thật hoạt động ra ngoài, là chơn chánh trong lời nói và thanh bai trong việc làm.

Bởi cơ nên quốc dân nước Perse (nước Ba Tư cổ) tín ngưỡng tôn trọng sự thật thà và sự thanh bai chơn chánh, gọi là hình bóng linh quang hữu vi với linh quang vô hình, nên lấy *lửa* đặng làm đạo hiệu. Triết

lý này giống mĩa mai triết lý của Đức Lão Tử.

Dân **Celtes** và dân **Gaulois** là nguồn cội dân Pháp gọi là **Druides**, truyền một giáo lý y theo tánh đức của Gaulois là trọng nhơn, ái nhân và thị tử, tánh nghĩa hiệp cho là đầu các tánh đức, vì gồm trọn cả ba tánh đức trên kia. Lý thuyết này giống nửa phần của Đức Khổng Phu Tử.

Triết lý dân **Hébreux** là thi tổ của nước Do Thái thì nói Đức Chúa Trời là quyền năng tự do tự chủ. Trời sanh muôn vật do quyền tự chủ của Ngài. Trọn loài người cũng vậy, đều sản xuất nơi phép tự do, hoặc là phải vâng lệnh, hay là không vâng lệnh, cũng rộng để quyền người tự chủ. Theo giáo lý ấy, cả thầy đều nơi quyền hành của Trời đã định trước và ban cho mà gây nên phận sự. Đạo của con người đối cùng Trời thì vẫn là vô hình, trả vay thưởng phạt chỉ ở tại thế mà thôi.

Đạo ấy dạy phải thương yêu và nhơn đức với người. Điều chi mình không muốn ai thi thố với mình thì đừng xảo dụng đối cùng kẻ khác (*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhơn*). Thế trị của đời phải do Thiên lý, phẩm vị cao trọng vua chúa kẻ như hình phạt thiêng liêng.

Triết lý dân **Grecs** thì cách trí và cách vật học của mấy vị hiền triết Sophiste, kế sau có Socrate, Platon, Aritote, l'Épicurisme, le Stoïcisme, rồi tới học đường Alexandrie và triết lý Gia Tô giáo.

Cách vật học hay là thuyết **Sonienne**, khi tìm tàng dạng thấu rõ cơ quan vạn vật, toàn thể của vật chất thì biểu rằng muốn thuyết minh ra dạng, chỉ cậy nơi tư tưởng. Ông **Héraclite** nói rằng : tư tưởng ấy

cũng do nơi hình thể mà có, nên cho rằng, chẳng điều chi có sẵn, cả thấy bởi biến thành. Chi chi cũng qua, qua rồi thì tuyệt, con người không tắm nơi một dòng nước đặng hai lần.

Linh hồn chúng ta là một điểm linh quang của Chí Tôn, song đặng biết suy đoán, nó có thể hiệp một cùng sự chơn thật đặng, là khi nó đã đồng tánh cùng thế giới càn khôn, nghĩa là cùng Đấng Chí Tôn Tạo Hóa. Dạy phải kiên nhẫn và chịu mọi điều khổ não, ấy là luật thiên nhiên đối phó cùng đời.

Linh hồn chết tại nơi thể chất chớ nó hằng sống nơi cõi vô hình. Các xã hội cũng phải như người, lấy toàn cầu làm căn bản, và lập luật phải tùng theo hình trạng của chánh trị càn khôn.

Ông **Anaxagore** để tư tưởng ra ngoài vật chất và hơn vật chất, nên nói tư tưởng hành động khỏi ngoài hình thể. Sự khôn ngoan biết hết những điều đương nhiên và vị lai lại làm cho hoạt động hiển nhiên cả thấy.

Cách trí học thì nơi **Pythagore** truyền giáo. Theo Ngài thì sự cùng luận của vạn vật là do tổng số của nó đã lập nên đời hiện hữu. Linh hồn là một phần số trong hằng hà sa số ấy, có riêng năng lực hoạt động một mình. Đạo đức là điều hòa nhã, luật hình là cơ thể tương giao, tình bạn tác là hình đồng đẳng.

Triết lý của mấy vị hiền triết **Sophiste** thì đem tuyệt đối và chơn lý ra thay thế cho tương đối và ước thể. Họ quyết định rằng, sự thật mà đặng là nhờ người biết làm cho nó ra thật, chớ kỳ trung chẳng có chi thật.

Trong phong hóa thì các Ngài lại đem hiền đức tương đối là điều đẹp đẽ và hữu dụng mà thay thế cho tuyệt đối.

Theo phép chánh trị thì các Ngài lại thế ý tương đối cường hành vào ý tuyệt đối quyền lực. Làm đầu các Đấng triết hiền ấy là ông **Protagores** và **Gorgias**.

Ông **Socrate** còn xuân thời vốn là nhà hóa học và thiên văn. Ngài cũng như ông Anaxagore cho rằng, thật sự của càn khôn không ở nơi trạng thái mà lại do nơi tư tưởng. Ngài lại cố tìm hiểu sâu xa hơn ông Anaxagore.

Sự khôn ngoan chỉ kiếm có một nguồn lành. Tánh tâm thiện là của trí khôn ngoan và tài tình xu hướng. Triết lý này là căn bản của đạo ông Socrate làm tâm pháp.

Cách luyện đạo của Ngài về tinh thần chia ra hai phần :

1. Là đem điều kỳ dị của giả pháp mà so sánh cùng sự thượng đạt của chơn pháp.

2. Là phép Thần sản (phương pháp giục tinh thần biến hóa).

Phương pháp sau này dạy cách thế học hỏi thế nào cho sự thật của tinh thần giấu giếm ấp yêu biểu lộ, hoặc là minh tra mình, hay là cầu người khác dùng phương vấn khảo.

Luyện pháp ấy mà đoạt thành là do nơi công nghiệm và tổng luận.

Ông Socrate góp mọi điều vào tư tưởng cả thảy,

vì Ngài là nhà tư tưởng thượng đạo. Trong pháp môn tư tưởng sản xuất pháp môn hành động, và nảy sinh phong hóa xã hội. Ai đã tùng theo tư tưởng mình và sắp đặt đủ trật phẩm thứ tự, xử sự hay, chệ điều dỡ, thì chẳng hề phản đối lại cùng tư tưởng khi đã biến hóa việc làm.

Do đó mà tâm nguyên của tài tình trí tuệ và thật dụng lấy nó, vì đã chỉ rõ rằng sự ham muốn hằng tìm những điều của trí khôn ngoan định cho là phải.

Chẳng có một ai thật lòng muốn dữ.

Triết lý của Ngài cho cả thấy mọi điều (nghĩa là trọn tâm lý của đời) cũng do bởi tài tình trí tuệ.

Ngài hằng khuyên phải học lành đặng làm lành, hề dạy thì người sẽ trở nên lành đặng. Người lành cần phải thông minh và đạo đức.

Đạo duy có một, tuy thể hình dầu nhiều mặt, duy khôn ngoan hiền ngõ mới có can đảm và điều hòa, rồi lòng công bình nương theo mà hiện tướng, có công bình thì tự nhiên mới có thật hành phước thiện (ấy là đạo của xã hội), hành phước thiện đặng mới để tâm lân tuất thương sanh (ấy là mặt chơn đạo).

Thuyết của Ngài về hình trị thì chiếu theo mặt luật thiên nhiên, nghĩa là cho luật tự tả, không hơn tâm luật.

Ngài cho tâm luật không thể tự tả, vì nó là luật tự nhiên và của Đấng Chí Tôn sở định, cho nên chẳng sai sót bao giờ. Bởi cố nên chừ vị hiền triết Sophistes hằng đem cơ thể Tạo đoan mà đối cùng Thế luật.

Thiệt luật là sự tự nhiên của mình, ấy là khối khôn ngoan của mình vậy.

Lòng phước thiện do ở nơi công bình đoán xét mà ra. Chúng ta không nên đem cái dữ mà đối cùng sự dữ, phải tìm tòi điều lành hay là mọi sự đặng nên chí thiện. Chúng ta nên xem cả loài người như bạn thiết của chúng ta, đặng gìn lòng nhân ái.

Trong gia đình thì vợ cũng đồng thể cùng chồng, tuy phận sự trọng khinh đặc biệt nhưng đàn bà nếu có phần hơn là biết giữ vẹn toàn đạo hạnh.

Cổ nhơn cho sự làm lụng là nhẹ thể hay là hạ tiện, còn Ngài lại cho là vinh diệu và cao thượng. Nhờ tư tưởng này mà ra phép giải thoát gia nô.

Chánh trị là đặc tài của sự công bình và công ích. Những người đủ quyền đủ đức mới đáng cầm quyền. Phương bạo tàn thắng thế và cầu may là điều hại của nền chánh trị, do đấy mà gây ảnh hưởng dân trị.

Bậc khôn ngoan không dùng cái mạnh của quyền lực mà cưỡng bức kẻ khác, duy đặng quyền cảm dỗ cho thiên hạ nghe mình mà thôi (đây Ngài lại mở phép dân trị và dân cử).

Ông **Platon** cho rằng tình dục của đời là ảo mộng. Thất tình cho ta thấy những điều bóng dáng, duy có tinh thần lại từ từ tăng tiến. Tinh thần đi từ trong cõi bóng dáng vô thường mà đến nơi chơn thật thiêng liêng vô tận (*Sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ tướng hành thức, diệp phục như thị*).

Theo thuyết của Ngài về tư tưởng thì luận như vậy :

Tư tưởng về phần vật là tại nơi nguyên do sanh hoạt. Sanh hoạt chẳng chi khác hơn là mình hòa hiệp và làm cho thỏa thích tư tưởng. Mỗi người phải nói rằng mình chỉ sống đặng tương hiệp cùng tư tưởng của toàn nhơn loại, tử cũng như một bốn sao lục mà có ra là tại chép in bốn chánh.

Thuyết của Ngài về yêu mến sự lành thì nói rằng bởi đẹp đẽ hình dạng mà xúc cảm thương yêu, rồi kể đẹp đẽ tâm hồn mới bày ra hành vi cao thượng (chỉ nghĩa mọi điều buộc phải trọn lành, tâm hồn và xác thịt).

Về phương diện cảm hóa, Ngài nói, đức tánh buộc phải trùng phùng cùng linh hồn về phần tư tưởng nên tự nhiên nó phải giống Trời.

Tánh hiền lương, tánh can đảm với tánh hòa hướn làm cho linh hồn có mục thước, điều hòa của Ngài gọi là tâm trung công chánh.

Công chánh bề ngoài là những điều đã làm y theo cho có trật tự của toàn xã hội định trước. Trong công chánh nảy sanh ra phước thiện.

Mặt chánh trị thì Ngài lại hay lộn lạo cùng phong hóa. Mục đích chánh trị theo Ngài thì làm thế nào cho dân đặng hiền lương và hạnh phúc.

Bởi cố nên Ngài định cho quyền quốc gia lớn hơn quyền dân sanh quá lẽ. Quốc gia bao gồm cả thầy, còn dân sanh chẳng có chút gì, dầu cho gia nghiệp với gia đình, như buộc phải thế, thì cũng nạp nhập quốc gia quyền lợi (Đó là thuyết Cộng sản của ông Platon và chánh chung trị của Ngài).

Rốt luận, Ngài kể hình án là cơ quan đền tội.

Ông **Aristote** cho đời người chẳng phải do nghĩa lý càn khôn mà ra như ông Platon đã thuyết, mà do nơi tự ngã. Hành động hoàn toàn của phàm thể là tư tưởng, vì nhờ tư tưởng giải nghĩa và lập thành sanh hoạt. Sanh hoạt ấy là tư tưởng. Sự hành động thật của con người chẳng phải duy có hoạt động lợi sanh, hoan lạc trong những điều thường hành của bậc thường nhân mà thôi, mà là thật hành sở định của trí lý hay là của tư tưởng hoàn toàn.

Thuyết tự ngã của Ngài phân ra :

1. là hạnh đức triêm nghiệm. Hạnh đức đứng đầu là triêm nghiệm chơn lý hay gọi là khôn ngoan của trách nhiệm.

2. là hạnh đức năng hành. Kế hạnh đức triêm nghiệm thì có hạnh đức năng hành, nó buộc tài tình của ta tùng theo trật tự đặng giúp hay cho sự triêm nghiệm thật hành. Hễ kể cho hạnh đức năng hành là hèn thì phải dụng trung dung làm chuẩn đích, tỉ như can đảm là trung dung của sự táo bạo và nhát gan.

Hạnh đức năng hành là cơ quan tranh đấu buộc con người phải ráng lực, mục đích và giá trị của nó là cho ta đặng vui hưởng và an tịnh trong hạnh đức triêm nghiệm. Theo thuyết xã hội thì Ngài cho lòng nhơn ái và tánh hữu giao là hai hạnh đức tối trọng. Do đấy :

1. là sanh ra thuyết hữu giao này :

Hay hơn và mẫn nông hơn là mình thương người, đừng để người thương mình, mình làm phải

hơn là thọ cái phải của người. Ý nghĩa bằng hữu đem ra thay thế cho chủ nghĩa bình đẳng là vì cho người bạn của mình là mình vậy.

2. là thuyết công bình :

Sự công bình buộc phải kính trọng sự bình đẳng của mọi người. Phép công bình chia ra :

- là mặt công bình phân phát,
- là mặt công bình đổi chọn.

Công bình trước thì định chia phận sự cho những hạng người dùng theo tài đức.

Công bình sau thì định cầm đồng giá các vật đổi chọn, tỉ như trong thương mại hay là phương chế hại.

Theo chánh trị thì ông **Aristote** cho rằng, quốc gia là sự tương hiệp của những người tự do và đồng đẳng. Ngài đánh đổ thuyết Cộng sản của ông Platon, vì người minh tả rằng, của cộng sản ít hay nặng xem trọng mà bảo tồn, nghĩa là gìn giữ hơn của tư sản.

Ngài chia xã hội làm hai phần :

- là hạng người tự do.
- là hạng người nô lệ.

Ngài nói rằng, hạng phẩm nô lệ là tự nhiên tạo doan đã định vậy. Rốt luận, Ngài tỏ rằng quyền hành là của chung. Vì đó mà chánh trị dân chủ và lý thuyết giục loạn cũng do nơi lầm lộn phương diện bình đẳng phải lẽ cùng không mà ra.

Giáo lý của ông **Pyrrhon** lại để vào mặt nghi tín.

Ngài nói rằng, khôn ngoan hơn là đừng năng định quyết và hay hơn là đừng năng xử sự.

Giáo lý của ông **Épicure** quyết định rằng, cảm

xúc con người ở nơi ngũ quan mà ra. Vậy kiếp hữu sanh ở nơi vật chất. Tánh đức chí thiện ở nơi sự vui thích vững bền chớ không phải tại nơi sự vui thích tạm hữu và nơi kiếp thác. (Các Đấng thiêng liêng đã bị Ngài trục xuất ra khỏi càn khôn thế giới). Ngài dạy làm phương nào cho đặng hạnh phúc là hơn.

Triết lý thị khổ (Stoicisme của ông Zénon và các môn đệ của Ngài cho rằng vật chất là vô năng, còn tinh thần và trí thức là hữu năng).

Thuyết giáo các Đấng ấy như vậy :

- a) là thuyết tự do.

Nói rằng mỗi người tự trung đều có tánh tự do nên ham muốn thật của con người là ráng sức chống cự, quyết thắng những điều ngoại trở tự do.

Trong điều ngoại trở ấy cũng có điều cho ở nơi mình, tỉ như chí khí lớn, trong đó lại chứa trọn tư bản tánh chất của mình, duy có sự ham muốn của mình mới có hay, hay là dở.

Cũng có lắm điều chẳng phải do nơi mình, tỉ như sự giàu sang và sức khỏe là những điều của chúng ta thích hưởng, nay là tư hưởng hoặc thật hoặc giả, nhưng chúng ta không hề định cho hay cho dở đặng.

Tánh đức chí thiện mới thiết tư bản của mình.

- b) là thuyết đồng bào và lẽ công bình :

Sự tự do hay gọi rằng khôn ngoan đều ở trong tánh đức của mỗi người, ấy là một cơ quan liên hiệp cả toàn nhơn loại.

Đời vốn là một cái đại gia đình mà thôi.

Còn quyền lực là căn bản của phép công bình,

ấy là khôn ngoan tự tả. Tri ý về quyền lực này chung qui bởi sự lộng pháp và những vấn đề nô lệ.

- c) là *thuyết chí thiện* :

Chí thiện là đức tánh làm tự lạc lấy mình.

Duy đúng bậc hiền mới là tự do, mới là chúa xinh lịch và hạnh phúc, ngang hay là trên bậc Thần, Tiên mà thôi. (Vô sự tiểu Thần Tiên đã đành, còn cơ quan hữu sự của đời kia mới tính sao ?)

Thuyết ấy giúp đời thoát vòng lục đục và trở nên vô cảm. Ngài có những bạn đồng chí là Gléanthe và Chryssippe hiệp nhau lập những giáo đường : Ariston ở Ohio, Hérille ở Carthage, Diogène ở Sélencie, Sénex, Epictète và Marc-Aurèle.

Môn đệ của Ngài nổi danh thị đời hơn hết là ông Diogène.

Còn những triết lý kim thời của các bậc vĩ nhân :

Đại Pháp thì có ông Descartes, Pascal, Diderot, Lamettrie, Voltaire, Buffon, Montesquieu, Turgot, Rousseau, Victor Hugo, Condorcet, Auguste Comte, Saint Simon, Fourier, Léon Bourgeois, vv . . .

Anh quốc thì có ông Bacon, Hobbes, Locke, Adam Smith, Bentham, Stuart Mill, Darwin, Herbert Spencer, Nietzsche, Schopenhauer, vv . . .

Đức quốc thì có ông Luther, Kant, Fichte, Schelling, Hegène, Goethe, vv . . .

Chúng ta chẳng cần kể tên môn đệ Đức Khổng Phu Tử, nút là trong Tam thập lục Thánh và Thất thập nhị Hiền mà làm gì vì chúng phong hóa Việt Nam ở nơi Khổng môn mà xuất hiện, nên ai đã biết

đặng chút ít nho văn, cùng có đọc đến bộ Tứ Thư ắt biết rõ tánh danh các Đấng.

Còn môn đệ của Đức Lão Tử, ngoài ra Mặc Dịch, Trang Tử, Châu Tử, cũng còn lăm Đấng nói chí của Ngài đặng mở mang Tiên giáo.

Các Đấng hiền triết toàn cầu đều để trí thức tinh thần khảo cứu đặng tâm chơn sự sanh hoạt và tánh đức loài người đối cùng vạn vật giữa càn khôn vũ trụ này. Các Ngài thường hay so xúc cảm của mình mà đo lường sự xúc cảm của toàn nhơn loại nên đã hiểu rõ rằng, cơ quan tương đắc đã tạo nên đời phải đi đến cuối cùng con đường chí thiện, và cơ quan liên hiệp tâm lý chỉ nhờ bốn thiện mà thôi.

Vì vậy cho nên dấu tư tưởng của các Ngài khác hẳn cùng nhau, mà cả thấy cùng bộ hành trên nẻo truy nguyên Bốn thiện, rồi đền thờ của các Ngài lại cũng phải dựng trên nền Chí thiện mới vững bền kiên cố đức tin.

Giáo lý dầu khác, mà tinh ba Bốn thiện vốn chủ quyền, bởi vậy cả giáo lý cố tằm Bốn thiện.

Bốn thiện là gì ?

Bốn thiện là linh tâm (la conscience) của ta. Thế gian vì không phân biệt đặng bí mật của linh quang và bốn thiện là hai phận sự đặc biệt của tâm hồn nên còn lại gọi là lòng lành, lương tâm [từ trước].

Theo triết lý thì lương tâm là sự hay biết tự nhiên, lệ làng mau chóng của ta tự nhiên sẵn có và những huyền vi bí mật của tâm hồn hoạt động nơi ta.

Tánh nết, tình ý, tư tưởng, hoài cảm, tánh đức,

trí định của ta cả thấy đều là những cơ quan của lương tâm phát tướng.

Lương tâm là tánh chất (Thiên mạng) của ta đã có sẵn để diu dắt giúp đỡ ta trong sự hành động và hoạt động.

Nếu có nhiều lẽ vô thường của lương tâm, hoặc nhiều hay là ít minh mẫn là vì bởi chúng ta chẳng biết tùy biến hóa của nó mà tùy lịnh, nếu mỗi khi chúng ta để hết lòng hay là ráng định trí thì chúng ta liền hiểu biết trước dạng sở hành quả quyết sẽ dường nào.

Thấy một vật, thấu hiểu một nghĩa lý, nhớ dạng một câu thi thì phải để trọn tâm trí dạng thấy, dạng thấu, dạng nhớ.

Nếu chẳng phải nhờ lương tâm, tuy vân ta không thấy dạng những vật loại, những tư tưởng, những hoài cảm, những khoái lạc, những thương khó mà chúng ta lại tự nhiên dạng hiểu rõ như đã thấy dạng vật, tư tưởng, dạng điều này điều nọ, cảm xúc dạng sự vui sự buồn, thì chúng ta độ có ấy bởi đâu ?

Lương tâm không cho ta biết điều quái dị vô thường và vô vi ngã tướng (sic, như tai nạn chưa đến mà hiểu trước dạng đỡ, mới giải nghĩa làm sao ?)

Nó đem ta đối diện cùng thật sự hiển nhiên y theo ngã tướng của ta, trong điều hiểu chắc xúc cảm và thi hành mọi việc.

Lương tâm là ta đó vậy. (Đây lại cho ngã tướng và lương tâm hiệp một).

Nhờ nó mà ta biết dạng ta, chẳng phải ngoại diện mà thôi, mà lại nội trung của ta nữa, và chúng

ta lại đột nhập vào hiệp một với chơn tướng của nó.

Nếu chúng ta vì hoài nghi mà toan bỏ điều cảm hóa của lương tâm thì còn lại cái chi phần chắc ?

Một lương tâm không đủ làm thông suốt, đặc thông dạng là nhờ hình vật tiếp xúc cảm, phạm sự thâm đoạt hình vật ấy về phần ngũ quan và ngoại cảm. Muốn đặc thông thì những hình vật thí nghiệm đừng mất hình tướng, lại phải gìn giữ y nhiên.

Phạm sự gìn giữ (tồn tánh) về phần trí nhớ.

Những hình vật phải tái phục nguyên hình.

Phạm sự phục hình về trí, tướng, hiệp tác dạng sắp đặt thế nào cho hình vật có thứ tự của trí nhớ chất chứa, nên sanh ra phạm sự chĩnh đốn của tư tưởng. Kế nữa thì quyền hành động của trí khôn, lãnh phần lập nên trí thức, là tánh suy đoán, tánh khai minh, tánh nghĩ nghi, vv . . .

Cả các hành tàng ấy, dầu hành tàng cảm xúc hay là hành tàng trí thức cũng phải tùng quyền của trí khôn ngoan, lẽ hữu tướng, lẽ quả báo, những nguyên ủy cuối cùng, những sự buộc ràng đức tánh cùng là chơn lý, đều do nơi đó.

Kết luận : Khi đặc thông và trí khôn chứa để chắc chắn dạng rồi, thì mới phổ truyền, phạm sự truyền tín thì về bộ tịch, dấu hiệu và ngôn ngữ.

Đạo thuyết luận cho lương tâm hay : Linh tâm là linh quang của mỗi người (thường ngữ cũng gọi là Tánh linh), Đại Đạo ta gọi là Chơn linh.

Trung Dung nói : *Thiên mạng chi vị tánh*, nên cũng kêu nó là Thiên mạng.

Chơn linh của ta đặng minh mẫn mà diu dặt, đỡ che, dạy dỗ, trừng răn, kèm thúc thi hài đi trên con đường lành là nhờ phước cao siêu của nó. (Có lẽ Thánh giáo Gia Tô gọi Thiên Thần là vậy).

Sự cao siêu là tổng số của các tánh linh mảy múng chúng ta đã đoạt đặng trong mỗi kiếp sanh đứng làm người, y phép luân hồi của tạo đoan đã định vậy : Sanh sanh tử tử đặng un đúc đào luyện tánh linh hầu mong hiệp một cùng Đấng Chí Linh Tạo Hóa.

Cả phép thiêng liêng, dấu điều ta quan sát hiểu biết đặng hay là còn bí mật huyền vi, đều cốt để giúp đỡ các đẳng linh hồn đi trên đường tấn hóa cho tới ngang phẩm vị của Chí Linh Tạo Hóa.

Vì cơ Đại Từ Phụ nói : ***Thầy là các con, các con là Thầy.***

Kinh Phật nói : ***Nhứt thiết chúng sanh giai thành Phật đạo.*** Lời nói tuy là nghĩa lý sâu xa nhưng chúng ta có thể tỉ thí mà hiểu như vậy :

Chúng ta đã thọ một phần hương hỏa của Đại Từ Phụ là Nhứt điểm linh, rồi thừa nghiệp lấy sức riêng mình, dụng tư bốn ấy lập nên gia thế (nghĩa là tu luyện, trau giồi lấy điểm linh ấy trở nên vĩ đại và phú túc), dám so sánh sự nghiệp vô biên Tạo Hóa. *Của mình là của Đại Từ Phụ, của Đại Từ Phụ tức là của mình.*

Ấy vậy, Đấng Chí Linh là Đại Từ Phụ chiết ra nhứt điểm linh cho mình thì mình là Đại Từ Phụ, mà Đại Từ Phụ là mình, miễn đừng để mất phần thực hương hỏa thiêng liêng, Đại Từ Phụ lấy cho người khác (nghĩa là đừng vắn vương oan nghiệt tội tình mà hại khối chơn linh tiêu diệt).

Quyền năng của linh quang chẳng hề bị nhục thể đè nén đặng, vì sự hoạt động và hành động của nó ở ngoại thi hài và lại có sẵn quyền vi chủ.

Thi hài là vô năng, nếu thoát đặng hàng phẩm thú mà làm người là nhờ có chơn linh giúp đỡ. Trong nhơn thân, người và thú vẫn khác nhau, vì không nương quyền lực của chơn linh, xác thịt thú cũng hườn lại thú.

Dầu cho nhiều phen thi hài bị vật dục cám dỗ, giác tánh còn ngang ngược lẫy lừng, ít từng phục lương tâm khuyến giáo, nhưng quyền vạn linh mạnh mẽ dễ đâu thua ! Ôi ! nếu ai ở đời đã bị một phen trừng trị bởi quyền lực của lương tâm mới hiểu rõ Trời cao có mắt.

Oai linh nghiêm khắc của lương tâm, dầu cho một quan tòa phạm nhật nhiệm gắt gao thế nào cũng bì không kịp, vì nó không cần kiểm soát án trạng mà cũng không hỏi chứng dựng tang, nhưng chẳng một lẽ gian thoát khỏi.

Luật hình của đời xử mình, nếu không có trạng sư thì cũng mình bình vực mình mà chối cãi, chớ còn mình mà xử mình thì chắc chẳng còn ai bào chữa.

Hai quyền tương đắc ở một mạng sanh :

1. là lương thiện của chơn linh.
2. là dữ dằn của xác thịt.

Hễ chơn linh thắng nổi thì người đáng cao siêu, còn xác thịt lộng quyền thì ắt tinh thần sa đọa.

Những thuyết thiện ác, tội phước, chánh tà, của các tôn giáo truyền thế chỉ do theo thắng bại của chơn linh.

Chơn linh hằng giữ bốn nguyên Bốn thiện của nó, đừng làm ky vật mới đi tận cùng con đường chí thiện của Chí Linh.

Vô vi tướng của chơn linh, các tôn giáo tả ra nhiều hình trạng, hoặc là cho rằng có hình dung khí chất, hoặc cho rằng ánh sáng quang minh, hoặc là cho hữu hình tướng, hoặc là cho hư không tướng. Cả thuyết lý đều có trùng mảy may chút ít, còn thiệt sự thì như vậy :

Chơn linh là một khối tư tưởng của trí thức tinh thần con người đào tạo kiếp kiếp đời đời, hoặc cư trụ tại thế này hay là hiệp một với càn khôn thế giới.

Nếu ta tu đắc kiếp, đủ quyền năng tác thành nhơn thân (nghĩa là hình trạng khí chất của ta, còn khí chất là điện lực sanh quang [énergie de vitalité] của xác thịt) thì chơn linh mới nhập vào mà tạo nên hình thể thiêng liêng.

Chơn linh đến nhập xác đầu thai thế nào thì khi nhập vào hình thể thiêng liêng cũng thế, nên gọi là phép phục sanh Thiên cảnh. (Đức Chúa Jésus de Nazareth gọi Christ đã đặng phục sanh tại thế). Chiếu theo đạo sử thì Đức Thích Ca và Đức Lão Tử cũng đặng như vậy.

Bốn nguyên chơn linh là tánh chất của Chí Linh nên thường có tánh linh hiện hữu.

Ta thử so ta cùng điều thú thì thấy điều ấy rõ ràng. Vạn vật cũng có tánh linh nhưng mà ít hơn vì điểm linh quang rất nhỏ hơn mình, cơ tạo lại dụng phép linh này đặng định phân hạng phẩm của chúng

sanh. Cả những chơn linh ấy tổng hiệp lại gọi là vạn linh sanh chúng.

Nhờ tánh linh ấy mà chơn linh mới soi đặng tận nơi tối tăm thấy đặng sự mất phạm không thể thấy.

Hễ có kiến thì có thức, kiến thức là căn bản của trí thức tinh thần. Muốn kiến thì nhờ nhãn, muốn thức thì nhờ trí. Ấy vậy, lương tâm (gọi là linh tâm hay chơn linh) là Thiên Nhãn của trí thức loài người. Vì có mà Đại Từ Phụ dạy thờ Thiên Nhãn.

Thiên Nhãn là hình trạng của lương tâm toàn thể, làm nền móng cho Cao Đài, nghĩa là đền thờ cao trọng hay là đức tin lớn của Chí Tôn tại thế này, y như hai câu thi của Đức Chuông Đạo Nguyệt Tâm (Victor Hugo) :

**L' oeil mystique seul verra la religion nouvelle,
La grande foi gite dans la conscience universelle.**
*Có Thiên Nhãn mới tường chánh giáo,
Tin Cao Đài do đạo lương tâm.*

Thờ Thiên Nhãn là thờ tánh mạng mình và Chí Tôn, nghĩa là thờ lương tâm của toàn thiên hạ (Le culte de la conscience).

Bần đạo đã luận rằng, cả đạo mạch cốt yếu giác mê chúng sanh qui bổn thiện, nhưng bổn thiện của thế gian ngày nay lừng đờng chờ dờ dờng mê mẩn giác nồng vật dục.

Đời tử như người say ngủ, mơ màng trong ảo mộng Nam Kha, các tôn giáo dùng phương chước đặng kêu thức tỉnh : ông thì lo quạt nồng đắp lạnh, chờ đã giác tỉnh hồn, ông thì vỗ dít đặng giật mình, ông lại

chở miệng bên tai kêu dậy, ông lại thổi lỗ mũi đặng dứt ngoi, ông bỏ vật nòng vào miệng đặng cho thức nhấp.

Còn Đại Từ Phụ đến tạo Đạo ngày nay thì tử như Thầy cầm nơi tay một ngọn đèn rục rỡ quang minh (là chơn linh) mà soi vào mắt phàm tâm kêu định tỉnh.

Hại những nổi tà vạy, xảo trá, gian ngược, hung bạo, tàn nhẫn, đã gây oán chác thù, vì tâm ác chất chứa tràn đời nên các đạo khó mong qui thiện.

Đại Từ Phụ đến mở mắt linh hồn của chúng ta rồi lại biểu ta xem coi thế sự đã thế nào, lại nhủ rằng, muốn trừ khổ của nhơn sanh, các con ráng qui nguyên bốn thiện, nên Thầy mới dụng bác ái từ bi làm cơ quan chuyển thế.

Thầy trao phẩm vị thiêng liêng làm thưởng vật, lại giao thiện giáo gọi bốn căn : Thiên vị thì để thế truyền, thiện tâm nêu bí pháp.

Bởi có nên Thầy dạy Bản đạo tạo **linh bài** đặng thúc giục thế gian hành thiện.

Chương trình ban thưởng sẽ nấy cho quyền vạn linh định đoạt.

Bất cứ dân tộc nước nào, chẳng kể bốn đạo hay là ngoại đạo, đã tận tâm phước thiện, dâng công ích cho chúng sanh. Hễ có ba Hội là Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh đã nhìn nhận rằng, có công cả với xã hội nhơn quần và đã đặng Giáo Tông phê chuẩn thì HTĐ ban **linh bài** đẳng vị thiêng liêng.

Kỳ dư mấy vị Chức sắc Thiên phong đủ bằng chứng lụy mình vì Đạo thì quyền Chí Tôn (nghĩa là

Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp đồng) mới ban thưởng ân phong công nghiệp.

Những các hạng phẩm *linh bài* kể ra sau đây :

1. *Thính thiện.* 2. *Hành Thiện.* 3. *Giáo Thiện.*
4. *Chi Thiện.* 5. *Đạo Nhơn.* 6. *Chơn Nhơn.*
7. *Hiên Nhơn.* 8. *Thánh Nhơn.* 9. *Tiên Tử.*
10. *Phật Tử.*

Từ bậc Thính Thiện tới phẩm Chơn Nhơn thì phận sự thật hành Thể pháp đặng giúp ích cho Hội Thánh về phương truyền giáo, nên hiệp một với Cửu Trùng Đài. Tuy các Ngài không quyền chức đặc biệt thì mặc dầu, mà quyền hành thiêng liêng đạo đức của mỗi người đã đào tạo tự nhiên phẩm trật.

Không phân biệt tôn giáo nào tất cả, những Đấng Đạo Nhơn tu theo Phật giáo, Tiên giáo, Thánh giáo, Thần giáo, Nho giáo, cùng là các tôn giáo khác nữa, nói cho cùng là các Chi Phái tả đạo bàng môn mà đã hữu công cùng chúng sanh, lại có quyền Vạn linh cầu thưởng và quyền Chí Tôn công nhận thì họ cũng đặng đồng quyền đồng thể cùng Chức sắc Cửu Trùng Đài, đặng giáo hóa chơn truyền phổ độ.

Từ bậc Hiên Nhơn tới Phật Tử, thì lo bảo thủ Bí pháp tâm truyền và nhập cùng Hiệp Thiên Đài làm một. Chức trách của mấy vị này cũng không phân biệt tôn giáo nào, hoặc là tu hay là không tu, quyền Vạn linh và quyền Chí Tôn đã công nhận cho rằng đáng phẩm thì cũng đặng đồng thể đồng quyền cùng Chức sắc HTĐ, chung nắm quyền hành luật pháp.

Ấy là lời ước thuyết, còn chương trình quyết

định, khi quyền Vạn linh và quyền Chí Tôn phê chuẩn rồi thì Hội Thánh sẽ tuyên bố ban hành.

Vậy thì Đại Từ Phụ đến khai Tam Kỳ Phổ Độ có đem theo một gia nghiệp thiêng liêng xuống thế, rồi nắm tay các bậc lương sanh mà dắt đến một nơi vinh diệu, lại bảo rằng : Các con phải leo cho thấu trên chót Đài Cao này cùng Thầy đặng xem toàn thể của địa hoàn, ngó cho chường, suy cho quyết, rồi chung tâm hiệp trí cùng Thầy lo liệu bề chuyển thế.

Đại Từ Phụ còn giao nơi tay của chúng ta những phần thưởng hữu hình và quyền lực thiêng liêng của Thầy đã sẵn sàng dành để mà nhủ rằng :

“ Cửa cải này đủ thế lực cảm dỗ nhưn sanh qui hồi Bốn thiện”.

Thừa tánh tham của phù du thế tục, các con trao phẩm vị thiêng liêng. Do tâm dữ tranh quyền lộc công danh, các con đổi Chí linh Bốn thiện.

Cơ quan cứu khổ chúng sanh cũng do nơi đó.

Chúng ta phải tưởng tượng lại coi Ngũ Chi Đại Đạo là Phật giáo, Tiên giáo, Thánh giáo, Thần giáo và Nho giáo bậy chừ chẳng khác nào như ngũ mã tranh tiên, còn Thầy đến bảo ta làm Chủ khẩu.

Ông chủ khẩu không phải là Mã Ôn, mà Mã Ôn thế nào làm chủ khẩu, nên chúng ta không tưng một đạo giáo nào mà hành chánh pháp của Chí Tôn, chỉ nắm chặt chủ quyền ngôi phán đoán, đặng nâng cao giá trị của Phật pháp hiệp chơn truyền, mới vẹn tiếng chấn hưng Phật đạo.

Dầu hồi buổi chưa tu, chúng ta đã chán thấy sự

hay dở của Ngũ Chi Đại Đạo là thế nào và cũng thấu rõ lẽ chánh tà của kẻ cầm quyền hành đạo. Chẳng cần để luận những Chi tả đạo bàng môn, dầu chánh pháp chơn truyền mà đời chế giảm sửa đương cũng đã thành phàm giáo.

Ta đã lãnh vai làm chủ khảo, thì buộc mắt ta phải xem cho chánh, tai phải nghe cho chánh, miệng ta phải nói cho chánh, thân ta phải làm cho chánh, trí ta phải định cho chánh, tâm ta phải giữ cho chánh, thì mới đủ quyền hành cầm cân công bình thưởng phạt thiêng liêng, hiệp tâm lý đặng qui nguyên phục nhứt.

Kìa chúng ta đã thấy chán chường dưới mắt những điều lưu hại của tả đạo bàng môn : Hoặ là theo Nho tông, thay vì quạt nong đắp lạnh cho đời, lại nhốt dân chúng vào hòm chôn sống, hay là quăng vào nơi tuyết giá lầm than; hoặ là theo Thần giáo, thay vì lo giục thức tỉnh người đời, lại sát phạt ra trường lưu huyết; hoặ là theo Thánh giáo, thay vì kêu thức tỉnh người đời lại để miệng buông lời chửi rủa; hoặ là học theo Tiên giáo, thay vì hòa giải cho an ổn tâm đời, lại tính kế đồ mưu giục loạn; hoặ là theo Phật giáo, thay vì tòng phương giải khổ, lại tăng thêm sầu thảm của chúng sanh.

Một trường náo nhiệt đua tranh, xem mặt Đạo còn hơn mặt thế.

Chúng ta đã chán ngán những xảo mị của đời nên quyết tâm chơn, nương theo Từ Phụ.

Bản đạo thấy đặng một lẽ phi thường không

phương hiểu, nghĩa là những trang đạo đức lại có sẵn tâm tu, đã hưởng mùi chánh giáo của Chí Tôn mà còn thối gót phục tùng tả đạo.

Thật là làm chủ không muốn, làm tớ lại vừa lòng, tâm lý như sanh vốn không cùng đoán.

Thầy đã tuyển chọn các bậc lương sanh, lập nên Hội Thánh dạng làm hình thể của Thầy, ban cho đủ uy linh quyền thế, làm cho Hội Thánh đủ quý hóa cao trọng đáng đáng mặt làm thầy, lập luật pháp, tuyển hiền tài, định quyền hành, phân đẳng cấp, nhứt là luật pháp thì thật là một cơ quan độc thiện làm cho hòa nhã liên lạc cả con cái của Thầy, hầu giảm hại chia phe lập phái. (Thầy đã nói : Kẻ nào chia phe lập phái là kẻ thù nghịch của Thầy.) Hễ thù địch của Thầy tức là thù địch của nhưn sanh, mà thù địch của nhưn sanh ấy là thù địch của toàn Hội Thánh.

Đối với thù địch xưa nay, tâm phạm vốn ít hay thiện xử. Vậy thì sự thù oán nghịch lẫn của vài vị Thiên phong trong Hội Thánh gẫm cũng thường tình. Xin mấy vị rộng nghe ráng hiểu.

Nào dè những cơ quan pháp luật, thay vì buộc con cái của Thầy chung hiệp cùng nhau, lại đào tạo quyền hành quý trọng nên mùi thơm, giục cho sanh chúng tranh giành, làm cửa Đạo biến thành trường náo nhiệt.

Ôi ! Sự thất vọng của Thầy rất nên thê thảm !

Hại thay mới 8 năm truyền giáo, nên nhưn sanh chưa đủ thông luật Đạo cho cùng, bị cám dỗ nên nghe lời xảo lảo của kẻ bất lương, giúp thế lực cho tà

tâm xô chánh giáo.

Thật ra thì nhơn sanh ngày nay còn theo người chớ chưa theo Thầy, nghe Chúc sắc chớ không nghe Đạo. Nếu chúng sanh theo người thì là theo phạm tâm, mà phạm tâm vốn một người một thể, dầu cho tánh đức của mấy vị Giáo chủ cũng chẳng phù hợp nhau nên sanh hại chia phe lập phái.

Bần đạo thử hỏi, thoảng như Đạo phải cô thế điều tàn, tội trọng ấy đổ cho ai gánh ?

Cửa cải của Trời cho nhơn sanh, nhơn sanh chê, nhơn sanh đốt thì nhơn sanh chịu. Báu của ai phòng để dạ giữ gìn, còn của thế mà mất đi cũng thế, miễn cho kẻ tà tâm có thể đôi hồi, loạn Hội Thánh đoạt vị ngôi là thỏa vọng. (*Ấy là học theo truyện Tề Thiên loạn Thiên cung đặng nài chức Bậc Mã Ôn*).

Chẳng biết những người tâm đạo mới nghĩ ra sao ?

Nè chư Đạo hữu lưỡng phái,

Xin nhớ rằng Đạo là của chung cả chúng sanh, dầu cho ai thù ai oán, ai giận ai hờn, mưu hại lẫn nhau cũng trời kệ, chớ vì thù oán giận hờn, ai ra tay độc phá nên Đạo thì người ấy là tội nhân của toàn sanh chúng đa nghe.

Bần đạo hằng đặng tin tức của mấy tỉnh Hậu giang cho hay rằng nhiều tay phản Đạo, đi khắp nơi kích bác Pháp Chánh Truyền, lại đối gạt Pháp Chánh Truyền đầy nổi hại.

Có nhiều Đạo hữu phản kháng hỏi : Hại tại nơi đâu ? thì kẻ phản Đạo không phương giải rõ.

Bần đạo cũng bắt chước hỏi : Hại tại chỗ nào ?

Á phải ! có hại thật, thật có hại cho quyền Hội Thánh, vì Bản đạo ban rộng rãi cho nhơn sanh đủ thể lực quyền hành dám kháng cự cùng quyền Hội Thánh.

Hỏi : Người đồ mưu kích bác Pháp Chánh Truyền là ai ? - Có phải một vị đại Thiên phong của Hội Thánh và những Chức sắc phe đảng của Ngài. Chư Đạo hữu chư Đạo muội lưỡng phái tìm hiểu cho cùng thì biết rõ ràng chơn lý.

(Ôi ! Ai đã để hy vọng một ngày kia làm chúa cả của toàn nền Đạo thì cũng lo giảm thể lực của nhơn sanh đặng dễ dãi tranh, hầu lợi dụng lấy quyền công cử. Ấy cũng là phạm kế mà thôi.)

Cái hại thật của Hội Thánh là tại sao cho Chánh Trị Sự một quyền hành cùng phẩm Đầu Sư nơi địa phận một làng sở tại, còn Thông Sự một quyền Hộ Pháp, Phó Trị Sự lại giống Giáo Tông, song hành chánh nội trong một xóm.

Lại nữa, Đạo chia ra ba quyền đặc biệt :

❶ **Quyền Nhơn sanh** : là từ phẩm Lễ Sanh, Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự và cả phái viên toàn đạo hiệp đồng định luật lệnh phục hành Thể pháp. Chánh Phối Sư phái Thượng làm Chủ tọa. Hội này có hai vị Chức sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài dự hội.

❷ **Quyền Hội Thánh** : là Hiệp Thiên Đài thì Thập nhị Thời Quân, Cửu Trùng Đài thì từ phẩm Chánh Phối Sư, Phối Sư, Giáo Sư và Giáo Hữu thì vâng luật pháp thi hành chánh trị, Chánh Phối Sư phái Thái làm Chủ tọa hội này.

☉ **Quyền Thượng Hội** : là HTĐ thì Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh; Cửu Trùng Đài thì Giáo Tông, Chuông Pháp và Đầu Sư, cầm luật pháp điều hòa đạo mạch. Thượng Hội không quyền sửa trị, duy thi hành luật lệnh Chí Tôn, kỳ dư khi nào Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh phản khắc cùng nhau làm nền Đạo chính nghiêng nguy hiểm thì Đầu Sư mới dựng thống quyền nắm Đạo pháp thi hành chánh trị. (Quyền Thống nhất phải có đủ quyền Vạn linh và quyền Chí Tôn hiệp đồng ban cho mới dựng). Hội này của quyền Chí Tôn (là Giáo Tông và Hộ Pháp) làm Chủ tọa.

Trừ hai vị Đại Thiên phong là Giáo Tông và Hộ Pháp đã thay quyền Chí Tôn tại thế ra, cả ba Hội công đồng mới có quyền Vạn linh đủ phép.

Ấy vậy, Đạo có **Quyền Vạn linh** chớ không có **Hội Vạn linh**.

Chư Đạo hữu lưỡng phái biết dựng luật này thì sao cũng buồn cười cho Hội Vạn linh của Quyền Ngọc Đầu Sư buổi nọ ! (Ngọc Trang Thanh, Lê Bá Trang).

Vậy thì Hội Nhơn sanh là một quyền lực của Vạn linh, nếu không phân trách nhậm công bình, thiếu phương thế mong chi giữ pháp.

Ôi ! Nhiều Đạo đã khi rẻ chúng sanh và chúng sanh chê Đạo cũng bởi thiếu cơ quan này mà chớ.

Bần đạo nhớ lại khi ban hành Pháp Chánh Truyền thì làm cho nhiều vị Thiên phong Cửu Trùng Đài thất chí, như là Cự Lớn.

Bần đạo mới nói trên đây, đã sai một vị kia ra lập phái dựng kích bác chơn truyền, hầu đánh đổ

quyền hành Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự, nghĩa là quyền nhơn sanh cho tận diệt. May thay có Chí Tôn phò trợ nên không kết quả chút nào và nghe ra Chi phái ấy ngày nay đã tan tành rời rã.

Bần đạo nghĩ cũng nực cười vì họ cũng có thể đổ dành cho tín đồ lầm lạc, thật là họ dụng phản gián mưu sâu đặng xúi nhơn sanh tự vận.

Đảng phái ấy đã cả gan dám lột cổ pháp và cổ sắc lệnh một vị Trị Sự đương bần hành lễ, liệt trước mặt của đông người, mà sao nhiều vị tín đồ cũng không hiểu nghĩa.

Bần đạo khổ thân nhọc trí, càng lo bảo hộ quyền thế của mỗi người, càng bị nhiều kẻ đồ mưu xúi người ơn đem trả oán. Thiệt tâm lý của người đời rất nên ghê gớm.

Đạo là Đạo, mà ai cũng Đạo.

Thể pháp (nghĩa là ngoại dung) thì buộc, nào là phẩm, nào là quyền hành, chớ trước Bí pháp (nghĩa là nội dung) cả con cái của Chí Tôn đồng một bực.

Không phân lớn nhỏ, chẳng kể sang hèn, hình tướng Chí Linh vẫn đồng một thể.

Bần đạo hằng nghe mấy vị Chức việc mấy Họ Đạo Lục Tỉnh than rằng : Phận thiệt thòi nên không dám trèo đèo luận biện với Bê trên Chức sắc.

Bần đạo xin tỏ rằng : Duy bậc phẩm hèn của Đạo mới dày công nghiệp với Chí Tôn, còn có công nghiệp thì có đủ quyền hành, có quyền hành thì có tự do ngôn luận. Cũng vì chư Đạo hữu trong Hội Nhơn sanh chưa hiểu rõ quyền hành nên Chức sắc Thiên

phong lộng phép. (Xin chư Đạo hữu lưỡng phái đọc luật cho thường, rồi kiểm hiểu).

Chúng ta chưa hề đã để ý định cho mình mấy tay chơn của châu thân ta mỗi phần giá, vì lớn nhỏ cũng đồng cốt nhục, dầu trọng khinh cũng cùng một thể thân, lễ nghi kia để đỡ mắt phàm, phẩm vị nọ giục ham bụng thế.

Chí Tôn đã dạy rằng, phải tùy theo phong hóa của các sắc dân sanh mà truyền giáo, thì người cũng tùy Nhơn đạo lập chơn truyền, bởi ta tham trọng thế lớn quyền, Thầy mới tạo ngôi Tiên vị Phật.

Đại Từ Phụ một hôm kia than cùng Bần đạo rằng : Thầy không phương nào đến cùng các con khác hơn cơ bút. Thầy còn phải trụ tinh ba chơn truyền của Ngũ Chi Đại Đạo lại mà làm cho chúng sanh hiểu Đạo đặng dễ dàng nên phải dụng bút cơ giáo hóa.

Hễ mọi điều chi có hữu ích thì có hữu hại.

“ Sau này Thầy e cho cơ bút sẽ hại cho Nhơn sanh mê tín dị đoan cũng bởi vì ưa ham phẩm vị. Nào là thành Tiên hiển Phật, nào là xưng Thánh hô Thần, xúi tục tánh ham gần mộng寐.”

Lời tiên tri này ngày nay kết quả.

Ta thử thăm hỏi lấy tâm ta rằng : Đại Từ Phụ muốn cho ta ra phận sự gì ? Nó ắt trả lời : Thế thì Thầy muốn cho ta thiện niệm thiện hành, thiện tu thiện giáo, đặng nêu gương cảm hóa người đời, còn làm trái hẳn tôn chỉ cao thượng của Thầy mà gieo ác thì là kế Quỷ vương giục loạn.

Hành đạo là khó, mà bảo chơn lại càng khó,

bởi đó mà phận sự của Hội Thánh rất nên yếu trọng. Đây là mặt luật, nợ là nhờn tâm, vẫn đôi bên phản khắc. Nếu muốn đắc nhờn tâm phải phế vong mặt luật, còn như thi hành chánh luật ắt là thất nhờn tâm, hỏi Hội Thánh phải hành pháp thể nào đặng vừa lòng công chúng ?

Phải theo công chúng bỏ chơn truyền hay là nắm chơn truyền đặng hành quyền cùng công chúng ?

Phải quấy để lòng người suy gẫm, Bần đạo không minh luận ra đây.

Sự vừa lòng công chúng đã hại nhiều tôn giáo chơn chánh qui phạm, chúng ta nên noi gương ấy mà tùng theo, hay là phải tìm đường xa lánh ?

Còn như không vừa theo công chúng, người chê bai xa lánh Đạo mới sao ?

Thật là khổ ! Phải cho có đủ khôn ngoan trí thức thiêng liêng mới tìm thấy trung dung Đại Đạo.

Hạng phẩm và trách nhiệm đặc biệt phân minh của Hội Thánh có nên để cho rối loạn cùng chăng ?

Nếu trật tự không vững gìn, dầu Chí Tôn có cho Hội Thánh quyền hành cao trọng thể nào, Đạo rẻ giá bất năng vô ích.

Luật pháp cốt để giữ nghiêm trật tự của Chức sắc Thiên phong biết phận sự mình, hiểu phẩm hạnh mình, đủ thể diện bảo an Hội Thánh.

Hỏi những tay đã đồ mưu phá tiêu pháp luật ở nội tâm muốn tính điều gì ? Bần đạo tưởng chắc cả thấy Đạo hữu lưỡng phái nam nữ đều đồng ý đồng tình mà trả lời rằng : Họ quyết chắc tìm phương diệt Đạo.

Thật phải vậy đó chút. Hễ phá pháp luật là phá giá trị của Hội Thánh, mà Hội Thánh mất giá trị thì Đạo phải điêu tàn tiêu diệt. Bần đạo tưởng muốn hại Đạo, không có thể nào hay hơn là phá tiêu pháp luật.

Hiệp Thiên Đài là cơ quan bảo thủ chơn truyền có nên để cho Chức sắc lộng quyền phá tiêu pháp luật hay không ? Bần đạo để cho chúng sanh định lý mà trả lời giùm, chớ ngồi bút của kẻ biết tu chẳng nở để câu ác luận. Chức sắc Thiên phong cốt để thi hành luật pháp, chớ chẳng phải nương chánh giáo đặng làm quyền. Hễ vị nào lập thế lực riêng thì vị ấy tự nhiên lộng pháp.

Bần đạo hằng nghe văng vẳng bên tai những tiếng thị phi ác cảm rằng : Bần đạo binh người nầy, vì kẻ nọ, mà không thấu rõ đủ bằng cơ binh vì.

Đã hai phen chung chịu, trước kia với Cao Thượng Phẩm, sau nầy với Quyền Giáo Tông, Bần đạo bị khép vào án đồng lõa đồng tình hay là án bất minh tư vị. Ôi ! Miệng mới lưỡi lằn không phương giải nghĩa.

Nhơn sanh chỉ thấy đặng bóng dáng phương ngoài mà nghị luận, nào biệt phân đặng binh luật pháp với binh người, lẽ thiệt hư nếu hiểu lý cùng nơi thì thấy vì Đạo chớ không vì mị.

Bần đạo đã cầm luật pháp nơi Hiệp Thiên Đài đặng bảo an Hội Thánh thì những người xâm phạm luật pháp, lạm dụng Đạo quyền phải đi ngang qua mặt Bần đạo hành quyền trước đã, rồi mới toan rồi loạn chơn truyền, sanh chiến tranh phấn đấu tự nhiên, thắng Bần đạo mới mong hại Đạo.

Hại thay ! Thật ra cũng có lắm kẻ tà tâm, may nương cội Đạo đã làm điều tội tặc đắc tội với non sanh, lại lạm hưởng phận sự bảo hộ Hội Thánh của Bần đạo phải thi hành nên hại Bần đạo nhiều phen phải cùng chung nhục nhã.

Ôi ! Phận sự cầm cân công bình thiêng liêng của Chí Tôn tại thế, vốn không phải dễ. Hễ muốn trọng hồn thì phải nghiêm trừng xác thịt, mà nghiêm trừng xác thịt vốn là phương kết oán gây thù, còn trọng xác thịt, rộng thứ dung thì linh hồn sẽ tự nhiên sa đọa, mà để các đẳng linh hồn sa đọa thì lại đắc tội cùng Thầy.

Làm cho vẹn phận sự khó thôi rất khó !

Trách nhiệm yếu trọng ấy, chẳng phải ngồi lim dim ngủ gục mà làm cho Đạo bành trướng cả thế đường này. Bần đạo nhớ lại buổi trước Đạo còn sơ khai hỗn độn, Chí Tôn lại rộng mở cửa đặng chực rước chúng sanh, các tôn giáo các đạo chi rần rần rộ rộ, lộn xộn lao xao, kẻ thì bán bí pháp, người tụng mướn kinh, hại chánh giáo chơn truyền một lúc chịu ô danh trước diện.

Lo sửa sang chỉnh đốn mấy năm trường thôi đã hết hơi, dân Việt Nam mê tín khắp nơi nơi, nào bóng nào chàng, nào đồng nào cốt, nào bùa Tiên nào phép Phật, đã đặng hồi đắc giá chợ đông người, bán mắc rẻ kiếm lời, lường gạt thế.

Khi ở Thủ Đức trở về Tòa Thánh thì thấy nào là kẻ theo ông Ngọc Lịch Nguyệt, học trò toàn niệm chuỗi từ bi, ngồi lẩn hột lim dim ngủ gục; nào người

thì theo làm học trò ông Giác Hải (Hòa Thượng Như Nhãn) đánh mõ chuông tụng mãi Di-Đà, ngoài Thánh địa thì đồng cốt lên xưng quỷ gọi ma, còn Chúc sắc xúm giành nhà giựt đất.

Bần đạo cố gắng lo trừ khử đặng bảo thủ chơn truyền, trót mấy năm tà pháp vừa yên, kế Chúc sắc tranh quyền lấn chức.

Bần đạo cũng chẳng vì khen mà ham, mà cũng chẳng vì chê mà thối chí, sự buồn vui đã chán ngán với tuồng đời, chẳng còn sót điều chi rằng thú vị, nay đã dâng trọn tâm hồn cùng xác thịt cho Đại Từ Phụ, sự oán thù đã vô giá trị với thường tình, chẳng sợ khinh, không cầu trọng.

Vị nể ai ? Vị nể đặng làm gì ?

Ngảnh lại đời thấy quý là chi, đặng mưu lợi phòng khi vị nể. Ấy vậy, đời không mền, thế không ưa, còn sót lại chi hay thân buộc trói.

Thế thường nói : Để cho người mà xử người thì chưa hề có công bình chánh đáng. Phải biết tận tâm lý và hiểu trọn hành vi của người thì mới định đặng công bình tội phước.

Bần đạo xin dâng một chuyện hiện hữu của Bần đạo đã gặp khi đổi ra làm việc tại Qui Nhơn.

Đến Bình Định đặng đôi tháng, Bần đạo biết đặng một người đã 36 tuổi, trang nghiêm tuấn tú, diện mạo khô ngô, Nho văn hay Pháp văn khá, đức hạnh có, tài tình có, thật đáng trang danh sĩ Khổng Trình. Đờn thiết hay, thi thiết giỏi, ngôn ngữ như lưu, thông minh tột lẽ, rất đáng bậc phong lưu tài tử.

Bần đạo vì thương tài kết làm bạn thiết.

Hôm nọ đến nhà Bần đạo đàm luận suốt canh khuya, thoạt nhiên thú thật rằng người vốn tổ dạ du quân tử. Bần đạo nghe qua ngạc nhiên sự lạ, trước thì tưởng nói chơi, sau nghe gốc tích thuật trang hoàng thì mới biết lời chàng tỏ thật.

Tự thuật của người như vậy :

Người gốc ở Thanh Hóa, cha người làm quan chức Tân triều, song kỹ trưởng niên cao nên hồi hưu dưỡng lão; mẹ thì mất sớm, để lại một em gái cùng người. Cha người tái thú với một bà góa ở Quảng Nam, sanh đặng thêm hai gái một trai, cộng chung với 5 con riêng của bà nữa thành ra 8 mạng. Người thuật cả gian ác của bà kế mẫu đối cùng người và em gái của người, nghe nên thấm thiết. Lịnh thân của người lại sợ bà như hùm như hổ đáo để, nên 10 người phải tách mình đi ở mướn đặng trốn xa cái khổ khắc của bà. Thời may gặp đặng ông chủ lại là người đạo đức hiền lương, nên dạy học Nho văn thông suốt, còn Pháp văn và quốc văn thì người tìm tòi mà học một mình, nhờ sáng trí và cố cần nên cũng khá.

Chí đến năm 19 tuổi, khi vừa đặng nên người, Bà kế mẫu xúi lịnh phụ đòi về đặng lo đôi định bạn, cốt yếu cưới vợ cho người là mướn tớ rẻ chớ không phải là thương người, đặng định gia thế cho người (điều này cũng là thường sự).

Tội nghiệp thay chị vợ rủi vô duyên mà phải chịu cam khổ cùng người, vì đó nên ân nghĩa mặn nồng, vợ chồng vốn thương nhau thật dạ.

Lần lừa ngày lụn tháng qua, vì quen nhỏ nhẹ theo phận tôi đòi, biết chiều lụy kính nhường nên bà kế mấu để chút dạ thương tình, đã quá 3 năm thắm thoát. Hai thay trong 3 năm an ổn lại sanh 3 cục báo đời, chị vợ đẻ hai trai một gái.

Miệng ăn thì nhiều, tay làm thì ít. Gia đình khiếm khuyết, sự nghiệp tiêu hao, bà kế mấu tính cho rằng hai tay của vợ chồng làm không đủ công trừ miệng của ba con, nên lập chước đuổi ra khỏi cửa.

Chồng thì trần lỗ, vợ cũng không lành, con đói rách lang thang mà bà đành đoạn đem dạ đuổi xô ra ngoài ngõ. Người em gái thấy cảnh thảm khổ dường ấy nên quyết theo chung chịu cùng anh, nào dè thêm một miệng thì hai người thêm một khổ. Chị vợ vào ăn cắp ít nôi gạo đem theo, rủi bị bà kế mấu thấy, chạy theo giựt lại.

Một đồng một chữ không có, mơi cơm chiều cháo, đi làm công đặng kiếm nuôi nhau, rủi khi nợ ông chủ mượn gây lộn không cho tiền thàng.

Chạy cơm không nổi, cả nhà nhịn đói đã bốn năm ngày, con thì khóc, vợ và em thì than, kể cùng lực tận, chịu không nổi, người tính ra đường toan tự tử, may sao người vợ có tánh linh, hiểu tình cảnh chạy theo níu lại. Thiệt là khổ não vô ngần, viết ra không hết.

Nằm khoanh mà chịu trót bảy ngày không có hột cơm, chẳng lẽ ngồi chờ chết cả một nhà, đến cùng nước mới ra ăn trộm. Nhờ đã đủ trí đủ tài nên nghề dở cũng ra hay, của Thạch Sùng cho cũng đủ xài, vàng Vương Khải độ ngày dư dả. Người nói rằng gia nghiệp

của người cũng nhờ của trộm mà lập nên, nên chính miệng người khai rằng gia tài sự nghiệp ấy vô giá trị.

Người khai thiệt rằng, cách 4 năm giải nghệ, nhưng lương tâm cắn rứt hằng ngày, vì hổ thẹn nên đành xa quê lìa vức, vào ở tỉnh Bình Định gần 4 năm chầy. Nói đến đây, người khóc dầm dề, ngồi buồn bã thảm sâu than dài thở vắn. Bần đạo để lời an ủi, đỡ thừa cho vì cảnh gian nan, đến cùng thế phải toan cùng thế. Từ cổ chí kim biết bao mặt trượng phu quân tử gặp thất thời phải cam chịu phạt hạ tiện tiểu nhơn, cũng vì lẽ mạng tài tương đổ.

Tuy nói vậy nghe vậy chớ Bần đạo cũng không tin, nên kiếm chước đặng gần mục vạ. (Người em gái khi ấy đã nên gia nghiệp chồng con, cũng nhờ có tay anh giúp đỡ và cũng ở tại tỉnh Bình Định cùng anh).

Cách ít lâu, Bần đạo đến nhà, nào là đờn ca xướng hát, nào là cờ bạc rượu trà, nhà người đã thành ra nhà xẹt (Cercle). Mãn tiệc đã xinh xoàn, kêu vợ chàng hỏi lên.

Người vợ khóc dầm dề thuật lại y chẳng sót, lại thêm rằng : Có một đêm chàng mang máu mủ chạy về nhà, mảng đương lo cạy vách người ta, bị chúng chém may không đứt họng. Ôi ! Mẹ con tôi thấy hoảng, nên ó ré khóc rùm, xúm la làng réo xóm lum um, sợ chàng chết nên không sợ tội.

Khi ấy tôi đã đẻ thành út của tôi bây giờ đó, tính hết thấy lũ con thành 7 đứa. Thấy không tin, khi nào vạch lưng cậu nó (là ông chồng, vì vợ con kêu anh ta bằng cậu) thì thấy cái sẹo dài hơn một tấc.

Chết chết sống sống, khổ biết bao nhiêu, trên hai tháng mới là lành mạnh. May không tôi đã phải góa, con chịu mồ côi, thân phận chúng tôi nghĩ thôi bao nả !

Bần đạo nghe đến mà hết hồn, nếu như chàng mà phải thế nào, sắp con và vợ ra sao chẳng hiểu ?

Nếu người bị ăn trộm khi ấy biết rõ cảnh tượng này, đưa tay chém lưỡi dao khó xuống.

Bần đạo thử đem vụ này ra trường ngôn luận, thì chắc có người không tin rằng người ấy có đủ tài ba trí thức, nếu quả có tài thì phải có nghề, cứ sao không nghề nghiệp lại ra ăn trộm ?

Bần đạo sẽ trả lời rằng, phải hiểu dân ở tỉnh Thanh Hóa bề sanh nhai khó dễ thế nào, mới luận thiếu nghề là dở.

Cũng có ông nói rằng, thà là thân ở mướn hơn sanh phương hạ tiện tiểu hơn.

Bần đạo lại trả lời : Ở cùng chủ bị giứt lương mới ra thân chịu đói.

Đời mấy ai thương khó, thấy nghèo hèn dễ ngó đến thân hèn, giàu đầu non cũng có người quen, đôi giữa chợ anh em vắng mặt, lại còn chàng quá ngặt, vợ, con, em tay dất tay dìu, của một nhà nào có bao nhiêu, phòng nuôi nổi cho đều mấy miệng. Một thân dầu quyền biến, cũng có miếng mà nhai, tiền ngày có một tay, ăn hơn ngoài 8 bữa. Ai cả gan dám chứa, cả ba bốn đứa con, một miệng ăn núi lở non mòn, lựa một lũ quả hơn gánh hát.

Cũng có cụ nói, thà hành khát nuôi nhau hơn

đi đào ngạch chúng.

Bần đạo lại trả lời, đời mấy trang phước thiện, bố thí hiếm cho nhiều, của đi xin ngày một đặng bao nhiêu, phòng nuôi dưỡng cho đều cho đủ.

Cũng có lão nói, thà chịu đói khô mà chết thì hay hơn mang kiếp tà gian.

Bần đạo lại xin nói : Một mình chàng sống thật đã không màng, còn con vợ khốn nàn ai dưỡng dục ?

Nhiều ông đặng vui phần hạnh phúc, nào biết chi vinh nhục của người, cứ chấp kinh lớn tiếng rộng lời, chớ chưa đủ trái đời cho thấy khổ. Xem kẻ rách lời tròn nói hổ, bởi chưa tường giá nợ áo cơm, đời thấy bèn bùm mũi bịt mồm, vì chưa hưởng mùi thơm vị thú, những thấy phỏng định chừng tội lỗi, bởi chưa quen lòn cúi khó là bao, vẽ tranh đời nhắm mắt nói màu, màu thế sự luận sao cùng lý.

Hỡi ai đã đa sầu đa cảm, có dạ thương đời, xin lấy thân người dạ du quân tử này mà tử lại thân mình, thấy giống hệt như in chẳng khác.

Hội Thánh Đại Đạo ngày nay cũng thế, nổi thảm khổ của Chức sắc Thiên phong mấy ai thấy rõ, phòng để luận cho công, nhờ Chí Tôn nung trí giục lòng, bằng chẳng vậy khó mong thành Đạo. Nổi cơ đời ép bức, nổi phận sự khó khăn, lo bảo tồn cả triệu sanh linh, khỏi khổ hạnh vốn không phải dễ.

Bần đạo coi lại những kẻ để lòng gieo ác cảm, đều là người trốn lánh phận mình, Đạo không nên mà đời cũng chưa đủ, xúm vầy đoàn kết lũ hại người lành, hay là tay ghét ngỗ ganh hiên, cứ xúm ngỗ kim

tiền hô kiểm trộm, cùng những trang Chúc sắc lo mua tiếng cầu danh, miếng đỉnh chung tính bỏ không đành, còn quyền Đạo cũng tranh cũng lẩn. Cả thầy chưa dâng công cho Đạo, chỉ lấy tiếng bua danh, những vị ấy có hủi cái khổ của Hội Thánh là đường nào mà xử định phân minh mùi vị ?

Bần đạo đã trót 8 năm chầy, lao tâm tiêu tứ, lo tìm phương bảo thủ chơn truyền, hằng bị nổi khó khăn gay trở. Trong thì Chúc sắc Thiên phong nghịch lẩn, ngoài tà quyền kiểm thế ép đè, khổ nhọc trăm bề, gian nan khó nói.

Nào là mưu giục loạn, nào là kế phân tâm, dẹp sự nọ, biến điều kia, khuyển hờn nầy sanh oán khác.

Nào là tiếng gièm pha miệng thế, nào là lời kích bác phái tà, làm nghiêng ngửa Đạo tâm, hại chia phui Hội Thánh. Tội nghiệp thay, có nhiều vị Thiên phong Chúc sắc chịu không kham hổ nhục của ác đời, cực chẳng đã phải kiểm chức lui chơn, lập thế lực lo phương hành Đạo.

Thật sự rối rắm của Đạo là do nơi trở cảnh mà biến thành, chớ chẳng ai nỡ cố tâm hại Đạo.

Cuộc bất hiệp tác đã nảy sanh ra trong hàng Đại Thiên phong cầm quyền hành chánh, đều tại không đồng ý đồng tình, trên không biết dưới, dưới chẳng hiểu trên, sự hành động bất hòa mới sanh nghịch lẩn.

Ông thì lo tìm phương giải ách, ông lại toan lập thế phổ thông, hao của nhọc công, muôn điều khổ nhọc. Nếu quả nhiên có tâm hại Đạo thì còn lo vụ tất

vẻ lịch xinh chánh giáo mà làm gì, cho bị dễ bị khi, thêm lao tâm tổn trí. Dầu mấy vị vì danh vì thể, lo xui mưu làm loạn đảng tụ phái lập phe đi nữa, cũng có công giúp ích chơn truyền, nơi khổ hải đóng thuyền ra tế độ.

Ấy vậy, thiệt nhục cho Bần đạo là không phương làm hòa nhã cả Chúc sắc Thiên phong, để méch dạ chên lòng, mới gieo phiền kết hận, song xét cho cạn lẽ, thì như tâm biến cải, dầu Thánh như cũng khó nổi ngừa, hễ xảo ngữ vốn dễ nghe, còn thiệt ngôn hay nặng dạ. Chẳng biết người đạo đức ở thế nào cho thiên hạ vừa lòng. Hèn chi Phật tử đời như Thất đầu xà, nghĩa là hình trạng thất tình phạm thể.

Chớ chi Đại Từ Phụ ban cho Bần đạo phương thế nào mà làm cho chư Đạo Thiên phong yếu trọng của Hội Thánh bớt để tai nghe lời siểm nịnh của đám tà, thì nên Đạo chẳng đâu ra nông nổi.

Người muốn nên cho Đạo thì phần ít, còn kẻ giục hư lại vốn phần nhiều, vì những tánh nét tự kiêu, vì đầy lòng ganh ghét.

Bần đạo xin thưa cho chư Đạo huynh chư Đạo tỷ cùng chư Đạo hữu nam nữ lưỡng phái một điều này:

Chúng ta tu hay là không tu. Nếu như tu thì phải hiền, như còn muốn dữ tà bước cho xa cửa Đạo.

Chúng ta đã lãnh phận sự đặc biệt và yếu trọng là cảm hóa thế nào cho đời đã tệ hóa ra hay, người bạo tàn hóa ra hiền ngộ. Nếu còn nêu gương tàn nhẫn thì khuyến giáo đảng ai, cứ mong lòng tranh trí lẫn tài, ắt tàn hại cái hay đạo đức.

Sở vọng của Đạo cốt yếu là làm cho thiên hạ thương yêu, vì sự thương yêu là một quyền hành độc thiện, mà chư Chức sắc thay vì yêu thương lại chọc cho hờn cho ghét, thì hành vi ngược ngạo biết là bao ! (Đạo thiên hạ đã ghét rồi đa, làm thế nào cho thương đặng mới là hay, còn hại ghét hoài ra thường sự).

Bản đạo để lời tâm huyết này :

Chúng ta đã chung khổ cùng nhau tạo thành nền Đạo, dầu không tình cũng nghĩa, dầu bỏ nghĩa còn công, đã 8 năm khổ hạnh chia đồng, hóa giọt thấm mặn nồng bằng cốt nhục. Nay vừa đặng mây may hạnh phúc, nữ nào còn cân nhục so vinh, nên cũng mình mà hư ấy tại mình, trọng là thế, khinh kia cũng thế. Đòi tôi tộ miệng còn nói lễ, Đạo dường bao chẳng kể tôn ti, nếu ta bày ra tiếng thị phi, biểu sao chúng chẳng khi chẳng dễ, cùng nhau đã đồng minh đồng thệ, của thiêng liêng huynh đệ nên nghi, hơn mà chi thua ấy là chi, mưu hại lẫn nhau vì cứu hận, ráng giữ chặt tánh hờn nét giận, ngọn hỏa tâm thiêu tận đền thờ, Đạo sử ghi kiếp kiếp để nhớ, nơi cửa Thánh ơ hồ hóa quỷ, bớt nghe hồ mị, theo Đấng Chí Tôn, sống sót kia xin ngó đến hồn, đừng đợi thác thân chôn để trước.

Độ tâm lý không cân không thước, lấy tinh thần làm thước làm mưu, tâm là bình Bát vu, đức là cây Phát chủ, hạnh là bộ Xuân Thu, trối kệ đời khen trí chê ngu, đã tự chủ trí ngu tự hiểu, lấy tánh đức từ bi làm kiểu, đưa ân hồng diu núu tay phàm, mặc ai còn danh mển lợi ham, trối kệ những tước ham quyền

chuyện, mỗi chúng đình đủ nhằm ưa muốn, mỗi qui lên cúi xuống cửa công khanh, còn chi hay phòng giết phòng giành, có chi trọng phỏng tranh phỏng lán.

Chúng ta ví biết mình cho cùng tận, thì hằng ngày nên hỏi lại mình rằng : Phải Đại Từ Phụ mượn xác thịt của ta dựng thay hình thể của Người hay chăng ?

Nếu lương tâm đã cho phận sự ta để thay thế cho Thầy thì chúng ta phải từng phương châm của Thầy, bắt chước y nguyên, đừng sai một vế, mới mong tụ họp con cái của Thầy chun vào cửa Đạo, bằng chẳng thì thà thối bước ra khỏi Thánh Thể của Thầy hơn ở lại làm như làm trước.

Vậy Bản đạo cả tiếng kêu những người đã một lỗ hai lăm và những bậc xả thân vì Đạo, phải hiệp tâm hiệp trí cùng nhau, chỉ ngó một mình Thầy làm đường chơn thật, rồi tha thứ nhau hay là giúp đỡ lẫn nhau dựng tròn phận sự cùng Thầy hầu làm gương báu cho đời, tìm chí thiện do tình lẫn ái.

Vậy chúng ta đồng lực lại với nhau dựng un đúc nên Đạo cho chắc chắn và tạo Đền Thờ của Thầy cho trang nghiêm mỹ lệ dựng qui hồi cả chúng sanh vào nơi lòng thương yêu vô tận của Chí Tôn mà làm cho thân hình của Người khỏi chia phui rời rã.

Nếu mấy lời tâm huyết này không lọt vào tai của chư vị yếu nhơn của Đạo thì Bản đạo sẽ đợi xem cho toàn sự hành động của mỗi người, rồi tuyên bố cho cả chúng sanh thấu đáo./.

5. Ngày 11-7-Bính Tý (dl 27-8-1936).

THUYẾT ĐẠO của ĐỨC HỘ PHÁP

đọc tại Thánh Thất Kim Biên
giảng về **Mật thiết Triết lý của Đạo Cao Đài.**

Bần đạo muốn giảng điều siêu việt về tinh thần đạo đức, hầu tóm cả chơn lý của các tư tưởng đối cùng Đức Chí Tôn, nhưng e cho sự cao siêu mầu nhiệm ấy nó sẽ quá sức cho sự đoán xét của thính giả mà biến thành ra tuồng mộng ảo, nên quyết lấy cái thiết thực hiển nhiên của Đạo đối cùng Đời đương giữa cơn tinh thần phát triển, suy tầm một mối tư tưởng phù hợp với trình độ trí thức nhưn sanh, đương nhiên hầu giúp hay cho bực cố tâm tầm Đạo.

Những cơ quan và những hành vi hiện tượng của các tôn giáo đương nhiên ngày nay như đường biến thành cổ vật, nên đã mất cái hay để giúp đời tự trí, tự giác, tâm hồn thiếu ơn an ủi, tư tưởng mất phép chuẩn thẳng, trí thức không phù hợp hành động, biểu sao đời không trở nên một trường náo nhiệt rắc rối khó khăn, rồi giục cho cả nhưn sanh dong ruổi trên con đường duy vật mà quên hẳn cái quyền vi chủ của trí thức tinh thần.

Ôi ! Thử nghĩ cái ngày nào trí thức tinh thần đã tiêu tụy thì cái lương tri lương năng cũng do đấy mà tiêu tàn thì con người đứng giữa cõi trần hoàn này phải trở nên bao ná ?

Chúng ta duy buộc phải trả lời rằng : Luật thiên nhiên tự bảo nó sẽ buộc mỗi cá nhân chuyên chú về sự sống. Hại thay, cái sống ấy do nơi phép duy vật mà lưu tồn thì con người chỉ sống hèn như con vật mà thôi.

Bản đạo chẳng cần luận thuyết chi sự phân biệt xa cách nhau như trời với vực giữa vật chất và tinh thần, thì như thính giả cũng dư hiểu : Hễ vật chất hữu bốn nguyên, hữu định thể; còn tinh thần thì tự chủ tự do.

Ấy vậy, vật chất có giới hạn, chớ tinh thần vốn không giới hạn.

Chúng ta lại thâm hiểu rằng : mỗi điều chi hữu bốn hữu nguyên hữu định thể thì cái sự lớn nhỏ của nó, dầu hình dầu bóng tùy theo mặt luật pháp định hành tàng. Hễ có bốn nguyên ắt có xứ sở cội nguồn, có định thể ắt có khuôn viên sắc tướng.

Nói tóm tắt, hễ vật thì có chủ. Ấy vậy, do quyền có chủ ấy nó giục thành một trường tranh đấu đua chen mà làm cho mặt thể biến thành chốn chiến trường náo nhiệt.

Sống của con vật là phải ăn mà sống, phải mặc mà sống, phải ở mà sống, sống một khuôn luật với sắt đá cỏ cây, côn trùng, diệu thú.

Nhơn loại đã nghịch lẫn nhau, tàn hại lẫn nhau, giết bỏ lẫn nhau, cũng do bởi chạy theo cái sống của con đường duy vật.

Trái lại, cái sống của tinh thần là sống tự chủ, tự quyền, thì cái sống ấy không nguồn không cội,

không luật, không hình, không bờ không cõi, sống theo gió theo mưa, theo Trời theo Đất, sống với càn khôn vũ trụ, sống với nhật nguyệt tinh quang theo một khuôn luật với cái sống vô ảnh vô hình của các tư tưởng bậc Thánh hiền từ thượng cổ.

Cái sống của con vật thì chỉ có hai bữa ăn mà sống, còn cái sống của tinh thần vốn vô độ lượng. Cái sống của vật chất ở tại bụng, cái sống của tinh thần ở tại óc. Bụng với óc vẫn khác nhau thì hai cái sống ấy cũng khác nhau đặc biệt.

Cái vấn đề tương tranh của hai cái sống ấy, dấu cho trình độ trí thức như sanh đặng cao siêu tăng tiến đường nào cũng chưa xử trí và giải quyết thế nào cho đích xác.

Dường như chúng ta phải biết hẳn rằng : *Hễ bụng no thì óc rỗng, óc cứng thì bụng mềm.* Cuộc tương tranh này chưa có một ông tòa nào nghị án nổi.

Ấy vậy, cái thuyết duy vật và thuyết tinh thần tự chủ đến chừ chưa có một tôn giáo nào cầm đủ quyền hành dung hợp.

Có tôn giáo thiên về mặt vô vi, phế vong hình thể, tức nhiên là đảng phái của tinh thần; lại cũng có thể nhiều tôn giáo khác bị xu hướng hữu hình, còn vô vi thì vong phế, là tức nhiên làm môn đệ của thuyết duy vật đã đành. Hai đảng phái ấy đương đầu đương tranh, đặng bia vào miệng thế tình những nẻo tà nẻo chánh. Cũng vì do nơi vật chất với tinh thần đã gây lăm điều quyền biến; một đảng là tôn chỉ luật điều từng khuôn viên duy vật; một đảng thì cậy huyền diệu

nhệm mâu do tinh thần vi chủ.

Những nhưn sanh tòng hai lý thuyết ấy vốn phản khắc xa nhau dường như sao Khuê sao Dực.

Hỏi, đã có nẩy sanh ra một Giáo Chủ nào đủ đức tánh, đủ quyền năng, đủ phép mâu, đủ trí huệ làm cho hai đảng phái ấy dung hòa, mới mong mỗi đại đồng thế giới hay chăng ?

Nếu chúng ta để cho tịnh tâm tịnh trí dạng tâm chơn lý của hai lẽ ấy cho hẳn hoi, thì chúng ta dám cả tiếng phô rằng : Sự xung đột của hai tư tưởng ấy thật ra chưa đích đáng, chẳng qua là một trường tranh luận tình cờ của các tiên nhưn lưu hậu.

Dưới ngọn đuốc văn minh chiếu diệu soi huệ trí sáng ngời giữa thế kỷ 20 này, chúng ta đã thấy quả quyết sự tương hiệp thân thiết của cơ quan hình thể với tinh thần, thì chúng ta lấy làm ngạc nhiên cho sự quái dị cái nổi phân chia của thuyết tinh thần đối cùng hình thể.

Chúng ta lại còn để tâm nghiên cứu nguyên do của hình vật tương phân bởi đâu mà sản xuất thì chúng ta lại thấy dạng bởi tư tưởng của Nho giáo và Đạo giáo mà nẩy sanh, chẳng phải do nơi miệng của Đức Khổng Tử hay Đức Lão Tử mà ra, mà lại do bởi những thuyết của các môn đồ của đôi nhà luận bác.

Chưa có một quyền hành nào mà chia rẽ trí tuệ riêng ra hình vóc của con người, thì chưa có một quyền năng cả gan dám phân chia hình vật. Bởi vậy, tinh thần và hình thể vốn là hai bộ phận cần yếu trọng hệ của kiếp con người. Nếu chiếu theo phép

thiên nhiên thì đôi bên đồng một bản, hễ có xác không có trí thì diên, hễ có trí không thân thì di.

Đời là hình duy vật, Đạo là bóng của trí thức tinh thần. Vậy thì phép Đời, Đạo vốn đồng, cơ tạo thế phải có công Đời cùng nghiệp Đạo.

Đạo Cao Đài là một tôn giáo do do lương tâm vì bản, lấy cả triết lý của toàn cầu làm căn, hầu làm trung gian cho các tư tưởng hiệp đồng đặng dìu dắt nhơn sanh hồi thiện.

Ngoài ra pháp luật định quyền luật của thiên lương thì để cho mỗi cá nhân đặng tự do tư tưởng.

Chẳng cần luận giải, chư thánh giả cũng đủ biết rằng : cái tư tưởng vốn vô cùng, chiều theo thời thế của Đời đặng nâng đỡ trí thức của nhơn sanh tạo thời cải thế. Nếu hiểu rằng nghĩa lý của Đạo là đường duy nhất của tâm lý nhơn sanh, ắt phải nhìn nhận rằng : phải để cho tinh thần đặng tự do tín ngưỡng, miễn là làm thế nào cho Đạo thuận cùng Đời, Đời không nghịch Đạo, mới gọi là lý thuyết cao siêu làm cho thái bình tâm lý.

Thái bình tâm lý đặng mới làm cho thái bình thiên hạ đặng, thái bình thiên hạ đặng mới làm cho đại đồng thế giới đặng.

Giữa buổi toàn cầu đương xôn xao chen lấn trong bước tấn bộ văn minh, loạn hàng thất thứ, tùy theo tài lực của mỗi nước trong vạn quốc có văn hóa, có dã man, có tài hay, có tục dở, phẩm giá vốn không đồng, nếu lấy giá trị hữu hình của nước đặng định phân thì ắt khó mong làm cho cả nhơn sanh hiệp chủng.

Tài lợi không đồng, phương diện không đồng, xã tắc không đồng, tức nhiên buộc chánh trị cũng không đồng, cái chánh sách hiệp quốc hiệp quần chưa đủ kế hay mà vĩnh thủ.

Xin nói hẳn rằng, nếu giá trị hữu hình của vạn quốc toàn cầu đặng định nặng nhẹ thấp cao thì là phép giục thêm hại, so hơn tính thiệt. Tưởng khi đều cho nhà chánh trị đại tài nào bôn xu trên con đường vật chất, mong mỗi cho thiên hạ hòa bình thì tở chẳng khác đem cung trăng thay mặt đất, chẳng qua lập phương lừa dối lẫn nhau, mượn chước khéo đặng tranh quyền giữ thế.

Ngày nào cả nhơn sanh biết rằng cả con người chẳng phải sanh ra để vụ tất lấy cái sống theo con vật gọi là phúc hạnh khéo khôn, trái lại phải coi mạng sanh là báu trọng, biết kính nể nhau, biết thương yêu nhau, biết bình vực nhau, biết nuôi nhau, lại lấy phận sự cao thượng ấy đặng làm cái Đạo của người thì ngày ấy là ngày của toàn nhơn sanh đều hạnh phúc.

Tưởng lại, tương lai của Đạo Cao Đài do nơi cái sở hành và cái tư tưởng cao thượng của nó, ngày nay nó có thể hứa với nhơn sanh rằng : ***Chúng ta sẽ hưởng điều hạnh phúc ấy.***

6. Ngày 16-10-Bính Tý (dl 29-11-1936).

ĐỨC HỘ PHÁP nói chuyện với thợ hồ đang xây cất Tòa Thánh.

Bài ghi chép của Sĩ Tải Hiến và Luật Sự Trấn.

Công thợ đang ngồi nghỉ mệt nói chuyện, chợt thấy Đức Hộ Pháp đi vừa đến, cả thấy anh em thợ sợ hãi vội lo kiếm việc làm, kẻ trộn hồ, người rinh đá, ...

Đức Ngài bảo mấy em nghỉ, cả thấy lại đây.

Mấy em làm có mệt thì nghỉ, đừng có trốn lánh nặng tìm nhẹ thì công quả không đầy đủ, đừng có tỵ lại Sở, ghi tên rồi đi chơi, chờ đến giờ chạy về làm bộ siêng năng đặng Cai Sở ghi công. Đó là mấy em tưởng làm đây rồi trả nợ cho qua buổi.

Thường công việc làm ở ngoài Đời, họ buộc từ giờ từ khắc, là vì mấy em làm ăn tiền, nên cái tật lánh né đã quen. Nơi cửa Đạo, trường công quả không buộc, không ép, hễ ai muốn lập công để tạo quả vị thì làm, rất có nhiều phương lập công, từ bực thấp hèn dốt nát đến hạng trí thức thượng lưu, đều tùy sức và tài năng của mỗi người, nam nữ cũng vậy.

Người giỏi có văn tài thì làm việc công văn ngồi bureau, cùng là đi Đầu Họ, Đầu Quận để hành đạo, đúng chơn truyền luật pháp không sửa cải, họ phổ độ như sanh lập đức chiếm đại công quả. Điều này rất khó, vì mang một Thánh thể vào mình để dìu dẫn con cái Đức Chí Tôn, nếu ai đầy đủ Tam Lập,

được đem đại công về trình với Đức Chí Tôn; còn nếu làm không trọn vẹn thì công quả đã mất mà còn thiếu nợ nhưn sanh nữa mà chớ !

Còn ngồi bureau làm công văn, mà cứ lo xem sách, truyện, đọc báo, mà chờ giờ ghi công trả nợ, đến khi khai công nghiệp kể cho nhiều năm để thăng phẩm Chức sắc về hữu hình thì dễ, còn về quyền năng thiêng liêng thì dễ gì qua được, *giỏi lắm là trừ hột com của nhưn sanh, chưa đủ nữa là khác !*

Sự lập công quả nơi cửa Đạo, dầu việc nhỏ việc lớn, đều là đắc vị được, do tâm đức để tạo ***thiện đức, thiện công, thiện ngôn***, trong ba mà thiếu một là chưa chiếm được, dầu cho công phu đào luyện lên bậc Đạo Nhơn đi nữa, một lời nói chơi, nếu có hại cho người cũng đủ tái kiếp trả quả, chớ đừng nói đến sự ghét giận người, gây oán trách hờn, không trọn tình thương thì không dễ gì đoạt được Tam Lập.

Còn mấy em đây là hạng dốt nát thì cứ vâng lời Hội Thánh, sự mệt nhọc mồ hôi tâm tã mà không thối chí ngã lòng, ăn cháo rau, rách rưới, ngày nào cũng vẫn như ngày nấy, dầu vậy mà mấy em có phước về đây hiệp cùng Qua lo tạo tác Đền Thánh.

Trước kia đã 3 năm khởi tạo đều ngưng trệ bỏ dở vì không tạo được tâm đức nên Hội Thánh giao cho Bần đạo lãnh làm. Bần đạo tạo tâm đức cho mấy em.

Nếu ai muốn làm công quả, phải trọn hiến thân, chỉ có người Phước Thiện về đây, đưa thì lãnh Đốc Công, Cai Sở, thợ hồ, công thợ, *nam thì tu chơn, nữ thì thủ trinh* tình nguyện cho đến khi tạo Đền

Thánh xong. Chỉ có tâm đức đó, thầy trò mình mới dám lãnh, đứng ra làm.

Vậy, các em ráng bền chí lo công quả tạo tâm đức, lập âm chất, thì Đức Chí Tôn ban cho mỗi đứa được hưởng cái vinh diệu vô cùng, ai muốn hưởng tại thế thì hưởng, còn không thì hưởng phần thiêng liêng cao trọng và tồn tại.

Hồi mấy thế kỷ trước, nơi Đế Thiên Đế Thích, người cũng tạo bằng cây gạch ngói vôi cát, Chí Tôn cũng cho đắc vị hết.

Bên nữ thì ham làm vì sợ thua bên nam, nên ráng làm cho rồi, còn bên nam thì ỷ giỏi không cần làm, thả trôi, đến ngày Chí Tôn cho thành thì bên nữ đắc vị về thiêng liêng nhiều hơn, còn bên nam thì ít.

Ngộ nghĩnh thay, lúc thành đạo, tòa Đế Thiên trở thành đá hết, đến đổi xung quanh và người đang bào đục, nấu cơm, . . . nói rõ là cả thầy người nơi đó đều thành đá, bia tạc lưu truyền thiên niên chi cổ cho đến ngày nay vẫn tồn tại, danh tiếng khắp cả hoàn cầu, mặc dầu xác họ là đá, nhưng linh hồn họ đạt Phật vị cả.

Đền Thánh Đạo Cao Đài hiện tại ở Việt Nam ngày nay là nơi Đức Chí Tôn ngự, tượng trưng Bạch Ngọc Kinh tại thế, bây giờ nó là gạch ngói, xi măng, cát vôi, cho đến buổi thành thì là một khối đá vĩnh cửu trường tồn cũng như tòa Đế Thiên đó vậy, nó sẽ mỹ lệ hơn nữa.

Rồi đây, mấy em muốn đến xem phong cảnh tòa Đế Thiên, Bản đạo sẽ cho đến xem thì sẽ thấy

quyền năng thiêng liêng vô đối. Vậy mấy em cứ lo làm, đừng tưởng làm đây rồi không có hưởng gì, nếu mấy em đặt trọn đức tin nơi Chí Tôn thì sẽ hưởng hồng ân vô đối của Ngài ban cho không gì bằng.

Khi làm Đền Thánh xong, Bần đạo còn chọn một chỗ cất Nhà Tịnh thì mấy em cũng ráng làm nữa.

Ông *Huỳnh Thiện Chơn* :

- Bạch Đức Ngài, nếu cất Nhà Tịnh, mấy con cũng cứ lo làm công quả, làm sao tịnh được và cấp bực nào mới xin vào tịnh ?

Đức Ngài nói :

- Bần đạo lập là chung cho cả nhơn loại, hạng nào cũng được, không phân biệt Chúc sắc hay tín đồ, hoặc các Chi phái xin trở về, cùng là các đạo giáo khác, nếu muốn thì vào cũng được nhưng phải có Quyền Vạn linh công nhận (đó là phần Chi phái và ngoại giáo).

- Bạch Đức Ngài, rồi đây người nào cũng xin vào tịnh, rồi ai lo phổ độ, ai làm công quả, chỉ có mấy người không phận sự họ mới xin vào tịnh.

“ Đức Ngài dạy lại nói với Sĩ Tải Hiễn, Luật Sự Trấn ở bên cạnh đang ghi chép :

- Hiễn với Trấn hay tò mò lục lạo, các nước ngoài người ta giỏi lắm, chế ra nhiều thứ chữ viết tắt lẹ lắm, mỗi khi hội đàm cùng giảng thuyết, họ đều ghi chú lại hết, còn mình đây dốt, chưa phát minh, có khi hội đàm cùng đi ra ngoài đời, có nhiều cái hay mà mình không chép lại được để học hỏi. Mấy đứa bây ráng chế làm sao, làm dấu như thế nào để ghi lại cái hay mà người ta nói giữa đông người.”

Đức Ngài nói tiếp :

- *Chon*, bộ em ham tịnh lắm sao ? Đâu có phải những người làm biếng mà vào tịnh được. *Trước khi vào tịnh thì phải có đủ Tam Lập là : Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn*. Nơi cửa Đạo đặt ra việc chi đều là hữu ích cả, mượn Thể Pháp tượng trưng mới đoạt Bí Pháp. Trước kia Bần đạo lập Phạm Môn xuất hiện tại Tòa Thánh tượng trưng Cửa Phật độ sanh hồn, tức nhiên gọi Phật; Minh Thiện Đàn mở tại Khổ Hiền Trang, Bần đạo khai Thể Pháp tại đó, gọi là Pháp, Phước Thiện ngày nay đã ra thiết hiện, tức nhiên ra mặt xã hội, gọi là Tăng, thì nó sẽ bành trướng vận chuyển lưu hành cùng khắp xã hội như quân, nghĩa là phải phụng sự cho toàn thể chúng sanh, tế khổ phò nguy, đi Đâu Hộ Đâu Quận làm hậu thuẫn cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài, lo cơ tận độ, *chỉ có công phổ độ mới giải quả tiền khiên*. Ai không có xuất thân hành đạo, nghĩa là không có công phổ độ thì không vào tịnh được, vì không đủ Tam Lập.

Trước khi xin vào, phải nạp tất cả giấy tờ hành đạo, lai lịch từ thuở nhỏ đến trưởng thành, ở ngoài Đời không án tiết, trong cửa Đạo cũng vậy, trọn từng luật pháp Đạo và trường trai mới được, rồi giao cho Pháp Chánh minh tra về Thể Pháp đủ bằng chứng.

Chi Pháp phải giữ hồ sơ của mỗi người, còn nhiều điều trọng yếu về vô vi, không thể gì Chi Pháp biết dạng, chiếu văn kiện thì đầy đủ lắm vậy, Chi Pháp chỉ biết văn bằng hiện hữu về mặt hữu hình mà thôi. Khi minh tra đủ lẽ, rồi mới giao cho

Hộ Pháp cân thân, nếu vị nào đủ Tam Lập thì vào tịnh được, bằng thiếu thì trở lại đi Đầu Hộ, Đầu Quận, đi hành đạo nữa. Nói rõ là phải có Hộ Pháp trực thân khai khiếu mới biết đặng đủ hay thiếu Tam Lập, còn không thì ngồi tịnh, bụng lớn vô ích.

Ông Bàng :

- Bạch thầy, như thế mấy con đây làm công quả, không đi Đầu Hộ Đầu Quận làm sao vô tịnh được, vì không đủ Tam Lập ?

Đức Ngài nói :

- Riêng về phần mấy em, cứ lo tạo Đền Thánh, rồi đây Bần đạo định cho, phần thiêng liêng thì Chí Tôn đã hứa, còn về hữu hình, nếu muốn làm quan Đạo thì Bần đạo ban cho phẩm Giáo Thiện, nam nữ cũng vậy.

Ông Trình bạch :

- Những hạng văn hay chữ giỏi tài đức, người ta mới giúp nhưn quần xã hội đúng theo lời thầy dạy là phải giúp nhưn loại khắp cả hoàn cầu đặng Lập Đức, còn Lập Công, muốn đền ơn cha mẹ và xã hội vì công sanh thành và xã hội nuôi hột cơm và manh quần tấm áo, nhờ đó mà ta sống, tức nhiên đặng ai trả nấy, nghĩa là trả cho toàn thể nhưn quần xã hội trên mặt địa cầu mới đúng thuyết Lập Công. Còn Lập Ngôn thì tìm hiểu chép Thánh Ngôn lời lành lời phải để lại cho nhưn sanh học hỏi cái Đạo ngôn ngữ mà bắt chước, mấy con dốt có thể nào làm được ?

Đức Ngài nói :

- Phương pháp Tam Lập, nói rõ là chỉ đem trọn

mảnh thân này làm tế vật cho Chí Tôn đặng phụng sự Nhơn loại, nếu giải rõ thì rất nhiều chi tiết, để có dịp Bản đạo sẽ thuyết minh hoặc viết sách in ra cho học hỏi.

Bây giờ mấy em làm công quả, nó cũng ở trong thuyết Tam Lập, lại nữa cái công tạo tác Đền Thánh là đền thờ chung của toàn Nhơn loại sùng kính, như thế cũng đáng lắm rồi.

Mặc dầu không đủ Tam Lập, mà mình làm điều gì mà toàn thể Nhơn loại hằng ca tụng, nhắc nhở và ghi ân, lưu danh hậu thế, cũng là một việc khó làm, nó cũng sánh với công phổ độ vậy.

Nếu xét lại, em nào còn thiếu Thiện Công, Thiện Ngôn, sau này phải xuất sư, cũng làm thầy tạo nghiệp đạo, rồi ngoài kia hễ Chức sắc xuất dương ngoại quốc, các em cũng xuất sư tạo nghiệp ở các nước, nên ráng lập công, học cho thông mọi việc theo nghề nghiệp mình.

Bản đạo khuyên các em ở cùng nhau một sở, phải coi nhau như ruột thịt vậy, trên thương dưới, dưới không nghịch trên, dùng ngôn ngữ từ hòa đối đãi với nhau để đoạt đạo ngôn ngữ, nam nữ cũng vậy.

Thợ hồ :

- Bạch thầy, mấy con về đây làm công quả, đã hiến thân trọn đời vào Phước Thiện, hằng ngày cực khổ, ăn cháo rau, áo quần tiền bạc thiếu kém mọi mặt mà không Thiện Công, Thiện Ngôn. Bạch thầy, kiếp sanh làm người ở thế mong được cái Đức là hạnh phúc mà có người làm chưa được, bây giờ thầy dạy

phải Thiện Đức thì làm sao cho đặng ?

Đức Hộ Pháp nói :

- Bần đạo hỏi mấy em về làm công quả tự mình đi hay là có ai biểu ?

- Mấy con là người hiến thân Phước Thiện thì trọn quyền của Hội Thánh sai khiến, khi nghe Châu Tri mộ công quả, mấy con mới vâng lệnh ông Đầu Hộ biểu về đây.

Đức Ngài nói :

- Đó là lập công lập vị hay là chuộc quả, đứng vào hàng “*Giáo nhi hậu thiện*” là nghe lệnh mà theo. Nếu các em nào tâm đức mình mẫn, được “*Bát giáo nhi thiện*” là thiện công thiện ngôn đó vậy. Hạng này gọi là phi thường, khởi vào Nhà Tịnh họ cũng đoạt pháp được là vì họ sẵn là nguyên nhân, họ hiểu biết mà làm, họ tự tạo âm chất, thật hành điều nghĩa điều thiện, là Thể pháp, tức nhiên có thể đoạt Bí pháp, có điều thiếu một việc, muốn đắc pháp phải có chơn sư khai khiếu mới trọn vẹn được, đó mới gọi là “*Thượng phẩm chi nhơn*”; còn mấy em đây là “*Trung phẩm chi nhơn, giáo nhi hậu thiện*”, mấy em tạo thiện đức được là biết nghe lời Hội Thánh.

Người ta có tài thì làm việc hay, còn mình dở thì làm việc thường. Bần đạo tỉ dụ một việc thường để mấy em dễ hiểu : Phận mình đốt thì làm theo đốt. Muốn tạo thiện đức, thiện công, thiện ngôn là làm như vậy :

Mình nghe đâu có cất chùa thì mình tự tính đi đến xin làm công quả; nghe đâu có ai bị tai nạn khốn

khổ thì trong đêm ấy, nằm tỉnh và thương xót, nghe chỗ đó bị tai nạn, mình định sáng ngày rủ anh em hay tự mình đi, dầu sáng nầy tầm chín hoặc có một mối lợi gì đó cũng bỏ, đi đến trợ giúp việc tai nạn, đó là thiện đức, nghĩa là khi mình tỉnh.

Khi đến nói như vậy : Thưa anh, tôi nghe anh bị tai nạn, tôi đến để xin phép giúp anh một ngày, hoặc là vác một cái cây, hoặc là giúp một đồng bạc, vậy xin anh vui lòng cho tôi giúp với một nghĩa mọn.

Khi mình nói là thiện ngôn, khi mình làm là thiện công. Chớ không phải ý có của rồi nói sẵn sàng : đây tôi cho anh một đồng bạc mua gạo ăn đỡ đói. Như vậy là chưa thiện ngôn.

Mấy em đừng có phân bì việc lập công với Đạo, bực Chức sắc mà không làm được, còn mình là tín đồ thì làm gì !

Mấy em phải hiểu rằng cái tâm đức từ thiện ở cửa Đạo không phân biệt lớn hay nhỏ, dầu nhỏ lớn đều làm được. Hễ ai có nguyên căn thì làm được.

Cam La sớm gặp cũng vinh,

Muộn thời Khương Tử cũng vinh một đời.

Mấy em đừng lầm tưởng rằng phải vào Tịnh Thất mới đoạt pháp đặng. Máy em làm công quả hằng ngày là tô điểm nuôi nấng Thể pháp. Khi máy em đắc pháp mà máy em chưa biết đặng, cái Thể pháp ở trong trong thuyết Tam Lập mình tự đào tạo nó hay là lo làm âm chất và làm điều thiện, tự giác nơi lòng mình, thì cái Chơn pháp ấy vẫn từ từ sẽ có và tồn tại. Đó mới gọi là Chơn pháp, chớ chẳng chờ ai

ban cho mình Chơn pháp.

Nếu tâm thiện mình không có, dầu thọ pháp hay là tịnh luyện rồi nó cũng mất. Bởi lẽ ấy mà Bản đạo truyền Thể pháp lẫn có Bí pháp cho Chúc sắc giải oan, tẩm Thánh, hôn phối và phép xác. Chỉ có Giáo Sư Minh vừa khá rồi cũng bị lấy lại, còn bao nhiêu từ từ phai lợt của Bản đạo đã ban cho mà tự mình làm mất, bởi lý do không giữ tồn tại.

1. là sự nóng giận khiến ngôn ngữ không lành.
2. là sắc dục, dầu cho vợ chồng cũng là sắc dục.
3. là không trọn vẹn giữ trai giới và không tinh khiết.

Trọng đại hơn hết là cái đạo ngôn ngữ ở trong cửa Đạo, từ tín đồ lập công cho đến Chúc sắc phải có ba ngàn (3000) công quả, đã nhiều năm dày công tu luyện mới nhập vào Thánh thể của Đức Chí Tôn, nếu mà chưa trọn đạo ngôn ngữ, thốt ra một lời nói bất lợi cho mình cho người thì nó cũng tan như giá.

*Nứt ngôn khả dĩ hưng bang,
Nứt ngôn khả dĩ tán bang.*

Tỉ như lúc gặp đồng đạo của mình mà bị phạm tội với Đạo, với Hội Thánh, với thầy với bạn, họ đã chịu khổ đau tâm hồn lắm vậy. Mình là người vô tội hoặc là mang Thiên mạng vào mình, mà còn tánh đức phạm tục, cứ khinh rẻ chê bai, trích điểm, làm cho bạn mình đau khổ thêm. Lẽ đạo thương người không hết, có lý đâu buông lời nhạo báng, vô tình mà mình mất cả chơn pháp mà gánh lấy tội của họ đã làm mà may duyên cho họ được trao lại cho mình.

Chớ chi Hội Thánh thay hình thể Đức Chí Tôn, dùng luật hữu hình trị tội thì Thiên điều khỏi tội.

Còn mình không phải là thay hình thể Đức Chí Tôn, cũng là bạn đồng sanh, mà mình chưa chắc gì trong sạch hơn kẻ đang có tội, mà mình lại lãnh thêm nữa.

Cái huyền vi mầu nhiệm của Bí pháp rất hệ trọng lắm vậy.

Học đạo ngôn ngữ của Thánh hiền phải cẩn ngôn cẩn hạnh, trước khi nói phải suy nghĩ điều nào phải, điều nào lợi rồi sẽ nói. Một là chơn chánh, hai là dễ thương, ba là hữu ích.

Nhược bằng không được ba điều trên thì nên giới khẩu, làm thinh là tốt hơn nói.

* * * *

7. Ngày 15-7-Đinh Sửu (dl 20-8-1937).

THUYẾT ĐẠO của Đức Hộ Pháp trong lễ Khánh Thành Thánh Thất Kim Biên.

Thưa cùng chư Viên quan quý chức, quý Ông quý Bà, chư Chức sắc Thiên phong nam nữ, chư Đạo hữu lưỡng phái.

Chiếu theo ý nghĩa chữ ĐẠO là một định từ để chỉ tánh đức của loài người đối với Đức Chí Linh cùng càn khôn vũ trụ.

Loài người bao giờ cũng chủ tâm tìm tòi. Kiếm cái nguyên do lai lịch của mình, hầu định phận đối cùng Tạo đon vạn vật. Muốn biết mình, con người phải lột cả sự bí mật huyền vi của vạn vật hữu sanh tại thế, gọi là chúng sanh, đặng so sánh. Thấy đặng cái sống của vạn vật mới biết đặng cái sống của mình. Thấy đặng cái năng tri năng giác của chúng sanh mới tìm đặng cái tâm linh của mình là báu. Thấu đáo đặng tâm linh mới biết Thiên lương do Chí thiện. Khi hiểu cái Thiên lương ấy là mầu nhiệm huyền bí, tả không cùng, hiểu không tột, chẳng biết lời chi mà đặt để, nên định phỏng danh là ĐẠO.

Vì cơ cho nên lấy chữ TÂM làm mục đích.

Các Thánh nhơn xưa thường đem cái triết lý ĐẠO TÂM hiệp làm môi giới, nên dầu cho các vị Giáo Chủ, tuy mỗi Đấng đều có cái tư tưởng đặc sắc nên triết lý cao thấp không chừng, nhưng cũng phải buộc lấy chữ TÂM làm nguồn cội.

Ôi ! Nếu luận đến hai chữ CHỦ TÂM thì ta cũng thấy rõ ràng : một vấn đề thuyết không cùng, biện không tận, vì nó quảng đại bao la, vô biên vô giới, bởi nó do nơi Đức Chí Linh là Trời mà sản xuất.

Hễ cần khôn vũ trụ này vĩ đại bao nhiêu và cơ bí mật Tạo đoan bao nhiêu thì nhơn tâm đều hưởng ứng bấy nhiêu. Dầu cho kiến thức đặng hay là còn ẩn vi mầu nhiệm mà lương tâm của con người đã hưởng ứng, đều cho mọi trí não mọi tinh thần tự hiểu rằng : sự thấu đáo chữ ĐẠO vô cùng vô tận, muôn phần loài người chưa định đặng một, vì vậy các nhà triết học đạo đức tinh thần cho Nhơn tâm tức Thiện tâm cũng đáng.

TÂM ấy là gì ?

Ấy cũng là một định từ để chỉ cái hình bóng của trí thức tinh thần. Đạo gọi là **Nhứt điểm linh quang** chiếu giám.

1. Đức Chúa Jésus khi thọ pháp giải oan nơi sông Jourdain thì điểm linh quang ấy đến với một cái hình ảnh phi cầm là *con bò câu hào quang sáng lạng*.

2. Đức Phật Thích Ca khi trì định tại vườn Bồ Đề thì điểm linh quang ấy giáng như *hình khối lửa*.

3. Đức Lão Tử khi thiên định tại Thư viện nhà Châu thì điểm linh quang ấy giáng như *hình sấm sét*.

4. Đức Khổng Phu Tử khi vấn đáp với thần đồng Hạng Thác, thì điểm linh quang ấy giáng như *hình sợ sệt*.

Chẳng cần luận cao xa hơn nữa, như Abraham và Moise thấy Đức Chúa Trời trong đạo hào quang sáng sáng suốt; như Đức Lão Tử, NguơnThĩ ThiênTôn

và Thông Thiên Giáo chủ thấy Hồng Quân Lão Tổ trong năm sắc tường vân, như Phục Hy thấy Long mã hóa Hà đồ. vv . . .

Nhứt điểm linh quang ấy vẫn nhiều hình dáng, vẽ không nên hình, tả không nên tướng.

Ấy là một huyền bí vô chừng mà các nhà đạo đức từ thượng cổ đến chừ đã để tâm nghiên cứu tìm tòi, đôi phen phải lặn suối trèo non, chun trong hang sâu, vào nơi vực thẳm.

Bởi cái chí hướng của loài người bị quyền năng của Nhứt điểm linh quang thôi thúc, nên trí não tinh thần cũng xu hướng theo sự bí mật ẩn vi của quyền năng Tạo đoan còn chất chứa.

Hễ có tìm thì có biết, hễ biết lại còn phải biết nữa, càng biết lại càng giấu, bởi sự hay biết của tánh đức loài người chưa hề thấu đáo đặng sự bí mật Tạo đoan cho cùng tận, tức gọi là “Tâm Đạo”. Hễ càng tìm càng dốt, hễ gọi biết lại là ngu, vì chưa có một mắt phàm nhơn nào tại thế này mà Đức Chí Tôn đã giao trọn huyền vi bí mật. (De pauvres esprits prétentent qu’ ils sont dans le secret de Dieu. Or, je ne donne à nul humain ici-bas d’ en faire la révélation).

Ấy vậy, chữ ĐẠO vẫn để nói mà hình vật của Đạo vốn khó tìm. Đạo do trí thức tinh thần mà xuất hiện, chưa có một vật chi hữu linh tại thế này mà không có Đạo. Cái vĩ đại của Đạo thật là khó rõ, mà Đạo lại dễ lợi dụng.

Dưới mặt luật tương đối của đời đã biến hình, biết bao tư tưởng phô bày, biết bao tướng diện ảnh hình.

Tranh nhau từ cái khôn cái khéo, hơn nhau từ cái xảo cái ngoan, sánh nhau từ cái cao cái sâu, giành nhau từ cái sang cái trọng, để một trường luận biện chánh chánh tà tà, cho biết cái quyền năng của Đạo nó tạo cái hay sự dở.

Chưa ai lấy một triết lý dẫu cao siêu thế nào đặt làm môi giới chuẩn thẳng hầu định đức tánh của loài người cho cùng tận thì không có một giáo lý nào dưới mặt địa cầu này đã đáng danh là Đạo.

Chúng ta không dám chối, các tôn giáo không phải là Đạo, mà chúng ta quyết hẳn rằng, các nền tôn giáo chưa đáng danh gọi Đạo. Nếu biết cái triết lý do tinh thần sản xuất thì là Đạo đã đành, nhưng nó chỉ là một tư tưởng trong vô cùng vô tận của trí thức tinh thần mà thôi, song chúng ta phải biết bao nhiêu tư tưởng khác nữa. Cái nguồn ấy chưa khô chưa cạn và chúng ta lại quả quyết rằng, hễ còn loài người thì có tư tưởng, cả tư tưởng ấy cho đến tận thế cũng vẫn còn.

Ấy vậy, loài người đương bôn xu trên con đường Đạo chớ chưa hề tới tận nguồn cội của Đạo bao giờ.

Các tôn giáo tuy đáng danh Đạo chớ chưa phải Đạo. Tỉ như cát kia ở nơi một gò, một bãi biển, một sa mạc thì nhỏ lớn đều đặc biệt cùng nhau. Thay vì chỉ tên một gò, một bãi hay một sa mạc, lại gọi tiếng cát trơn, thì chúng ta chẳng hề chối đặt, bởi dẫu một bãi, một sa mạc hay một gò, nó đều có danh là cát.

Vậy thì dẫu cho tả đạo bàng môn hay là chơn tông chánh giáo, cũng đặt phép tạm xưng là Đạo, những điều khinh trọng, duy để nơi cân công bình của

toàn Thiên lương trí thức tinh thần định đoạt.

Ta không dám xử, nhưng tự nhiên mỗi cá nhân để trí thức mà định phận.

Ta không đủ thông suốt đặng dung nạp các giáo lý của các nền Đạo đương thời mà linh tâm cho ta hiểu rằng, nó chưa vui hưởng đặng cái hay của mùi Đạo.

Từ cổ chí kim, con người đã mua cái danh Đạo rất nên mắc mỏ. Cái linh tâm của chúng ta vốn là tự do mà các tôn giáo đã buộc ràng nó trong một hành vi chật hẹp đặng bảo thủ cái Thiên lương thì tức nhiên nó đem một cái báu vô giá đặng đổi chuộc một vật thường tình, e cho thế gian thất Đạo cũng do theo lẽ ấy.

Cái khí hứng của Linh tâm bao giờ cũng chú trọng theo cái hoạt động tự do, lấy Thiên mạng làm căn bản, thì *Thiên lương là tở, Linh tâm là thầy*. Các tôn giáo buộc thầy tùng tở, thì rõ ràng là trái lý. Bởi cố cho nên Linh tâm phản động mới nảy ra Tả đạo bàng môn, làm cho các mối chơn truyền thành ra bất năng vô ích.

Hỏi Linh tâm do đâu mà sản xuất ?

Có phải do nơi Tạo Hóa Chí Linh đã ban cho loài người đặng có đủ quyền năng làm chúa cả toàn vạn vật hay chăng ? Nó là Nhứt điểm linh do nơi Đức Chí Linh mà có, thì nó là con của Trời, tức nó là Trời.

Còn Thiên lương do nơi đâu mà có ?

Thiên lương do nơi sự đối phó cùng vạn vật hữu hình lập phương chúc bảo tồn sanh hoạt. Không có Thiên lương thì chưa biết nhìn nhau là bạn trong

trường khổ não đau thương hầu bảo thủ mạng sống lẫn nhau đặng dùi dất nhau đi tận con đường giải thoát.

Có Linh tâm mới biết mình là một vật trong vạn vật của Chí Tôn đào tạo, rồi nhìn Chí Tôn trong hình vạn vật mà tự hiểu rằng, Chí Tôn phải có tự nhiên tánh đức Bác ái Từ bi, mới nuôi nấng trọn chúng sanh vạn vật.

Tâm lành của Trời tức là tâm lành của người. Hình ảnh vĩ đại trước kia nó biến ra hình ảnh tối thiểu sau này, nên gọi nó là Thiên lương.

Vì vậy, các giáo lý của mấy vị chưởng giáo từ trước đều là cơ quan un đúc bảo trọn Thiên lương mà thôi. Hễ có Linh tâm tức nhiên có Thiên lương, dầu không cần kiếm, tự nhiên nó cũng có. Chúng ta chưa hề dám nói các tôn giáo là vô ích mà ta chỉ than rằng : Chưa đủ.

Dạy đời cho lành mà không dạy đời cho ngoan thì chẳng khác nào dạy cho biết cái sống mà quên cho hiểu cái chết, hay là dạy cho đọc sách mà không cho học chữ. Chớ chi, các tôn giáo biết chú trọng Linh tâm hơn là cần lo gầy dựng un đúc Thiên lương thì con đường Chí thiện của chúng sanh sẽ đặng quang minh quảng đại hơn nhiều, mà cái Đạo của Đời sẽ tùy theo Linh tâm trở nên hiền lương hơn hậu hơn. May ra khối khổ não của Đời chưa đến nỗi to lớn nguy hiểm như thế này.

Chúng ta thoát nhiên quan sát tận tường, bởi các bằng cơ tạo đời do nơi tư tưởng của các tôn giáo

hiển nhiên tại thế nên đoán chắc rằng, nếu giáo lý nào mà rộng mở cho sự tự do hoạt động của điểm Linh tâm thì điểm Linh tâm tùy theo sự nhỏ lớn của sự ân hậu khoan hồng ấy mà hưởng ứng, do đó, các tôn giáo mạnh yếu khác nhau cũng vì lẽ ấy.

Hiện thời, đạo Thiên Chúa đã đặng thế lực mạnh mẽ, đáng danh là một tôn giáo toàn cầu, kể tổng số hơn các tôn giáo khác. Ngoài ra phương lược làm cho thành tướng các triết lý chơn ngôn, những tay cầm giềng mối đạo đã rộng mở cho đời đời chút tự do tư tưởng, đạo Thiên Chúa nhờ nương cái đức tín của một Đấng Chí Tôn nên thế lực vững vàng kiên cố.

Các quốc dân châu Âu đã đặng khôn ngoan hơn, đặng tài tình hơn, đặng cao trọng hơn, tướng cũng do may hưởng các đặc ân của Đấng Chí Tôn cho rộng thế hoạt động thành hình của tự do tư tưởng.

Trái lại, chúng ta lại buồn thay cả khu địa giới cõi Á châu này chịu dưới quyền cảm hóa của Phật giáo từ cổ đến kim, nên dân sanh phải chịu lỗ bước văn minh tấn bộ.

Kiểm duyên cớ, chúng ta đã thấy hẳn rằng : Triết lý mà Phật đã bó buộc tư tưởng của con người vào một khuôn khổ hành vi chật hẹp nên mới ra đến đời. Một tôn giáo đã khuyển nử, đã dụ dỗ, đã yêu cầu cho điểm Linh tâm tự diệt, rồi lại để cho Thiên lương vi chủ, thì là một nền tôn giáo biểu chủ phải tự tử để cho tứ cầm quyền thì bảo sao không chịu cái nạn tán gia bại sản. Thảm thay ! Nếu phải vong phế vì quốc sự bạc nhược ấy, các sắc dân nơi cõi Á châu

này phải tìm tòi đặng học vấn với một thầy nào, tức nhiên phải đến gõ cửa Khổng gia hay tìm nhà Lão giáo.

Ông Khổng thì biểu ôm một kho sách cho đầy đây, đủ phương lược mưu mô đặng trị an thiên hạ, đặt đủ truyện đủ tuồng, đủ vai đủ vở, nhưng rủi thay đời chưa kiếm đặng một mặt kép hay đặng làm tuồng theo đúng vở, thành thử không khác nào một ông thầy tuồng đặt bài vở thiệt hay nhưng không có kép tài đặng hát.

Ấy là một tôn giáo rộng lý thuyết mà hẹp thật hành, bởi thúc phước tự do tư tưởng.

Nho giáo như cái chậu, cái khôn ngoan của đời tức là Linh tâm như cây kiểng, cây kiểng ở trong chậu chẳng hề đặng to lớn bao giờ, duy để cho đời đặng ngoạn mục xem ngắm cái hay của sự u nần cùi cụt.

Ông Lão thì chỉ khuyên nhủ dân sanh nuôi nấng cái điểm Linh tâm cho cường cho thịnh, nhưng không cho nó hoạt động biến hình, thành thử dạy đời về khôn khéo mà ghét đời về ăn ở thì chẳng khác nào như một ông thầy thuốc đã trị bệnh cho người, biểu đừng ăn cứ ngủ.

Tưởng ra thì một giáo lý dạy chúng sanh nằm ngủ đặng đợi hết đời thì dầu cho các môn đệ của người bảo thủ vẹn về lấy điểm Linh tâm, thì điểm Linh tâm ấy cũng hóa bất năng vô ích.

Cái triết lý của đạo Lão là một triết lý rộng mở cho điểm Linh tâm, mà trở lại một tôn giáo thúc phước lương tâm hơn hết.

Đường Đạo vốn mênh mông, tâm đức đi ngõ nào cho đúng nẻo ? Tâm đức vốn vô ngần, phải đạo lý nào cho phù hợp ?

Hai câu vấn đáp mật thiết tương thân này, nếu mấy vị Giáo chủ còn đương thời hỏi đến cũng phải nhăn mày nhíu mặt.

Chúng ta cũng nên riêng tưởng rằng : chưa có một cái quyền năng nào mà thúc phược đặng điểm Linh tâm, hầu bỏ nó vào một khuôn khổ hữu hình hữu dạng, thì tức nhiên chưa có một nền tôn giáo nào đủ tài đức quyền hành đặng làm chủ đức tin thiên hạ.

Đời phải học với cha mẹ, cha mẹ chưa đủ đức mà dạy cho nên danh, đời phải học với thầy, thầy chưa đủ đức mà dạy cho nên phận, đời phải học với vua, vua chưa đủ đức mà dạy cho nên Đạo, duy phải tìm Trời là Đấng đủ quyền năng tạo thế, lại là Cha của đức tánh loài người, thì mới đủ phương pháp dạy người cho nên người vẹn vẻ.

Đạo Cao Đài vốn là cơ quan để nắm tay của đời đặng dắt vào trường học của Trời mà chớ.

* * * * *

8. Ngày 14-10-Đinh Sửu (dl 16-11-1937).

DIỄN VĂN của Đức Hộ Pháp **đọc nhưn ngày Lễ kỷ niệm Đức Q. Giáo Tông.**

Thưa cùng chư Viên Quan quý chức, quý Ông, quý Bà, chư Chức sắc Thiên phong lương phái, chư Đạo hữu nam nữ.

Thưa, chúng ta đã rũi sanh nơi cõi trần này, tỉ chẳng khác chi người khách du lịch. Trước khi để bước ra đi, hằng mong tưởng rằng : cái tánh háo kỳ của ta sẽ đặng thỏa mãn, ngoạn mục đặng một phong cảnh tốt tươi đẹp đẽ, hứng chí thích tình.

Ôi ! Biết đâu chúng ta lại chẳng mong tìm mảy may sự hứng chí thích tình ấy mà phải chịu đòi phen khổ nhọc, lặn đuối trèo non, thắng nguy mạo hiểm.

Chí hướng tâm thần của loài người bao giờ cũng đeo đuổi mãi theo con đường hạnh phúc, chẳng phải hạnh phúc nơi xác thịt hình hài, mà ta lại mong tìm cái hạnh phúc tinh thần hơn hết, nên đòi phen ta dày đọa hình hài xông lướt đến nơi luồng đằm hổ huyết.

Tâm chí của khách du lịch vẫn nhiều hạng tùy theo khí phách của mỗi người.

Có kẻ đã đổ đường lên đèo xuống ải tìm cho ra cảnh an nhàn, khi đến tận nơi gặp phải chốn đìu hiu quạnh quẽ, non nguy nước hiểm, phong cảnh âu sâu thì nhắm mắt dậm chơn, nghiêng răng chắc lưỡi mà than thở rằng : Uổng công trình ngàn trùng diệu viễn mà lạc bước đến chốn vô tình. Cái thất vọng ấy cũng

nên cho là quá đáng, nhưng cũng có người đặng thiên tánh tự nhiên thích hợp với nước biếc non xanh, rộng bước tang bông hồ thủy, ham hứng trăng thanh, vui mùi gió tối, quen cùng điệu thú, bạn với cỏ cây, có sẵn chất phong lưu tài tử thì đâu đâu cũng là cảnh hữu tình : dầu đẹp dầu thô, dầu hèn dầu trọng, dầu lịch xinh tươi nhuận, dầu cùi cụt đui hiu, thì cái cảnh thích của người cũng gần một giá, bởi khí hứng của khách hữu tình vốn đổ vào nơi mật thiết nhiệm mầu của máy hóa công tạo vật.

Những mặt du lịch nhà nghề này, dầu rủi để chơn nơi trái cảnh thì lại đem cả cái ái tình mà châm chế vào chốn bất phước vô duyên đặng thay thế cho cái phước thích tình, ngoạn mục. Thật ra thì nơi nào có vẻ u nhàn ảm đạm lại là nơi giục bước khách hữu tình.

Những cuộc đầu thăm ngờ ngờ trước mắt con người, đối với khí phách của bậc siêu hoát tâm hồn vốn y một lẽ.

Ta chẳng hiểu rõ đặng đích xác, bởi nguyên do nào mà ta đã sanh nơi thế gian này, rồi ta lại chết trong vòng tục nầy, nhưng Thiên lương ta chiêm nghiệm tự biết lấy rằng : vốn chẳng phải là việc ngẫu nhiên hay là vô duyên cớ.

Những khách đồng thuyền của ta phân ra nhiều hạng, con đường tấn bộ trí thức của mỗi kẻ vẫn không đồng, dầu cho ngậm miệng cúi đầu ruỗi dong trên ngã tự trí tự giác, hiu quạnh một mình đi nữa, thì mọi điều hành động của ta cũng đã tả thành một bài học hay, in vào cuốn sách đời của toàn thiên hạ.

Ôi ! Ai đã mang thi phạm xác tục này rồi cũng phải chịu dưới quyền thương yêu của Tạo vật, ta đâu không biết thương ai tất cả thì ta cũng buộc biết thương ta, mà đã còn biết thương thân ta thì ta chưa hề đặng phép quên thương thân của kẻ khác.

Nơi trường tranh sống của con người, giống chẳng khác chi chiến trường náo nhiệt. Nếu chẳng có cái năng lực thương yêu của Đấng Hóa công dính vào óc não của chiến sĩ võ quân thì đời chắc phải tàn diệt lẫn nhau lâu rồi mà chớ.

Ta còn lại dám mạo hiểm xưng hô lên rằng : Con người đâu cho có nạn oán nghịch tàn hại lấy nhau đi nữa, cũng do luật thương yêu của Trời mà có vậy. Nếu như ai vấn nạn thì ta lại trả lời rằng : Khuôn luật thương yêu chia ra hai mặt :

1. Thương mình.
2. Thương người.

Hai hình trạng của luật thương yêu ấy phải nương theo cây cân công bình tạo đoan mới hòa bình tâm lý. Nếu mình quá thương mình mà bỏ người thì bị cái điên vị ngã, còn quá thương người mà quên mình thì bị cái ngây vị chùng.

Ấy vậy, rõ thật ra thì ta đã quả quyết rằng : cũng vì cơ quan vị ngã vị chùng phản khắc tương tranh mà gây thành loạn lạc vậy. Trời phải định cho có nơi lòng của mỗi người một cây cân công bình thiêng liêng mới đặng. Cây cân công bình ấy là chi ?

Ấy là chất Thiên lương, tục gọi là Lương tâm của ta đó vậy.

Hại thay ! Thiên lương hằng buộc ta phải ngó chăm chỉ sự thật của Đời vì chính nó là bạn thương yêu mật thiết của Đời, rồi buộc ta phải thú thật rằng : dầu cho ta muốn làm màu chê ghét Đời, gớm ghê Đời, kinh khủng Đời, chán ngán Đời mà ta chưa hề buổi nào từ bỏ đặng Đời bao giờ.

Trái lại, những khách hờn Đời lại là người thương Đời hơn hết.

Cái quyền năng cảm hóa phi thường của từng đời, sớm thay hình, chiều đổi dạng, diễn trên sân khấu thế tình nhiều màn mới mẻ, lấm lớp hay ho mãi mãi hoài hoài, làm cho thính giả khán quan ngồi không biết mỏi, nghe chẳng nhàm tai, đặng gây sự nghiệp của Đời thêm vĩ đại.

Nơi cảnh tục ta đây, Đạo gọi là sông mê bể khổ, vốn còn náo nhiệt hình bóng của loài người, là nhờ sự khéo khôn của quyền Đời đào tạo.

Số khách hữu tình của Đời ngày nay đã tăng thêm chín trăm hai triệu mặt.

Đời càng phụ ta lại càng thương, Đời càng nguy ta càng thêm mến, vì cứ nên ta hằng thấy, hề buổi nào Đời bị khổ não hiểm nguy thì có Thánh nhơn trở mặt.

Thật sự thì Đời có quyền phụ ta, còn ta không phép phụ Đời. Nhờ đấy mà bậc thượng đẳng nhơn sanh thường nương theo Bí pháp của Đời mới đào luyện tinh thần siêu thoát.

Sự thế còn dài, con người còn khổ. Có khổ mới có hay, có dài mới có thú. Cơ nghiệp của Đời thấu thập các món thuế của khách trần, phải nạp giọt đau

thương, phải đóng sưa sâu thắm.

Này đánh thương sơn, nợ nguồn lệ thủy, hãy càng ngắm càng cao, càng nhìn càng rộng, dầu ta xuống hang sâu hay chen vào vực thẳm, trên chẳng đụng trời, dưới không thấu đất, hầu mong xa lánh nợ đời, quyết tránh hồng trần, tính lia thế tục, không muốn gặp mặt của bạn khách trần, kỵ lóng đặng lời ăn tiếng nói hầu mong diệt tận thất tình cho đặng đi nữa, thì thoát nhiên ta sẽ thấy cả sắt đá cỏ cây phát động âm thanh xúm nhắc luật thương yêu tạo vật.

Ta dầu cứng lòng chắc dạ, chưa để cho ai cảm hóa với ngôn ngữ thương tình, khi nghe đặng ngôn ngữ của Vạn linh thì ắt cái quyền lực ái tình nó tăng thêm vô độ.

Những bậc lánh trần, ta xem kỹ lại là ai ?

Có phải mấy vị thầy tu là trước hết chăng ?

Vậy thì có tu mới biết thương Đời, chẳng phải thương Đời với khuôn viên hình bóng mà vì nồng nàn của khí phách tinh ba, thì sự thương ấy mới ra cao thượng.

Ôi ! Biết bao nhiêu khách đã chịu riêng đau, áp thắm, ngậm khổ nuốt sâu, chịu lắm cuộc bể dâu, xem những nổi nên hư thế sự.

Khi đêm tàn canh lụn, ẩn thân nơi nước trí non nhân, đặng lén dòm quanh cuộc thế, gửi tình chung cho gió mát trăng thanh, nạp đức tánh cho trời cao đất rộng, một bóng một hình, không ai là bạn. Cái may của một kiếp sanh bậc siêu hoát tâm hồn đã thường phải vậy. Ấy là một kiếp sanh để cho Đời phụ bạc, chớ chẳng phải cốt để phụ bạc lại Đời, đến đổi

dầu ép thân theo thú hạc cầm, cũng chưa gặp mặt tri âm tri kỷ, sống cũng không ai hay, thác cũng không ai biết. Ôi ! Tưởng cái lịch sử của thế tình, nếu có thiếu sót thì do nơi đây mà ra khuyết điểm.

Hỏi, nếu Đời biết cảm tình, gìn ân giữ nghĩa, thì những bạn đồng thuyền ấy, ta phải khép vào nơi hạng phẩm và giá cả bậc nào ?

Đức Thích Ca bị bỏ đói, Đức Lão Tử bị cút côi, Đức Khổng Phu Tử bị xô đuổi, Đức Chúa Jêsus Christ bị tàn sát, nhưng may thay, dầu cho mảnh thân bị nơi tay ác độc của nhơn sanh tàn hại thế nào, khi qui thân, đời biết hiểu, biết nghe, biết nhìn tiếng than thở đau thương, ái nhân ái vật, và đặng công nhận là người ân của nhơn loại thì cũng nên gọi rằng, chết gặp kiếp duyên mà trừ cái khổ sống mang kiếp trái.

Ta cũng nên chắc hẳn quả quyết rằng, từ thượng cổ đến chừ, cũng còn lắm bậc siêu hoát tâm hồn, thùy từ mẫn khổ, cũng gần như các vị Giáo chủ trên đây, nhưng thiếu cái bằng chứng ngôn ngữ thế tình mà công nghiệp của kiếp sanh phải ra mai một.

Ôi ! Anh cả ôi ! Anh cũng là một người đã chịu mang một kiếp sanh để cho Đời phụ bạc, chớ chưa hề biết phụ bạc lại Đời. Em nhớ khi đêm hôm tầm tối, anh hay thuật tâm tình. Ngoài em thì chưa ai hiểu đặng chỗ để tâm trí của anh là nơi nào ?

* * * * *

9. Ngày 15-10-Đinh Sửu (dl 17-11-1937).

ĐỨC HỘ PHÁP THUYẾT MINH trong Ba Hội lập Quyền Vạn Linh tại Tòa Thánh năm Đinh Sửu.

Ngày 12-10-Đinh Sửu. (Đại Hội Nhơn Sanh)

Bần đạo xin để lời cảm ơn chư Chức sắc Thiên phong và chư Nghị viên, Phái viên nam nữ có mặt về dự hội hôm nay đều đủ.

Kỳ hội này, chúng ta sẽ quyết đoán nhiều hành vi và cả khuôn viên của Đạo đặng đem ra thật hành cho nên mỹ mãn. Xin chư vị ráng để trọn tâm chiêm nghiệm tường tất mỗi khoản trong chương trình rồi quyết định, đặng giúp thế cho Hội Thánh ban hành cho nên mặt Đạo.

Cả tương lai của Đạo sẽ tốt đẹp hay không đều do kỳ hội này.

Ấy vậy, Bần đạo xin đọc khoản thứ nhứt trong chương trình cho chư Nghị viên bàn định.

Ông Chủ tọa (Đức Hộ Pháp) đọc khoản thứ nhứt trong chương trình và nói :

Tưởng lại, Bần đạo cần phải trạng vẽ cả khuôn viên hiện thời và quyền hành đương nhiên của Đạo và tại sao Hội Thánh không cầm quyền phong thưởng, lại để cho Quyền Vạn Linh định đoạt.

Vậy trước hết Bần đạo cần thuyết minh ra đây cho rõ giá trị của Chức sắc thế nào đặng Quyền Vạn

Linh thấu đáo.

Vả chăng, Chí Tôn là Chúa tể cả càn khôn thế giới, tức là Đấng tự hữu hằng hữu. Hễ vào phẩm Chí Tôn tức là vào phẩm tuyệt đối của thế giới càn khôn. Quyền hành Chí Linh của Người rất bao la quảng đại. Nếu như có thế giới nào ngoài ra khác nữa thì chúng ta không định dạng quyền hành của Người là sao, còn như càn khôn hiện tượng này nó đã tối đại thế nào thì có lẽ quyền năng vô biên vô tận của Người cũng bao trùm tới đó.

Cái ống thiên lý của Đời soi thấu đến đâu mà còn thấy một vì tinh tú nào thì quyền Chí Tôn cũng tự nhiên đến đó.

Nơi Thiên văn đài, người ta ngó thấy ngoài các ngôi tinh đẩu thì còn những khóm tối đen, nghĩa là quá sức của kính thiên lý thấy được, nên quyết đoán rằng cả cơ thể hữu vi này nó huyền vi mâu nhiệm là đường nào, thì Chí Tôn cũng thế ấy.

Quyền hành Chí Tôn đã bao trùm khắp hết, hoặc còn ra khỏi ngoài càn khôn ta thấy dạng đây mà chớ.

Ngày nay, Đấng Chí Tôn đến lập Đạo dựng nhìn nhận cả con cái của Người là cả thấy chúng sanh. Thay vì lấy quyền hành Chí Tôn mà làm chúa, Người lại dụng tánh đức yêu thương, lấy lòng từ bi quảng đại, tôn con cái của Người vi chủ, nghĩa là Người giao quyền hành của Người lại cho chúng sanh lập quyền cho con cái của Người là Quyền Vạn Linh.

Quyền Vạn Linh là gì ?

Là tổng hợp cả 3 quyền :

1. Quyền Hội Nhơn Sanh.
2. Quyền Hội Thánh.
3. Quyền Thượng Hội.

* **Quyền Hội Nhơn Sanh** : tức là quyền của bậc Tín đồ tới bậc Lễ Sanh, nghĩa là từ phẩm hữu sanh cho tới thượng sanh.

* **Quyền Hội Thánh** : tức là quyền của bậc Giáo Hữu tới Đầu Sư nhưng Đầu Sư có đặc quyền làm đầu Chánh trị Đạo, vì đã vào Hội Thánh là bậc hữu phẩm tới thượng phẩm. (1)

* **Quyền Thượng Hội** : tức là quyền Giáo Tông và Hộ Pháp, còn dưới quyền Thượng Hội có Chưởng Pháp là tể tướng của Thượng Hội. Nếu có điều chi trắc trở thì quyền Chí Tôn hỏi nơi Chưởng Pháp mà định đoạt, chứ Chưởng Pháp không có quyền hành chi cả. Chưởng Pháp phải hiểu cả tâm lý của Đời và Đạo mà liệu phương hòa giải (Conseil juridique). (2)

Cả 3 quyền hiệp lại thì được đồng quyền cùng quyền Chí Linh của Đấng Chí Tôn. Đối với quyền Chí Tôn mà nó còn ngang phẩm, thì dầu cho các Đấng thiêng liêng cũng còn phải dưới quyền ấy nữa.

Ấy vậy, ngoài ra Quyền Chí Tôn thì chẳng ai có

(1) Đây là lúc năm 1937, sau này sửa lại, Hội Thánh gồm các Chức sắc từ Giáo Hữu đến Phối Sư và Chánh Phối Sư, còn Đầu Sư thuộc Thượng Hội.

(2) Đây là lúc năm 1937, sau này sửa lại, Thượng Hội gồm 11 vị : Giáo Tông, Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, 3 Chưởng Pháp, 3 Đầu Sư nam và 1 Đầu Sư nữ.

quyền hành phong thưởng Thiên phong Chúc sắc của Hội Thánh, duy có Đức Lý Giáo Tông và Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là hai Đấng đã có lệnh Đức Chí Tôn cho được quyền phong thưởng thì phẩm tước ấy mới nên giá trị.

Ngoài hai Đấng ấy ra, dầu cho một vị Đại Giác Kim Tiên hay là Cái Thiên Cổ Phật mà không thừa mạng lệnh của Chí Tôn và không quyền hành nơi cửa Đạo, nghĩa là không lãnh mạng lệnh trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ này thì không đặng quyền phép phong tước cho ai tất cả.

Ngày nay bọn Tả đạo bàng môn phong thưởng chẳng do Thiên mạng, đều là cơ quan tà giáo mà thôi.

Cơ phong thưởng là chỉ do nơi Quyền Vạn Linh hiệp đồng hay là Quyền Chí Tôn, chớ chẳng phải ai muốn phong thưởng cũng đặng.

Trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ này, Chí Tôn chia ra ba cặp cơ là : Pháp, Đạo, Thế.

Cơ quan Phong Thánh là do cơ Đạo có Hộ Pháp và Thượng Phẩm phò loan, ngoài ra chẳng có cặp cơ nào phong thưởng cho ai đặng. Sau này vì muốn cơ Phong Thánh sống rồn thêm nữa, thì duy có Cao Tiếp Đạo phò loan với Hộ Pháp, song mỗi phen phò loan đều có chơn linh của Cao Thượng Phẩm đến nâng loan với huyền diệu thiêng liêng của Ngài.

Hại thay, có một điều bí yếu hơn hết là Chí Tôn chỉ coi về thiêng liêng phẩm vị mà phong thưởng, nên thành thử phẩm vị thì cao trọng còn trái lại hình thể của họ thì rất thô kém thiệt thòi, khó hèn nhẹ giá.

Ấy cũng là cơ quan bí mật của Chí Tôn, mình không thể nào rõ thấu. Bởi cơ cho nên có nhiều vị Tiên Phật giáng trần, mượn hình thể hèn hạ phung cùi lở lói, đến đổi giả dạng ăn xin đặng thử đời hiền dữ.

Hại thay Đời thì cứ ngó cơ hữu hình mà tôn trọng, còn khinh rẻ phẩm vị thiêng liêng, thành thử Chí Tôn phong thưởng cao trọng chừng nào thì đời càng rẻ khinh chừng nấy. Một điều hại nữa là những vị ấy nhiều khi chưa biết giá trị của nó là thế nào ?

Từ thử, Hội Thánh chịu nạn vô giá trị là do nơi đó. Nhiều Thiên phong coi giá trị của mình không bằng cây diêm hộp quẹt, chúng sanh coi không bằng điều thuốc, thì thế nào Hội Thánh, hình thể hữu vi của Chí Tôn, có đủ quyền năng tạo thời cải thế.

Ngày nay, Bàn đạo đem việc phong thưởng ra cho Quyền Vạn Linh định đoạt, là không phải ý của Bàn đạo muốn vậy, mà chỉ là mật lệnh của Chí Tôn giáng dạy, lại nữa cũng là một phương để cho họ nâng mình lên cho đáng giá, đặng họ tôn trọng cho đành.

Ấy vậy, từ đây chư Chức sắc Thiên phong sẽ nhờ Quyền Vạn Linh tạo nên giá trị cùng đời. Thoảng như có ai nghi rằng : E để cho Quyền Vạn Linh định vị thì nó không có y theo phẩm vị thiêng liêng của Hội Thánh đi chăng ?

Ta lại nói : Chúng ta phải biết rằng ở thế gian này không có mảy mún hành vi nào mà không có Thiên ý Chí Tôn định trước. Giờ nào họ đứng trước Quyền Vạn Linh và chịu cho Quyền Vạn Linh nâng đỡ họ lên là ngày họ được đem danh vị vào Thiên thơ

mà chớ. Bởi thế cho nên dầu ai có tài ba lỗi lạc bao nhiêu, đạo lý uyên thâm đến đâu đi nữa thì cũng không qua khỏi mắt chúng sanh chọn lựa.

Quyền hành chánh trị của Chí Tôn chuyên chú về mặt tâm đức làm chuẩn thẳng, chớ chẳng phải dụng cường quyền áp bức. Nếu người nào phải tay cầm quyền tinh thần ấy tức là có đủ tâm đức mới được. Nếu Hội Thánh đưa quyền cho một người vô giá trị thì người ấy sẽ chết tại nơi quyền đó mà thôi, bởi nó là quyền về tinh thần chớ chẳng phải về vật chất.

Người nào đã được Quyền Vạn Linh công cử thì họ càng sợ sệt và càng khéo giữ hơn nữa. Từ đây chẳng còn ai cầu may mà đặng. Như có dở thì cả đời phải chịu ngồi một chỗ, còn đủ tài đủ đức thì chúng sanh nâng lên cao, nếu thất Đạo thì chúng sanh xô xuống.

Từ đây cả quyền thẳng thưởng trong Hội Thánh hay là nhơn sanh cũng vậy, Chí Tôn đã nấy giao cho Quyền Vạn Linh.

Đức Lý Giáo Tông đã mật lệnh cho Bần đạo làm như vậy rồi, mới đem lên quyền Chí Tôn phong thưởng mà thôi.

Bần đạo chỉ có quyền phong thưởng tới bậc Lễ Sanh, còn từ bậc Giáo Hữu đổ lên, Bần đạo xin rửa tay, không còn quyền hành chi hết.

Bần đạo xin trạng vẽ Ba quyền hành ấy ra đây cho toàn đạo rõ thấy :

* * * CHÍ LINH đối với VẠN LINH.

* **Bát Quái Đài** : Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng : **Quyền Đạo**.

* **Cửu Trùng Đài – Hiệp Thiên Đài** : Giáo Tông và Hộ Pháp, Hội Thánh : **Quyền Thánh Thế tức là Quyền Hội Thánh**.

* Lễ Sanh, Chức việc, Tín đồ : **Quyền Thế**.

- Quyền Chí Tôn : Luật Thiên điều tức là Thiên luật.

- Quyền Hội Thánh : Luật Hội Thánh.

- Quyền Nhơn sanh : Tân Luật và Thế luật.

a). Cả Thánh giáo tổng hợp lại là luật của Chí Tôn, tức là Thiên luật.

b). Lập Thánh thể của Người rồi, Người lại dạy Đức Lý Giáo Tông lập Tân Luật cùng Đạo Nghị Định, ấy là luật của Hội Thánh với luật hành động từ 12 năm nay.

c). Luật của chúng sanh là luật Đời tổng hợp lại với luật Đạo.

Chúng ta còn chịu một điều xôn xao náo nhiệt là họ sẽ nói rằng : Giao quyền phong thưởng của chúng ta lại cho Quyền Vạn Linh là phạm. Chúng ta chẳng lạ chi cái phạm của nó, vì là đem 3.115 người phạm đặng làm xác Thánh của Người là Hội Thánh, thay vì chúng ta nói nó một lần phạm mà thật ra 3.115 lần phạm. Vì thế mà chưa hề Thấy hay là Đức Lý Giáo Tông cầm viết lập luật, chỉ để cho nhơn sanh lập luật đặng tự buộc lấy mình.

Vả Đức Lý Giáo Tông có nói rằng : “ Nếu để

cho Lão lập Luật thì nội trong 3 ngày là xong, song e cho chúng sanh tu không đặng.”

Lòng Đại từ Đại bi của Thầy cho quyền chúng sanh lập Luật mà tu đặng lần lần khép mình vào Thiên Luật, vì ở nơi phạm luật của mình nó có khuôn viên Thiên Luật.

Ấy vậy, Luật Hội Thánh là phạm luật. Còn Thánh Luật duy có Pháp Chánh Truyền mà thôi.

Một người chủ nào mà quảng đại bao la thì chẳng hề định giới hạn sự hành động của đứa trẻ bao giờ, chỉ để cho nó tự do lấy trí ý đặng kiếm phương chước thi hành cho nên vẹn vẻ. Chí Tôn cũng vậy, cả con cái của Người, đầu óc mỗi đứa đều mỗi khác, chẳng hề buổi nào Người định giới hạn khuôn khổ cho nó, chỉ để cho nó định mà thôi. Cả khuôn khổ của nó định là trong khối phạm mà ra, rồi bảo sao không phạm cho đặng. Ấy là Người muốn lấy khí cụ phạm mà trị phạm.

Một khi nọ, Bản đạo có hỏi Đức Lý Giáo Tông, Ngài nói rằng : Đức Chuẩn Đề có 18 món bửu pháp hằng diêu động hoài hoài. Cả thế giới chẳng có một món bửu pháp nào đối thủ với nó được, duy có một lòng lành thẳng nó đặng mà thôi. Hội Thánh cũng như Đức Chuẩn Đề, hề cái phạm của chúng sanh càng nhiều chừng nào thì Hội Thánh lại càng phạm hơn nữa. Mình đã cho nó ra phạm rồi ngồi mà than thở hoài rằng : Nó phạm thì chẳng bỏ ích vào đâu tất cả.

Hại nỗi, trong chúng sanh có kẻ dữ người hiền, hề muốn dạy đời sao cho đặng hiền lành tốt đẹp thì

phải lấy lòng hiền từ như đức mới đặng. Bằng mình không có lòng hiền thì 18 món bửu pháp kia lay động, mình phải chịu lấy, chớ than thở với ai ?

Những kẻ đã làm khổ não cho Hội Thánh từ bấy lâu nay là làm cho Hội Thánh trở nên oai quyền với họ. Muốn trừ hết cái khí nộ của Thánh Thể Chí Tôn thì phải liệu phương hay nào làm cho Hội Thánh đặng thân mật với Quyền Vạn Linh mới đặng.

Vì vậy cho nên Bản đạo để cho Quyền Vạn Linh tuyển chọn Chức sắc.

*

* *

Ngày 14-10-Đinh Sửu. (Đại Hội Hội Thánh)

Thư cùng Hội Thánh Cửu Trùng Đài và HTĐ.

Bản đạo xin để lời cảm ơn chư Thánh chẳng quản nhọc nhằn về hội đông đủ hôm nay.

Vậy trước khi mở Hội, Bản đạo xin yêu cầu cùng Hội Thánh nam nữ rằng, để hết tâm giải quyết các khoản theo lời quyết nghị trong chương trình của Hội Như Sanh dâng lên.

Vả chẳng, Đại Từ Phụ vì lòng thương yêu vô tận, thấy cả con cái của Người đang bị dọa lạc trầm luân nơi khổ hải, nên mới đến khai Đạo đặng cứu vớt, cũng như một người cha hiền đức ở thế gian này thấy con cái mình đang bị tù tội ngục hình nên phải tìm phương giải nạn.

Người đến cốt yếu để tâm nuôi nấng cả con cái khổ não của Người, chớ chẳng phải đến đặng rước những kẻ vinh hiển, nghĩa là Người không phải đến

lập vị cho những người sang trọng, mà đến đặng chia khổ não cùng đời.

Vì vậy, chúng ta đã thấy ngày nay duy còn lại trong hình Thánh Thể toàn những kẻ thật thà chơn chất hiền lương hiếu hạnh, còn những kẻ sang trọng vinh hiển, biết đâu Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu thiêng liêng đuổi ra khỏi cửa Đạo.

Bần đạo xin nói quả quyết rằng : Cái thiệt tướng của cơ quan giải thoát cho chúng sanh là Chí Tôn đến đặng chia đau sót khổ cùng đời, đặng đem các con cái của Người ra khỏi cảnh khổ não trầm luân hay là chốn ngục hình tại thế.

Đức Đại Từ Phụ vì không hình thể hữu vi, nên mới lập Hội Thánh đặng thay hình thể cho Người.

Vậy cái trọng trách của Hội Thánh là phải làm thế nào ? Người chẳng phải đến đặng biểu chúng ta làm ông tòa trị thế, mà trái lại, Người đến đặng biểu chúng ta làm cha làm thầy đặng thương yêu dìu dắt giữ gìn đám con cái khổ não của Người.

Hễ cái khổ não của con cái Người bấy nhiêu thì chúng ta phải thương tâm đau đớn bấy nhiêu, vì Đại Từ Phụ đến đặng làm cha, tức nhiên Người đến đặng lấy giọt huyết lệ rửa cả khổ não của con cái Người.

Mảnh tâm vô cùng vô tận yêu ái của Người là duy có làm thế nào cho con cái của Người đặng hạnh phúc. Ấy là sở vọng thỏa mãn của Người đó.

Hại thay ! Chúng ta vì mang thi hài xác tục nên chưa làm đặng tròn nhiệm vụ của Người đối cùng chúng sanh, cho nên cái năng lực của chúng ta không

tương đối với Chí Tôn.

Lại nữa, cả khuôn luật của Người hay là cơ quan giải thoát nó thường hay nương theo không gian và thời gian mà định tướng. Ấy vậy, phận sự chúng ta là thay thế hình ảnh Chí Tôn đặng làm cho con cái Người đặng hạnh phúc thì con đường hạnh phúc của chúng sanh, chúng ta phải dong ruổi. Cái thiệt phận của chúng ta là phải gánh vác các điều khổ não đặng thay thế cho Chí Tôn mới đáng.

Ấy vậy, nếu Hội Thánh chẳng đủ làm cho chúng sanh hạnh phúc thì Hội Thánh chẳng hề từ chối một mối khổ tâm nào, một điều nhục nhã nào, dầu phải đi trên tuyết giá hay là vào luồng dâm hổ huyết, cùng là đi trên lửa cũng chẳng hề thối chí nãn lòng, đặng quyết mong đoạt thành cái thiệt Đạo của Chí Tôn là dẫn cả thầy chúng sanh đi vào con đường hạnh phúc.

Cái buổi nào phải đi đặng làm cho con cái của Người ra hạnh phúc thì chẳng bao giờ chúng ta từ chối đặng, vì chúng ta đã hết tâm mà thật hành Thánh Thể của Người. Nếu mình còn lo một điều chi mảy mún vị ngã cho mình nữa thì là chưa đúng bực nam nhi xử thế và mình cũng còn vì mình thì không thể nào thay thế hình ảnh Chí Tôn đặng.

Cơ thể của Đạo vốn phải chuyển luân chớ chẳng phải là điều áp bức.

Từ khi mở Đạo đến nay, Chí Tôn đã truyền cho Bản đạo một bí pháp mà Bản đạo chưa nở thật hành đặng, là vì Chức sắc Thiên phong còn bán thể qui y

nửa đời nửa đạo, nên không đắc dụng.

Bí pháp ấy là gì ? Là cho *Chức sắc chết vì Đời, sống vì Đạo mà thôi.*

Trong một thời gian 12 năm nay là một kỷ cũng đã quá lâu, Bần đạo đã rộng rãi khoan hồng để họ đủ thời giờ lo tóm dẹp gia đình cho yên ổn, chớ chẳng hề khi nào Hội Thánh nghiêm khắc. Ấy vậy, từ đây, Bần đạo nhưt định thi hành bí pháp ấy.

Bần đạo xin thuyết minh và nói quyết hẳn rằng : Bần đạo chẳng còn muốn nghe trong hàng Chức sắc Thiên phong có một ai nói rằng : gia đình ràng buộc, nào cha mẹ vợ con, mà không để trọn tâm hành đạo.

Ngoài ra, Chức sắc phải để lòng từ tâm giúp đỡ lẫn nhau, thoảng như những yếu nhơn trong cửa Đạo có lăm cảnh bi yếu khổ tâm thì duy nhờ lòng từ tâm của nhơn sanh và sự thương yêu của Chức sắc chia sót lấy, chớ quyền trên của Hội Thánh từ đây không muốn biết tới nữa, nghĩa là Bần đạo để cho Chức sắc liệu định thế nào cho phần đời của họ được thỏa mãn cùng nhau mà thôi, chớ quyền trên nhưt định không muốn biết tới quyền đời của một Chức sắc nào cả.

.....

Khi Đức Quyền Giáo Tông còn đương đời thì Bần đạo có nói cùng Ngài rằng : Ở đời không có sự nhục nhã nào bằng thầy mà đi xin cơm của học trò, quan đi xin tiền của dân. Đừng nói chi nhiều, cha với con là tình máu mủ mà còn chẳng nở mở miệng nói : Cha nay già yếu, mấy con phải nuôi dưỡng cha thay, huống chi là Đạo còn phải đưa tay xin tiền, không xin

trước mặt cũng xin sau lưng, thì nó khỏi xấu hổ trước mặt chớ cũng rất hổ thâm với lương tâm chớ.

Xấu cho đến đỗi, hễ thấy Chúc việc vừa đến nhà, các tín đồ đã lánh mặt.

Bây giờ có phương giữ thể thống đở một chút là cậy người khác xin cho mình ăn, hay là làm mướn đặng nuôi mình.

Một khi đó, Bần đạo có giải nghĩa với Đức Quyền Giáo Tông thì Ngài cũng cười ngất mà thôi.

Tạo Cơ Quan Phước Thiện là cho có người chịu cực khổ lẫn lóc mà nuôi Đạo. Vậy có lẽ Phước Thiện là người biết tiện tận gìn giữ tiền bạc ấy đặng.

Còn như thể Bần đạo quyết định, Bần đạo không nói quản hạt, địa hạt mấy ngày gì cả, mà Bần đạo chỉ nói con chim kia còn có chỗ ở, nó đâu có đi cày cấy, nó còn có lúa ăn; cái cây kia nó đâu có làm lụng mà còn có tuyết sương nuôi dưỡng. Nếu như mấy anh đủ Đạo tâm, dám mang bầu quã gậy nơi mình, rồi cứ lo việc Đạo, mà hễ có đói thì Bần đạo dám cam chịu tội.

Xin có cho thì cho, không thì thôi. Đời muốn mình làm tội tở lâu dài thì dễ cho nó, bằng không để lang thang rách rưới, nó làm tở lâu dài không đặng, thì Đời phải lỗ chớ mình không hại chi hết.

Trần Khai Pháp nói :

Bần đạo nhớ Đức Khổng Tử xưa, Ngài từ nhà Châu về nước Lỗ, thì duy có ngôi mà dạy học trò đó thôi, Ngài đã lập giáo rồi cũng có Thất thập nhị Hiền ra đi truyền giáo, mà có xin thiên hạ châu cấp chi chẳng, họ cũng sống vậy.

Bên Chánh trị Đạo, Bần đạo chẳng dám nói, chớ bên Phước Thiện, Bần đạo dám chắc rằng : Mỗi người, trước khi lên bậc Giáo Thiện, lãnh lệnh ra đi, trong túi không có một xu, lập Sở không có một chiếc đĩa, mà họ nào có đỏi dàu, họ cũng nhờ thời gian mà nên dặng vậy. Mới có một năm mà đã thành tựu biết bao sản nghiệp. Bần đạo chỉ chỡ bí yếu trọng hệ hơn hết mà không ai nói đến là tại Chúc sắc Thiên phong khiếm hạnh đức nên mới khổ tâm nhọc trí, chớ nếu có đủ đạo đức thì dàu đến nổi.

Trần Khai Pháp nói :

Dưới mắt Bần đạo còn thấy một điều trái hẳn với chơn đạo là vì *Chí Tôn đến dạy chúng ta làm cho nhơn sanh được hạnh phúc, chớ chẳng phải dạy chúng ta đến ăn xin với con cái của Người.*

Ấy vậy, phải làm thế nào cho đáng mặt là Thánh Thể của Đấng Chí Tôn.

*

* *

Ngày 15-10-Đinh Sửu. (Thượng Hội)

Luôn dịp, Đức Hộ Pháp cho Hội Thánh rõ rằng: Theo lẽ thì ngày mai sẽ có Thượng Hội, nhưng quyền Thượng Hội, kể từ phẩm Đầu Sư, Chưởng Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Giáo Tông, song các bậc phẩm đều thiếu, nên Bần đạo sẽ phê chuẩn các lời bàn nghị của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh, đã đồng thỉnh công nhận./.

(Trích trong quyển Vi Bằng Hội Quyền Vạn Linh tại TTTN ngày 15-10-Đinh Sửu 1937)

10. Ngày 22-6-Mậu Dần (dl 19-7-1938).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Đền Thánh

Đề tài : Tại sao có Tam Giáo rồi, Đức Chí Tôn còn khai ĐĐTKPĐ.

Do Tam Giáo thất chơn truyền, Nho Thích Đạo hiện nay đã trở nên phàm giáo.

Chư đệ tử trong ba nhà đạo không giữ y luật pháp qui điều, canh cải chơn truyền, bày ra các điều giả cuộc, làm cho Tam Giáo biến thành dị đoan.

- Đệ tử nhà Đạo chẳng từng pháp giáo của Đức Thái Thượng Lão Quân, tuy ở trong nhà Đạo mà tức thị dị đoan mê tín.

- Đệ tử nhà Thích không thuận theo lời giảng dạy của Đức Phật Thích Ca, thì đệ tử nhà Thích dị đoan mê tín.

- Đệ tử nhà Nho chẳng thật hành điều mục của Đức Văn Tuyên Khổng Thánh, thì đệ tử nhà Nho dị đoan bất chánh.

Tóm lại, hai chữ “DỊ ĐOAN” nghĩa là đồ theo không trúng kiểu cái qui giới thể lệ chơn truyền của Tam Giáo.

- Tiên Giáo, Đức Thái Thượng dạy Tam Bửu, Ngũ Hành, tu tâm luyện tánh, thủ cảm ứng công bình.

- Phật Giáo Đức Thích Ca dạy Tam Qui, Ngũ Giới, minh tâm kiến tánh, thật hành bác ái từ bi.

- Nho Giáo Đức Khổng Phu Tử dạy Tam Cang, Ngũ Thường, tồn tâm dưỡng tánh, giữ theo hai chữ

Trung Hiếu mà làm tiêu chuẩn cho mọi hành vi.

Cả luật pháp khuôn viên điều mục của ba nhà tôn giáo từ buổi sơ khai có đủ phương diện quyền năng đìu đời thống khổ. Nhơn sanh trong thời kỳ thượng cổ còn tánh đức biết giữ chơn truyền, chuẩn thăng qui củ của ba nhà : Nho, Thích, Đạo, làm lành lánh dữ, dưỡng tánh tu tâm, nên mới chung hưởng đời thái bình an cư lạc nghiệp.

Nay đến kỳ Hạ nguơn cuối cùng, thế đạo suy vi, nhơn tâm bất cố, đạo đức đỏi đời, lòng người chẳng giống xưa, luật Tam Cang chẳng giữ, phép Ngũ Thường không noi. Tam Giáo thất chơn truyền, nhơn tâm biến đỏi, bỏ phép công bình, tranh danh trục lợi, cướp giựt hiếp đáp, giết hại lẫn nhau không tưởng cốt nhục, chẳng tưởng đồng bào, thù nghịch lẫn nhau thành ra một trường náo nhiệt, luân lý suy đời nên gọi là đời mạt kiếp.

Các vị Giáo Chủ ngày xưa tiên tri rằng : Buổi sau này Tam Giáo phải qui phạm nên có đễ lời bí tích trong sấm truyền như :

- Phật Tông Nguyên Lý, Đức Thích Ca nói : *Lục vạn dư niên Thiên khai Huỳnh Đạo.*

- Còn Nho Giáo, Đức Khổng Tử nói : *Mạt hậu Tam Kỳ Thiên khai Huỳnh Đạo.*

- Đức Chúa Jésus khi bị đóng đinh trên cây Thánh giá có nói tiên tri với môn đồ của Ngài rằng : *Trong hai ngàn năm Tân thế, Ta sẽ đến phán xét cho nhơn loại một lần nữa.* Và Ngài có nói : Còn nhiều chuồng chiên, sau Đức Chúa Trời sẽ qui về một mối.

Nay Đức Chí Tôn khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đúng theo lời sấm truyền của các vị Giáo Chủ ngày xưa.

Chỉ có hai phương diện là do nơi Tam Giáo thất chơn truyền, chính mình Đức Chí Tôn giảng cơ lập Đạo đặng qui nguyên phục nhứt, gọi là Chấn hưng Tam Giáo lại cho hoàn toàn, lập luật pháp khuôn viên cho phù hợp theo dân trí buổi này mới tìm phương độ rỗi như sanh, hiệp cả tinh thần của các dân tộc, biết nhìn nhau một Cha chung mà thuận hòa cùng nhau, thật hành chủ nghĩa thương yêu, chung thờ một nền tôn giáo đại đồng thì như loại mới đặng gọi như nhân ân huệ và đời tranh đấu tự diệt sẽ trở nên đời mỹ tục thuần phong, thì vạn loại mới chung hưởng hòa bình, phục lại đời thượng cổ là do Thiên thơ tiền định, buổi Hạ ngưng chuyển thế, hoán cự duy tân.

Tóm lại, Đức Chí Tôn khai Đạo kỳ thứ ba này là thuận theo lẽ tuần hoàn, châu nhi phục thử./.

* * * * *

11. Ngày 25-6-Mậu Dần (dl 22-7-1938).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Đền Thánh

Tại sao Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không ăn ngũ, tuyệt cốc, và tịnh luyện như các tôn giáo khác ?

Tại thời kỳ giả dối đã qua, thời chơn thật hầu đến, Đức Chí Tôn khai Đạo kỳ thứ ba này là tạo một *Trường thi Công quả* hữu vi tại thế cho nhơn sanh lập công nghiệp và tâm đức mà đoạt phẩm vị thiêng liêng, chớ không có dạy ăn ngũ, tuyệt cốc, và tịnh luyện như các tôn giáo buổi trước.

Bởi nhơn sanh trong buổi Hạ nguơn đương tranh đấu mạnh được yếu thua, khôn còn đại mất, mười người đều mất hết chín rưởi lương tâm, chỉ nhờ phương châm đạo đức làm cơ quan cứu thế, phổ độ chúng sanh cho họ biết ăn năn tự hối, lánh dữ làm lành, noi theo luật pháp chơn truyền của Đạo để trở nên người chí thiện, lập thành minh đức, tân dân, ấy là chấn hưng phong hóa.

Nếu mọi người nhập môn giữ đạo, không lo phổ độ nhơn sanh, chỉ chuyên chú về phương *ăn ngũ, tuyệt cốc, kiểm chốn u nhàn ẩn thân tịnh luyện* thì gọi là “*độc thiện kỳ thân*” chẳng bỏ ích chi cho nhơn quần xã hội. Hỏi vậy, nhơn sanh nương theo nơi nào mà thoát khổ ?

Đức Chí Tôn khai Đại Đạo, lập luật pháp khuôn viên chuẩn thẳng qui củ, làm một cái thang vô tận để

cho nhơn sanh, kẻ trước dìu người sau, nương theo con đường Thánh đức mà đoạt phẩm vị thiêng liêng : Thần, Thánh, Tiên, Phật. Nên Đức Chí Tôn có nói rằng : “ *Các con đắc đạo cùng chấng là tại phương phổ độ, nếu các con không đến trường Thầy lập mà đoạt phẩm vị của mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ.*”

Các Đấng Thánh trước Hiền xưa cũng trải qua thiên tân vạn khổ, đội nguyệt mang sao, như Đức Khổng Phu Tử, Mạnh Tử, bỏ nhà cửa, từ biệt phụ mẫu, đoạn dứt ái ân, châu lưu liệt quốc, dạy người cải dữ làm lành, thể Thiên hành hóa, do nơi công nghiệp ấy mà đoạt thành phẩm vị, nào có thấy tuyệt cốc hay tịnh luyện chi đâu !

Tam Kỳ Phổ Độ là cơ quan cải tạo Đời, dạy nhơn sanh biết cải ác tùng lương, thương yêu, thuận hòa cùng nhau, chung thờ một chủ nghĩa, chinh đốn bại tục tội phong cho trở nên Đời tận thiện tận mỹ, để thuận theo buổi Hạ nguơn tuần hoàn qui cổ.

Đức Chí Tôn khai Đạo là muốn cho nhơn loại hòa bình, cần khôn an tịnh, nhơn sanh noi theo luật pháp mà tu hành, lập công bồi đức cho đầy đủ thì đặng thăng phẩm vị thiêng liêng, đem chơn tánh phần bổn hườn nguyên làm một cùng Đức Chí Tôn là đắc đạo.

Ấy là điều chơn lý, nên chẳng ăn ngọ, tuyệt cốc, tịnh luyện chi cả./.

* * * * *

12. Ngày 26-6-Mậu Dần (dl 23-7-1938).

ĐỨC HỘ PHÁP giảng đạo tại Tòa Thánh

Đề tài : Tại sao thờ Thiên Nhân ?

Do lời Thánh giáo của Đức Chí Tôn từ buổi mới khai đạo, thờ Thiên Nhân là chủ nghĩa *Nhứt Điểm Linh Quang* của Tạo Hóa.

Bởi Thiên Nhân thuộc *chơn thân* : *Thân cư tại nhãn.*

*Nhãn thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị thân,
Thân thị Thiên,
Thiên giả Ngã dã.*

Tâm thuộc hỏa, hỏa thuộc dương, dương là mặt nhật, mặt nhật là thanh khí, thanh khí là Trời.

Có câu : *Thanh phù giả vi Thiên.*

Con người biết tôn sùng Trời, thì phải biết kính trọng Thần lương tâm. Có câu : *Khi kỳ tâm tất tự khi kỳ Thiên. Thiên kỳ bất khả khi hồ ?*

Mọi nhà thờ Thiên Nhân, sùng bái hằng ngày đặng xét mình, coi các điều tội lỗi. Thoảng như trong tâm giục khởi làm việc chi bất bình thì sợ có quyền năng của Trời răn phạt.

Nên thờ Thiên Nhân là một phương mầu nhiệm cho mọi người biết tòng Thiên lý.

Kỳ Hạ nguơn này, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Đạo, không có chơn linh giáng sanh nguyên hình như các vị Giáo Chủ trước nữa.

Nếu sự thờ phượng riêng một vị Giáo Chủ buổi trước thì không đủ thống nhứt đặng tín ngưỡng của nhơn sanh trong toàn cầu thế giới.

Cho nên thờ Thiên Nhân là cơ quan hiệp cả chơn thần của toàn vạn linh và hiệp Tam bửu : Tinh, Khí, Thần vi nhứt.

Ấy là cơ mầu nhiệm siêu phàm nhập Thánh.

Từ khi các tôn giáo bị bế, âm thanh dương suy, nên Thần chẳng hiệp cùng Tinh, Khí được, vì vậy nên người tu hữu công mà không đắc quả.

Nay Đức Chí Tôn khai Đại Đạo, đem chơn thần hườn nguyên cùng Tinh, Khí, là cơ mầu nhiệm cho chúng sanh đắc đạo.

Ai biết noi theo chơn truyền luật pháp, giữ trai kỳ 10 ngày trở lên, đến ngày công viên quả mãn, đặng thọ truyền bửu pháp, chơn thần siêu thăng.

Trong buổi Hạ nguơn chuyển thế, Đức Chí Tôn khai đạo dạy thờ Thiên Nhân là thờ chơn thần của Chí Linh cho hiệp cùng Vạn Linh, tức là thờ ngôi Thái Cực, là thờ Trời vậy./.

* * * * *

13. Ngày 26-6-Mậu Dần (dl 23-7-1938).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Đền Thánh

Đề tài : Tại sao thờ Tam Trấn và cắt nghĩa mỗi Trấn?

Tại thời kỳ thay đổi, chuyển Tam Giáo qui nguyên phục nhứt cho hiệp Thiên thơ.

Đức Chí Tôn chọn ba vị : Phật, Tiên, Thánh, cầm quyền Tam Trấn, thay mặt cho Tam Giáo giảng cơ lập thành đạo đức.

Bởi Hạ nguơn cận mẫn, nhưn vật đổi dời, đạo đức nhưn nghĩa luân lý cang thường đều bị lượn sóng văn minh vật chất làm hư hoại. Tam Giáo đã thất chơn truyền do nơi tay phạm canh cải thành ra dị đoan bất chánh, nên Đức Chí Tôn khai Đại Đạo là cơ quan chuyển thế, phục lại Thượng nguơn cho thuận theo lẽ tuần hoàn qui cổ.

Ba vị Tam Trấn hiện nay đức hạnh hoàn toàn, đủ tư cách độ đời, roi gương cho đoàn hậu tấn.

* **Đức Lý Đại Tiên**, buổi còn tại thế, Ngài làm quan đời nhà Đường, danh lưu ngôn ngữ, đánh đuổi bình giặc bằng tinh thần, chẳng tốn lương thảo tướng binh mà cả cơ nghiệp đặng hòa bình bảo an thiên hạ. Tánh chất của Ngài không thích công danh phú quý, thường ưa vui thú cờ rượu thi ngâm, hưởng cảnh thanh nhàn non Tiên động Thánh. Ngài phé quan từ chức, mộ đạo tu hành, mới đắc quả một vị Đại Tiên.

Nay là buổi Hạ ngươn chấn hưng Tam Giáo, Đức Chí Tôn chọn Ngài cầm quyền **Nhứt Trán Oai Nghiêm**, thủ cơ truyền Đạo, lập luật pháp, nghị định, chơn truyền, công thưởng tội trừng, vô tư vô vị, chấp chưởng cơ quan tạo thời cải thế, đương kim *Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, thay mặt cho Tiên Giáo.

* **Đức Quan Âm Bồ Tát**, buổi còn sanh tiền, giữ trọn câu trung trinh tiết liệt, mộ đạo đức, chẳng mền cuộc phú quý vinh huê, đủ nghị lực, trọn tâm trải qua nhiều hoàn cảnh khổ sở truân chuyên mà chí tu hành chẳng đổi, Bà mới đoạt thành phẩm vị Nữ Phật Tông Quan Âm Bồ Tát.

Kỳ Phổ Độ thứ ba này, thừa lệnh Đức Chí Tôn cùng Diêu Trì Phật Mẫu, cầm quyền **Nhị Trán Oai Nghiêm**, thay mặt cho Thích giáo, roi gương bác ái từ bi, tế độ đoàn nữ phái.

* **Đức Quan Thánh Đế Quân**, Ngài là một vị sao Võ Khúc Tinh Quân, thừa mạng Đức Ngọc Đế giáng trần nhưn đời Tam Quốc phân tranh. Ngài hết dạ tâm thành phò vua giúp nước, diệt tà tôn chánh, khuông phò Lưu Tiên Chúa giúp nên cơ nghiệp Hớn Trào. Ngài giữ trọn Tam Cang : Trung, Nghĩa, Chánh trực công bình. Đến buổi Ngài qui vị thì đặng hiển Thánh nhờ Phổ Tịnh Thiên Sư đến khai linh nên đặng phi thăng yết kiến Thượng Đế mới đặc hàng phẩm Phật Đà Lam.

Nay đến kỳ Phổ Độ thứ ba, Đức Chí Tôn chọn người cầm quyền **Tam Trán Oai Nghiêm** thay mặt Nho Giáo nắm luật công bình, diệt trừ những kẻ tà

tâm, phản loạn chơn truyền, phân phe lập phái, làm cho nền đạo đức ra thiệt tướng.

Thuở bình sanh, Ngài thường chú tâm bao biếm thiện ác, chỉ rõ hai đường lành dữ khen chê.

Lại nữa, là nhưn thời kỳ Nho Giáo chuyển luân, nên thờ Đức Quan Thánh là roi gương trung thành cho toàn nam phái.

Tam Kỳ Phổ Độ thờ Tam Trấn Oai Nghiêm để thay mặt Tam Giáo đổi cũ ra mới, cho chúng sanh thấy rõ một tấm gương trong lịch sử.

Ấy là để cho đời nối chí lập tâm tu hành cho trở nên đời mỹ tục thuần phong, tức là đời Thánh đức. Bởi Tam Giáo qui phạm thất chơn truyền, nên Đức Chí Tôn chọn Tam Trấn cầm quyền vô vi lập Pháp Chánh Truyền, đào tạo điều gọi là Chấn Hưng Tam Giáo.

Tại sao thờ Tam Trấn ?

Tại thời kỳ khai Đại Đồng Tam Giáo : Nho, Thích, Đạo, qui nguyên, Đức Chí Tôn làm chủ cầm quyền chưởng pháp cho phù hợp trong buổi Hạ nguơn tuần hoàn chuyển thế.

Ba vị Tam Trấn chấp chưởng cơ quan mẫu nhiệm, trấn nhậm quyền hành, lập luật pháp, đạo nghị định cho hiệp với Thiên thơ.

Vì thọ mạng lệnh Đức Chí Tôn, nên toàn trong bốn đạo phải để tâm thành kính và phụng thờ Tam Trấn./.

* * * * *

14. Ngày 1-7-Mậu Dần (dl 27-7-1938).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Đền Thánh

Đề tài : Tại sao Đức Chí Tôn không giáng bằng xác thân, lại giáng bằng huyền diệu cơ bút ?

Tại thời kỳ chuyển Đạo vô vi hiệp Tam Thanh, chấn hưng Tam Giáo, phục nhứt Ngũ Chi, nên Đức Chí Tôn giáng bằng huyền diệu cơ bút, mới qui đặng cả Đại Đồng Tam Giáo.

Bởi Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Phật, Thánh, Tiên giáng linh Tam Giáo, nhưn buổi nhưn loại chưa hiệp đồng, nên ba vị Giáo Chủ phải thọ sanh riêng địa phận, nên hai kỳ khai đạo ấy chỉ phổ độ trở về cựu vị có 8 ức nguyên nhân, còn buổi Hạ nguơn Tam Kỳ Phổ Độ là thời kỳ ân xá tội tình cho toàn cả chúng sanh, lại nhưn buổi văn minh nhưn loại thông đồng, cần khôn dĩ tận thức, cho nên Đức Chí Tôn dùng huyền diệu giáng cơ khai Đại Đạo, chủ nghĩa là độ tận 92 ức nguyên nhân qui hồi cựu vị cho khỏi sa đọa cõi hồng trần, nên gọi là cơ quan cứu thế.

Nếu Đức Chí Tôn chia chơn linh giáng thế như các vị Giáo Chủ buổi trước, thì phải tá mẫu đầu thai, mang phàm thể hữu vi, lại nữa là Đạo khai trong nước Việt Nam thì phải thọ sanh hình hài người Nam Việt, thì có thể nào chuyển ba mối đạo khắp Ngũ Châu và toàn cầu thế giới đặng.

Lại nữa, các dân tộc trong vạn quốc không thể

hiệp đồng sự tín ngưỡng làm một thì khó mà độ tận chúng sanh, cho nên Đức Chí Tôn giáng bằng huyền diệu cơ bút đặng làm cho các nước để trọn đức tin rằng : có một Đấng Chí Linh giáng thế cứu đời qui tụ cả khối tinh thần của nhơn loại duy nhất, chỉ rõ bằng cơ như kỳ hội các tôn giáo tại thành Luân Đôn, thì các nước đều công nhận Đạo Cao Đài là chơn thật, có thể qui nguyên Đại Đồng Tôn giáo.

Đức Chí Tôn tuy chẳng giáng bằng xác thân, mà lại qui tụ lương sanh lập thành Hội Thánh, thay hình thể hữu vi cho Đức Chí Tôn và lập Quyền Vạn Linh đối phó cùng quyền Chí Linh.

Ấy là cơ quan mẫu nhiệm cứu vớt quần sanh, giải thoát khỏi chốn sông mê bể khổ.

Kỳ Hạ nguơn này, dầu chúng sanh có tàn bạo hung ác thế nào cũng không làm hại xác thân của Đức Chí Tôn như các vì Giáo Chủ buổi trước đặng.

Bởi Quyền Vạn Linh có đủ nghị lực tinh thần lập khuôn viên luật pháp, xây chuyển cơ Đạo và cơ Đời cho thuận theo lẽ tuần hoàn của Tạo Hóa.

Đức Chí Tôn khai Đạo kỳ thứ ba này, giáng bằng huyền diệu cơ bút là do nơi Thiên thư tiền định chuyển Đạo Vô Vi, hiệp Tam Giáo Ngũ Chi làm một./.

* * * * *

15. Ngày 1-9-Mậu Dần (dl 23-10-1938).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Đền Thánh

Đề tài : Vấn đề đoạt đạo.

Từ buổi sơ khai, Đức Chí Tôn đã lập ra một chơn luật buộc cả nhơn loại phải thi hành, tức là một con đường thiêng liêng hằng sống (TLHS) của Đức Chí Tôn đào tạo để cho nhơn sanh đều do nơi con đường ấy mà tiến hóa lên các bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hễ tấn bộ thì đoạt đạo, còn thoái bộ thì sa ngã theo cơ tà quái, quỷ vương.

Luật pháp của các nhà tôn giáo xưa nay lập ra nhiều khoản, nhơn sanh người thông minh thì ít, kẻ dốt nát là phần đông, nên không thể thi hành cho trọn; còn chơn luật của Đức Chí Tôn chẳng có chi nhiều, duy cần yếu có hai chữ THƯƠNG YÊU mà thôi, thì nhơn sanh dầu hàng nào cũng có thể thi hành được tất cả.

Đến như loài tế vi là mối, ong, kiến, cũng biết giữ luật thương yêu, thuận hòa cùng nhau, kết lấy đoàn thể tương thân tương ái cùng nhau, tạo thành hang ổ có trật tự phân minh. Ấy là cơ tấn hóa mạnh mẽ của loài động vật.

Nói về gia đình thì có cha con, chồng vợ, anh em lan tràn ra cho tới nhơn quần xã hội, đồng chủng quốc dân, cũng do nơi mặt luật thương yêu mà hòa bình, an cư lạc nghiệp. Nếu cả thấy chẳng thực hành theo chơn luật ấy thì tất nhiên phải mất trật tự,

không đủ tư cách làm người, đã chẳng đặng tấn hóa đến cảnh TLHS, mà trái lại nảy sanh ra một trường cạnh tranh thù nghịch lẫn nhau, tức là tạo thành cơ tự diệt, bởi chẳng giữ theo chơn luật của Đức Chí Tôn và khiến sự thương yêu thành tranh luận những việc tế vi mảy mún mà gây ra các điều oan nghiệt.

Sự thương yêu của Đức Chí Tôn đối với nhơn loại, là vô lượng vô biên, không có giới hạn nào mà tả ra cho cùng tận được. Ví dụ một cái gia đình, phận làm cha mẹ thấy một bầy con nghèo nàn khổ não thì biết rằng cha mẹ thương con thế nào, còn toàn trong thế giới từ vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm cho đến nhơn loại thì đều là con chung của Đấng Tạo Hóa, thì sự thương yêu của Đức Chí Tôn bao la quảng đại chẳng biết tới đâu là bờ bến, những sự bi ai thống khổ của chúng sanh ở cõi trần này bao nhiêu thì sự thương tâm đau đớn của Chí Tôn cũng bao nhiêu.

Chơn luật thương yêu của Thầy lập ra, nhơn sanh chưa thi hành thì mặt luật ấy đã buộc Thầy thi hành trước hết, nên Thầy giảng cơ nói rằng : *“Sự khổ hạnh của các con chưa than thì Thầy than trước, các con chưa khóc thì Thầy khóc trước.”* Ngày nào toàn cả nhơn sanh biết thực hành chủ nghĩa thương yêu cho ra thiệt tướng, tức nhiên là ngày nhơn sanh thoát khổ.

Tóm lại : Con người cùng vạn vật đều do nơi luật thương yêu mà tiến hóa lên đến các bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật, hiệp một cùng Đức Chí Tôn, gọi là đoạt đạo. Nên Thầy nói rằng : *Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh, tức là cơ đoạt đạo./.*

16. Ngày 15-9-Mậu Dần (dl 6-11-1938).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Đền Thánh

Đề tài : Vấn đề Chơn pháp.

Đức Chí Tôn đào tạo chơn pháp vô lượng vô biên để cho nhơn loại thi hành mà đoạt phẩm vị thiêng liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Chơn pháp cũng có một như Chơn luật vậy.

Chơn luật của Đức Chí Tôn đã chỉ rõ là thương yêu, còn Chơn pháp là công bình.

Luật pháp của của Chí Tôn đã chỉ rõ ra sau đây thì toàn cả nhơn sanh đều nghe hiểu biết và thường nói : Chỉ có một điều là tại không thực hành. Nếu con người dưới thế này đồng thi hành y theo Chơn pháp công bình thì đời sẽ trở nên tận thiện tận mỹ, mà cơ tận diệt sẽ tiêu tan, không còn thấy tấn tuồng bi ai thảm đạm như thế.

Tóm lại, cái sở hành Chơn pháp công bình chỉ dùng một câu : “*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*”, nghĩa là : Những điều nào mình chẳng muốn ai làm cho mình phải buồn than đau đớn thì tức nhiên ta không nên làm mấy điều ấy cho người khác.

Pháp công bình của Đức Chí Tôn là một cây cân song bằng, một đầu là Tiên Phật, một đầu là quỷ ma, chánh tà phân biệt đôi bên, ấy là pháp công bình lành thưởng dữ răn, lành siêu dữ đọa.

Đức Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài đều đặng cao thăng phẩm vị thiêng liêng, chớ không bao giờ Ngài tạo địa ngục để đầy đọa hình phạt như sanh, mà trái lại do như sanh tạo thành cảnh khổ ấy.

Ví dụ như một ông cha trong gia đình, có khi nào lập khám đường ngục thất để cầm tù con bao giờ. Những điều khổ hạnh ấy là tự nơi con đào tạo nơi mặt thế này, cũng là một trường học để cho con người suy gẫm, tự giác tâm hồn, hầu giải thoát bến mê, tầm đến cảnh thiêng liêng an nhàn tự tại.

Nếu con người muốn an nhàn tự tại nơi cảnh thiêng liêng hằng sống thì phải thực hành y theo Chơn pháp của Đức Chí Tôn.

Ngày nào như sanh trên mặt địa cầu này mà biết tôn trọng và thật hành y theo luật pháp của Đức Chí Tôn cho ra chân tướng thì mới mong thoát khỏi cơ tự diệt, tức là ngày của như sanh chung hưởng mọi điều hạnh phúc của Đức Chí Tôn ban tứ./.

* * * * *

17. Ngày 1-12-Mậu Dần (dl 20-1-1939).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Đền Thánh

Nhơn loại trên mặt địa cầu này do nơi các chơn linh tùy theo căn quả mà luân hồi chuyển kiếp đến cõi trần, thành lập ra một trường học của Đời.

Trong trường ấy có nhiều lớp, và bài vở có nhiều đoạn rất hay ho để cho nhơn sanh phấn đấu cùng nhau mà đoạt cơ tấn hóa đến các bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Con người mỗi hàng phẩm đều có trình độ cao thấp khác nhau, noi theo cái trách nhiệm ấy thi hành cho đặng liễu kết hoàn toàn, phòng lập cao phẩm nhơn tước, hay là thiêng liêng chi vị.

Nói ví dụ, một cái gia đình hoặc là xã hội quốc dân thì có vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bằng hữu, vv . . . Mỗi người đều biết cư xử cho trọn bổn phận, thật hành y theo khuôn luật là phụ tử tử hiếu, huynh đệ cùng phu nghĩa phụ tiết, trưởng huệ ấu thuận, quân nhơn thần trung, ngoài ra còn tình bạn giao thiệp cùng nhau, thì phải gìn lòng thành tín, ấy là đủ tư cách làm người, mới mong mỗi vào trường đạo đức, từ từ noi theo đẳng cấp mà thẳng tiến đến phẩm vị thiêng liêng, tức là cảnh thung dung an nhàn tự tại.

Trái lại, con người ở thế, đã chẳng lo nong nả bước hành trình cho xong mà lại còn chen lấn ồn ào đục vọng theo con đường tăm tối mơ mộng gọi là

thích chí hân hoan, chẳng còn nhớ đến cái phận làm người bao nả.

Than ôi ! Phong di tục dịch, đảo ngược như luân, trong gia đình mỗi người tự do hành động, cha chẳng biết bổn phận làm cha, con không biết hiếu sự là gì, trai gái không thừa mạng mà cũng không phụng mẫu nghi . . . Còn vợ chồng thì sớm đổi chiều thay, không gìn câu tiết nghĩa, luân lý suy đồi, cang thường hư hoại, gia đình như thế thì tức nhiên đã mất quyền vi chủ.

Người đời thì tín ngưỡng theo thế lực kim tiền, ưu thắng liệt bại, yếu thiệt mạnh hơn, khôn còn đại mất. Mảng đua chen trên con đường vật chất hữu hình, không chú trọng đến Thánh đức linh tâm, mượn hành tàng vô nghĩa mà làm cho vừa lòng ái mộ bất lương, tạo khuôn khổ cho đời thành ra trường tự diệt.

Hiện nay, cả hoàn cầu thế giới, như sanh đồng hăng hái bôn xu trên chốn võ đài mà diễn ra một tấn tuồng phấn đấu lợi quyền.

Ôi ! Lương tâm khuyết điểm, chẳng kể gì đến đạo đức tinh thần, cõi đời ngày nay đã trở ra màn chiến tranh loạn lạc, do nơi các cơ trạng tả trên đây, nên Đức Chí Tôn phải đến hoàng khai Đại Đạo, đặng hiệp cả tánh chất lương sanh của con người duy nhứt vào đường chí thiện, trau giồi chơn tánh linh tâm cho trong sạch, mong ngày phản bổn hườn nguyên, hiệp cùng Vô Vi chi Đạo.

Mà muốn thành Đạo Vô Vi thì trước phải dụng cơ quan hình thức đặng làm nấc thang tiến hóa,

nghĩa là mượn chiếc thuyền nhà Nho mà đưa các chơn hồn vào đường Tiên cảnh Phật, nên có câu :

*Phật đạo cũng như hành bộ khách,
Nền Nho ví tựa chiếc đò qua.*

Nếu muốn đi đến Bồng Lai đảo, Niết Bàn đặng làm Tiên, Phật, mà chẳng qua đò nhà Nho thì khó mong lên con đường bĩ ngạn.

Con người sanh ra ở thế, nếu chẳng chen bước đem thân vào đường học cho lấu thông các thứ tuồng đời, đặng giáo hóa đoàn ấu thơ hậu tấn, hay là chẳng đến trường đạo đức mà học hỏi cho rõ thấu các phương châm trọng yếu, tầm hỏi những sự chơn truyền cao siêu của Đạo, đặng làm khách u nhàn thanh nhã, vui cảnh tự tại thung dung, thì đã đành rằng cam phận thiệt thòi chịu khổ hạnh trong chốn lao lung đời đời kiếp kiếp.

Tóm lại, kỳ Hạ nguơn cuối cùng , luân lý cang thường diên đảo, cho nên Đức Chí Tôn giáng trần khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lập thành chánh giáo đại đồng, nghĩa là : cải cựu hoán tân, cải ác tùng lương, chuyển tạo cơ đời cho trở nên thuần phong mỹ tục, tức là qui tụ Thánh đức của loài người lại Thượng nguơn cho thuận lẽ tuần hoàn, châu nhi phục thử./.

* * * * *

18. Ngày 3-3-Kỷ Mão (dl 20-4-1939).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Đền Thánh

Đề tài : Chơn tướng Nho tông (Nhơn Nghĩa).

Kể từ Ngũ Đế đến Võ Vương thì thường dùng bốn chữ : Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, thực hành về phương diện trị an của đời.

Qua đến Đức Khổng Phu Tử thì Ngài chú trọng hơn bốn chữ : Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa.

Ngài tác Xuân Thu, bình chánh vương hóa, ngu bao biếm biệt thiện ác, chỉ rõ hai điều lành dữ, khen chê, để làm phương giáo dục con người cho biết gìn giữ chơn thật, thi hành hai chữ Trung Hiếu cho được hoàn toàn, thì mong vào hành Thần Thánh.

Qua đến thầy Mạnh Tử, thì Ngài tuyển chọn trong điều mục Ngũ Thường, lấy ra hai chữ NHƠN NGHĨA làm căn bản cho mọi sự hành vi.

- **Nói về chữ NGHĨA**, thì hạng nào cũng phải cần yếu trọng dụng. Làm tôi mà biết giữ nghĩa với vua thì mới đáng mặt tôi trung thành, làm con phải biết giữ trọn nghĩa với cha mẹ thì mới trọn nghĩa làm con chí hiếu, anh em biết giữ nghĩa cùng nhau thì mới có tình thương yêu thảo thuận, vợ chồng biết giữ trọn nghĩa thì mới đặng hòa hảo miên trường tạo thành cơ sanh hóa, bạn bè có giữ trọn nghĩa cùng nhau thì mới có lòng cảm hoài tín nhiệm.

Cho nên hạng nào cũng phải thi hành chữ NGHĨA thì mới đủ tư cách làm người.

- **Luận về chữ NHƠN**, làm người phải giữ lòng nơn đức. Đức Khổng Phu Tử dạy đạo Nơn cho được hoàn toàn thì mới có thể vi Hiền vi Thánh.

Chữ NHƠN 仁 gồm chữ Nơn bằng 丩 và chữ Nhị 二, nghĩa là làm người cho dặng trọn hai lần thì mới đủ tư cách làm người ở thế : làm người đối với Trời Đất, và làm người đối với người và vật.

Có câu : *Tu Nơn thành Thần,
Niệm Nơn thành Thánh,
Hành Nơn thành Tiên,
Đức Nơn thành Phật.*

Tóm lại, chữ Nơn là trước hết các việc hành tàng của con người đương nhiên ở thế, cho nên thầy Mạnh Tử dùng hai chữ NHƠN NGHĨA làm căn bản của Nho tông.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn :
*Nơn là đầu hết các hành tàng,
Cũng bởi vì Nơn dân hóa quan.
Dân trí có Nơn nhà nước trị,
Nước nhà Nơn thiết một cơ quan.*

Trong Kinh Sám Hối có câu :
*Làm người Nơn Nghĩa giữ tròn,
Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa.*

* * * * *

19. Ngày 22-10-Kỷ Mão (dl 2-12-1939).

DIỄN VĂN của ĐỨC HỘ PHÁP

Khai mạc Đại Hội Phước Thiện tại Khách Đình Tòa Thánh.

(Mở đúng 8 giờ ban mai, Đức Hộ Pháp truyền tụng Kinh Nhập Hội. Khi tụng xong, Đức Ngài liền lên khai mạc).

Bài diễn văn khai mạc của Qua hôm nay có ý dài một chút, cốt yếu để giáo hóa bên Phước Thiện. Vậy mấy em lóng tai nghe và suy nghĩ cho thấu lý cao xa, để dễ bảo trách nhiệm khó khăn của mình.

Qua đã cho mấy em một dây hàng tâm để nương nó mà đi những bước đường Thánh đức cho khỏi sụt sè bợ nợ, lấy cả triết lý cao siêu của Tạo đoan vi chủ hành tàng thế sự.

Ấy là một bài diễn văn mà mấy em chưa nghe từ thử. Qua chẳng cần phải nói, mấy em cũng vẫn biết rằng : Chí Tôn là Cha của toàn vạn vật, cả cơ tạo đoan chia ra làm hai phẩm giá :

1. Vô động vật.
2. Động vật.

Vô động vật thì bất tri bất năng, vô tri vô giác; động vật thì hữu tri hữu giác, tức hữu sanh, có sanh có tri giác, có lao động, mới có sống, mà sự sống ấy do Chí Tôn vi chủ. Có động vật thì có sanh quang Chí Tôn. Chí Tôn là cha của sự sống, Người ban cho động vật một gia tài vĩ đại hơn loài vô động vật.

Qua chẳng cần thuyết, mấy em cũng đủ hiểu rằng : Cái tánh đức của động vật vẫn là thiên nhiên, còn tánh đức của vô động vật nó đã triêm nhiễm vào

tánh chất của toàn vật loại, nhưt là hạng Hóa nhân nó hóa vô động vật, vì vô động vật là lưỡi biếng, còn lao động là siêng năng.

Hại thay, quyền năng của Chí Tôn lại chia ra hai tánh chất, nên phân ra hai phẩm người : - hạng lao động thì giúp hay Chí Tôn thêm nữa, - hạng vô động thì biếng nhác, duy có thừa hưởng công nghiệp mà an vui gọi là hạnh phúc, nên mới nảy sanh ra trường phấn đấu. Mé lao động coi bên kia như kẻ thù địch, còn bên vô động không chịu làm chi hết mà chỉ kiếm mưu giựt giành cướp bóc, nên mới sanh ra trường hỗn độn tương tranh về sự sống. Cái thuyết quái gở là một món thuộc độc đã làm cho hao mòn tánh đức loài người từ thử.

Vì cơ nên Chí Tôn giải quyết điều ấy.

Lạ chi một đại gia đình có 10 đứa con, chẳng phải giỏi hết, cũng có đứa khôn đứa dại, đứa siêng năng đứa biếng nhác, đứa thì coi sự cực nhọc hơn của mình là cái dại, chẳng cần nghĩ đến sự hèn hạ của mình, nên muốn trên cả mọi người từ miếng ăn, chỗ ngồi, nơi ngủ, mà chẳng hiểu rằng : tài năng mình không biến sanh, phải nương theo người mà sống, vì vậy nên hễ có bù sót của cải ra đặng nuôi ai thì để lòng khi miệt. Còn người bị khi miệt thì giận dữ, nên mới tìm phương giựt giành cướp bóc mà không hiểu rằng : của cải ấy chẳng phải của mình làm ra, đối với anh em trong gia đình ấy, những kẻ siêng năng thì thù địch những người biếng nhác.

Thử hỏi ông cha thấy đứa con nghèo hèn bất

năng ấy, có ghét bỏ chẳng ? Nếu ghét bỏ cho chúng nó chết đói thì tình cha con đâu có, đã biết lấy của đứa siêng năng mà nuôi đứa biếng là điều bất công, nhưng ông cha phải nhắm mắt đánh liều để vậy.

Trên mặt thế, cái khuôn khổ gia đình như trào lưu xã hội, kẻ lười biếng thì nhiều, người siêng năng thì ít, bảo sao đời không biến ra trường tranh đấu, của làm thì ít, tiêu dụng lại nhiều.

Chúng ta thời như đám chim trời, còn lộc ăn như vé lúa rơi xuống đất, con nào lẹ miệng ăn nhiều, giỏi thì no, dở thì đói. Nếu con đói ngược mặt lên trời nói sao Cha không cho ăn để đói, là ngu. Của trên mặt đất này là của chung, của Đấng Tạo đấng. Ngài biến sanh cả cơ quan nuôi vạn vật, ta có quyền hưởng lấy no là như mình giỏi, đói là tại mình dở. No đói, trọng hèn là do nơi tài sức mình, chớ có than trách ai đặng đâu.

Việc phân phát trong khuôn khổ gia đình cũng có nặng nhẹ, sang hèn, nếu cả thấy đều lựa nhẹ bỏ nặng, chuộng sang phụ hèn, thì gia đình ấy ra sao ?

Từ cổ chí kim, vì cơ sanh hoạt mà biến sanh chẳng biết bao nhiêu trường náo nhiệt, ganh lẫn, ghét nơ, thù địch tranh giành mà gây nên trường thảm khốc.

Ấy là một điều khó khăn mà từ thử đến chừ, dầu cho các bậc Thánh nhân cũng không giải quyết đặng.

Qua còn nhớ ông Hoàng Sơn (La Fontaine) khi đầu thai qua Thái Tây, Ngài có viết một bài ngụ ngôn nói về cái Bao tử. Đến sau, nơi xứ Hy Lạp (Grèce), có một hạng người vì giận nhà vua nên bỏ lên núi ở độc

lập một mình, ở đầu non chót núi chớ chẳng chịu về tòng phục pháp luật của nhà vua, vì bọn họ thì cực khổ nghèo nàn quanh năm cuối tháng, chỉ làm lụng để nuôi dưỡng nhà vua sung sướng, nào là cung phi mỹ nữ, đài các nguy nga, nên họ chẳng đại gì mà quì lụy trong xã hội nước Hy Lạp nữa, dầu ai có giảng giải thế nào cũng chẳng chịu về. Buổi đó có một vị đại thần trong triều đình nước Hy Lạp đem bài ngụ ngôn tựa đề Bao tử, lên giải nghĩa, họ mới chịu nghe.

Trong bài ấy có ý nghĩa rằng : Tay chơn muốn tẩy chay bao tử, ngụ ý rằng : mình làm cực nhọc, còn bao tử thì chỉ ở không an hưởng. Mảng nghĩ như vậy nên cả tay chơn đều không làm việc nữa để cho bao tử chết đói, nào dè đâu một hai ngày chẳng sao, qua đến năm bảy ngày bao tử không có ăn, cả tay chơn rữ rịt cử động không nổi, rồi chừng ấy mới biết rằng : nếu bao tử không ăn thì mình cũng phải chết, nên buộc lòng phải làm việc trở lại như cũ.

Vị đại thần lấy ý nghĩa của bài ngụ ngôn mà khuyên nhủ, làm cho các vị trên núi hiểu, nên mỗi người vui lòng xuống núi chung lộn với người phàm thế, bỏ tánh chấp nê thuở trước.

Trong cửa Đạo ngày nay cũng vậy, có người tưởng sao mình làm lụng khổ nhọc mà chỉ để nuôi những kẻ ngồi ngó đặng thừa hưởng, thậm chí cho đến đổi họ tranh đến Chức sắc Thiên phong, từ cái sang, cái áo, cái mũ mà họ chẳng tự biết rằng : mình sẽ làm đặng vậy chẳng, đó là một triệu chứng đê hèn, triệu chứng một sắc dân tự diệt.

Trong gia đình cũng vậy, có đứa cộng từ con số lời lỗ, có đứa ở ngoài ruộng, có đứa chăn chim, có đứa cầm vòng hái, có đứa ngồi trong bếp, mỗi phận sự đều khác nhau, nếu người trong bếp than nóng, người ngoài đồng than nắng, gặt lúa than xót, thì gia đình ấy sanh rối mà chớ.

Đến đây Qua luận về hai cơ quan : Hành Chánh và Phước Thiện. Chính mắt Qua thấy, tai Qua nghe, hễ mấy em nuôi người thì miệt thị người.

Qua viễn kiến trước điều ấy, nên đã làm hiệu trước buổi mới khai Đạo, Qua đã làm Hộ Pháp rồi, nhưng tám chín năm về trước, Qua nào có biết quyền hành Hộ Pháp là chi, Qua chỉ xen lẫn, chia từ hột muối, gánh vác từ phận sự với mấy em để làm gương cho mấy em noi theo. Qua mở Phạm Môn cốt để giáo hóa, tập tâm đức, nên ngày nay mới có khoa mục đăng thi vào cửa Phước Thiện. Qua đã nuôi nấng giáo hóa mấy em từ kẻ rãng chơn tóc, nhưng Qua buồn sao trong trứng nở ra mà không giống hình giống ảnh ?

Năm rồi, nếu không do miệng mấy em thì mấy đứa con gái nhỏ biết đâu mà nói : Không có Phước Thiện thì Cửu Trùng Đài chết đói. Đó là bằng chứng ý nuôi người mà miệt thị người.

Qua nói thật, ngày nào Qua còn thấy như vậy nữa thì Qua nhứt định nâng đỡ Cửu Trùng Đài với hoàn cảnh nghèo hèn, chớ mấy em có làm ra của vạn hộ đi nữa, Qua cũng cấm Cửu Trùng Đài không cho hưởng. Cái trách nhiệm nặng nhọc của mấy em lúc nào Qua cũng phải nhìn nhận, mà chính mình Đại Từ Phụ cũng không bỏ, cần chi mấy em tung hô lên để thị nhục người.

Hữu xạ tự nhiên hương, hà tất đương phong lập. Trái lại, phận sự Qua giao cho mấy em, càng hèn tiện thì càng cao thẳng, càng nhọc nhằn thì càng cao công nghiệp. Nếu mấy em nói rằng : Lãnh phận sự nuôi người là hèn tiện thì nói cho Qua biết đi. Ông Châu Văn Vương là một vị Bá Hầu bị Trụ Vương đày ra nơi Dũ Lý, cũng vẫn làm tròn phận sự. Ông Trương Tử Phòng lập cả giang sơn sự nghiệp, tạo nên danh Hớn mà chẳng hề buổi nào biết mình là công thần, chỉ biết là tá sĩ, tôi của nước Hàn mà thôi.

Mấy em nên cố tâm noi theo gương cao thượng ấy mà làm phận sự. Nếu năm rồi không còn mấy đứa tâm đức thì tất cả mấy em đã nghe lời gièm siểm của thế gian mà thối bước lui chơn, lầm tưởng rằng : không có mấy em thì Hội Thánh sẽ chết đói.

Qua cho mấy em hiểu rằng : không bao giờ đói đâu, vì Đạo là nguồn nước thiêng liêng của Chí Tôn chẳng hề cạn, không có giọt nước này thì cũng có giọt nước khác; có mợ thì chợ cũng đông, không mợ thì chợ cũng không bữa nào.

Trong cửa Đạo cũng không cần, không thỉnh mà cũng không xua đuổi, không bạc đãi, muốn ở thì ở, muốn đi thì đi, làm được thì làm, không thì trừ bỏ, chớ đừng trách rằng : Bề trên ép buộc.

Chính Qua chưa ép ai, mà ông Trần Khai Pháp cũng chưa ép ai. Muốn trọng thì cao trọng, bằng không thì tùy ý, đừng ở trong cửa Thánh mà làm cho đê hèn nhục nhã thì uổng công lắm./.

* * * * *

20. Ngày 29-5-Canh Thìn (dl 4-7-1940).

ĐỨC HỘ PHÁP thuyết đạo tại Báo Ân Từ.

Có nơn nghĩa mới gọi là thương yêu chơn thật, nếu không có nơn nghĩa là thương yêu giả dối.

Đức Chí Tôn buộc con người phải thương yêu, nơn nghĩa theo Thánh ý của Đức Chí Tôn mà thôi.

Nhắc tích : Lý Trường Canh và Lý Ngư Tinh là hai anh em bạn đồng mền với nhau, hằng ngày ở nơi núi hải đảo mà tu niệm. Một ngày kia Đức Quan Âm tính xuống rước hai người về Tây phương, mới giả là một người đàn bà chèo chiếc ghe nhỏ đi bán hoa quả, chèo ngang qua núi hải đảo rồi rao lên bán.

Lý Trường Canh muốn tu mà thoát kiếp thì thôi chớ không cần ăn uống chi cả. Lý Ngư Tinh chịu không nổi, mới kêu lại mua ăn, thì Đức Quan Âm hiện hình tại nơi đó mà rước Lý Trường Canh, là Lý Giáo Tông, đem về Tây phương; còn Lý Ngư Tinh bị ăn mà thành ra con cá ông ở dưới biển.

Về trên, Lý Giáo Tông mới kêu nài cho Lý Ngư Tinh, thì Đức Phật Như Lai cho Lý Giáo Tông một đồng tiền điếu, biểu xuống cột câu Lý Ngư Tinh.

Lý Giáo Tông câu, Lý Ngư Tinh chạy lại ăn. Đức Lý Giáo Tông mới đem về cho Đức Phật Như Lai. Quái lạ, về đến đó mà còn ngậm đồng điếu ấy trong miệng mãi. Đức Phật Như Lai nói : Cái tánh tham của người cho đến đời mà cũng không chừa.

Đức Phật quả một câu mà phải trở xuống biển làm lại con cá ông cho đến bây giờ./.

21.

ĐỨC HỘ PHÁP THUYẾT ĐẠO

Đề tài : Giải nghĩa Thất Đầu Xà, bảy nọc độc của rắn.

Hỷ, Nộ, Ai, Lạc, Ái, Ố, Dục ở trong châu thân của con người.

Phàm con người ở thế, từ ngôi thiên tử cho đến hàng thứ dân, ai cũng có đủ 7 cái tình ấy tất cả, nhưng do người biết độ lượng cho vừa theo bực trung thì mới khỏi hại đến châu thân và sự nghiệp.

1. Chữ *Hỷ* là mừng :

Con người khi gặp việc đáng vui mừng thì cũng phải trầm tĩnh như thường, chẳng nên mừng thái quá mà biến thành sự hại.

Ví dụ như ông Trình Giảo Kim, nghe tin dòng họ Tiết (Tiết Giao, Tiết Quì) phò Lý Đáng, đem binh về phục nghiệp Đường trào, trừ Võ Hậu, thì ông ta mừng quá độ, phát thình đại tiểu, cười ngất cho đến tắt hơi. Ấy là mừng quá mà chết. Đời nay cũng có kẻ trúng số độc đắc mà chết.

2. Chữ *Nộ* là giận :

Con người vì giận quá mà sanh hại đến gia đình, hoặc bị tội tù là khác, nên có câu : *Nhứt nộ sâu tâm khởi, bát vạn chướng môn khai*. Nghĩa là : Một phen giận nổi lên thì tám vạn nghiệp chướng sanh ra, có thể làm tiêu nhà hại mạng, đến khi biết sự chẳng

lành, tỉnh lại ăn năn thì đã muộn lắm rồi, nghĩ thôi đáng tiếc.

Ví như ông Châu Công Cẩn lâm mưu Khổng Minh Gia Cát Lượng mà nộ khí xung thiên, đến nổi thổ huyết lâm lỵ mà chết. Ấy là một gương nêu cho đời nên lưu ý. Còn nhiều sự giận mà chịu khổ hình.

3. Chữ Ai là buồn :

Ấy cũng là một điều hư hại đến thân thể và trí não tinh thần. Có nhiều người gặp việc sanh ly tử biệt hay là đấu lực tranh tài mà chẳng may thất bại thì cũng buồn thảm đến lỵ thân.

Ví như Thạch Sùng đầu của nhà giàu mà thiếu mề kho, phải chịu trâu phục gia tài, rồi ông buồn rầu mà thất chí đến lỵ thân. Ấy là sự buồn rầu mà đến hại lớn, đáng làm gương cho người sau, nếu khi gặp cảnh chẳng may thì phải có năng lực đạo đức tinh thần mạnh mẽ làm kế bảo tồn, tức là phương an ủi tâm hồn mát mẻ.

4. Chữ Lạc là vui :

Sự vui vẻ hân hoan khoái chí, sự vui vẻ phải có chừng mực thì mới tránh khỏi các điều tai hại biến sanh. Có câu : *Cực lạc sanh bi*, hễ sự vui thích quá độ thì trở nên buồn thảm. Điều ấy vẫn hiển nhiên.

Ví như Trụ Vương Ân Thọ, đắm mê nàng Đắc Kỷ, vui say tửu sắc, đến nổi mất nước tiêu nhà và hại mạng. Sự vui chơi của ông có lắm điều tàn ác, nào là chế bào lạc hại quan trung thần, nào là lập sái bôn, tửu trì nhục lâm sát hại cung nga thể nữ, vui cho đến

mất cả cơ nghiệp vua Thành Thang, làm cho bá tánh điêu tàn, sanh linh đồ thán, làm cảm động lòng Trời. Ấy là sự vui chơi mà mắc tội Thiên đình.

5. Chữ Ái là thương yêu :

Có câu : *Ái nhơn như ái kỷ*, nghĩa là : thương hết mọi người như thương mình vậy, mới gọi là bác ái. Bác ái là rộng thương, mà thương vì công bình chánh trực, nhơn nghĩa, đạo đức tinh thần, thương nước thương dân, chớ không phải thương riêng vì cá nhân vật chất, hay bợ đỡ nịnh hót mà thương, hoặc thương vì ái tình tài sắc, trong sự thương giới hạn phân minh, mới tránh khỏi những điều tai hại.

Có tích xưa đời Tam Quốc, ông Đổng Trác và Lữ Phụng Tiên, đã có kết nghĩa minh linh dưỡng tử, mà vì ái tình với một gái Điêu Thuyền, đến đôi cha con giết hại lẫn nhau. Ấy là do nơi dây tình ái mà điêu tàn chết thảm.

Còn nhiều người tài hay phá núi lấp sông, văn chương trí huệ, mà chẳng vì đạo đức, mắng lo sa mê sắc dục, thương yêu ái tình, mà phải hư thân hại thể.

6. Chữ Ố là ghét :

Người tu hành không nên chất chứa sự ghét trong tâm, vì sự ghét giận mà sanh ra thù nghịch lẫn nhau cho đến tàn hại nhau mà gây thành dây oan trái trả vay đời đời kiếp kiếp.

Nên Đức Chí Tôn có dạy rằng : Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam thập lục Thiên đặng mà vào

Bạch Ngọc Kinh, còn sự ghét là phương tà mị, nó làm cho lòng người chia rẽ, mất dây đoàn thể, cốt nhục phân ly cũng do sự ghét.

Vấn đề chữ Ó, nó làm cho lòng người nhiều điều tai hại nói không cùng.

Tóm lại, chỉ nhớ một câu của Thầy dạy rằng :
Từ đây các con chẳng đủ sức thương yêu nhau thì cũng chẳng dặng ghét nhau.

Sau lại có câu phương ngôn của Thầy rằng :
*Thương người khác thể thương thân,
Ghét người khác thể vun phân cho người.*

7. Chữ Dục là ham muốn :

Không nhầm, người có một trăm muốn, một ngàn muốn, muốn hoài không dư, nào là muốn nhà cao lầu rộng, áo đẹp vợ xinh, đồ ăn mỹ vị, muốn thế nào cho được giàu sang trên thiên hạ. Các điều muốn ấy là về sự ích kỷ. Nếu được một tấm lòng tham muốn về đạo đức nhưn nghĩa, ích nước lợi dân, ấy là sự muốn trở nên cao thượng.

Tóm tắt lại, sự dục vọng của con người rất bao la quảng đại, đến khi còn một hơi thở cuối cùng mà mọi điều tham muốn cũng chưa đầy đủ, nên có câu :
Nhân tâm bất túc xà thôn tượng, thế sự đảo đầu đường bộ thiên. Nghĩa là : Lòng người chẳng đủ như rấn vuốt voi, việc đời cũng cùng tận chẳng khác châu chấu bắt ve. Cũng vì lòng tham muốn mà rốt cuộc mạnh yếu sang hèn tương tàn tương sát.

Kết luận :

Thất đầu xà là 7 cái đầu rắn độc, nó lẫn lộn trong châu thân của con người, gọi là Thất tình. Cái độc của nó có thể hại người vô số, các bậc lương y vô phương điều trị, chỉ có một phương là dùng đạo đức tinh thần mới có thể trừ được 7 cái nọc độc của nó mà thôi. Vậy ta nên cần tu để làm tiêu nọc độc của rắn, ấy là một bài thuốc quý giá đó.

(Khi Đức Hộ Pháp ngồi trên ngai Thất đầu xà, hai chơn đề lên hai chữ Nộ và Dục, hai tay đề lên hai chữ Ai và Ố, lưng dựa vào ba chữ Hỷ, Ái, Lạc.)

Diễn Văn và Thuyết Đạo (1928-1940) của Đức Hộ Pháp
do Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng sưu tầm và trình bày.



PHỤ LỤC

- * Đức Hộ Pháp xuất chơn thân lên CLTG.
- * Thiên Thai kiến diện (1927)
- * Rapport adressé par le Sacerdoce Cao-daique. . . (1937) (Song ngữ Pháp-Việt)

PHU LUC ①**ĐỨC HỘ PHÁP xuất chơn thân lên
CỰC LẠC THẾ GIỚI.**

“ Lúc mở Đạo ở Nam Vang (Tân quốc), vào năm Đinh Mão (1927), Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc xuất chơn thân lên đến Cực Lạc Thế Giới (CLTG) thấy chơn linh Ngài Thái Thơ Thanh đang trấn giữ cửa CLTG, nên thuật y câu chuyện lại cho Ngài Thái Thơ Thanh nghe như vậy :

Đương lúc mơ màng, chơn thân liền xuất đi, thấy ngồi trên một cái xe ngựa, day qua thấy cảnh Thất thập nhị Địa, qua đến Tứ Đại Bộ Châu, nhìn thấy Đức Chí Tôn đứng trên Tòa Kim Khuyết, Đức Lý Giáo Tông cũng đứng trên bàn, kế Chúc sắc Thiên phong, mấy vị Đạo tâm đứng hầu Ngài.

Chừng sắp trận Đại chiến với Quỷ Vương trên Thiên đình, Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thắng trận, chúng Quỷ đều chạy tan vỡ, rồi kéo nhau qua Cực Lạc Thế Giới (CLTG), chừng đến cửa Niết Bàn thì thấy Ngài Thái Thơ Thanh cầm bửu kiếm ngồi trên lưng con Kim Mao Hửu, trấn thủ CLTG.

Lúc ấy Đức Hộ Pháp hỏi Ngài Thái Thơ Thanh rằng :

- Anh về trên này hồi nào vậy ?

Ngài Thái Thơ Thanh trả lời :

- Tôi phải về trước để rước chư Hiền hữu.

Đức Phạm Hộ Pháp ngó ra ngoài thấy các vị Đại Đức đứng lao nhao lối nhỏ, đoàn ba lữ bảy, đến yêu cầu Ngài Thái Thơ Thanh cho họ nhập vào Cực Lạc Thế Giới.

Ngài Thái Thơ Thanh không cho ai vào cửa hết, làm Đức Hộ Pháp động lòng, hỏi rằng :

- Tại sao Anh không cho họ vào ?

Ngài Thái Thơ Thanh trả lời :

- Ngài không nhớ hồi đó chúng ta độ họ không đặng sao ? Nếu người nào không nhập môn làm môn đệ của Đức Chí Tôn thì không thể gì vào được, vì các đạo giáo đều bị bế, chỉ có Đại Đạo Chánh Truyền dưới quyền của Di-Lạc Vương tận độ thì mới vào được mà thôi, mà điều trọng yếu hơn hết là không có lệnh của Ngọc Hư Cung, tôi đâu dám cho họ vào. Nếu tôi cho vào, họ bị cây Giáng Ma Xử của Anh thì Anh nghĩ sao ? Không cho họ vào là cứu linh hồn của họ vì họ có công tu. Nếu cưỡng lại mà cho vào thì họ sẽ bị lửa Thái Cực trong chữ VẠN đốt cháy ra tro mạt, mình lại có tội nữa mà chớ.

Tốt hơn hết là để họ trở lại Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mà đợi thời gian, rồi họ sẽ tái kiếp tu hành, rồi về sau. Hữu duyên mới gặp Tam Kỳ độ.

Đức Phạm Hộ Pháp ngó vào cửa Cực Lạc Thế Giới thấy chữ VẠN quay cuồng trông như cái chong chóng, hào quang chiếu diệu sáng ngời. Không có lệnh cho vào, mà chơn linh nào vào gần đó thì bị đốt tiêu ra tro mạt.

Nên thăm thương thay cho các vị Đại Đức đã dày công tu luyện mà khi về đến cõi Tây phương, chẳng dặng nhập vào cõi Cực Lạc Thế Giới.

Nên họ phát ra nhiều tiếng rên siết râm rĩ, họ xúm nhau, đoàn năm lũ bảy, kẻ thì tụng kinh, người thì đánh chuông cầu nguyện, kẻ đánh mõ vang dậy.

Phần thì con Kim Mao Hẩu há miệng nhận rằng le lưỡi rất dữ tợn, nên không vị nào dám đến gần cửa Cực Lạc Thế Giới.

Ấy là đúng theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn đã tiên tri hồi mới Khai Đạo năm Bính Dần (1926) : “ Các Đạo bị bế lại, thăm thương cho các con, tu có công mà thành chẳng dặng. Nếu không đi vào con đường Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì không thể gì nhập vào Cực Lạc Thế Giới cho dặng ”.

Chừng tới giờ Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kéo cờ về tới cửa Cực Lạc Thế Giới, thì Ngài Thái Thơ Thanh, ngồi trên lưng Kim Mao Hẩu, tay cầm bửu kiếm, chỉ ngay chữ VẠN thì cửa Cực Lạc Thế Giới hóa ra to lớn rộng rãi vì chữ VẠN đã ngừng quay. Đức Hộ Pháp dẫn đầu đi vào trước, kế là những vị của Đại Đạo Tam Kỳ và Đức Lý Giáo Tông tiến vào, sau mỗi vị đều có dấu hiệu cờ cùng sắc phục khác nhau.

Lần lượt liên tiếp, Đức Lý Giáo Tông dẫn vào 9 ức nguyên nhân, chừng vào xong, kiểm soát lại, Đức Hộ Pháp nghe trong Niết Bàn hô lớn lên rằng : Còn thiếu một ức nữa.

Đức Hộ Pháp vội vàng muốn trở lại trần gian đặng độ tiếp cho đủ, thì có lệnh của Đức Chí Tôn phán rằng :

- Không hề chi đâu con, cứu nhĩ ức nguyên nhân mới độ về có 9 ức, thì lần lượt sau cũng độ hết đặng.

Chừng nghe xong, Đức Hộ Pháp mới yên lòng.

Nhưng còn nghe văng vẳng bên tai rằng : “ Phương pháp độ rồi chỉ khuyên lớn các chơn linh, dầu Nguyên nhân hay Hóa nhân, đoạt được chữ HÒA với chữ NHÂN, mới về cửa này được. Dầu cho vạn kiếp sanh dày công tu luyện mà còn ganh ghét thì sẽ bị vào tay Chúa Quỷ, không trông mong gì về cùng Thầy được.”

Đến đây, Đức Hộ Pháp ghi nhớ tỉ mỉ, để rồi biên chép lại cho các Chức sắc Kim Biên xem và đem về Tòa Thánh Tây Ninh cho Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh biết rõ tự sự.

Đức Ngài dạy sao ra nhiều bổn để lưu truyền đến ngày sau trau thân học Đạo.

* * * * *

PHU LUC ②*Thiên Thai kiến diện*

* * * * *

Thiên Thai kiến diện, còn được gọi là : Tam thập lục Thiên du ký, là một tác phẩm thi văn của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, viết tại Hộ Pháp Đường vào năm Đinh Mão (1927), gồm 77 bài thi thất ngôn bát cú Đường luật, ghi lại những điều mắt thấy tai nghe khi Đức Ngài xuất chơn thân lên ngắm cảnh Thiên Thai nơi cõi thiêng liêng.

1. Ngoài áng Đào nguyên sấn bước vào,
Thiên Thai Tiên cảnh trước cao cao.

Mây lành phủ động làm khuôn cửa,
Tông rậm bao cung giống mặt rào.
Hạc đạo đón đưa bay xạo xự,
Nai tăng tiếp rước chạy lao xao.
Tùng trời lững đững ngàn muôn kẻ,
Cười nói mừng vui đến miệng chào.

2. Miệng chào lại nhủ mặc Tiên y,
Mời đến Rừng Tre hội cuộc kỳ.
Bảy Lão nhắc tình già dẹo cẳng,
Ba Bà hỏi việc mụ ham thi.
Đài trắng chị Nguyệt đem cho ngọc,
Cửa gió chàng Liêm dạy khảy tỳ.
Cúc, Trước, Mai, Lan hầu thết đãi,
Tiêu thiêu nhạc thổi, khách nâng ly.

3. Nâng ly vừa cạn hạc reo vang,
 Rằng chiếu đòi ông đến Điện Vàng.
 Buối hiệp chưa cùng lời ấm lạnh,
 Cơn lìa khó nín lụy hòa chan.
 Đưa chơn còn để lời căn dặn,
 Nương tục đừng quên mắt ngó ngang.
 Kìa túi càn khôn vừa hé miệng,
 Lầu lầu tứ hướng hóa giang san.
4. Giang san in vẽ đẹp như thêu,
 Ngảnh lại trung ương thấy chẳng đều.
 U ám mập mờ lòng thảm đạm,
 Thúi hôi nhơ nhớp cảnh điêu hiu.
 Một làn ác khí bao chằng chịt,
 Muôn xác tinh ma nhẩy dập dùi.
 Nghĩ sợ hỏi đon còn nợ giọng,
 Nơi này phép Phật gọi danh kêu ?
5. Danh kêu là tục, gọi trần hoàn,
 Ác khí làm giếng buộc trái oan.
 Ma thịt quỷ hồn chôn xác chết,
 Tà thần tinh quái nuốt xương tàn.
 Bờ sông chín ngọn còn in nước,
 Cửa ngục mười đình khó đặt an.
 Chờ bóng thái dương lên chính giữa,
 Soi vào đọa nghiệp mới tiêu tan.

6. Tiêu tan tận thế ất đời rồi,
 Nghe sợ hãi hồn phải nín hơi.
 Mờ mệt nửa say rồi nửa tỉnh,
 Ngẩn ngơ hòa đứng lại hòa ngồi.
 Thương người nghĩ bạn lòng chua xót,
 Tưởng vợ vì con dạ ngậm ngùi.
 Nài nỉ xin đình ngày tận diệt,
 Hầu lo độ rồi phỉ tình tôi.
7. Tình tôi lai láng lụy tuôn dầm,
 Vừa ngó lại nhìn cảnh tối tăm.
 Một trẻ tiểu đồng phò Phát chủ,
 Đôi nàng Tiên nữ quạt hương trầm.
 Xe mây bốn chỗ vừa người dựa,
 Ngựa tuyết năm con thiếu kẻ cầm.
 Đổ tiếng chuông khua muôn tiếng kiểng,
 Lên đường không khí bước xăm xăm.
8. Xăm xăm năm ngựa gió mây đưa,
 Ba bậc vừa lên có kẻ ngựa.
 Con gậy tay cầm râu tóc bạc,
 Cái nhà lá lợp cửa song thưa.
 Cờ vàng quán mãng mang y đạo,
 Nai trắng nương lưng gác vỏ lừa.
 Rằng chiếu Ngọc Hư sai mở ngõ,
 Địa Thần châu chực rước người xưa.

9. Người xưa quen thuộc đến đây đây,
 Phong cảnh như mình có ở đây.
 Muôn xóm trông xa lònóc lũy,
 Ngàn dâu đứng cận rõ hình cây.
 Thú cầm nườm nượp bay thông thả,
 Non nước trong veo trải đầy đây.
 Người có vợ chồng con cháu đủ,
 Rần rần rộ rộ góc trời Tây.
10. Trời Tây mãn nhãn góc qua Đông,
 Nhà ít người thưa bỏ ruộng đồng.
 Gái lịch trai thanh nên Đạo cốt,
 Mụ thơ lão trẻ rất Tiên phong.
 Thanh tao nhạc phụng trên dương liễu,
 Chát chúa kèn nai dưới bá tông.
 Vật thực đủ mùi không khí húng,
 Có ăn có mặc rất thông dong.
11. Thông dong trở mặt góc qua Nam,
 Người chẳng phải Tiên ắt chẳng phàm.
 Muốn đặt lọc Trời, lời chẳng thốt,
 Tóm trâu của đất, sức không làm.
 Một câu khấn nguyện công đầy đủ,
 Trăm họ an nhàn lợi hết tham.
 Nêu phước Tiêu diêu làm chủ quỷ,
 Chiếm quyền bốn hướng một mình cam.

12. Cam day hướng Bắc xét cho cùng,
Thấy lửa lấy lòng trận khói un.
Cảnh vật bề khua nghe lớp cốp,
Thành đài hư nổ tiếng đùng đùng.
Trên hầu Chúa quỷ người ba mặt,
Dưới quỷ âm hồn tướng bốn lưng.
Cây cỏ thú người đều trở ngược,
Gươm đâm tên bắn chết trùng trùng.

13. Trùng trùng oan quỷ chạy lao xao,
Thấy khổ lòng ta bắt nghẹn ngào.
Cõi tục can qua dầu phải rứa,
Xứ Thần tai ách có vậy sao ?
Dòm quanh buồn kiếm ông già sọm,
Ngó trái mừng nghe tiếng má đào.
Ngược mặt nhìn tường xem chẳng lạ,
HP : Hỏi rằng bạn đến trước hồi nào ?

14.

BYTN : Hồi nao chàng hỏi chị bên kia,
Sảng sốt day qua ủa lạ kia !
Thật quả tri âm cười chúm chím,
Vội nhìn cố hữu hỏi lia lia.
Rằng nơi trần thế chàng không đoái,
Noi bước non Tiên thiệp chẳng lia.
Ba lượt Thiên Thai cầu mở lối,
Từ đây thăm sốt với buồn chia.

15. Buồn chia thảm sốt chẳng nên hồi,
 Vinh hiển nay mình đã đặng ngôi.
 Bỏ lúc nhớ thương quên nhắc đến,
 Gặp khi hội ngộ vội khuyên ngôi.
 Mây bay rửa mặt mưa tuôn đổ,
 Ngựa chạy rùn mình nước cuộn trôi.
 Áo lạnh trầm hương hơi ấm ẩm,
 Thân dầm Phát chủ quạt khô rồi.

16. Khô rồi sẽ thoát đến trời vàng,
 Bốn mặt nghiêng mình đến hỏi han.
 HP : Phong cảnh trải qua xin khá tỏ,
 Căn do hiểu thấu nói cho tàng.
 BYTN : Rằng ngôi địa chủ lo sanh hoạt,
 Ấy phẩm Thần Hoàng định loạn an.
 Lành dữ thưởng răn coi quả báo,
 Rồi đây ta rõ máy hành tàng.

17. Hành tàng ví biết lẽ cao sâu,
 Đến phẩm Nhơn Thần cũng chẳng lâu.
 Ba hiệp trời vừa qua tối sáng,
 Bốn phương mây lại biến thành lâu.
 Trước thêm có lão ưa nương gậy,
 Bên cạnh thêm người đứng vượt râu.
 Mở tượng Âm Dương đưa giữ xuống,
 Rõ ràng cảnh vật khác đâu đâu.

(Viết tắt : HP : Hộ Pháp. BYTN : Bạch Y Tiên Nữ.)

18. Đâu đâu Thiên Địa cũng đồng khai,
 Bảo bước xuống xe đến dịch đài.
 Dài ngắn tư bề ngăn đủ chín,
 Thấp cao ba bậc cất chia hai.
 Đưa lên một phép thâu đài thấp,
 Thấy trước nhiều ông mặc áo dài.
 Binh khí bên mình khua rồn rồn,
 Mỗi viên hầu hạ một vài trai.
19. Vài trai đến gọi nói chi chi,
 Trỗi bước ai ai đến tức thì.
 Biết mặt, tánh danh chưa biết chắc,
 Tưởng mình quen thuộc cũng e khi.
 Máy người nhắm dạng đều oanh liệt,
 Bốn đứa đi xe cóm róm quì.
 Mau miệng khuyên rằng đừng quá lễ,
 Hễ cao phẩm vị đã cao nghi.
20. Cao nghi gìn bước trước hoà sau,
 Như các viên quan buổi tựu trào.
 Đài thượng đồng xem qua Bắc Đẩu,
 Ngôi sao đang chói thấu Nam Tào.
 Hàng hàng binh ngóng tờ Thiên chiếu,
 Ngũ ngũ quân hầu tướng một đao.
 Rộn rục tới lui xem lối số,
 Da vàng sắc nước giống người Tàu.

- 21.** Người Tàu lại lộn với người Tây,
 Một việc xui mưu đến bốn thầy.
 Liệng giáo buông khiên binh đổ dũ,
 Sa cơ thất trận tướng ra ngây.
 Đói cơm khát nước hơi than dậy,
 Kiếm vợ tầm con máu đổ đầy.
 Có trẻ nhỏ trai răng trắng đến,
 Nơi nơi lạng lẽ hết đua tài.
- 22.** Đua tài bay liệng giữa thình không,
 Năm hướng xôn xao biết mấy rờng.
 Phun sáng hào quang mây trở trắng,
 Chiếu vàng diệu thể đất nên hồng.
 Lọng tàn vui rước người ba miệng,
 Nghi trượng hoan nghinh mắt một trông.
 Vùn vụt Câu Tiên quơ mỗi hướng,
 Nhon sanh khâm phục khắp Tây Đông.
- 23.** Tây Đông đến học chữ thanh nhàn,
 Ham đặng oai quyền chiếm một phang.
 Đạp đất thành vàng nên cửa báu,
 Thổi tro cát lũy sửa nhà an.
 Thành thơi biển rộng ngư mừng nước,
 Thanh tịnh rừng sâu thú lập làng.
 Người hưởng thái bình cơm cứng miệng,
 Nam mô xúm tụng tiếng nghe vang.

- 24.** Nghe vang tiếng sấm nổ bên tai,
 Dị diệu bay lên liệng cả bầu.
 Mỏ ngậm lửa hồng lôi điển nhoáng,
 Đuôi lửa thủy quái vỡ phong gây.
 Chờn vờn xé đất yêu gài rọ,
 Lấn bản ngăn sông quỷ đóng chài.
 Túng tít lại cầu người chẳng tiếp,
 Giao long chín miệng cắn nhai thây.
- 25.** Nhai thây còn sót cũng nhiều người,
 Bị trận mê hồn chết ngộp hơi.
 Lĩnh ghình thây phơi nằm chặt đất,
 Loi nhoi hồn chạy khóc long trời.
 Có người đầu khỉ mang đai sắt,
 Hóa phép Thiên lung chiếu bóng người.
 Che bớt nạn tai người sống rồn,
 Dem vào Nam gửi để an nơi.
- 26.** An nơi Tây lại trở sang Đông,
 Cửa nát nhà tan đổ chập chồng.
 Biển loạn bốn phương thành nhốt cá,
 Nước tràn khắp chốn núi doanh rỗng.
 Thuyền trôi lố xố người trần lỗ,
 Tuyết bủa giăng giăng thú lạnh lùng.
 Sấm nổ động trời soi lũng đất,
 Tiêu tàn cảnh vật ngó không không.

27. Không không Nam hiện tướng cầm
cung,

Đẹp dễ như gương chiếu khí hùng.
Võ cánh phía Đông qua thoát thoát,
Đưa tay tướng mạnh đến trùng trùng.
Lấp tên bắn biển loài người phục,
Trỗi tiếng kêu non cảnh vật tùng.
Cầm ấn Tử Vi đưa chói rạng,
Đem giao quyền phép một người lùn.

28. Người lùn vừa thọ tướng vừa tiêu,
Cảnh vật u thâm giống cảnh chiều.
Ngào ngạt trầm hương bay phưởng phất,
Lạnh lùng gió tuyết thổi hiu hiu.
Bồi hồi ngược mặt trông người hỏi,
Dịu ngọt vỗ mình có tiếng kêu.
Bốn mặt quen nhìn còn đủ bốn,
Bao nhiêu khách lạ mắt đều đều.

29. Đều giăng tay dắt xuống thang lầu,
Đồng bước lên xe mới ngó nhau.
Cuộn cuộn vằng mây bay thoát thoát,
Lia lia vó ngựa nhảy mau mau.
Đậm màu xe tuyết đường sơn đỏ,
Ngó mặt Tiên nương ứng má đào.
Vui miệng hỏi rằng Thần phẩm ấy,
Quyền hành chuyển thế mới ra sao ?

- 30.** Ra sao chẳng kể thốt nên lời,
 Nàng bận áo xanh trước dĩ hơi.
 TYTN : Danh tiếng đã thừa cùng mặt đất,
 Nghề trây muốn trải nửa lừng trời.
 HP : Thừa rằng quen thói e hư nét,
 Dọa bọm làm nghiêm sợ chán đời.
 Nghĩ cỗi Bồng Lai xưa mấy mặt,
 Còn tôi bao nả dám làm hơi.
- 31.** Làm hơi hại mấy mặt hồng nhan,
 Gheo kẻ riêng thương đặng phụ phàng.
 Dưới bóng trăng thanh dầu lánh tội,
 Trước gương Minh Cảnh có liên can.
 Sông mê tính rửa bao hàng lệ,
 Biển ái bỏ trôi mấy đoạn tràng.
 Thánh chất ví trên không đỡ vững,
 Bên mình đeo đuổi mấy hồn oan.
- 32.** Hồn oan mấy chị trước ra sao ?
 Hai thiếp nay đây có khác nào.
 Những ước giao lê càng đổi lệ,
 Mong nguyên cỗi hạc lại ngôi lao.
 Nhớ ơn giải cấu trau gươm huệ,
 Chặt mối oan khiên trở Động đào.
 Tuy biết phàm duyên là tục trái,
 Nay nhìn tận mặt nghĩ càng đau.

(Viết tắt : TYTN : Thanh Y Tiên Nữ).

33.

BYTN : Càng đau chị lại nói ra chi,
 Nông nổi em đây mới lạ kỳ.
 Cõi thọ nay gìn câu phước hạnh,
 Non thê còn nắm chữ ai bi.
 Màu hồng chàng nhuộm cho nên trắng,
 Ngọc quý người quăng đến phải tì.
 Dệt gấm hồi văn chưa đủ mấy,
 Hơn ngồi trêu ngậm tẩm tình si.

34.

HP : Tình si hai chị đổi bao sầu,
 Trở trách anh chừa nổi bực đau.
 Giấc điệp toan phương xây túy giấc,
 Cầu Lam đổi nhịp sửa Ngân cầu.
 Sông Tương đổ ngọc làm cam lộ,
 Đảnh Giáp trau châu cất phụng lầu.
 Chia miếng muối dưa chưa đủ đạo,
 Thà đừng thế giới đứng chung bầu.

35. Chung bầu nhứt nguyệt mới chung xe,
 Đùng nói chi chi phép nấu chè.
 Hỏi phẩm Nhơn Thần dầu chẳng nói,
 Chắc nghề Thổ Táo quyết không nghe.

TYTN : Rằng quyền thay đổi căn nhân sự,
 Gia đạo hưng suy nghĩa bạn bè.
 Nghiệp đế cố vơon gây đảng phái,
 Văn tài chí sĩ lập nên phe.

36. Nên phe thần tướng kéo đi đâu,
 Hễ đến ngang xe cúi gập đầu.
 Khí võ hùng hào mang mào giáp,
 Oai phuông lẫm liệt xách qua mâu.
 Linh quang chiếu diệu hình pha ngọc,
 Pháp lực cao cường gót phún châu.
 Quân lính nghiêm trang hàng ngũ chỉnh,
 Ngựa voi rần rộ trót giờ lâu.

37. Giờ lâu mới thấy dạng lâu đài,
 Phép tắc Ông Già gẫm thật hay.
 Đứng chót tháp cao coi dạng vắn,
 Thấy xe vừa cận trỗi cười dài.
 KT : Rằng râu tóc bạc tuy ra lão,
 Nghĩ sức anh hùng cũng sánh trai.
 Lập bảng Phong Thần ta chủ khảo,
 Càn khôn biết mặt gậy cùng nai.

38. Nai vừa vụt nhảy giữa thình không,
 Bát Quái đồ xây đủ chín vòng.
 Tứ hướng trung ương hầu Ngũ Nhạc,
 Thiên binh thần tướng đứng ngàn trùng.
 Sáng lòa sấm nổ hào quang chiếu,
 Luân chuyển đất trời trận gió đông.
 Bát Quái Đài xây đầy bửu pháp,
 Đứng trên điều khiển có Lô Công.

(Viết tắt : KT : Khương Thượng).

- 39.** Lôi Công trở ngoắt ngựa xe bay,
 Dem bốn đũa tôi đến chót đài.
 Rằng trước cho coi quyền giúp phước,
 Rồi sau tỏ rõ phép gieo tai.
 Kim Quang hiền hữu tua ra sức,
 Điền Mẫu muội nương khá trở tài.
 Phút chốc càn khôn nên sáng suốt,
 Máy linh cơ tạo thấy đều khai.
- 40.** Đều khai Ngài múa cặp roi thân,
 Chớp nhoáng hào quang chiếu sáng trăng.
 Thế giới ba ngàn qua có lớp.
 Địa hoàn bảy lẽ đến từ tầng.
 Bộ Châu bốn cõi người đều đủ,
 Điện ngọc cửu duyên Thánh đứng tuần.
 Xin trước xem Nam cho thỏa mắt,
 Rồi sau các hướng tới lần lần.
- 41.** Lân lân thế giới xẹt kim quang,
 Bát Quái Đài xây giống địa bàn.
 Vừa đứng ham xem màu cảnh vật,
 Thoạt trông mừng quá vẻ giang san.
 Cảnh vui thú đẹp người hiền hậu,
 Nghiệp khéo nghề hay nước lạc nhân.
 Một mối thương tâm còn buộc dạ,
 Vì nhiều kẻ khó rách lang thang.

42. Lang thang lướt thướt bắt đầu lòng,
 Kêu Đấng Phước Thần hỏi bớ ông ?
 Ông nắm quyền ban, ban chẳng khắp,
 Ông cầm phép thưởng, thưởng không đồng.
 Để qua các hướng xem ba chỗ,
 Gầy lộn hai ta tính một sòng.
 Thường nói phước này thường ghét lộc,
 Cho hay phước lộc chẳng đồng công.
43. Đồng công khó hiệp Đạo cùng Đời,
 Nhơ xác tinh thần hết tốt tươi.
 Ví tính cầm quyền toàn trái đất,
 Đừng lo nâng phạt một phương trời.
 Nghiệp nghề đời Lỗ trao cơ thể,
 Lợi lộc phương Nam hưởng cấp thời.
 Như tưởng lời khuyên còn hẹp bụng,
 Đạo đem đổi lộc dễ như chơi. (cười)
44. Như chơi lời nói rất kỳ khôi,
 Dem lộc mua Tiên thấy mấy hồi.
 Vùn vụt tiếng roi đưa nhấp nhoáng,
 Mờ mờ cảnh vật thụt thùi lui.
 Vỗ vai tiếng biểu coi suy nghĩ,
 Gây gỗ trí quên hết nhớ hồi.
 Thấy cảnh đẹp xinh điền đất rộng,
 Trái nằm giữa mặt giống tranh bồi.

45. Tranh bồi trước mặt kẻ kỳ hình,
 Bị đoạt lại rồi tính muốn xin.
 Hung bạo ngay gian lo lấy trộm,
 Nơn từ trọng sãi cứ làm thình.
 Giữa tờ sơn thủy vừa xâm cảng,
 Sa chiếc long chu đánh nát mình.
 Cối Bắc ồn ào nghe tiếng ré,
 Cho phun tên lửa bắn tiêu binh.
46. Tiêu binh cảnh vật hiện chơn hình,
 Thiên hạ thái bình, dứt chiến tranh.
 Thầy sãi ngồi ca kinh Cứu Khổ,
 Học trò xúm tụng kệ Huỳnh Đình.
 Trên đầu rục rở Vô Vi khí,
 Trước ngực sáng ngời huệ nhãn tinh.
 Tà quái sau lưng mang mắt vẽ,
 Đánh thoi bốn đạo cũng làm thình.
47. Thình không tiếng sấm nổ ùng ùng,
 Tà quái té nhào nhảy tứ tung.
 Sốt một yêu lời nằm sắp cật,
 Thêm hai tiểu quỷ đứng bên hông.
 Đứa cầm dùi đục, thằng nghiên mực,
 Cậu bận áo nâu, chú khố hồng.
 Thấy mắt lưng yêu toan đến gỡ,
 Bút linh chiến pháp hóa côn trùng.

- 48.** Côn trùng còn đoạt dạng nhọn duyên,
 Ngũ Bộ Lôi Công định sát liền.
 Sét đánh nát thân ra đất cát,
 Đồi mằng dứt giống kết oan khiên.
 NL : Xưa người chẳng sợ điều nghe lóng,
 Nay Phật cho xem cuộc nhẩn tiền.
 Ví biết vạn căn thường quả báo,
 Chưa vào Phật vị cũng Thần Tiên.
- 49.** Thần Tiên từ trước độ loài người,
 Ô trước nay gần sợ hổ người.
 Nam Nhạc cho xem hình trị thế,
 U Minh hiểu phỏng luật răn đời.
 Dứt lời vội vụt đôi roi phép,
 Hiện tượng liền sanh một cảnh trời.
 Trong núi xa xa nhà lối xố,
 Tòa mây Nam Nhạc ở trên khơi.
- 50.** Trên khơi nghe tiếng khóc pha cười,
 Có kẻ dị hình, kẻ tốt tươi.
 Quỷ dất Âm Ty thì rống khóc,
 Thần dìu Tiên cảnh lại reo cười.
 Bọn dân Địa phủ người đen nám,
 Tốp khách Thiên môn xác trắng ngời.
 Chồng thấy vợ thành, chồng chắt lưỡi,
 Vợ xem chồng hiển, vợ than trời.

(Viết tắt : NL : Ngũ Lôi).

- 51.** Trời cho thành dạng dễ chi đâu,
 Trước đến sông Ngân rửa sạch râu.
 Lò tạo lửa thiêu thân hết trước,
 Cảnh Minh sáng chiếu khí tinh màu.
 Nam Tào, đến học cho nhuần lễ,
 Bắc Đẩu, vào xin dạng phép hầu.
 Đắc lệnh Ngọc Hư châu Bạch Ngọc,
 Mới tường căn cội vị mình đâu.
- 52.** Minh đâu dạng dịp thấy như vậy,
 Xin phép xem tường phía hướng Tây.
 Xây trái Đài thần vừa rúng trở,
 Sấp lưng ai nấy cũng đều day.
 Kim Quang Điện Mẫu đi tuần tới,
 Văn Khúc Long Vương ở giữ ngày.
 Xách búa Lỗ Ban đương chỉ vẽ,
 Xây thành cảnh đẹp quá nên hay.
- 53.** Nên hay Thần phẩm xuống cùng lên,
 Dạy dỗ nhơn sanh phép Địa Tiên.
 Hồn trí ngao du trên đỉnh núi,
 Xác linh lao động cuối đầu triều.
 Thâu cơ Tạo hóa chưa vừa sức,
 Thủ máy Càn khôn gẫm đủ quyền.
 HP : Xứ đẹp người xinh giàu có lớn,
 Buồn trông ít thấy bực người hiền.

54.

NL : Người hiền trước có đức thương sanh,
 Nay đến cháu con ở chẳng lành.
 Vinh hiển hưởng thừa dư chút sót,
 Tội tình chất để đã nên thành.
 Chờ xem Thiên luật không tư kỷ,
 Mới rõ Thần minh chẳng vị tình.
 Vừa chỉ roi thân ra trước mặt,
 Cảnh vui đổi thảm thấy mà kinh.

55. Mà kinh vì thấy cửa nhà tan,
 Thành lũy thành ra đóng bụi tàn.
 Dưới đất trời lên thẳng Quỷ chúa,
 Trên trời khóc dậy lũ hồn oan.
 Đoạt gươm Điện Mẫu làm binh khí,
 Múa búa Lỗ Ban lập chiến tràng.
 Bảo cạp thành chiên đời tận diệt,
 Dời non đổi biển hại nhơn gian.

56. Nhơn gian đương chịu khổ đao binh,
 Thấy một nàng ra nói cứu mình.
 Áo kết trăm hoa, thân thể đẹp,
 Mão thùa muôn ngọc, mặt mày xinh.
 Dịu dàng tay mặt lằn râu chuối,
 Yểu điệu tay kia nắm tằm hình.
 Đưa tượng Bạch Mi ra hiển hiện,
 Chúng sanh xúm lại gọi chơn linh.

- 57.** Chơn linh gẫm cũng thật linh thay,
 Cái sắc tà tinh phép quá tài.
 Lũ quỷ đến nhìn thần trí loạn,
 Loài ma xem thấy tánh tâm say.
 Để chơn trên đất đen ra trắng,
 Ngó mắt đến người gái hóa trai.
 Giọng hát giọng đờn làm kệ sám,
 Phồn hoa xây lập khắp trong ngoài.
- 58.** Trong ngoài đã mãn tới đèn thờ,
 Nàng cũng không từ để bước nhơ.
 Ướm hỏi Thánh linh đâu vắng dạng,
 Mở lời miệng ngợ nói u ơ.
 Nam phương bay tới ngàn đầu cánh,
 Tây thổ trương lên một lá cờ.
 Chính giữa linh quang xem thấy Phật,
 Diệt nàng đuổi quỷ sửa Thiên thơ.
- 59.** Thiên thơ chưa rõ máy huyền vi,
 HP : Muốn hỏi sự sau việc tức thì,
 NL : Rằng muốn tỏ tường cơ bí mật,
 Phương nào thấy rõ phép tiên tri.
 Cửa quyền Tây Nhạc kia xem thử,
 Mặt luật Phong đô nọ phải tùy.
 Phú quý lợi danh đời gọi phước,
 Nào dè nguồn cội của ai bi.

- 60.** Ai bi giọng thảm kể vang vầy,
 Hồn kẻ bể đầu kẻ quẹo tay.
 Xúm kiện Long vương rằng ác nghiệt,
 Đều thưa Lôi Chấn ở không ngay.
 Thằng hờn đá đánh ông quan võ,
 Đứa giận ném quăng miếng chiến bài.
 Oan quỷ không ngừng la hét ó,
 Chữ CÔNG hiện sáng ngó nhãn mày.
- 61.** Nhãn mày lữ khác khóc rù rù,
 Trong đó có vài lão sãi tu.
 Mổ bụng độn vàng quăng phổi ruột,
 Nẻ đầu nhét sách ốm hình thù.
 Xương tàn sọ thúi gần người trí,
 Thuốc độc gươm trường cận đứa ngu.
 Giành giựt trước sau tranh giởi dở,
 Chữ DANH ngó đến mắt đui mù.
- 62.** Đui mù hiểm kẻ căng dò đường,
 Mò cát kiếm vàng thấy thảm thương.
 Cắt xẻ thịt người đem đổi báu,
 Sốt sang máu chúng đứng cân lường.
 Cần cù giấu của trong khuôn sọ,
 Lẩn bản tô nhà với bột xương.
 Nghĩ nhớ gia tài xưa khóc mãi,
 Trên đầu chữ PHÚ chiếu như gương.

63. Như gương nhiều kẻ đẹp xinh thay,
 Cũng đội mào cao mặc áo dài.
 Oan quỷ chạy theo đòi trả mạng,
 Cô hồn níu lại hỏi xin thầy.
 Trong đài các, thấy đầy xương chất,
 Ngoài áo mào, xem máu vấy đầy.
 Xẻ thịt quỷ ma làm tiệc lớn,
 Ánh lò a chữ QUÍ giọi vào ngay.

64.

HP : Ngay gian hai lẽ biết sao thông,
 Hình luật thiêng liêng mới giữ phòng.
 Một khuyết một đầy không đổ đủ,
 Một lui một tới khó cân đồng.
 Sang nhờ có khó, sang nên mặt,
 Khó chịu nường sang, khó bận lòng.
 Đòi tử sợi dây đôi kẻ kéo,
 Một đằng thâu dạng một đằng buông.

65. Buông là tại kẻ yếu cam đành,
 Đã phải tội gì, giới mạnh lanh.
 Ai cũng thủ thân nơi hỗn độn,
 Đòi là chiến trận lúc đua tranh.
 Dở hay nào để chờ thân chết,
 Bươn chải toan gìn vẹn kiếp sanh.
 Đã gọi trần hoàn là bể khổ,
 Nếu không lợi lặn tội trầm mình.

66.

TTTÔ : Trầm mình giải lý bất buồn cười,
 Nói ngược sao người chẳng hổ người.
 Thiên lý nếu không cho sống thác,
 Địa hoàn há dứt lập nên đời.
 Bởi thương sanh cậy chưa vừa ý,
 Vì ái chúng xin chẳng thuận lời.
 Nhơn mạng là Trời mình để chết,
 Để Trời phải chết há là chơi.

67. Chơi như tánh nét đĩa con ranh,
 Biết bánh là ngon cứ giứt giành.
 Chưa phải hột cơm thân sống thác,
 Ấy nhờ Thánh chất lượng cao xanh.
 Côn trùng giết chết còn ngăn cấm,
 Nhơn loại hại nhau há nữ đành.
 Tiên Phật độ sanh là chứng quả,
 Nên người trước đã mới nên mình.

68. Nên mình khá chọn kế chi nên,
 Cái kiếp nhơn sanh chớ tưởng bền.
 Thân tục lự gây hườn xá lợi,
 Cửa phù du đổi bửu thiêng liêng.
 Đọa căn lăm kẻ chê điều hậu,
 Đắc quả ít trang gồm sự tiền.
 Chưa dễ đeo lưng trăm mối nợ,
 Mà vào cho lọt cửa Thần Tiên.

(Viết tắt : TTTÔ : Thoàn Trượng Tiên Ông)

69.

HP : Thần Tiên đã hiểu chán đời rồi,
 Có biết cho người khó vậy ôi !
 Chẳng khác mắt mù đi cảnh tối,
 Cũng như mũi nghệt ngửi mùi hôi.
 Hơn thua lưỡi giáo chưa an đứng,
 Giả thiết đầu chông khó dễ ngồi.
 Ba vạn sáu ngàn ngày ví sống,
 Chung qui nào tưởng thoát luân hồi.

70.

TTTÔ : Luân hồi thánh ngữ để lưu truyền,
 Đời chẳng tin mà cũng chẳng kiêng.
 Năm đạo nhiệm mầu răn thế giới,
 Chín trời yếu trọng độ nhơn duyên.
 Lời lành dầu ghét ngơ tai điếc,
 Hình dữ cũng ngựa để dạ riêng.
 Đui điếc thiệt hơn tai mắt bít,
 Thà ngu hơn trí, ý không hiền.

71. Hiền lương thường đặn tác tâm linh,
 Quảng đại càn khôn hiệp tánh tình.
 Lỗi mọn mình làm thường tưởng trọng,
 Tội to kẻ lờ lại cho khinh.
 Chở che khách tục hay tha thứ,
 Yêu mến tăng đồ biết vực bình.
 Cứu chuộc lăm gương Tiên Thánh để,
 Liều thân cứu chúng dạ khăng thin.

72. Khăng thìn nhắc thế lại cho cân,
 Hòa giọt đau thương tắm khách trần.
 Nẻo đọa trầm luân đo chắc thước,
 Luật hình ngục điện sửa vừa phân.
 Giác mê thức tỉnh hồn căn cước,
 Cảnh tịnh dìu an kẻ số phần.
 Hễ thấy nhờn sanh còn thống khổ,
 Liễu thân nào nại phạm gian truân.

73.

HP : Gian truân thay chỗ phạm làm người,
 Oằn oại cuộc đời gánh hết hơi.
 Mình biết lấy mình tuy chẳng thẹn,
 Miệng chê nhớp miệng cũng ghê lời.
 Hình ma bóng quỷ trêu cay mắt,
 Cổ quái trí tà bọ xốn người.
 Bụng miệng máu rơi dầu nuốt giận,
 Tâm tu ghét tục thoát xa vời.

74.

LC : Dời qua Bắc hướng đặng xem qua,
 Mới rõ chánh kia chẳng nể tà.
 Tà chánh thế gian không đặt biệt,
 Chánh tà tâm nội có đâu xa.
 Khử tà, thân chánh, tà kiềng chánh,
 Phụ chánh, cận tà, chánh biến tà.
 Người có chơn hồn, hồn ấy mất,
 Muốn xem trước mắt ngó đâu xa.

(Viết tắt : LC : Lôi Công)

- 75.** Xa trông cảnh vật đã xây tròn,
 Bắc hướng dài ngừng thấy nước non.
 Động cũ Thần Tiên còn để dấu,
 Chùa xưa Phật tích nát hư mòn.
 Chắp kính Khổng sĩ Nho phong giỏi,
 Nắm nghiệp Đào quân mảy mảy khôn.
 Nẻo Thánh tuy quên tay dấy cỏ,
 Nền Văn miếu thấy khói hương còn.
- 76.** Hương còn bát ngát chốn Nam Giao,
 Thoạt thấy phong ba vụt thổi ào.
 Ngọn tháp chín rồng hư sát rạt,
 Ngoài bờ muôn quái dậy lao xao.
 Đảnh xanh lửa cháy phun muôn ngọn,
 Sông hắc nước lưng đặng một gàu.
 Trương cánh ba yêu ôm thế giới,
 Đều cầm mỗi đứa một chùm sao.
- 77.** Chùm sao khi tỏ lại khi mờ,
 Thấy ngọn cờ hồng gió phất phơ.
 Cõi ngoại reo vang quân dị quốc,
 Trong thành ong óng tiếng con thơ.
 Ruộng dâu giáo đóng dầy như giậu,
 Bể hoạn nước sâu dẫy quá bờ.
 Chộn rộn khó phân người với quỷ,
 Đền vàng người ngựa bóng u ơ.

HỘ PHÁP *Phạm Công Tắc*.

Đình Mão (1927)

PHU LUC ③

CAODAISME ou
Bouddhisme renové

Saint Siège de Tây Ninh

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
3è Amnistie de Dieu en Orient

RAPPORT

adressé par le SACERDOCE CAODAIQUE
à M. le PRÉSIDENT de la Commission d'enquête
dans les Territoires d'Outre-Mer et sa traduction.

Le Sacerdoce Caodaïste interrogé par vous sur la rénovation du système colonial français s'excuse tout d'abord d'être obligé de mêler un peu de mystique dans l'exposé de son point de vue; il s'en abstiendra néanmoins le plus possible de façon à toucher la masse des penseurs libres, et il les prie d'avance de lui concéder qu'une religion ne peut exister sans une croyance suprême.

Pour sa Défense, nous nous permettrons de rappeler ici que des hommes dont la valeur philosophique n'a jamais été contestée, tels que Allan Kardec, Léon Denis, ont cru aux mystères de l'Au-delà; et si nous citons ces noms connus, c'est parce que ce sont ceux qui en Europe se sont le plus rapproché des Doctrines Bouddhistes que nous pratiquons.

Dans l'ignorance presque complète, où le monde vit, de ce que les humains deviennent après leur mort;

Bản dịch Việt văn của Hội Thánh :

ĐẠO CAO ĐÀI hay
Phật giáo Chấn hưng
Tòa Thánh Tây Ninh

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Đại Ân Xá kỳ 3 của Thượng Đế ở phương Đông

TỜ PHÚC SỰ

của Hội Thánh Đạo Cao Đài gởi cho
Ông Chủ trưởng Ủy Ban Điều Tra
các Thuộc địa và bốn dịch văn.

Hội Thánh Đạo Cao Đài, nhờ Ngài hạch vấn, về duy tân chánh sách Thuộc địa Lang sa, xin trước kiếu lỗi cùng Ngài, chúng tôi buộc lòng phải đem pha lẫn điều bí ẩn huyền vi đạo giáo trong tổ chương đã kiến thức : Hội Thánh sẽ nhận bỏ một đôi điều hầu có thể hiệp ý cùng các vị tự do tư tưởng và xin các vị ấy cũng nhường nhận cho rằng : chẳng hề khi nào một nền tôn giáo thành lập mà không có sự cực kỳ tín ngưỡng.

Muốn bênh vực nó, chúng tôi mạn phép xin nhắc đến những người mà giá trị triết lý không còn phương chi từ chối đặng : Tỉ như Allan Kardec, Léon Denis mà cũng còn tin tưởng những điều bí ẩn của cỏi Hư Vô và nếu chúng tôi kể tên ra đây, là vì nơi cỏi Thái Tây, duy các danh nhưn ấy thiên lệch những tôn chỉ của Phật giáo mà chúng tôi đang hành đạo.

Trong sự mơ màng hầu trọn, nơi cỏi đời đang sống, nơi con người khi mãn phần thì phải thế nào, chẳng

quoi de plus défendable qu'une opinion discrète à la condition qu'elle ne tende pas à subjuger les autres.

N'est-il pas logique dans un monde où l'on a trop souvent l'occasion de voir les mauvais vivre heureux dans l'opulence, et les bons vivre dans la souffrance et dans la misère, de croire qu'un équilibre se rétablira au cours d'une autre vie ou de supposer que certains expient les fautes d'une vie antérieure ?

Notre conception de la justice, résultat de cet équilibre, se rassure à cette pensée; et si cet équilibre moral entre tous les êtres que nous appelons Justice, n'existait pas; ça n'est pas ce que nous voyons autour de nous dans la vie, qui aurait pu nous suggérer l'idée réconfortante de son existence.

La Foi en la Justice, c'est-à-dire dans un équilibre supérieur n'est donc pas vaine, et elle est génératrice du bien; car quel besoin aurait-on de faire le bien, dans tout ce qu'il a parfois de peu attrayant, si on ne devait pas en être récompensé ?

L'homme d'ailleurs ne peut vivre sans faire tous les jours des actes de Foi; il ne s'agit pas ici de la Foi religieuse, mais de la Foi tout court.

Les plus incrédules ne font-ils pas quotidiennement des actes de Foi, ne fit-ce qu'en lisant leur journal ?

Bien entendu, plus un esprit est éclairé, moins il a besoin de faire d'actes de Foi, mais néanmoins, comme le même être ne peut pas tout savoir; sur les points qu'il ignore, il est obligé de faire des actes de Foi vis-à-vis de ceux qui sont mieux renseignés que lui.

chi hay hơn là một luận thuyết kín đáo, chỉ xin luận thuyết ấy đừng đè nén các luận thuyết khác ?

Lẽ chí lý có phải chẳng trong một hoàn vũ mà ta có dịp thấy chán chường những kẻ tiểu nhơn sống với một phần sang trọng vinh hiển, còn người quân tử thì chịu khổ não truân chuyên, mà tưởng rằng sẽ có sự công bình thường bồi lại cho kiếp khác hoặc là có kẻ phải chịu quả báo của nợ tiền khiên ?

Về mặt nạp dụng công lý chúng ta, là do nơi sự công bình ấy mà sản xuất, với nhờ tư tưởng đó mà đảm bảo. Nếu chẳng có sự công bình và tâm lý ấy trong toàn thể mọi người mà chúng ta lại gọi Công lý thì Công lý chẳng hề ra hiện hữu. Điều đó chẳng phải người tu thấy xung quanh mình trong kiếp sống mà nó nhủ cho ta để ý lạc hứng hầu tin rằng nó quả có thật.

Cái Đức tin nơi Công lý, nghĩa là tin nơi sự công bình cao thâm chẳng phải là vô lối và nó làm cho sanh sản thêm điều tận thiện, vì thoảng như chẳng vậy thì chúng ta cần chi phải làm lành mà sự lành ấy đòi phen chẳng làm cho chúng ta hoan tâm, nếu không đặng hưởng một phần thưởng chi tất cả.

Con người chẳng hề sống trong một ngày mà không làm việc với Đức tin. Nơi đây chẳng phải nói về Đức tin đạo đức mà nói về Đức tin trơn thôi.

Những người vô tín ngưỡng, mỗi ngày họ có làm theo Đức tin của họ chẳng, chỉ nói họ đọc báo chương là đủ ?

Thầm hiểu rằng : một cái tánh đức sáng suốt chừng nào thì ít cần làm theo Đức tin chừng nấy; mà một người chẳng đủ toàn tri toàn năng, theo những nơi khuyết điểm của họ thì họ cũng còn phải buộc mình làm theo Đức tin của những người lịch lãm hơn họ.

L'ignorant, au contraire, fait des actes de Foi toute la journée et pendant toute sa vie.

Pourquoi, dans ces conditions, dénier la Foi religieuse et les mystères de l'Au-delà alors la plupart de ceux qui les condamnent ne les ont pas étudiés à fond, et que ceux qui s'adonnent à ces études ne s'y livrent souvent qu'accessoirement et ne possèdent à leur sujet qu'une documentation restreinte sur les travaux qui ont été faits avant eux.

Sans vouloir nous étendre davantage, nous dirons seulement que la Religion et la Foi dans l'Au-delà sont une nécessité pour le peuple; et que, plus un peuple est malheureux ou misérable, plus il a besoin d'espérer qu'une compensation lui est réservée pour plus tard et plus il a besoin de la conviction que cette compensation n'est pas un vain mot.

Le désespoir individuel mène au suicide; et le désespoir collectif à la révolution.

Le fait d'entretenir chez ceux qui souffrent cette consolation que leurs maux auront une fin, est donc une oeuvre de première nécessité; et il appartient à ceux qui sont plus éclairés et qui croient sincèrement à cette compensation, d'entretenir dans le coeur de ceux qui souffrent cet espoir qui adoucit leurs maux. C'est le rôle auquel nous nous consacrons.

Or, vous admettez avec nous que, si chez un peuple libre, cette espérance est déjà fort utile; chez un peuple colonisé, elle devient indispensable.

Hạng dốt nát, trái lại, làm theo Đức tin cả ngày và suốt cả đời.

Bởi những duyên cớ trên đây, sao lại chối Đức tin đạo đức và huyền vi bí ẩn nơi cõi Hư Vô, trong cơn phân đông nhiều kẻ đã chê bỏ nó mà chẳng chịu tìm hiểu cho tận cùng; còn những người chuyên môn học thuyết ấy thì chỉ làm cho lấy có và đặng nơi tay rất ít oi triệu chứng về công trình của người trước đã làm.

Chẳng cần bày bố cho dong dài, chúng tôi xin nói quyết : Đạo và Đức tin nơi cõi Hư Vô là một vật cần yếu cho dân sanh đó vậy. Hễ dân tộc nào càng khổ não hay là khốn đốn, thì họ lại càng cần phải trông cậy sự bù đắp dành để cho họ buổi sau kia và phải cần tin chắc rằng : sự bù đắp ấy chẳng phải là lời nói mộng.

Sự thất vọng của cá nhân giục phải tự tử và sự thất vọng của toàn thể giục làm cách mạng.

Cái sở hành làm cho trong tâm của mỗi người đang chịu đau đớn đặng bền giữ sự an ủi này là điều khổ não của họ có chỗ kỳ cùng, ấy là một cơ quan trọng yếu nhưt; và thuộc phận sự của những người sáng kiến là tin thật rằng có sự bù đắp ấy đặng bền để cái hy vọng nơi tâm những kẻ đau khổ hầu làm cho nhẹ bớt sự khổ não của họ, ấy là cái vai tuồng của chúng tôi đã định thi thố.

Vậy thì Thượng quan cũng phải chịu với chúng tôi rằng : đối với một dân tộc tự trị, cái hy vọng ấy rất nên hữu dụng, đối với một dân tộc bị chinh phục, nó lại thêm yếu trọng.

Étudions maintenant, si vous le voulez le rôle des religions dans la conquête de l'Indochine par la France.

L'histoire de la conquête et de la colonisation de ce pays a été écrite par de nombreux historiens, plus autorisés que nous, qui avaient à leur disposition des documents que nous n'avons pas, nous ne nous risquons pas à en reproduire ici une mauvaise imitation.

Mais puisque c'est le côté moral seul auquel nous nous attacherons, nous allons tenter de mettre en lumière les raisons profondes qui ont guidé les deux peuples dans une transformation de leurs rapports entr'eux jusqu'au point où nous en sommes arrivés aujourd'hui.

Nous n'étonnerions personne si nous disons que nous voyons dans cette histoire le contact de deux civilisations; pourquoi étonnerions-nous davantage en ne prenant de ces deux civilisations que l'essence même qui les a créées; c'est-à-dire en vous montrant qu'elles ne sont que le reflet de deux religions.

Les rapports de la France et de l'Annam s'ils sont en effet une lutte de deux civilisations en général, sont bien plus encore celle de deux religions qui se sont affrontées.

Ces deux religions sont : d'une par le Confucianisme, d'autre part le Christianisme.

La première : Religion aux principes de tolérance tellement large que sa morale s'en était

Nếu Thượng quan vừa lòng, chúng ta nên nghiên cứu ngay vai tồng các tôn giáo trong lúc nước Pháp sang qua chinh phục cõi Đông dương.

Lịch sử nói về sự chinh phục và thâm thủ xứ này làm thuộc địa do bởi nhiều sử gia đã viết trước, có đủ phương thế và đủ tài liệu sẵn để cho họ nghiên cứu, mà chúng tôi không có, nên dám mạo hiểm đem chương ra nơi đây một sự học đòi thô kệch.

Nhưng chỉ về mặt tinh thần mà chúng tôi chú trọng thôi, nên thử đem ra ánh sáng những lý lẽ thâm thúy nó đã dắt hai dân tộc đến sự biến hóa cùng nhau mà ngày nay đã đến đổi này.

Chúng tôi tưởng không làm cho một ai lấy làm lạ nếu nói rằng : chúng tôi thấy trong đoạn lịch sử này, sự tương hội của hai văn hóa; sao lại chúng tôi cũng làm cho thiên hạ lấy làm lạ hơn nữa là chỉ lấy cái tinh túy của hai văn hóa này đã sản xuất, nghĩa là chỉ cho Ngài rõ rằng : chúng nó thật là hình bóng của hai nền tôn giáo.

Sự tương hiệp của nước Pháp và nước Việt Nam, nếu chẳng phải đều do hẳn nơi sự tương tranh của hai nền văn hóa thì thật ra là do sự xung đột của hai nền tôn giáo.

Hai nền tôn giáo ấy : một đàng là Khổng giáo, một đàng là Thiên Chúa giáo.

Khổng giáo là một nền tôn giáo ở lý thuyết khoan hồng quảng đại đến đổi tinh thần đạo đức của nó

elle-même relâchée et qu'elle n'était plus une sauvegarde suffisante pour ceux qui la pratiquaient; laissant se perpétrer sans protester les pratiques mandarinales les plus condamnables, et n'offrant plus une protection assez sûre à ceux qui en subissaient les funestes effets.

Elle aboutissait à une sorte de farniente épicurienne, que rien ne venait réveiller en vue d'une activité dirigée vers le bien.

La seconde, au contraire, religion antinomique de la première, ardente, active, passionnée, jalouse, exclusive souvent même tracassière, n'admettant nulle perfection ailleurs que sous son étiquette, nulle Vérité ailleurs qu'en ses doctrines, exigeant l'apostasie préalable à tous ceux qui désiraient s'y convertir.

N'était-ce pas par ses caractéristiques une vraie religion de conquérant ?

Cette dernière allait entrer en lutte avec son aînée qui était appuyée d'un long atavisme, et qui allait, elle aussi, tenter de lui disputer ses prérogatives et son droit d'aînesse.

La lutte commençait.

On peut diviser cette lutte en trois périodes :

- a) La période antérieure et contemporaine de la conquête.
- b) La période de pacification.
- c) La période de collaboration.

phải chịu từ bỏ nó, và những người từng giáo thiếu phương che chở; rồi lại để cho duy trì, không phản đối những hành động tội tình của trường quan lại và chẳng còn cho những người đã chịu cái ảnh hưởng nguy nan của nó còn phương tự bảo lấy mình chắc chắn.

Nó đã đảo đến một cảnh nhàn lạc, vui hứng của Épicur mà không có một cơ chi làm cho nó tỉnh mộng hầu dạy hành động qua mặt tận thiện.

Thiên Chúa giáo trái lại, là một nền tôn giáo ngược danh với cái trước, sốt sắng hăng hái, mê mẩn, ganh gổ, độc quyền, đòi phen gây gổ, không chịu nhận nhìn cái hay của kẻ khác ngoài cái biệt hiệu của nó, không có điều chi gọi là chơn lý ngoài cái tôn chỉ của nó, lại buộc ai muốn từng giáo phải hành đạo mới đặng.

Do những cử chỉ ấy, quả chẳng là một tôn giáo chinh phục ?

Đàng này, liền khởi xung đột với đàng anh là Khổng giáo, đã dựa nương một cổ sử, lại cũng toan phương tranh đoạt danh thể và quyền lực của đàng anh.

Sự xung đột phát khởi.

Người ta có thể chia sự xung đột này ra 3 thời kỳ :

1. Thời kỳ trước và ngay buổi hỗn độn thâm phục.
2. Thời kỳ trị bình.
3. Thời kỳ hiệp tác.

PREMIÈRE STADE

Nous avons indiqué que le peuple d'Annam soumis à un Confucianisme trop tolérant et dont la morale était insuffisante à contenir les appétits de ses mandarins, ne trouvait plus de protection dans la religion de ces ancêtres. Il manquait au Confucianisme cette autorité qu'avait su imposer la Religion Chrétienne, à l'époque de la Monarchie absolue, lorsqu'elle faisait se courber les têtes couronnées sous l'excommunication ou sous la simple menace d'excommunication, et ce, souvent pour le plus grand bien du peuple français.

Jamais le Confucianisme n'avait eu de ces réactions audacieuses; il n'a jamais fait autre chose que d'appeler les hommes vers le bien par ses exhortations, sans menacer ni rejeter de son sein ceux qui ne se conformaient pas à ses doctrines.

Le résultat fut qu'un nombre important de malheureux, lassés d'une religion ancestrale qui ne les protégeait pas contre les abus de ses mandarins, écoutèrent l'appel des missionnaires catholiques qui enseignaient une autre morale également très belle; celle de Christ; et ils allèrent à elle avec d'autant plus de facilité qu'elle était plus agissante.

Les hauts représentants de cette nouvelle religion, - en se présentant au nom du Gouvernement français, - avaient d'ailleurs leurs entrées jusqu'à la Cour de Hué, par laquelle cette religion était autorisée et des avantages considérables avaient même été accordés à leurs missionnaires.

KHOẢN THỨ NHỨT

Chúng tôi đã chỉ rõ rằng : dân tộc Việt Nam đang theo Khổng giáo rất quảng đại, nên tinh thần của nó không đủ phương kèm thúc những điều tham tàn của trường quan lại, thành thử không tìm đặng sự bảo bọc trong tôn giáo của tổ phụ họ. Khổng giáo thiếu quyền năng của Thiên Chúa giáo đã hữu định, trong buổi vương quyền độc chiếm, khi nó đã làm cho các vua chúa phải cúi đầu dưới quyền trục xuất hay là hăm trục xuất ra khỏi Đạo, và lại đã làm cho dân tộc Pháp nhờ nhỗi biết bao.

Chẳng hề buổi nào Khổng giáo dám phản động mạnh bạo như thế, nó chẳng làm chi khác hơn là kêu gọi nhơn sanh vào đường chí thiện, bởi cách khuyên nhủ, không hăm dọa sa thải khỏi cửa Khổng những kẻ không trọn tòng tôn chỉ.

Kết cuộc, một số khá đông người bất phước chán ngán với tôn giáo của tổ phụ, bởi nó không thể bênh vực họ trong điều quá quyền của quan lại, rồi nghe những thầy truyền giáo của đạo Thiên Chúa dạy một giáo lý cũng vẫn tốt đẹp là Đạo của Christ, nên họ liền theo giáo lý ấy một phương cách dễ dàng vì bởi nó cần mẫn họ hơn.

Những vị thay mặt cao trọng của giáo lý mới mẻ này, nhơn danh của Chánh phủ Pháp, đến tận triều Nam và nhờ đấy mà Đạo đặng rộng phép và các thầy truyền giáo đặng ân tứ nhiều sở lợi vĩ đại.

Des Chrétientés avaient été ouvertes en maints endroits et ces domaines s'étaient transformés un peu en terre d'asile aussi, bientôt les néophytes vinrent-ils dans ces lieux pour se mettre à l'abri de leurs mandarins prévaricateurs.

Malheureusement, ce refuge qui servait de lieu de réconfort à l'Annamite pourchassé par la rapacité de ses mandarins, servait également de refuge à ceux qui cherchaient à se soustraire purement et simplement à des châtiments mérités; et la conscience publique annamite commença à s'émouvoir de ce que les Chrétientés permettaient parfois à des criminels avérés, d'échapper à la justice mandarinale qui les recherchait.

Des réactions sanglantes se produisirent contre les néophytes et leurs pasteurs : le sang coula. Il y eut des martyrs de la Foi Chrétienne et la France qui, à ce moment, était la fille aînée et reconnue de l'Église, entendit venger le sang de ses missionnaires; elle en profita pour faire la conquête d'une grosse partie de la Cochinchine et pour imposer son Protectorat à l'Annam.

C'était, en réalité, la guerre du Christianisme contre le vieux Confucianisme dénommé avec mépris "Paganisme".

Dans sa conquête, la France fut aidée en partie par les indigènes des Chrétientés.

Nhiều nhà chung dựng khai mở mọi nơi và những cơ nghiệp ấy biến thành Thánh địa, bởi cố, liền đó, nhiều kẻ từng giáo đến trú ngụ dựng tránh sự tham tàn của quan lại.

Hại thay, nơi làm chỗ đình trú cho những người Việt Nam bị quan lại tham tàn áp bức, lại cũng dùng làm nơi trú ngụ cho những kẻ trốn tránh tội tình đáng trừng trị, nên dân tâm người Việt Nam khởi ra sôi nổi rằng : các nhà chung che chở những chánh phạm thoát vòng công lý của các quan viên tập nả.

Nhiều phản động dữ dội khởi dậy lên đối với các tín đồ và các vị giáo sĩ : lưu huyết. Đã có tử đạo vì đức tin Thiên Chúa giáo và nước Pháp buổi ấy, vốn là trưởng nữ nhìn nhận của Đền Thánh, nhứt định báo thù sự lưu huyết của các vị truyền giáo, nên thừa cơ hội ấy, chinh thu một phần đất khá lớn nơi Lục Tỉnh và buộc nước Việt Nam từng quyền bảo hộ.

Thật ra là trận giặc của Thiên Chúa giáo chiến đấu với Khổng giáo, gọi nhục danh là : Bụt Thần.

Trong buổi chinh phục, nước Pháp nhờ thổ nhơn của nhà chung vừa giúp.

Mais si l'on veut y réfléchir : dans une période où la France et l'Annam étaient en guerre, les Annamites qui servaient ainsi la France étaient des gens qui n'hésitaient pas, pour leur intérêt personnel, à trahir célibérement leur Souverain en passant au service de l'ennemi.

Ils ne pouvaient tout de même pas être d'une moralité supérieure à la moyenne de ceux qui dont ce rôle ne choque pas la conscience.

Ce serait d'ailleurs une erreur de croire que le sentiment national n'existait pas chez le peuple annamite, tout le dément, et celui-ci, jusqu'à ces derniers temps, se plaisait à la représentation de scènes reproduisant les anecdotes des temps héroïques.

Tel fut le bilan de la première période qui opposa au vieux Confucianisme fatigué, un Christianisme actif, mais représenté par un élément annamite qui n'était pas de premier choix.

DEUXIÈME STADE : La pacification.

La France fut victorieuse, et de ce fait, l'autorité des Chrétientés augmenta de jour en jour, pendant que l'élément Confucianiste rétrogradait.

Les vieilles coutumes d'Annam ne s'étaient malheureusement pas modifiées, et les mandarins n'avaient pas changé leurs méthodes, néanmoins l'énorme majorité du peuple annamite restait cependant attachée malgré tout à ses traditions.

Mà nếu ai để ý suy nghĩ : trong buổi Pháp – Nam chiến đấu, những người Việt Nam ra giúp Pháp đều là hạng người vì tư lợi, không còn ngần ngại gì mà không phản Chúa của họ đặng theo kẻ nghịch.

Vậy thì, họ cũng không phải đặng một tâm đức cao thượng hơn những kẻ cho vai tuồng ấy là trái nghịch với lương tâm.

Nếu tưởng rằng quốc dân Việt Nam không có lòng ái quốc thì thật là lầm lạc đó, nhiều cơ tố trần và một cơ này, đến thời gian sau đây, họ đã diễn ra nhiều tấn tuồng theo những cổ tích hùng dũng buổi xưa.

Ấy là tổng số của thời kỳ thứ nhứt đem đối diện Khổng giáo xưa mỗi mê với Thiên Chúa giáo oanh liệt mà những người Việt Nam đứng ra làm danh thể cho nó không phải là hạng đúng mực chọn lựa.

KHOẢN THỨ NHÌ : Trị bình.

Nước Pháp đắc thắng, và vì lẽ ấy, quyền hành các nhà chung tăng thêm hàng buổi, trong cơn Khổng giáo thối bộ từ từ.

Hại thay, những cổ tục Việt Nam không thay đổi và quan lại cũng không canh cải chánh sách, nhưng phần đông của quốc dân vẫn còn đeo đuổi theo tục lệ xưa mãi.

Le Christianisme en effet exigeait le renoncement solennel aux croyances païennes; c'était grave ! Il fallait renier formellement l'autel de ses ancêtres et le culte séculaire qui leur était dû; pour aller se prosterner devant de nouveaux autels près desquels l'annamite ne cherchait un refuge que dans un but exclusivement intéressé.

Les cathéchumènes n'étaient certes pas trompés dans leurs espérances; car ils étaient dispensés de l'impôt, obtenaient des concessions et devenaient propriétaires, là où les autres n'étaient que fermiers ou coolies. Dès que surgissait une difficulté, leur missionnaire allait trouver les Résidents de France et tout s'arrangerait selon leur désir. L'intérêt de la Chrétienté étant avant tout de grouper des paroissiens riches et généreux.

C'est ainsi que, pour beaucoup l'apostasie fut l'origine de la fortune.

Par contre, la masse du peuple composée des braves gens fidèles à leurs traditions restait misérable et digne, se refusant à un reniement que leur conscience réprouvait.

La lutte se faisait donc de plus en plus âpre entre la nouvelle religion qui obtenait toutes les faveurs, bien que ses éléments ne soient pas dominés par une morale parfaite; (1) et l'autre qui essayait de lui tenir tête, bien que ses hauts partisans n'aient rien modifié à leurs méthodes rapaces.

(1) Cette qualification ne vise en rien, les Chrétiens de la seconde générations.

Thiên Chúa giáo thì buộc phải từ bỏ những sự tín ngưỡng ngoại đạo, ấy là điều trọng hệ. Phải từ chối hẳn đền thờ của tổ phụ và sự tế tự đã roi truyền, đặt đến quì lạy trước những đền thờ mới mẻ mà người Việt Nam chỉ vì mục đích tư danh tư lợi, tìm tòi đến đặt trốn lánh.

Những người giả đạo ấy không lầm trong sự hy vọng của họ, bởi vì họ đặt miễn thuế, đặt đất địa và trở nên gia chủ những nơi mà kẻ khác chỉ làm tá điền hay là làm tớ mà thôi.

Khi có điều gì khó khăn xảy đến, thì các Cha, Cố đạo đến lo với quan Công Sứ Pháp và mọi điều đặt hoan hỷ theo ý muốn của họ. Các nhà chung vụ tất sự tom góp theo mình những nhà đạo giàu có và quảng huật.

Vì vậy mà sự vào đạo là căn nguyên của quyền lợi.

Trái ngược lại, trong đám dân, phần nhiều gồm những người chơn chất và trung thành cùng tục lệ của họ thì chịu khốn khó, nhưng vẫn cao thượng, vì đã từ chối những điều mà lương tâm của họ biếm trách.

Sự tranh đấu lại con trở nên thúc nhặt giữa nền tôn giáo mới mẻ hưởng đủ đặc ân, dẫu rằng vi cánh của nó đều không trọn định bởi một tinh thần đạo đức hẳn hoi (1), còn đằng kia thì thử chường mặt chống chỏi, dẫu rằng những đảng phái của nó chẳng chịu sửa đổi chánh sách gian ngược.

(1) Câu này chẳng chỉ trích những người Thiên Chúa giáo đời sau.

Une telle rivalité n'avait plus rien d'une religion : la religion n'était plus qu'un mot, un prétexte, un drapeau, un signe de ralliement, dont l'idée morale absente ne laissait plus place qu'à une simple superstition.

N'y avait-il pas place à ce moment pour un culte rénové destiné aux braves gens, aux travailleurs sans épithètes et sans calculs, respectueux des souvenirs que leur avait légués leurs anciens, et qui, cependant étaient prêts à respecter l'enseignement du bien, partout où ils le rencontraient, à condition, pour cela, de ne pas être obligés de considérer comme abjecte, la religion dans laquelle ils étaient nés ?

Ceux-là n'avaient-ils pas besoin de la création d'un nouveau refuge moral plus approprié à leur état d'âme, d'une conception plus vigoureuse condamnant sous quelque forme qu'elle les rencontrât les appétits des uns et des autres, pour rester dans la morale élevée et pure.

C'est ce que plus tard le Caodaïsme a tenté, et on comprendra aisément qu'il a été dénoncé aussi bien par les Chrétiens auxquels il faisait un tort considérable, que par les mandarins bouddhistes dont il réprouvait les méthodes; mais n'anticipons pas, car il ne vit le jour que beaucoup plus tard.

Cuộc tương tranh đường ấy, còn chỉ rằng tôn giáo : tôn giáo chỉ là một khẩu thuyết, một viện lễ, một đại kỳ, một biểu hiệu hiệp đảng mà tinh thần đạo đức đã vắng, duy lưu lại đều là những sự dị đoan mê tín.

Vậy thì, trong khi ấy, không còn chỗ nào mà chấn hưng tôn giáo để cho hạng người chơn thật, hạng lao động không phiền hà và không so đo biết kính trọng những dấu tích xưa của tiền nhơn để lại, và họ cũng vẫn sẵn lòng kính trọng giáo lý tận thiện bất cứ là nơi nào họ gặp đặng, miễn là vì lẽ ấy không làm cho họ phải buộc mình coi Đạo nhà là thô hèn.

Có cần tạo cho những kẻ ấy một nơi đình trú tinh thần mới mẻ vừa theo tâm đức của họ mà tư tưởng mạnh mẽ chỉ trích cái hám tâm của đôi đảng bất cứ hình bóng khuôn khổ nào của nó mà họ đã gặp, hầu trọn gìn tinh thần cao thượng và thanh bai chẳng ?

Ấy là điều mà Đạo Cao Đài đã làm thử và người ta sẽ dễ hiểu rõ ràng : nó đã bị những người đạo Thiên Chúa tố giác là do nó làm cho họ thất phận rất nhiều, còn quan lại Phật giáo thì bị nó biếm trách những chánh sách gian ngược. Nhưng mà bây giờ chúng ta chẳng cần vội luận, vì Đạo Cao Đài sản xuất ra trong thời kỳ sau xa kia mà.

TROISIÈME STADE : La collaboration

Vint alors la troisième période : celle de la collaboration.

Ce mot fut prononcé un jour par M. Albert Sarraut, Gouverneur Général de l'Indochine dans un de ses discours; et il eut une repercussion jusque dans les coins les plus reculés des campagnes.

Le peuple annamite hésita à y croire; les colonialistes français retardèrent un peu sa mise en pratique, mais la sémence était jetée. Elle se mit à germer tout doucement, - trop doucement peut-être au gré du peuple annamite , - mais, des deux côtés, des hommes avaient entendu cet appel; et, intérieurement, ils y avaient aussitôt répondu.

Un membre du Conseil privé, aujourd'hui décédé, M. Lê Văn Trung, qu'en 1933, M. Albert Sarraut, Ministre des Colonies, a bien voulu appeler son ami du haut de la Tribune de la Chambre des Députés voulut que cet appel ne restât pas sans écho.

Longtemps, il chercha en vain la concrétisation du rêve que son Gouverneur Général avait fait naître dans son coeur; et , un jour, - beaucoup plus tard, - en faisant ce qu'en France vous appelez des recherches spirites, - il eut une révélation qui lui donna la solution du problème.

Cette collaboration qui semblait alors impossible, bien que promise par le Chef de la Colonie, il fallait, pour l'obtenir, arriver à concilier les deux civilisations orientale et occidentale,

KHOẢN THỨ BA : Hiệp tác

Đây đã đến thời kỳ thứ ba : là thời kỳ hiệp tác.

Tiếng hiệp tác này là của ông A. Sarraut, Tổng Thống Toàn Quyền Đông Dương đã thuyết ra trong một bài diễn văn của người và nó đã truyền hình đến tận cùng nơi thôn quê sần dã.

Quốc dân Nam ngần ngại không chịu tin, dân chinh phục Lang sa duy trì thực hành chủ nghĩa, nhưng mà hột giống ấy gieo xuống đã rồi, nó bèn khởi mọc một cách chậm lụt, chậm lụt tưởng lẽ theo sở hám của người Việt Nam mà đôi bên dân sanh đều nghe đặng tiếng kêu gọi ấy và nội tâm của họ đều vội vàng hưởng ứng.

Một viên chức nơi Thượng Nghị Viện, ngày nay đã qui liễu là ông Lê Văn Trung, người mà năm 1933, ông A. Sarraut, Tổng Trưởng Bộ Thuộc Địa buổi ấy, giữa Hạ Nghị Viện Pháp triều, đã gọi rằng bạn thân thiết của Ngài, muốn cho tiếng kêu gọi ấy đừng chịu lẽ đồng thanh bất tương ứng.

Hèn lâu, người đã hoài tâm tìm tòi đặng làm cho hiện tượng cái mơ mộng của quan Tổng Thống Toàn Quyền của người đã gieo trồng trong tâm lý, và một ngày nọ, người học theo phương cách của bên Pháp, gọi là Khảo cứu Thần Linh Học, người đặng một cái bí truyền cho người một phương giải xong toán pháp ấy.

Cái cơ quan hiệp tác đó tưởng thế nào cũng bất thành, dẫu rằng vị chúa tể của thuộc địa đã hứa, nhưng muốn cho đoạt đặng thì phải làm thế nào cho hai nền văn hóa Âu Á tương hợp cùng nhau,

et pour les concilier, il fallait unir deux religions qui s'affrontaient.

En théorie, cela semblait simple, car toutes deux se réclamaient d'une morale supérieure qui devait fournir un terrain d'entente admirablement préparé.

La morale de Confucius était si douce et si accueillante, et celle du Christ était si généreuse et si belle.

Rien, dans leurs principes, n'était en contradiction; mais hélas ! des deux côtés, la morale était passée au second plan, et l'intérêt au premier; aussi le problème s'avérait-il insoluble jusqu'au jour où l'on pourrait arriver à dire aux Bouddhistes : *“Suivez la morale du Christ.”* et aux Chrétiens : *“Venez collaborer dans le bien à l'ombre des doctrines douces et tolérantes de Confucius.”*

Le Beau et le Bien n'ont pas d'étiquette, donc pas de patrie, pas de religion qui puissent les revendiquer comme leur propriété; la morale divine est de la même espèce : elle est comme le soleil : Elle appartient à tous.

Donc, le jour où, tout en conservant leurs croyances et leurs pratiques ancestrales, si vénérées, une Religion nouvelle permettrait aux Annamites de pratiquer la morale du Christ dont l'appel à la fraternité leur était lancé au-dessus les mers par la France métropolitaine; le jour où, d'autre part, le conquérant s'imprégnerait de cette tolérance Bouddhiste vis-à-vis de ses semblables et ne prendrait plus

mà muốn cho nó tương hợp thì phải dung hòa hai nền tôn giáo đã xung đột.

Lấy theo lý thuyết, điều ấy tưởng là nghiêm nhiên, vì chừng đôi đảng đều trông cậy cho có một tinh thần đạo đức cao thượng đặng khai mở một hòa địa sẵn sàng dành để.

Cái triết lý của Khổng Tử thì dịu dàng và dung túng, còn triết lý của Christ thì khoan hồng và tận mỹ.

Trong cái chơn vi của hai nền tôn giáo ấy chẳng có chi phản khắc, mà hỡi ôi ! đôi đảng cũng vậy, tinh thần đạo đức thì ở sau, còn lợi lộc lại đứng trước, bởi cố mà toán pháp ấy khó giải quá chừng, mãi đến ngày nào mà người ta có thể nói với môn đệ đạo Phật rằng : *Phải tùng theo tinh thần đạo đức của Christ*; còn nói với tín đồ Thiên Chúa rằng : *Phải đến mà hiệp tác trong đường tận thiện dưới bóng của tôn chỉ dịu dàng và quảng đại của Khổng gia*.

Tận thiện và Tận mỹ không có nhãn hiệu, vậy thì không có quê hương, không có tôn giáo nào đặng tranh đoạt nó làm của riêng đặng, cái triết lý của Chí Tôn cũng vậy, nó cũng như ánh mặt trời, nó là của chung toàn thiên hạ.

Vậy ngày nào mà cả quốc dân Nam được giữ vẹn sự tín ngưỡng và sự hành đạo của tổ tiên họ để lại, đáng kính trọng và tôn sùng một nền Đạo mới mẻ nào cho họ có phép hành đạo theo tinh thần của Christ mà lời qui hiệp đại đồng của nước Pháp đã kêu gọi nơi cõi xa muôn trùng biển cách, ngày nào một đảng, dân chinh phục thấu đáo đặng cái quảng đại bao la của Phật giáo đối với đồng loại cùng mình và chẳng còn lấy

le mot “Autorité ” comme synonyme de “ Bien” et de “Vérité”, - ce jour là, la solution serait trouvée.

Il fallait donc arriver à une synthèse des deux religions en une doctrine rénovée ayant la tolérance du Bouddhisme; et la foi ardente du Christianisme; mais pour cela, il fallait les exorciser de cet esprit de lucre et de convoitise qui les avait envahies, et les réunir sur le plan de la morale pure dans ce que l'une et l'autre ont de beau, de noble et de désintéressé.

(Cao Dài = Cao : haute, Dài : église).

Sous l'influence de l' Homme-Dieu, le vieux Hué méprisant de jadis, s'intéresserait aux masses populaires; et sous l'égide de Confucius, l'autorité française tempérerait son absolutisme de tolérance bienveillante.

C'était le lien à établir entre l'Orient et l'Occident, l'Annam des Empereurs s'ouvrant délibérement aux idées républicaines et l'impérialisme français appliquant les lois sociales et humanitaires au peuple conquis.

C'était à la Religion la plus tolérante à accueillir la morale de l'autre; c'est donc celle de Confucius qui a ouvert sa porte toute grande au Christ et l'a installé sur ses autels.

Ce jour là, la Religion Caodaïque était née.

*

chữ “Quyền hành” như trùng nghĩa với “Tận thiện” và “Chơn lý” thì ngày ấy vấn đề khó khăn sẽ giải quyết đặng.

Vậy, chúng ta phải làm thế nào cho có sự dung hòa giữa hai nền tôn giáo hầu biến thành một tôn chỉ chấn hưng, có sẵn sự quảng đại bao la của Phật giáo và có sẵn sự tín ngưỡng sốt sắng của Thiên Chúa giáo, mà muốn cho cái xa vọng và tham tàn đã tràn lan đầy dẫy trong trí não họ tiêu tận thì phải khuyến giáo họ cần hiệp hòa trong một cảnh giới đạo đức tinh thần thanh bai trong sạch, nơi mà đôi đảng đều tìm đặng sự Tận mỹ, Cao thượng và Vô tâm.

(Cao Đài = đền thờ cao, đức tin lớn.)

Dưới quyền năng của Chúa Cứu Thế, kinh đô Huế cũ kỹ đã chệch bỏ lúc nọ, sẽ cần mẫn đến đám bần dân, và nơi bước của Khổng Tử, quyền hành của nước Pháp sẽ quảng đại nhân từ mà trừ bỏ cái tài độc chiếm.

Ấy là mối dây liên lạc giữa Á và Âu, nước Việt Nam của đế chủ sẽ mở rộng chủ nghĩa dân quyền, và đế nghiệp của Pháp triều sẽ thi hành dân luật và nhơn hậu cho quốc dân bị chinh phục.

Ấy vậy, nền tôn giáo nào quảng đại hơn phải nghinh tiếp cái giáo lý của đảng kia, vậy thì phần bên Đức Khổng Phu Tử phải mở rộng cửa nhà mình đặng rước Chúa Christ và đem để lên đồng bàn cùng Người.

Ngày ấy là ngày Đạo Cao Đài đã sản xuất.

*

Aujourd'hui un grand chemin est parcouru.

Longtemps persécutés nous avons résisté avec une patience obstinée, les yeux fixés sur la Métropole, certains que le Bien ne pouvait pas avoir le dessous.

Nous avons communiqué par la pensée avec nos frères de France; nous avons montré à nos adeptes leurs conceptions généreuses et altruistes, et nous avons eu le bonheur récemment de sentir petit à petit la réalisation et l'application de leurs doctrines.

Nous pouvons dire que le peuple annamite est intégralement conquis aux idées françaises; et ceux même, qui ont l'air de se dresser contre le Gouvernement, vous accueillent encore avec votre signe de reconnaissance, comme s'ils venaient à vous en chantant votre hymne national, et en déployant les plis du drapeau français.

Les Caodaïstes ne prennent pas part à ces démonstrations; ce sont des gens calmes qui s'abstiennent de manifestations politiques.

Mais ils sont là pour vous renseigner et pour vous dire : ceux qui semblent ainsi protester ne sont pas vos ennemis irréductibles et un jour vous arriverez à les convaincre.

Actuellement vous parlez déjà le même langage, mais vous avez encore à vous mettre d'accord sur le sens des mots; car ce langage n'est peut-être pas prononcé d'une façon impeccable des deux côtés.

Ngày nay con đường khá dài đã trải qua.

Hèn lâu bị bắt buộc, nhưng chúng tôi ráng chống chỏi với một sự nhấn nại bền bỉ, mắt ngó lom lom Mầu quốc và hiểu chắc rằng : cái Tận thiện chẳng lẽ phải chịu hạ mạt hoại.

Chúng tôi thường thông công, về mặt tư tưởng, cùng các bạn chúng tôi bên Pháp triều; chúng tôi chỉ cho cả tín đồ của chúng tôi hiểu biết trí định như hậu và phi phạm của họ, và chúng tôi lấy làm hân hạnh vừa rồi hiểu đặng mãi mãi chút ít kết liễu và sự thật hành tôn chỉ của họ.

Chúng tôi đặng nói rằng : Cả quốc dân Việt Nam đều bị trọn vẹn tư tưởng Lang sa thâm phục; còn những kẻ, dường như chống chỏi nghịch với chánh phủ thì cũng vẫn còn hoan nghinh với dấu hiệu tương thân của các Ngài, chẳng khác nào như họ đến cùng các Ngài mà khải ca quốc thiều các Ngài và trương cờ cờ nước Pháp làm niêu hiệu.

Những tín đồ Cao Đài chẳng chịu chung hợp vào các phương ấy vì họ là hạng người bình tịnh nên từ nan những cuộc biểu tình quốc sự.

Mà họ đã có đầy đặng chỉ vẽ cho các Ngài và nói cho các Ngài hiểu rằng : những người dường như phản đối chẳng phải kẻ nghịch hản của các Ngài và một ngày kia các Ngài sẽ có thể thâm tâm họ đặng.

Hiện nay, các Ngài đã đồng ngôn ngữ với họ, các Ngài duy làm cho phù hợp nghĩa lý của lời nói, vì chúng cái ngôn ngữ đôi đảng chưa có thuyết minh ra thật trúng diệu.

D'un côté, il est encore un peu trop mélangé de tournures annamites, - d'idiotisme comme vous les appelez, - qui entachent le génie de la langue de se manifester.

De l'autre, il est peut-être encore un peu trop mêlé de l'argot qui lui a été légué par les troupes de la conquête.

Mais déjà, nous sommes arrivés à un point où l'on ne peut plus ne pas se comprendre que si on ne le veut pas.

Petit à petit sous votre influence, le langage pur et châtié de la Métropole s'imposera à tous; les fonctionnaires français et indigènes le parleront, et leurs administrés y répondront avec la même pureté.

Si, à ce moment, il y a quelques dissidents, ce seront leurs compatriotes eux-mêmes qui sauront en faire justice.

Il est d'ailleurs une chose que tout Annamite instruit n'ignore pas, et que nous savons le lui rappeler au besoin; c'est qu'il s'est formé, petit à petit dans la jeunesse annamite une classe d'élite, qui, par ses études françaises, et même ses diplômes obtenus dans la Métropole, à tout à perdre dans une modification du pays colonisateur, et pour laquelle le changement de langue officielle serait une catastrophe.

Cette classe ne va pas se sacrifier à une poignée d'extrémistes qui ont appris une langue étrangère.

Một đàng thì còn pha lẫn ý tứ Annam mà các Ngài gọi là ngôn ngôn; nó báo cho khẩu tài không thể biểu diễn ra đặng.

Còn một đàng thì có lẽ còn chất chứa một phần tục ngữ của đám chinh quân lưu lại.

Mà rồi chúng ta đã đáo đến một mực mà nếu còn nói rằng : không hiểu nhau nữa là tại chúng ta không muốn hiểu.

Dưới tài cảm hóa của các Ngài, ngôn ngữ đặc sắc và oai quyền của Mẫu quốc sẽ làm cho cả thầy đều từng theo một ngày một ít; hàng quan lại lang sa và bổn quốc sẽ cùng nói và toàn dân cũng sẽ trả lời một cách rõ rệt hẳn hoi.

Thoảng đến chừng ấy, mà còn một ai phản loạn thì chính những người đồng hương của họ sẽ rõ thông mà xử đoán.

Có một điều mà những bậc hữu học của quốc dân Nam không thể không hiểu và khi gặp dịp thì chúng tôi sẽ nhắc nhở đến là trong hạng thanh niên VN đã phát sinh ra lần lần một hạng dân trí học theo văn hóa Lang sa và đặng những cấp bằng tốt nghiệp đã thâm thủ bên chánh quốc, sẽ chịu trọn bề thất bác khi quốc gia chinh phục đời và nếu thay đổi quốc văn thì là điều đại hại cho họ.

Hạng dân trí này, chẳng lẽ để mình chịu thiệt thòi cho một phần ít hạng cấp tiến đã học ngôn ngữ tha bang vui hưởng.

Quant à ceux qui rêvent d'indépendance, ils trouvent dans la guerre sino-japonaise une rude leçon, et ceux qui raisonnent, apprécient à sa haute valeur la paix que nous assure la France.

Ils savaient que, s'il fallait que l'Indochine pourvoie seule à sa sécurité, elle ne pourrait jamais se défendre contre un ennemi de l'extérieur au prix où sont les armements. Ils se rendent compte que si la France n'était pas là avec son admirable armement, et son autorité mondiale pour les préserver de ce fléau, le peuple ne travaillerait plus que pour les fabriques de guerre, sans pouvoir aspirer à aucun bien être.

Nos Caođaistes savent tout cela, nous le leur enseignons et ils comprennent que, dans ces conditions, le poids qu'ils supportent, doit leur paraître léger.

Telle est notre morale, tel est notre but à atteindre, tel est notre idéal.

NOS DÉSIDERATA :

Notre voeu le plus cher est que la France d'Outre-mer soit à l'image de la France Métropolitaine; elle se transforme d'ailleurs chaque jour sous l'action bienfaisante de celle-ci, et tout notre effort tend à ce que cette évolution soit remarquée et comprise de nos compatriotes.

Un autre voeu plus personnel, mais qui seconderait l'influence française est que, dans notre tâche,

Còn những kẻ mơ mộng độc lập thì đã tìm đăng một bài học rất khắt khe trong trận Hoa-Nhật chiến tranh và những người biết suy nghĩ thì coi như sự hòa bình của nước Pháp bảo đảm là trọng giá.

Họ sẽ hiểu rằng : với giá mắc của đồ binh khí đương thời, nếu xứ Đông dương tự mình gìn giữ đặc an thì chẳng hề khi nào đối thủ lại kẻ nghịch ngoại bang xâm lấn. Họ sẽ tự nhận rằng nếu không có nước Pháp với quân bị phú cường và oai quyền toàn cầu đăng gánh vác cho họ thì quốc dân sẽ làm mọi cho các xưởng binh khí chớ không mong mỗi hưởng đăng một điều hạnh phúc nào tất cả.

Tín đồ Đạo Cao Đài chúng tôi đồng biết điều ấy, chúng tôi sẽ dạy và cho họ hiểu rằng : trong các điều kiện này, cái gánh của họ đã mang thật ra nhẹ nhàng lắm đấy.

Ấy là trí ý của chúng tôi, ấy là mục đích của chúng tôi đáo đến, ấy là cái thượng đạt của chúng tôi.

Những điều ước vọng của chúng tôi :

Cái nguyện vọng yếu thiết của chúng tôi là Pháp triều hải ngoại biến thành như hình chánh quốc. Nó sẽ thay tướng mỗi ngày dưới tài hành động hay ho của Mẫu quốc và cả lực lượng của chúng tôi chú trọng về sự tăng tiến này làm thế nào cho các đồng hương chúng tôi thấy đăng và hiểu đăng.

Một nguyện vọng riêng nữa mà nguyện vọng này liên hiệp với tài cảm hóa Lang sa là, trong phận sự của

nous ne soyions pas mis en état d'infériorité vis-à-vis des autres religions; car nos fidèles peuvent être induits en erreur sur la sincérité de nos sentiments charitables dans l'impossibilité où nous sommes de les manifester.

En effet, enseignant une morale toute de charité, il nous est interdit de pratiquer cette charité.

Il y a quelques années, ignorants des lois françaises applicables à l'Indochine, nous avons conçu et réalisé un hospice pour les vieillards, une crèche pour les enfants, un artisanat pour les adultes et les sans travail, et par mille moyens, nous avons tenté de soulager nos frères qui avaient besoin de notre concours.

Nous avons alors été poursuivis devant les tribunaux, et nous avons appris à nos dépens que la Charité était un Monopole d'État, ou, tout au moins un privilège qui n'était donné qu'à certains.

Cette application de la loi heurte le vieux Confucianisme si tolérant; et c'est notre principal obstacle pour propager les idées et leur conception simpliste du Bien, qui ignorent Machiavel, et n'ont aucune conception de la Raison d'Etat.

A leurs yeux, il y a quelque chose qui heurte leurs sentiments de justice, lorsqu'ils voient que les Catholiques peuvent se répandre en oeuvres de

chúng tôi khỏi bị khuất nhục đối với các nền tôn giáo khác, vì cả người tòng giáo có thể bị quấy tưởng rằng lòng phước thiện của chúng tôi không chơn thật bởi không thể biểu diễn nó ra đặng.

Đã trải qua mấy năm rồi, vì không hiểu luật pháp Lang sa thi hành nơi cõi Đông dương, chúng tôi nong nả lập một Dưỡng lão đường, một Ấu trĩ đường, một cơ quan công nghệ cho hạng trai tráng và thất nghiệp và tìm muôn chước mong nâng đỡ các bạn chúng tôi, vì họ cần cho chúng tôi vừa giúp.

Chúng tôi đã bị buộc tội ra trước tòa án, và vì riêng chịu hại mà đặng hiểu rằng : Phước Thiện là điều độc chiếm của quốc gia hay là riêng để cho một phần người thôi.

Sự thi hành luật pháp này phản khác với tôn chỉ cũ kỹ, quảng đại của Nho giáo và cũng là cái trở lực làm cho chúng tôi không thể tuyên truyền tư tưởng Pháp triều cho những hạng người chơn chất đến chúng tôi với tấm lòng chơn thật và trí ý đơn giản trong điều Tận thiện. Họ không quen với Machiavel (1) và họ cũng không hiểu cái ý định của lẽ quốc chánh là gì ?

Trước mắt họ, có hiển nhiên nhiều điều nghịch hẳn với tâm lý công bình của họ, khi đã thấy những kẻ tòng giáo Gia Tô đặng bày bố các

(1) Mưu thần của Ý Đại Lợi, nghĩa là xảo trá và gian ngược.

Charité pour lesquelles ils reçoivent même des subventions, et que le Caodaïsme qui ne poursuit qu'un but de fraternité, et n'agit qu'avec ses modestes ressources, n'a pas même le droit de s'adonner à des oeuvres d'entr'aide mutuelle, si nécessaire aux pauvres gens, - parce qu'il lui manque la personnalité.

Nos ressources mêmes sont paralysées dès leur naissance, car le Caodaïsme ne peut rien posséder en propre, n'étant pas reconnu, et n'ayant pu fonder encore une association culturelle pour gérer ce qu'il possède.

Songez à la vertu et à l'honnêteté qu'il faut à un individu souvent de condition modeste pour résister à la tentation de déclarer “ **Tout ceci est à moi** ” – et devenir aussitôt propriétaire de ce qui est à son nom, - alors qu'il sait que nous ne pourrions même pas tenter contre lui une action en justice.

Nous souhaitons ardemment voir cette infériorité disparaître et être autorisés à fonder une association culturelle au nom de laquelle seront mis les biens qui nous permettent d'aider les malheureux.

Nous aurons alors plus d'autorité pour parler de la générosité de la France, montrer que les morales Chrétienne et Confucéenne ne sont pas en opposition, et que les doctrines françaises, bien appliquées, concourent au développement et au bonheur du peuple annamite, évolution que celui-ci n'aurait jamais pu obtenir de l'apathie de ses Souverains.

cơ quan Phước Thiện mà lại đặng nhờ chánh phủ trợ giúp, còn Đạo Cao Đài đeo đuổi theo mục đích đại đồng và sự hành tàng với nguyên liệu hẹp hòi của họ mà cũng không đặng quyền lập cơ thể tương trợ lấy nhau, rất cần yếu cho những kẻ nghèo hèn, là vì Đạo thiếu quyền chủ sản (Personnalité civile).

Những huê lợi của chúng tôi đã bị phá tán ngay khi nó mới nảy sanh ra, vì Đạo Cao Đài chẳng đặng làm chủ sản nghiệp chi của nó, chưa đặng nhìn nhận về chánh thể và cũng không tạo đặng một hội giáo hầu làm chủ sản nghiệp.

Kể một người phẩm giá thường tình mà chống chỏi với dục tâm, có thể khai quyết rằng : **“Cả của cải này là của tôi”** và đặng làm chủ vĩnh viễn gia nghiệp của họ đứng tên, khi họ đã hiểu chúng tôi không có phương nào buộc tội họ trước tòa án thì mới để tin sao đặng ?

Chúng tôi cầu xin thiết yếu cho điều khuất nhục ấy tiêu hủy và xin đặng phép lập một hội giáo rồi lấy đó đứng làm chủ sản nghiệp đặng dùng để cứu giúp kẻ nghèo hèn.

Chừng đó, chúng tôi sẽ có đủ quyền nói đến lòng nơn hậu của Pháp triều và bày tỏ ra rằng tinh thần Thiên Chúa giáo và Nho giáo không có phản khắc cùng nhau và tôn chỉ Lang sa, nếu thật hành cho chánh đáng thì giúp hay cho sự mở mang và điều hạnh phúc cho quốc dân Nam Việt. Sự tăng tiến này, quốc dân Nam chẳng hề trông nơi vương quyền bạc nhược của họ mà có đặng.

Donnez nous les moyens de poursuivre notre idéal qui est le vôtre, et ne nous laissez pas en état d'infériorité même dans les pays de Protectorat, où notre influence religieuse combat la corruption qui y s'évit encore.

Ça n'est pas le Souverain qui ne veut pas de notre doctrine, ce sont les fonctionnaires prévaricateurs qu'elle condamne, qui s'insurgent contre elle et tendent à entraver son heureuse influence.

C'est le vieil Annam des mandarins d'autrefois, c'est le vieux pays Khmer avec ses habitudes centenaires qui sentent toute la valeur morale de nos enseignements, et dont les fonctionnaires s'irritent à la pensée des petits profits qu'elle leur fera perdre, ça n'est aucunement le Souverain lui-même qui a toujours voulu sincèrement que son peuple soit heureux.

Autour de nous sont groupés en effet les travailleurs de la terre, les modestes commerçants, les braves gens sans intrigues, ceux qui veulent le bien pour le bien et qui n'aspirent qu'au fruit de leur labeur; ceux qui poursuivent leur vie “ **sans espoir de duchés ni de dotations** “ pour reprendre le mot d'Edmond Rostand; mais, qui, ne cherchant point les faveurs, voudraient au moins conserver ce que leur travail leur a acquis.

Ce sont les mêmes que ceux qui ont refusé de renier la foi et le culte de leurs ancêtres, malgré les avantages que cela pouvait leur procurer; ce sont également ceux qui vénèrent le bien, d'où qu'il vienne,

Xin cho chúng tôi có phương pháp đặng đeo đuổi theo thượng đạo của chúng tôi tức là cái thượng đạo của các Ngài đó vậy, và đừng để cho chúng tôi chịu khuất nhục, dầu trong xứ bảo hộ cũng vậy, là nơi mà Đạo của chúng tôi đã cảm hóa đặng chiến đấu với sự tham tàn đương nhiên thành hại.

Ấy chẳng phải nhà vua không muốn tôn chỉ của chúng tôi, mà tại các tham quan ô lại bị nó chỉ trích, nên xung đột chiến đấu đặng làm cho ngăn trở cái tài cảm hóa của nó.

Ấy là Việt Nam tối cổ của quan lại buổi xưa, ấy là xứ Cao Miên cũ kỹ với tục lệ lâu đời đã hiểu cả giá trị tinh thần giáo lý của chúng tôi, mà do các quan lại phát nộ, e cho thất phát tiểu lợi của họ. Thật chẳng hề khi nào phải chính nhà vua, vì nhà vua cũng thường muốn cho cả quốc dân mình đặng hưởng hạnh phúc.

Chung quanh chúng tôi, xúm xít những hạng lao động về đất điền, hạng thương nhưn nho nhỏ, hạng người chơn thật chẳng biết mưu chước là gì, hạng người duy biết lành gọi là lành và chỉ trông mong nơi kết quả của sự làm lụng của họ; hạng đã đeo đuổi theo sự sanh hoạt “không trông công danh mà cũng không trông lợi lộc” tả theo lời của Edmond Rostand; tuy họ không có tìm kiếm cái đặc ân nào, duy ít nữa muốn gìn giữ đặng cả của cải do bởi công trình làm lụng của họ.

Ấy vốn là những người đã không chịu từ bỏ đức tin và thờ phượng tổ phụ của họ, dầu rằng nhiều sở lợi họ có thể thủ, ấy cũng là những hạng người mà họ trọng kính sự phải bất cứ nơi nào mà đến,

et auraient considéré comme une mauvaise action de rejeter loin d'eux une morale élevée et pure qui avait sa place à côté de la leur.

Pour la réalisation de ces réformes, nous faisons, comme pour le reste, la plus absolue confiance à la Nation française, son histoire à la tête de la civilisation justifie ce sentiment, et nous attendrons avec patience la fin de l'épreuve de probation à laquelle elle nous a soumis et dont les résultats heureux ne lui sont peut-être pas toujours intégralement signalés.

Elle se rendra alors compte que c'est elle qui retire le premier bénéfice de l'essor qu'elle nous donne, et, à ce moment, elle regrettera d'elle-même le retard qu'elle a mis à nous tendre ouvertement la main.

Fait au Saint-Siège Caodaïque de TâyNinh.

(Le 12 Novembre 1937)

Signé : **PHẠM CÔNG TẮC**

Supérieur du Caodaïsme ou Bouddhisme rénové.

và kể cho rằng : xa lánh một giáo lý cao thâm và tinh khiết có thể gần gũi cùng Đạo nhà của họ là một điều thất đức.

Muốn làm cho ra hiện tượng những phương cải cách ấy, chúng tôi định, cũng như mọi việc khác, là duy để tín nhiệm trọn vẹn nơi Pháp triều vì lịch sử của Pháp đã đứng đầu văn hóa, quyết định lẽ này, và chúng tôi trông đợi với tấm tình nhân nại cho qua đổi khảo đảo thử thất chúng tôi, và những điều liễu kết hay ho đã thành tựu, e cho không thường trọn khai cho Pháp triều hiểu thấu.

Chừng ấy nước Pháp sẽ nhìn nhận chắc rằng : do nơi tay của nước Pháp thâm hồi đặc ân trước nhưt theo đường tấn hóa ban cho chúng tôi và trong cơn ấy nước Pháp sẽ ân hận lấy mình là trễ rộng đưa tay mà diu đỡ chúng tôi đó.

Lập tại Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh.

(Ngày 12 tháng 11 năm 1937)

Ký tên : **PHẠM CÔNG TẮC**

Giáo chủ Đạo Cao Đài hay Phật giáo Chấn hưng.

MỤC LỤC

Mục lục

Bài	Ngày	Nội dung	Trang
1	14-2-Mậu Thìn (dl 5-3-1928)	-Hội Thánh là gì ? Đạo là gì ? Ngũ Chi – HTĐ – CTĐ – BQĐ.	7
2	(không ngày)	-Ngũ Chi Đại Đạo.	26
3	15-7-Nhâm Thân (dl 16-8-1932)	-Chơn truyền của ĐĐTKPĐ : Đạo là gì ? Trời là ai ? Thuật lại bài thi pháp văn của V.Hugo.	37
4	15-8-Quý Dậu (dl 4-10-1933)	-Bổn thiện.	95
5	11-7-Bính Tý (dl 27-8-1936)	-Thuyết đạo tại Kim Biên : Mật thiết Triết lý của Đạo CĐ.	153
6	16-10-Bính Tý (dl 29-11-1936)	-Đức Hộ Pháp nói chuyện với thợ hồ đang xây cất Tòa Thánh.	159
7	15-7-Đinh Sửu (dl 20-8-1937)	-Thuyết đạo trong lễ Khánh Thành TT Kim Biên : Linh Tâm.	170
8	14-10-Đinh Sửu (dl 16-11-1937)	-Nhơn lễ kỷ niệm Đức Q. Giáo Tông : Luật Thương yêu.	179
9	15-10-Đinh Sửu (dl 17-11-1937)	-Thuyết minh trong Ba Hội lập Quyền Vạn Linh.	185
10	22-6-Mậu Dần (dl 19-7-1938)	-Tại sao có Tam giáo rồi, Đức Chí Tôn còn khai ĐĐTKPĐ ?	199
11	25-6-Mậu Dần (dl 22-7-1938)	-Đắc đạo hay không là do công quả phổ độ nhơn sanh.	202
12	26-6-Mậu Dần (dl 23-7-1938)	-Tại sao thờ Thiên Nhãn ?	204
13	26-6-Mậu Dần (dl 23-7-1938)	-Tại sao thờ Tam Trấn và cất nghĩa mỗi Trấn.	206

Bài	Ngày	Nội dung	Trang
14	1-7-Mậu Dần (dl 27-7-1938)	-Tại sao Đức Chí Tôn không giáng bằng xác thân, lại giáng bằng huyền diệu cơ bút ?	209
15	1-9-Mậu Dần (dl 23-10-1938)	-Vấn đề Đạo đạo.	211
16	15-9-Mậu Dần (dl 6-11-1938)	-Vấn đề Chơn pháp.	213
17	1-12-Mậu Dần (dl 20-1-1939)	-Đức Chí Tôn lập ĐĐTKPĐ để làm cơ quan Chuyển thế.	215
18	3-3-Kỷ Mão (dl 20-4-1939)	-Chơn tướng Nho tông : Nhơn Nghĩa.	218
19	22-10-Kỷ Mão (dl 2-12-1939)	-Khai mạc Đại Hội PhướcThiện tại Khách Đình Tòa Thánh.	220
20	29-5-Canh Thìn (dl 4-7-1940)	-Tích : Lý Trường Canh và Lý Ngư Tinh (con cá ông).	226
21	(không ngày)	-Giải nghĩa Thất Đầu Xà.	227
<p>PHỤ LỤC :</p> <p>* Phụ Lục ① : - Đức Hộ Pháp xuất chơn thần lên CLTG gặp chơn linh Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh.</p> <p>* Phụ lục ② : - Thiên Thai kiến diện (1927)</p> <p>* Phụ lục ③ : - Tờ Phúc sự của Hội Thánh gửi ông Chủ Trưởng Ủy Ban Điều Tra thuộc địa của Pháp. (song ngữ Pháp-Việt).</p>			<p>234</p> <p>238</p> <p>264</p>

Hết

Chúng tôi trình bày tài liệu **DIỄN VĂN và THUYẾT ĐẠO (1928-1940)** của **ĐỨC HỘ PHÁP** theo bản in năm 2002 - Nhâm Ngọ của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

Chân thành cảm ơn hiền huynh V.T. cung cấp bản in (soft- copy) tài liệu nguyên gốc của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

CĐEB